

THƠ VĂN LÝ — TRẦN
TẬP III

THƠ VĂN LÝ — TRẦN
TẬP III

BIÊN SOẠN :

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH — PHẠM ĐỨC DUẬT — TRẦN NGHĨA
TRẦN LÊ SÁNG — ĐÀO THÁI TÒN
NGUYỄN ĐỨC VÂN* — NGUYỄN ĐỨC VỸ*

CHỈ ĐẠO VÀ DUYỆT :

ĐẶNG THAI MAI — CAO XUÂN HUY

ĐỌC LẠI BẢN THẢO :

HOÀNG TRUNG THÔNG — NGUYỄN VĂN HOÀN



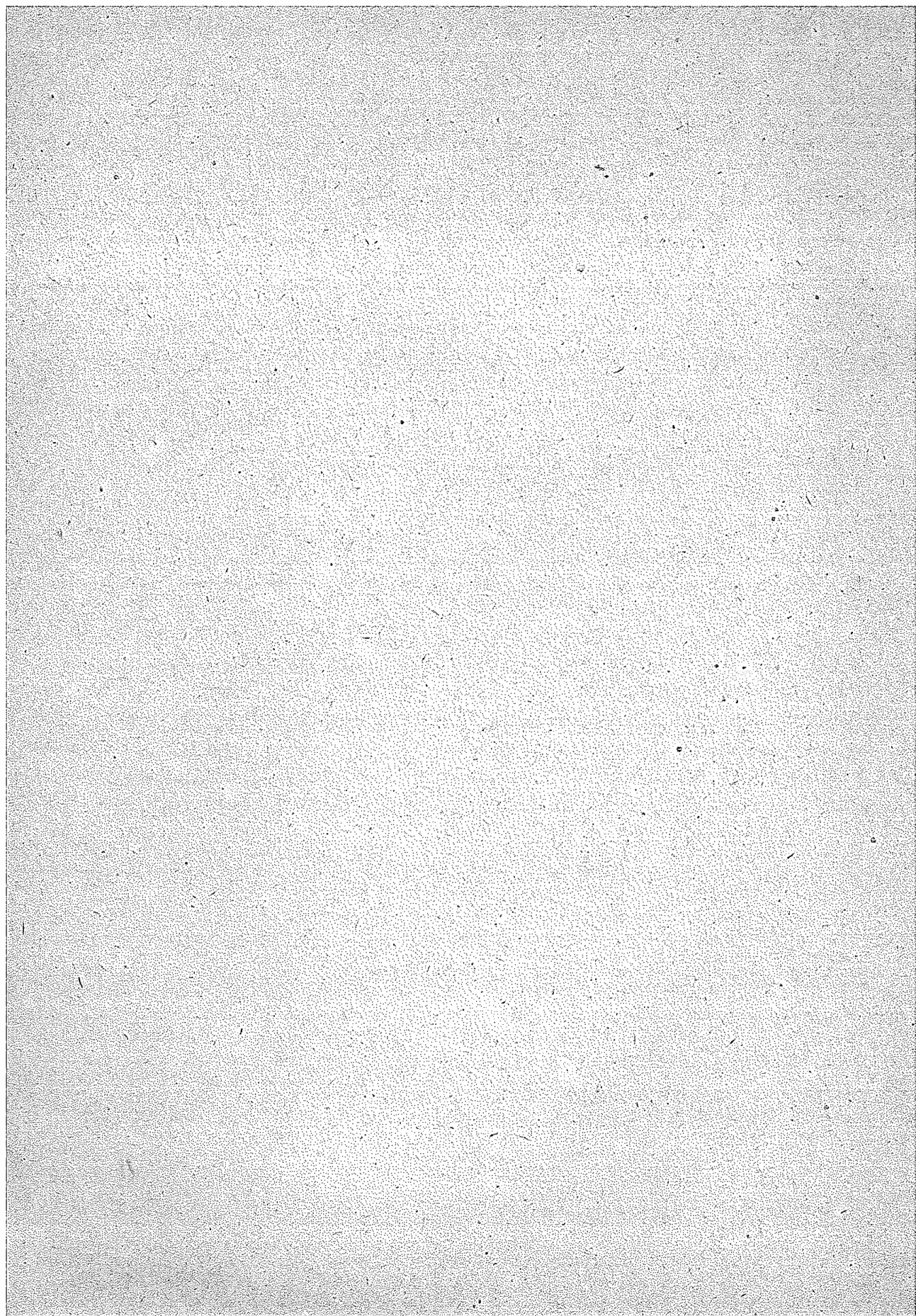
ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN VĂN HỌC

THƠ VĂN LÝ-TRẦN

TẬP III



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI — 1978



LỜI DẪN

Thơ văn Lý — Trần tập III cũng là tập cuối cùng của bộ sách *Thơ văn Lý — Trần* do Viện Văn học biên soạn, bao gồm những tác gia, tác phẩm xuất hiện trong một thời kỳ lịch sử có nhiều biến cố: Nhà Trần suy, phong trào khởi nghĩa của nông dân và nô tỳ do Ngô Bệ lãnh đạo đánh vào chế độ điền trang thái ấp của vương triều nhà Trần, Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, hậu Trần, Minh thuộc và cuộc kháng chiến của Lê Lợi thắng lợi, quét sạch quân xâm lược nhà Minh ra khỏi bờ cõi. Trong khoảng hơn 80 năm ấy (1344 — 1427) có sự tăng thêm rõ rệt về số lượng người cầm bút, cùng những hoạt động mạnh mẽ của họ trên nhiều lĩnh vực đề tài và thể loại văn học khác nhau. Âm điệu nổi bật của văn học thời kỳ này là sự hồi cố chông chênh đường oanh liệt chống quân Nguyên; nỗi băn khoăn thắc thỏm về trách nhiệm trước hiện tình khó khăn của đất nước và vận mệnh tương lai của dân tộc. Lòng yêu nước, thương dân, tư tưởng nhân bản cũng in khá đậm nét trong văn học thời này.

Qui cách biên soạn tập III này gồm một số điểm chính như sau :

1. Các tác gia được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Nếu biết rõ năm sinh, hoặc cả năm sinh lẫn năm mất, đều xếp theo thứ tự năm sinh. Nếu chỉ biết năm mất, thì sắp xếp theo thứ tự năm mất. Nếu không biết năm sinh, năm mất, thì dựa vào những dấu ấn thời gian còn để lại trong tác phẩm, trong tiểu sử, hoặc trong quan hệ xã hội của tác giả mà xếp. Ngoài các lệ trên, những tác phẩm khuyết danh như *Thang bàn phú*, *Đồng Hồ bút phú* thì xếp áng chừng. Những tác giả chưa rõ năm sinh, năm mất và tác phẩm của tác giả đó chưa xác định được thời điểm sáng tác, mà sử sách ghi chép về họ cũng chưa rõ ràng thì chúng tôi tạm xếp vào phần *Phụ lục* như *Lĩnh Nam chích quái*. Một số tác giả, tác phẩm biết được năm sinh, năm mất và thời điểm sáng tác, nhưng được người khác viết về họ ở trong những tác phẩm có tính chất truyền kỳ như bài *Xích chủ hầu* trong *Đại Việt sử ký toàn thư* nói là Trần Nghệ Tông mơ thấy Duệ Tông (tức Trần Kinh) đọc, hoặc bài *Kê minh thập sách* của Nguyễn Cơ Bích Châu được Đoàn Thị Điểm nhắc đến trong *Truyện kỳ tán phá* v.v... thì chúng tôi cũng xếp vào *Phụ lục*. Những trường hợp trên, khi sách tái bản sẽ điều chỉnh, nếu có thêm tư liệu.

Đối với các tác giả theo giấc như Bùi Bá Kỳ, Nguyễn Căn, hoặc bị giấc bắt rồi dần dần làm quan cho giấc như Hồ Nguyên Trừng, chúng tôi đều xếp vào *Phụ lục*.

2. Tác phẩm của từng tác giả được xếp theo trình tự *thơ*, rồi đến *văn*. Trong mỗi phần *thơ* hoặc *văn* như vậy, chúng tôi cố gắng xếp các bài theo trật tự thời gian; bài nào chưa xác định được thời gian thì căn cứ vào nội dung mà xếp áng chừng, không ngoài mục đích giúp bạn đọc có một ý niệm chung về quá trình sáng tác *thơ* hoặc *văn* của tác giả.

Đối với những tác phẩm đã có bản dịch như *Việt sử lược*, *Lĩnh Nam chích quái*, v.v.... chúng tôi chỉ trích giới thiệu ở đây phần tiêu biểu nhất, mang ý nghĩa văn học nhiều nhất.

Những bài *văn* bài *thơ* ít giá trị, hoặc do «tam sao thất bản» mà trở nên khó hiểu, chúng tôi đều không tuyển, nhưng sẽ ghi rõ tiêu đề và xuất xứ ở *Bảng kê những tác phẩm chưa tìm được hoặc không chọn vào tập III* thuộc *Phần tra cứu* cuối sách, để bạn đọc tham khảo.

3. Về tiểu sử tác giả, nói chung ghi chép ngắn gọn. Đối với những tác giả có tên thật và tên quen dùng, thì ghi lên đề mục cả hai tên. Tên nào gắn liền với sự nghiệp sáng tác, sẽ đặt lên trước. Thí dụ *Trần Nghệ Tông* có tên thật là *Trần Phủ*. Trong khi *Trần Nghệ Tông* gắn liền với sự nghiệp chính trị, thì *Trần Phủ* có thể dùng với tư cách là một tác gia: *Trần Phủ* đặt trên *Trần Nghệ Tông*.

Quê quán tác giả, ghi theo địa danh được dùng trong thời đại tác giả. Trường hợp biết được tên gọi ngày nay, sẽ có chú thích kèm theo bên cạnh.

Cuối mỗi bản tiểu sử, sẽ ghi rõ số lượng tác phẩm hiện còn và những tác phẩm chưa tìm được.

4. Các tác phẩm được lựa chọn, nếu chưa nói rõ xuất xứ ở phần tiểu sử tác giả, thì sẽ ghi xuất xứ ở đầu mục *Chú thích*. Trường hợp tác phẩm có nhiều dị bản, thì các xuất xứ sẽ được trình bày trong phần *Khảo đính*.

Đối với những bài *văn* bài *thơ* chưa có đầu đề, chúng tôi sẽ tạm đặt đầu đề, và có chú thích ở dưới.

Toàn bộ khối lượng tác phẩm trong tập III, được đánh số thứ tự liên tục và thống nhất từ đầu đến cuối, kể cả những tác phẩm trong phần *Phụ lục*.

5. Phần dịch nghĩa, chúng tôi cố gắng dịch sát nguyên văn. Câu nào hoặc chữ nào có nhiều cách hiểu, sẽ có chú thích thêm.

Việc dịch *thơ*, chú trọng cả hai mặt: vừa giữ niêm luật, vừa cố gắng bám sát với ý của bài *thơ*. Đôi khi lại dịch chuyển thể, nhằm thực hiện tốt nhất hai yêu cầu trên. Trường hợp đã có bản dịch cũ được nhiều người chấp nhận, sẽ dùng lại bản dịch đó, với đầy đủ tên người dịch và xuất xứ. Trường hợp dùng lại bản dịch cũ, nhưng có sửa đổi, thì trước tên người

dịch có thêm chữ *Theo*. Ngoài ra, là bản dịch mới của Nhóm biên soạn. Cũng có một số bài mới chỉ dịch nghĩa mà chưa dịch thành thơ.

6. Nguyên tắc hiệu đính văn bản ở đây là : từ trong các bản, chúng tôi sẽ chọn câu nào, chữ nào mà mình cho là hợp lý nhất để xây dựng thành một văn bản chính thức, chứ không sử dụng bất cứ một bản nào làm gốc duy nhất cả. Những câu, chữ không được chọn đều đưa xuống phần *Khảo đính*.

Các số mục khảo đính được ghi bằng chữ số La-tinh có kèm thêm ngôi sao (Thí dụ : 1*, 2*...), đặt ở phần phiên âm.

7. Về chú thích, cố gắng tinh giản, nhưng không rơi vào sơ lược. Chỗ nào chưa hiểu, hoặc hiểu không chắc chắn, đều có nêu rõ đề sau này tiếp tục tra cứu thêm.

Những câu « sách » dẫn trong phần *Chú thích*, sẽ kèm theo chữ Hán ở những chỗ thật cần thiết.

Các số mục chú thích đều ghi bằng chữ La-tinh và đặt ở phần *Dịch nghĩa*.

8. Về quy tắc viết hoa : Phàm tên người hay biệt hiệu, niên hiệu... đều viết hoa tất cả các thành phần. Thí dụ *Trần Nguyên Đán* (tên thật); *Nghĩa Phu* (tên chữ của Phạm Sư Mạnh); *Tiêu Ẩn* (hiệu của Chu An); *Thiệu Khánh* (niên hiệu của Trần Nghệ Tông) v.v... Tên người nước ngoài sẽ tùy theo đặc điểm cấu tạo ngôn ngữ của nước đó mà hoặc viết hoa tất cả, như *Bạch Cư Dị*, hoặc chỉ viết hoa chữ đầu và có gạch nối giữa các chữ tiếp theo, như Già-la Đô-lê (trong truyện *Man Nương*, sách *Lĩnh Nam chích quái*).

Tên đất, núi, sông, đền, chùa, quán, các, viện, sảnh... cũng đều viết hoa tất cả các thành phần và không có gạch nối. Thí dụ hương *Tức Mặc*; núi *An Hoạch*; chùa *Bảo Ân*; điện *Bảo Hòa* v.v...

Một số danh từ khác : năm Âm lịch, chức tước, tên các công sở... đều chỉ viết hoa chữ đầu và giữa các chữ không có gạch nối, như năm *Nham dần*; chức *Bộc xạ*; Viện hàn lâm v.v...

9. Phần tra cứu gồm có : *Bảng kê những tác phẩm chưa tìm được hoặc không chọn vào tập III*; *Niên biểu khái quát các sự kiện có liên quan tới văn học*; *Sách báo và tài liệu tham khảo chính*; *Bảng tra tổng hợp tên người, tên tác phẩm và tên đất*.

Ở *Bảng kê những tác phẩm chưa tìm được hoặc không chọn vào tập III*, chúng tôi chỉ nêu lên những bài văn bài thơ đáng chú ý mà thôi. Dưới mỗi tác phẩm sẽ có thuyết minh ngắn gọn về nội dung, xuất xứ và tác giả của nó, nếu biết được.

Ở bảng Niên biểu khái quát các sự kiện có liên quan tới văn học, chúng tôi có đối chiếu năm Dương lịch với năm Âm lịch, cũng như đối chiếu một số triều đại và niên hiệu của vua chúa Việt Nam với triều đại và niên hiệu của vua chúa Trung Quốc. Năm nào có sự chuyển tiếp giữa các triều vua, cũng sẽ được ghi rõ.

Ở Bảng tra tổng hợp tên người, tên tác phẩm và tên đất, các đơn vị được sắp xếp theo vần chữ cái, và tự phân biệt bằng dạng chữ: tên người in bằng chữ hoa, thí dụ NGUYỄN TỬ THÀNH, VĂN TRINH; tên tác phẩm in bằng chữ ngã, thí dụ Kinh Thi, Nam Ông mộng lục; tên đất in bằng chữ thường, thí dụ An Đẳng, Báo Ân.

Tham gia đầu tiên trong việc biên soạn tập III là các đồng chí Đào Phương Bình, Nguyễn Đức Vân*. Tiếp tục và hoàn thành công việc biên soạn — trong đó có các khâu như điều tra tư liệu cơ bản, khảo chứng văn bản, bổ sung những tác gia, tác phẩm chưa được phát hiện và biên soạn, chỉnh lý lại toàn bộ bản thảo và lập một số bản tra cứu ở cuối sách — là các đồng chí Trần Nghĩa, Trần Lê Sáng, Nguyễn Đức Vỹ*, Phạm Đức Duật và Đào Thái Tôn, do đồng chí Trần Lê Sáng gia công bản thảo lần cuối.

Chỉ đạo và duyệt tập sách là Giáo sư Đặng Thai Mai và Giáo sư Cao Xuân Huy.

Bản thảo trước lúc đưa in, đã được đồng chí Hoàng Trung Thông và đồng chí Nguyễn Văn Hoàn xem lại toàn bộ. Các cụ Nguyễn Mạnh Duân, Thạch Can, Nguyễn Xuân Tảo cũng đã đóng góp cho Nhóm biên soạn một số ý kiến bổ ích.

Với nhiệt tình đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu văn học Lý — Trần hiện nay, chúng tôi mạnh dạn cho ra mắt tập sách này, mong bạn đọc chỉ cho những chỗ còn nhầm lẫn hoặc sai sót, để lần tái bản, chất lượng của công trình được nâng cao thêm.

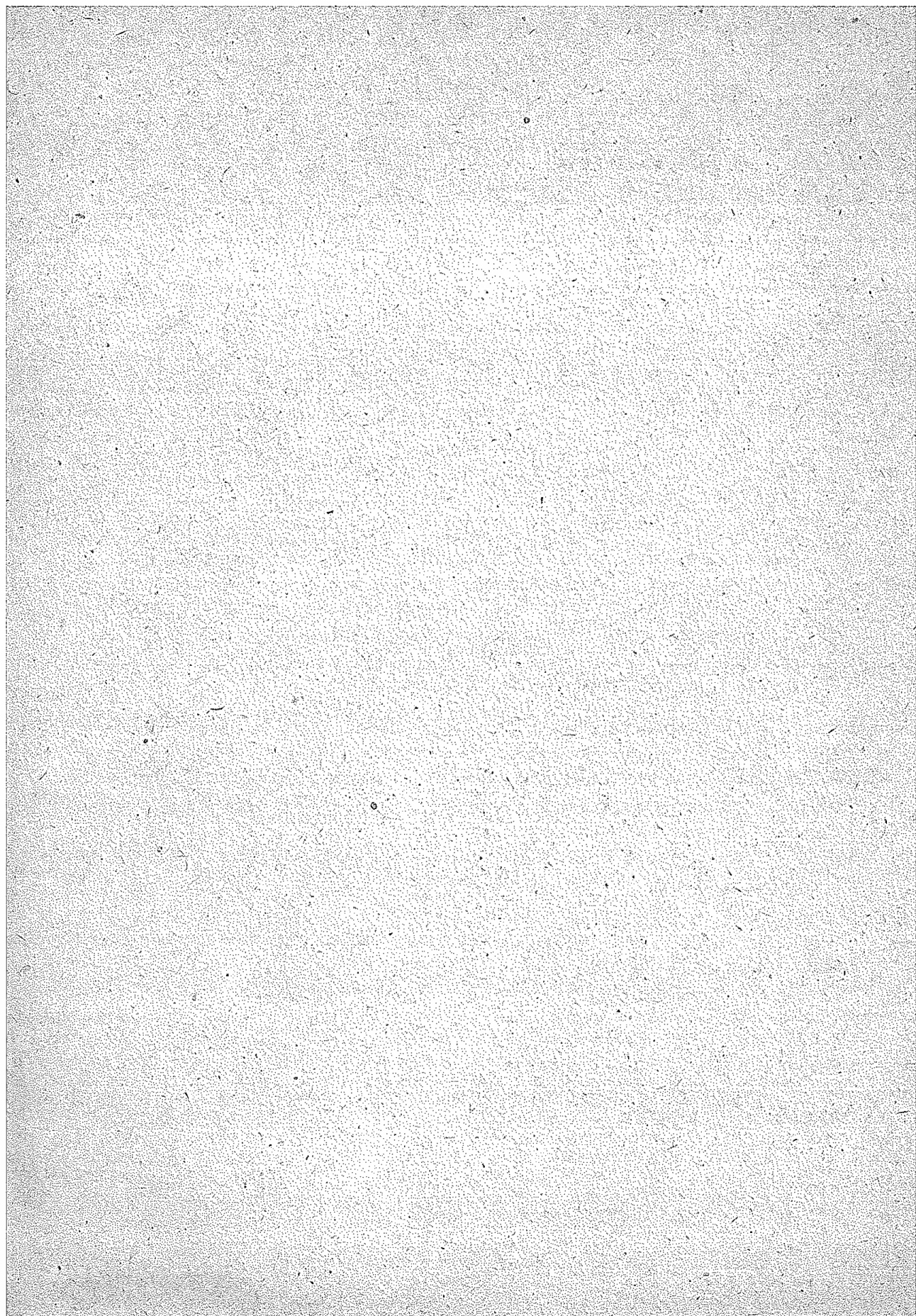
Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 1977

NHÓM BIÊN SOẠN

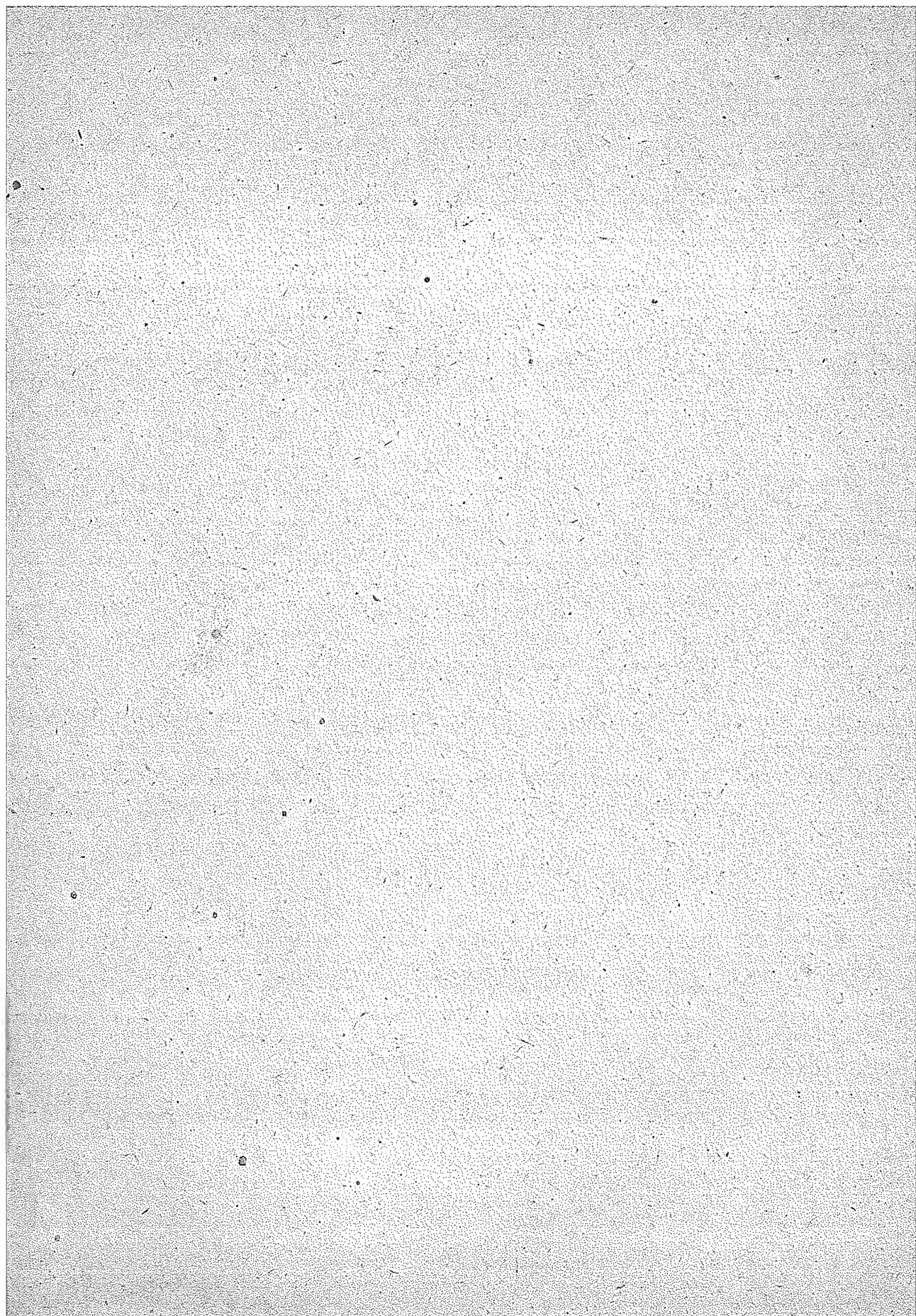
* Đã quá cố.

BẢNG VIẾT TẮT MỘT SỐ TÁC PHẨM VÀ KÝ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

ANCL	: An Nam chí lược
Bd	: Bản dịch
ĐVSKTT	: Đại Việt sử ký toàn thư
ĐNVNQCĐ	: Đất nước Việt Nam qua các đời
HVTT	: Hoàng Việt thi tuyển
HVVT	: Hoàng Việt văn tuyển
HTTVVN II	: Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập II
KVTL	: Kiến văn tiêu lục
LNCQ I	: Lĩnh Nam chích quái I
LNCQ II	: Lĩnh Nam chích quái II
LNCQ III	: Lĩnh Nam chích quái III
LTHCLC	: Lịch triều hiến chương loại chí
MĐT	: Minh đô thi
NOML	: Nam Ông mộng lục
Nxb	: Nhà xuất bản
NPKTV	: Nguyễn Phi Khanh thi văn
QHPT	: Quân hiền phú tập
Tr.	: Trang
TTTT	: Tam lộ thực lục
TĐNL	: Thánh đẳng ngữ lục
Thư viện KHXH	: Thư viện Khoa học xã hội
TTCGLT	: Tinh tuyển chư gia luật thi
TVTL I	: Toàn Việt thi lục I
TVTL II	: Toàn Việt thi lục II
TVTL III	: Toàn Việt thi lục III
TDTT	: Trích diễm thi tập
VATT	: Việt âm thi tập
VĐUL I	: Việt điện u linh I
VĐUL II	: Việt điện u linh II
VĐUL III	: Việt điện u linh III
VĐUL IV	: Việt điện u linh IV
VNCVHS	: Việt Nam cổ văn học sử
VSL	: Việt sử lược
VSTGCM	: Việt sử thông giám cương mục.



THƠ VĂN LÝ-TRẦN



NGUYỄN TỬ THÀNH

阮子成

(?)

Nguyễn Tử Thành hiệu Tùng Hiên 松軒 người đời Trần. Quê quán, năm sinh, năm mất, cùng sự nghiệp của ông đều chưa rõ.

Tác phẩm của ông hiện còn 11 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

1

司徒故居

TƯ ĐỒ CỐ^{1*} CƯ

廊廟憂方切，
烟霞疾未蘇。
雍容亮顧托，
啟沃舜謀謨。
醫國甘心病，
肥民料自癯。
九重方待用，
尺不置司徒。

Lang miếu ưu phương thiết,
Yên hà tật^{2*} vị tồ.
Ung dung Nghiêu cố thác,
Khải ốc Thuấn mưu^{3*} mô.
Y quốc cam tâm bệnh^{4*},
Phì dân liệu tự cồ.
Cửu trùng^{5*} phương đãi dụng,
Chỉ bất tri Tư đồ.

DỊCH NGHĨA:

NƠI Ở CŨ CỦA QUAN TƯ ĐỒ (1)

Lòng lo triều đình (2) đang khẩn thiết,
Thú yên hà (3) vẫn chưa nguôi.

CHÚ THÍCH:

(1) Tư đồ: một chức quan đời Trần. Ở đây, phải chăng đề chỉ Trần Nguyên Đán 陳元旦?

(2) Triều đình: nguyên văn là chữ « lang miếu ».

(3) Yên hà: ở đây chỉ thú ăn dật, vui với cảnh sắc thiên nhiên.

Ung dung, ấy chỗ trông cây của vua Nghiêu,
 Cởi mở (1), kia nguồn mưu kế của vua Thuấn.
 Chạy chữa cho cả nước (2), riêng cam tâm bệnh,
 Làm cho dân béo tốt, biết mình sẽ gầy (3).
 Nhà vua đang chờ đợi dùng,
 Chức Tư đồ còn bỏ trống.

KHẢO ĐỊNH:

- 1* VATT : 舊 *cũ*.
 2* TVTL2 : 病 *bệnh*.
 3* VATT : 訐 *kiệt*.
 4* VATT : 疾 *tật*.
 5* TVTL2 : 月 *nguyệt*.

2

秋日偶成

THU NHẬT 1* NGẪU THÀNH

千村木葉盡黃落，
 獨立西風拂鬢絲。
 歲月堂堂留不得，
 昨非今是只心知。

Thiên thôn 2* mộc diệp tận hoàng lạc,
 Độc lập tây phong phất 3* mấn tì.
 Tuế nguyệt đường đường 4* lưu bất đắc,
 Tạc phi kim thị chỉ tâm tri.

DỊCH NGHĨA:

NGÀY THU NGẪU HỨNG

Lá cây ở ngàn thôn đều vàng rụng hết,
 Đứng một mình, ngọn gió tây thổi bay mái tóc.
 Năm tháng lừng lững trôi đi, không giữ được,
 Trước sai, nay đúng, chỉ lòng mình biết.

- (1) Cởi mở: dịch thoát chữ «khải, ốc» Thư kinh 書經 có câu: 啟乃心, 沃朕心. Khải nãi tâm, ốc trẫm tâm: Mở lòng của người mà tưới vào lòng của ta. Ý nói vua tôi thành thật cởi mở, đồng tâm hiệp lực, lo toan việc nước.
 (2) Chạy chữa cho cả nước: lấy ý từ câu ở sách Luận ngữ 論語: 上醫醫國. Thượng y y quốc: Người thầy thuốc ở trình độ cao thì chữa cho cả nước.
 (3) Câu này lấy ý từ câu sau đây của vua Đường Thái Tông 唐太宗: 面雖瘦而天下肥. Diện tuy sấu nhi thiên hạ phì. Mặt dẫu gầy mà thiên hạ béo. Ý nói quên mình để lo công việc chung, hy sinh cho kẻ khác.

DỊCH THƠ :

Ngân xóm muốn cây lá vàng rơi,
 Một mình, gió lạnh thổi to mai.
 Đường hoàng năm tháng trôi khôn giữ,
 Nay đúng xưa sai, tự biết thôi.

HOÀNG TRUNG THÔNG

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TDTT, TVTL2 : 月 nguyệt.
 2* TDTT : 林 lâm.
 3* TVTL2, TVTL3 : 緣 lục.
 4* TDTT : 常 常 thường thường.

3

誚杜宇

TIỂU ĐỔ VŨ

自 古 皆 云 蜀 帝 魂,
 巢 居 獨 得 眾 禽 尊。
 飛 來 只 愛 春 山 好,
 殿 閣 荒 涼 烟 雨 村。

Tự cổ giai vân Thục Đế hồn,
 Sào cư độc đắc chúng cầm tôn.
 Phi lai chỉ ái xuân sơn hảo,
 Điện các hoang lương ** yên vũ thôn.

DỊCH NGHĨA :

TRÁCH CHIM CUỐC

Từ xưa đều nói là hồn Thục Đế (1),
 Loài ở tổ, riêng người được các chim tôn trọng.
 Bay tới, chỉ vì thích núi xuân đẹp,
 Đề diện các hoang lạnh, nơi khói mờ mưa phủ.

DỊCH THƠ :

Xưa đồn Thục Đế hóa thành mi,
 Chim chóc, riêng mi được nể vì.
 Núi đẹp xuân tươi mi thích chí,
 Tiêu điều đất nước, có hay gì !

HOÀNG LÊ

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TDTT : 烏 vi.

CHÚ THÍCH :

- (1) Hồn Thục Đế : Trong Thành đô ký 成都記 có chép : 杜宇死, 其魂化為鳥, 名杜鵑。Đỗ Vũ tử, kỳ hồn hóa vi điểu, danh đỗ quyên : vua nước Thục là Đỗ Vũ sau khi chết, hồn đã hóa thành chim, gọi là đỗ quyên.

4

幽居

U CƯ

砌 纈 苔 斑 壁 縷 蝸,
東 風 不 管 長 庭 莎。
日 長 睡 起 渾 無 事,
閑 看 遊 絲 抱 落 花。

Thiết hiệt đài ban bích lữ oa,
Đông phong bất quản trường đình toa.
Nhật trường thụy khởi hồn vô sự,
Nhàn khán du ti bảo lạc hoa.

DỊCH NGHĨA :

CHỖ Ở THANH U

Thềm rêu loang vách vết sên bò (1).
Gió xuân mặc sức cho cổ trên sân lên tốt (2).
Ngày dài ngủ dậy, chẳng có việc gì làm,
Nhàn rồi nhìn sợi tơ trời (3) vương phải cánh hoa rơi.

CHÚ THÍCH :

- (1) Vết sên bò : nguyên văn là *chỉ sên* (con sên bò trên vách, nước dãi của nó vẽ nên một đường vòng ngoèo như sợi chỉ). Ở đây chúng tôi dịch thoát.
(2) Chữ *toa* (đình toa) vốn chỉ một thứ cây có tên khoa học là *Cyperus rotundus*, rễ của nó gọi là «huương phụ tử», là một vị thuốc bắc. Ở đây tạm dịch chung là «cỏ» cho dễ hiểu.
(3) *Tơ trời* : là một loại tơ do côn trùng nhả ra, bay trên không. Thâm Ước có câu thơ :
遊絲映空轉
Du ti ánh không chuyển : Tơ trời lấp lánh bay trên không trung.

5

故園

* CỔ VIÊN

西風冉冉髮邊花，
 薄宦留人苦憶家。
 歸思正愁秋正好，
 一團寒露未開花。

Tây phong nhiễm nhiễm mấn biên hoa,
 Bạc hoạn lưu nhân, khổ ức gia.
 Quy tứ chính sâu, thu chính hảo,
 Nhất đoàn hàn lộ vị khai hoa.

DỊCH NGHĨA:

VƯỜN XƯA

Gió tây lay động hoa bên mái tóc,
 Chức quan bạc bẽo giữ người ta lại, khổ nỗi nhớ nhà.
 Ý muốn về đang day dứt, mùa thu đang đẹp,
 Một chòm móc lạnh trên nụ hoa chưa nở.

DỊCH THƠ:

Gió tây dịch tóc lại bên hoa,
 Chức mọn giam chân, chỉ nhớ nhà.
 Khắc khoải mong về, thu đến đẹp,
 Nụ tâm xuân đón giọt sương sa.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH:

Bài thơ này có chép ở VATT, TVTL2

6

春日溪上晚行

/ XUÂN NHẬT KHÊ
THƯỢNG VĂN HÀNH

春盡溪邊事事幽，
 輕紅滿地冷雲收。
 行行不覺天將晚，
 月在松梢水在頭。

Xuân tận Khê biên sự sự u,
 Khinh hồng mấn địa lãnh vân thu,
 Hành hành bất giác thiên tương
 vãn ^{1*},
 Nguyệt tại tùng sao thủy tại đầu.

DỊCH NGHĨA :

CHIỀU XUÂN DẠO BÊN BỜ SUỐI

Mùa xuân đã đến tận bên suối, cảnh vật đều thanh u,
 Màu hồng nhạt đầy mặt đất, mây lạnh tan hết.
 Đi, đi mãi, bất giác trời sắp tối,
 Trăng trên ngọn tùng suối đầu nguồn.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 曉 曉.

7

惜春

TÍCH XUÂN

老 盡 鶯 聲 蝶 又 殘，
 花 神 著 意 爲 人 慳。
 清 香 不 入 茶 蘿 夢，
 九 十 春 隨 夜 雨 闌。

Lão tận oanh thanh, điệp hựu tàn,
 Hoa thần trước ý vị nhân can (kiến).
 Thanh hương bất nhập đồ mi mộng,
 Cửu thập xuân tùy dạ vũ lan.

DỊCH NGHĨA

TIẾC XUÂN

Tiếng oanh vắng hẳn, bướm lại tàn,
 Thần hoa có ý xén với người.
 Hương thơm không còn len vào giấc mộng đẹp (1),
 Chín chục ngày xuân mòn mỏi theo giọt mưa đêm.

DỊCH THƠ :

Bướm, oanh sao nỗ chóng lìa tan,
 Con tạo ghen chệ với thể gian.
 Giấc mộng đồ mi hương đã nhạt,
 Ngày xuân chín chục, giọt mưa tàn.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH : Bài thơ này có chép ở VATT, TVTL2.

CHÚ THÍCH :

(1) Giấc mộng đẹp : nguyên văn là «đồ mi mộng». «Đồ mi» là một loại hoa rất đẹp, ở đây tạm dịch chữ «đồ mi mộng» là «giấc mộng đẹp» cho dễ hiểu.

8

春郊晚行

坡頭駐馬夕陽亭，
 旋酌清泉洗破觥。
 春點莊花紅甲乙，
 山連野樹綠縱橫。
 詩從勝景吟邊興，
 月逗疏雲缺處明。
 隔屋暫同僧舍宿，
 一篝燈火話平生。

XUÂN GIAO VÃN HÀNH

Pha đầu trú mã tịch dương đình,
 Toàn chúc thanh tuyền tẩy phá
 quynh.
 Xuân điểm trang hoa hồng giáp ất,
 Sơn liên dã 1* thụ lục tung hoành.
 Thi 2* tòng thắng cảnh ngâm biên
 hứng,
 Nguyệt 3* đậu sơ vân khuyết xứ minh.
 Cách ốc tạm đồng tăng xá túc, 4*
 Nhất câu đăng hỏa thoại bình sinh.

DỊCH NGHĨA :

CHIỀU XUÂN ĐẠO CHƠI VÙNG NGOẠI Ô

Chiều tà, dừng ngựa đầu ghềnh bên đình,
 Múc nước suối trong, rửa chén rượu mê.
 Xuân điểm họa nhà dân, đỏ đây rực màu hồng,
 Núi liền cây đồng nội, bát ngát một giải xanh.
 Cảnh đẹp, thi hứng lộ ra ở giọng ngâm,
 Ánh trăng, đến chỗ mây thưa đợi xuống.
 Xa nhà dân, ngủ tạm trong chùa,
 Bên đèn ngồi kể chuyện bình sinh.

DỊCH THƠ :

Chiều hôm dừng ngựa trước ngôi đình,
 Dem chén rượu xoàng rửa nước ghềnh.
 Xuân điểm thôn trang phỏ sắc thắm,
 Núi liền đồng nội rợn màu xanh.
 Thơ theo cảnh thắng bao xuân ý,
 Trăng lọt mây thưa những khách tình.
 Tạm trú nhà chùa qua một tối,
 Bên đèn ngồi kể chuyện bình sinh.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 夜 dạ.
 2* HVTT : 人 nhân.
 3* TVTL1, HVTT : 日 nhật.
 4* TVTL2, TVTL3 : 處 xứ.

9

舟中晚眺

CHU TRUNG VÂN THIẾU

眼 高 四 海 淨 無 塵,
 北 顧 山 河 破 碎 春。
 風 急 斷 雲 多 變 態,
 雨 餘 明 月 長 精 神。
 胸 中 涇 渭 源 流 別,
 頭 上 星 河 景 象 新。
 拾 翠 窗 收 紅 歸 筆 底,
 蓬 窗 靜 坐 更 紛 綸。

Nhân cao tứ hải tịnh vô trần,
 Bắc cổ sơn hà phá toái xuân^{1*}.
 Phong cấp đoạn vân đa biến thái,
 Vũ dư minh nguyệt trường tinh thần.
 Hung trung Kinh, Vĩ nguyên lưu biệt,
 Đầu thượng tinh, hà cảnh tượng^{2*} tân.
 Thập thủy thu hồng quy bút đề,
 Bồng song tĩnh tọa cánh phân luân.

DỊCH NGHĨA :

TRONG THUYỀN NGẮM CẢNH CHIỀU HỒM

Xa trông bốn biển sạch không gợn bụi,
 Quay nhìn phương Bắc, sơn hà tan nát giữa mùa xuân.
 Gió thổi gấp, mây từng mảnh đổi hình luôn luôn,
 Sau cơn mưa, trăng càng sáng đẹp hơn.
 Trong dạ, dòng Kinh, dòng Vĩ⁽¹⁾ đã phân biệt,
 Trên đầu, cảnh tượng tinh, hà⁽²⁾ cũng đổi mới.
 Nhật màu xanh, thu màu hồng dồn lên ngọn bút,
 Lặng ngồi bên cửa sổ thuyền, lòng ngồn ngàng.

DỊCH THƠ :

Bốn biển xa trông sạch bụi trần,
 Sơn hà ngoảnh lại thấy nào xuân.
 Gió xua mây dạt ra nhiều vẻ,
 Mưa tạnh trăng lên sáng bội phần.
 Kinh, Vĩ ngọn nguồn đã tách biệt,
 Tinh, hà cảnh tượng cũng thanh tân.
 Thâu hồng nhật thủy dồn lên bút,
 Ngồi tựa song thuyền, dạ ngồn ngàng.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TVTL1 : 秦 tàn.

2* TVTL2 : 色 sắc.

CHỦ THÍCH :

(1) Kinh, Vị: tên hai con sông. Sông Kinh nước trong, sông Vị nước đục. Thơ Tô Thức

蘇軾 (người đời Tống) có câu 腦中涇渭分

Hung trung Kinh, Vị phân :

Trong lòng có sự phân biệt giữa sông Kinh và sông Vị.

Ý nói là có sự phân biệt về điều phải điều trái, việc thiện việc ác v.v...

(2) Tinh, hà: tinh là các vì sao; hà là sông Ngân Hà.

10

簡鏡溪范宗邁

GIẢN KÍNH KHÊ PHẠM TÔNG MẠI 1*

四 海 賓 朋 總 弟 兄,
年 來 尚 有 月 孤 明。
詩 經 百 鍊 無 塵 腐,
人 涉 多 虞 即 老 成。
鐵 硯 工 夫 吾 頓 挫,
石 盤 歲 月 子 崢 嶸。
何 當 破 得 天 荒 了,
白 水 真 人 倩 壓 驚。

Từ hải tân bằng tổng đệ huynh,
Niên lai thượng hữu nguyệt cô minh.
Thi kinh bách luyện vô trần hủ,
Nhân thiệp đa ngu tức lão thành.
Thiết nghiên công phu, ngô đồn tỏa,
Thạch bàn tuế nguyệt, tử tranh vanh.
Hà đương phá đắc thiên hoang liễu,
Bạch thủy chân nhân thiến áp kinh !

DỊCH NGHĨA :

GỬI KÍNH KHÊ PHẠM TÔNG MẠI⁽¹⁾

Bạn bè bốn biển đều là anh em,
Cả năm, chỉ có vàng trắng cô đơn soi tỏ.
Thơ qua trăm lần luyện, không còn cũ kỹ nữa,
Người trải nhiều lo âu, ắt già dặn thêm.
Miệt mài với chiếc nghiên sắt ⁽²⁾, tôi đã thấy mỗi chùn,
Năm tháng trên tảng đá ⁽³⁾, bác vẫn ngồi cao ngất.
Làm thế nào, phá cho được cái « thiên hoang » ! ⁽⁴⁾
Có Bạch thủy chân nhân ⁽⁵⁾, sẽ trấn áp được sự kinh hoàng!

KHẢO ĐỊNH :

1* HVTT chép đầu đề bài thơ là 簡范敬溪 *Giản Phạm Kinh Khê*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Phạm Tông Mai* 范宗邁 tên hiệu là Kinh Khê, người làng Kinh Chủ, huyện Hiệp Sơn. Ông trước là họ Chúc, vua Trần Nhân Tông cho đổi ra họ Phạm. Ông có đi sứ Nguyên, từng làm chức Ngự sử trung tán. Tính ông ngay thẳng.
- (2) *Nghiên sắt* (thiết nghiên): vào thời Ngũ Đại, ở Trung Quốc có Tang Duy Hàn 桑維翰 học giỏi nhưng thi mãi không đỗ, chỉ vì quan chấm trường ghét chữ 桑 *Tang* (họ của Duy Hàn) đồng âm với chữ 喪 *Tang* là chết chóc, nên đánh trượt. Sau đó, Duy Hàn làm bài phú *Nhật xuất Phù Tang* 日出扶桑 (Mặt trời mọc lên từ biển Phù Tang) để nói rõ chí hướng của mình, đồng thời đúc một cái nghiên sắt (thiết nghiên), thêu: 硯敝則改而侘仕 *Nghiên tẻ, tặc cải nhi tha sĩ*:
Khi nào cái nghiên này thủng thì mới đổi sang nghề khác.
 Kết quả Duy Hàn đã thi đỗ Tiến sĩ. Về sau, người ta hay dùng thành ngữ 磨穿鐵硯 *Ma xuyên thiết nghiên* (mài thủng nghiên sắt) để chỉ việc dốc sức học hành, cuối cùng đạt được kết quả.
- (3) *Nằm thàng trên tảng đá* (thạch bàn tuế nguyệt): chỉ cảnh ung dung nhàn hạ, như Khương Tử Nha 姜子牙 ngày xưa ngồi trên tảng đá bên giòng sông Vị để câu cá.
- (4) *Thiên hoang*: Sách *Bắc mộng tảo ngôn* 北夢瑣言 chép rằng: xưa kia ở đất Kinh Châu, hàng năm vẫn tuyển chọn người đi thi đình, nhưng rốt cuộc không một ai thành đạt cả, người đương thời gọi đó là «thiên hoang». Về sau, có Lưu Thuế 劉蛻 người Kinh Châu đậu thi đình, nhiều người mừng rỡ nói: đã phá được «thiên hoang» rồi. Vậy «thiên hoang» có nghĩa là trời còn bỏ hoang, không có người thành đạt. Phá «thiên hoang», có nghĩa là đã khai khẩn, tức có người thành đạt.
- (5) *Bạch thủy chân nhân*: tức là tiên. Theo *Hậu Hán thư*: Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, ghét tiên *Kim dao* của họ Lưu, làm tiên mới gọi là *Hóa tuyền*. Trong chữ *Hóa tuyền* thì chữ *tuyền* do chữ *bạch* và chữ *thủy* ghép thành, từ đó tiên thường được gọi là «Bạch thủy chân nhân».

11

初春

SƠ XUÂN

臘梅開盡雪飄零，
 老大情懷節物驚。
 傍水人家楊柳嫩，
 寒天密院半陰晴。
 遊蜂摘蜜穿花去，
 野蝶偷香帶粉輕。
 檢點名園供勝賞，
 春花一樣百般生。

Lạp mai khai tận, tuyết phiêu linh,
 Lão đại tình hoài tiết vật kinh.
 Bàng thủy nhân gia dương liễu nộn^{1*},
 Hàn thiên khách viện bán âm tình^{2*}.
 Du phong trích mật xuyên hoa khứ,
 dã^{3*} điệp thâu hương đới phấn khinh.
 Kiểm^{4*} diêm danh viên cung thắng thưởng,
 Xuân hoa nhất dạng bách ban sinh.

DỊCH NGHĨA :

ĐẦU XUÂN

Tháng chạp hoa mai đã nở hết, tuyết bay lả tả,
 Người già nghĩ đến thời tiết cảnh vật mà kinh.
 Nhà ai bên mé nước, dương liễu non xanh,
 Phòng khách mùa rét, nửa râm nửa sáng.
 Ong đi lấy mật, xuyên qua các chòm hoa,
 Bướm nội trộm hương, nhẹ nhàng mang theo phần.
 Đạo qua khu vườn danh tiếng đề thường ngoạn thắng cảnh,
 Trăm loài hoa xuân đua nở, loài nào cũng đẹp.

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT: 欲楊柳 *dục dương liễu*.

2* TVTL1, TVTL2, TVTL3: 寒天客院午陰晴 ●

Hàn thiên khách viện *ngô* âm tình (phòng khách mùa rét, buổi trưa (vãn) tối tối sáng sáng). VATT: 嫩寒天氣半陰晴

Nộn hàn thiên khí bán âm tình (mùa rét, trời nửa râm nửa sáng). Câu trong VATT hay hơn câu trong các bản TVTL, nhưng lại có chữ *Nộn* trùng với chữ *Nộn* ở cuối câu thứ ba. Vì vậy chúng tôi chọn câu trong các bản TVTL, song lấy chữ *Bán* ở VATT.

3* TVTL1, TVTL2, TVTL3: 揮 *huy*.

NGUYỄN ỨC

阮億

(?)

Nguyễn ỨC hiệu là Lan Trai 蘭齋 (1). Chưa rõ quê quán ở đâu, sinh và mất năm nào. Chỉ biết dưới triều Trần Minh Tông 陳明宗, ông từng làm quan ở Viện hàn lâm. Nguyễn ỨC còn là bạn thân của Văn Huệ Vương Trần Quang Triều 文惠王 陳光朝 (2), có tham gia thi xã Bích Động 碧洞 (3) do Trần Quang Triều sáng lập.

Tác phẩm của ông hiện còn 20 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Có sách chép là Giản Trai 簡齋. Có lẽ nhầm.

(2) Trần Quang Triều (1287 — 1325), hiệu Vô Sơn Ông 無山翁, còn có biệt hiệu là Cúc Đường Chủ Nhân 菊堂主人. Ông là con Trần Quốc Tảng 陳國瑒, cháu Trần Quốc Tuấn 陳國俊.

(3) Thi xã này đặt ở am Bích Động, một thắng cảnh ở vùng Quỳnh Lâm 瓊林 (thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh ngày nay). Tôn chỉ của thi xã là ca ngợi thiên nhiên, ca ngợi thủ nhân hạ, công kích thói bon chen, cầu cạnh ở đời...

12

茶麋

ĐỒ 1* MI

壓架初開三兩枝，
上陽宮女對愁時。
一生不識梅花面，
獨殿韶光作後期。

Áp giá sơ khai tam lưỡng chi,
Thượng Dương cung nữ đối sầu thi.
Nhất sinh bất thức mai hoa diện,
Độc điển thiêu quang tác hậu kỳ.

DỊCH NGHĨA :

HOA ĐỒ MI (1)

Vài ba cánh mới nở đề lên trên dlan,
 Cũng là lúc người cung nữ ở Thượng Dương đang sầu khổ (2).
 Suốt đời chẳng biết mặt hoa mai là gì cả,
 Riêng mình đến muộn, lẻo đẻo theo sau bóng thiếu quang.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 茶 trà.

CHỮ THÍCH :

- (1) Chúng ta quen gọi là «trà mi».
 (2) Đường Huyền Tông 唐玄宗 say mê Dương Quý Phi 楊貴妃 bỏ quên tất cả cung nữ ở Thượng Dương. Một số cung nữ ở đây vì thế than thở với nhau về cảnh lỡ làng. Ở câu thơ trên, tác giả vi hoa đồ mi nở vào cuối xuân đầu hạ, nghĩa là sau khi các thứ hoa khác đều đã nở, cũng giống như những người cung nữ tui phận, chẳng biết xuân là gì.

13

釣臺

ĐIỀU ĐÀI

漢鼎鹽梅一縷輕，
 桐江風月有餘清。
 羊裘物色無逃處，
 惹得人間萬古名。

Hán đỉnh diêm mai 1* nhất lữ khinh,
 Đồng Giang phong nguyệt hữu dư thanh.
 Dương cừ vật sắc vô 2* đào xứ,
 Nhạ đắc nhân gian vạn cổ danh.

DỊCH NGHĨA :

CHƠI CÂU (1)

Vạc nhà Hán (2) và chuyện mối mớ xem nhẹ hơn một sợi dây,
 Trăng gió trên Đồng Giang thừa sự thanh cao.
 Chiếc áo da cừ (3) bị tìm vớ (4) không còn nơi lẩn tránh,
 Nên buộc phải lưu lại thanh danh muôn thuở ở đời (5).

DỊCH THƠ :

«Muối mơ vạc Hán» nhẹ dường tơ,
 Trắng gió Đồng Giang sáng khoáy thừa.
 Chiếc áo da cừ khôn lẫn tránh,
 Hành lưu danh lại với ngàn xưa.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1, TVTL3: 梅鹽 mai diêm.

2* TDTT: 難 nan.

CHÚ THÍCH :

- (1) Chòi câu (điều đài) : xưa kia ở Trung Quốc có rất nhiều chòi câu. Riêng trong bài này, là đề chỉ chòi câu của Nghiêm Quang 嚴光 (Nghiêm Tử Lăng 嚴子陵) một ẩn sĩ đời Hán. Chòi làm trên sông Đồng Giang, dưới núi Phú Xuân, thuộc tỉnh Chiết Giang.
- (2) Theo thiên Duyệt mệnh 說命 trong Thư kinh 書 經 thì vào đời Thương, vua Cao Tông 高宗 từng nói với hiền thần là Phó Duyệt 傅說 rằng: 若作和羹, 爾惟鹽梅. Nhược tác hòa canh, nhĩ duy diêm mai : Nếu đề nêm canh, nhà ngươi chính là muối và mơ. Cả câu thơ này ý nói Nghiêm Quang xem công danh phú quý rất nhẹ, chỉ lấy việc sống ẩn làm hơn.
- (3) Áo da cừ (ương cừ) : Ngày xưa, những kẻ ra làm quan thường mặc áo da cừ. Chữ «áo da cừ» dùng ở đây là một hoán dụ dùng để chỉ người ra làm quan.
- (4) Bị tìm vớ (vật sắc) : Truyện Nghiêm Quang 嚴光 trong sách Hán thư chép : 乃令以物色訪之. Nãi lệnh dĩ vật sắc phỏng chi : Bèn ra lệnh theo dung mạo mà tìm vớ.
- (5) Trong VATT, dưới bài thơ này, Phan Phu Tiên có lời phê như sau : 恐人物色羊裘, 非羊裘物色人也. Khủng nhân vật sắc dương cầu, phi dương cầu vật sắc nhân dã : E rằng người đi truy tìm áo da cừ, chứ không phải áo da cừ đi truy tìm người vậy.

14

泊舟應豐亭偶題

繫纜江亭覓勝遊,
 前朝行殿已荒丘。
 鶯花不識興亡事,
 撩亂春光未肯休。

BẠC CHU ỨNG PHONG ĐÌNH
NGÂU ĐỀ 1*

Hệ lã giang đình mịch thẳng du,
 Tiền triều hành điện dĩ hoang khu.
 Oanh hoa bất thức hưng vong sự,
 Liêu loạn xuân quang vị khảng hưu !

DỊCH NGHĨA :

**ĐẬU THUYỀN BÊN ĐÌNH ỨNG PHONG (1),
NGẨU HỨNG ĐỀ THƠ**

Buộc thuyền cạnh đình bên sông tìm chơi thắng cảnh,
Hành cung triều trước, đã thành gò hoang.
Mùa xuân (2) chẳng biết việc hưng phế,
Làm rồi nắng xuân mãi chưa thôi !

DỊCH THƠ :

*Thuyền buộc ven sông, tìm thắng cảnh,
Triều xưa hành điện mất dấu rồi.
Oanh hoá chẳng biết trò hưng phế,
Quấy rối ngày xuân mãi chưa thôi !*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* TDTT : 偶成 ngẫu thành ; TVTL1, TVTL2, TVTL3 : không có chữ 偶題 ngẫu đề.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đình Ứng Phong ở phủ Nghĩa Hưng, Nam Định (nay thuộc Hà Nam Ninh). Nhà Lý từng xây hành cung ở đây.
(2) Mùa xuân : Nguyên văn là oanh hoa.
Người xưa khi nói đến mùa xuân thường lấy chim oanh và hoa làm tượng trưng. Ở đây chúng tôi dịch là mùa xuân cho sát nghĩa bài thơ.

15

洞然峰有感

高卧蒼雲念最深,
騎箕去後杳難尋。
君王無復他時夢,
猿鶴空山夜夜心。

ĐỘNG NHIÊN PHONG HỮU CẢM

Cao ngọa thương vân niệm tối thâm,
Kỵ Cơ khứ hậu liêu nan tìm.
Quân vương vô phục tha thời mộng,
Viên hạc không sơn dạ dạ tâm.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC KHI QUA ĐÌNH ĐỘNG NHIÊN ⁽¹⁾

Nằm cao tận mây xanh, nghĩ rất sâu,
 Người cưỡi sao Cơ đi rồi ⁽²⁾, mờ mịt thật khó tìm.
 Giấc mộng nhà vua ngày nào, nay không còn trở lại,
 Trên ngọn núi vắng, đêm đêm chỉ còn tấm lòng của vượn, hạc ⁽³⁾ mà thôi.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đình Động Nhiên* : chưa rõ ở đâu.
 (2) *Người cưỡi sao Cơ* : Sách *Trang Tử* có nói rằng : Phó Duyệt, một vị hiền thần đời nhà Thương, tuy chết nhưng tinh thần vẫn còn ngồi sáng trên sao Cơ, sao Vĩ. Ở đây tác giả dùng ý ấy để nói đến cái chết của một vị hiền nhân nào đó.
 (3) *Vượn hạc (viên hạc)* : Sách *Bão phúc tử* 抱朴子 chép : 周穆王南征, 一軍盡化; 君子為猿為鵲, 小人為蟲為沙。
 Chu Mục Vương đi đánh phương Nam, toàn quân tận hóa; quân tử vì viên vì hạc, tiểu nhân vì trùng vì sa; Chu Mục Vương đi đánh phương Nam, toàn quân đều chết cả, những người quân tử thì biến thành vượn, hạc; những kẻ tiểu nhân thì biến thành sâu cát. Đời sau hay dùng bốn chữ «Viên hạc trùng sa» (hay «trùng sa viên hạc») để ám chỉ những người bị chết trận. Chữ «vượn, hạc» trong bài thơ này có thể là được dùng theo nghĩa đó.

16

重陽前一日
 到菊堂舊居有感

高會龍山蹟已陳,
 西風回首淚沾巾。
 貞心却愛東籬菊,
 肯把清香媚別人。

TRÙNG DƯƠNG TIỀN NHẤT NHẬT^{1*}
 ĐÁO CÚC ĐƯỜNG CỤ CƯ^{2*}
 HỮU CẢM

Cao hội Long Sơn tích dĩ trần,
 Tây phong hồi thủ lệ triêm can.
 Trinh tâm khước ái đông ly cúc,
 Khẳng bả thanh hương^{3*} mị biệt nhân.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC KHI ĐẾN NGÔI NHÀ CŨ CỦA CÚC ĐƯỜNG ⁽¹⁾ VÀO
 NGÀY TRƯỚC TẾT TRÙNG DƯƠNG ⁽²⁾

Cuộc yến hội ở Long Sơn ⁽³⁾ dấu vết đã mờ,
 Gió tây thổi ngaoảnh đầu lại, nước mắt thấm khăn.
 Lòng trong trắng chỉ yêu hoa cúc ở giậu phía đông ⁽⁴⁾,
 Há chịu đem hương, thanh mơn trớn kẻ khác ⁽⁵⁾.

KHẢO ĐỊNH :

1* MĐT : sau chữ H *nhật* có chữ 重 *trùng*.2* MĐT : 山 庵 *son am*.3* TVTL2 : 凉 *lương*.

CHỮ THÍCH :

- (1) *Cúc Đường* : hiệu của Trần Quang Triều. Xem chú thích (2) phần tiểu sử của Nguyễn Ước.
- (2) *Trùng dương* : tức ngày mồng chín tháng chín âm lịch.
- (3) *Tấn thư* 晉書 có chép một chuyện như sau : Vào ngày mồng chín tháng chín, tướng quân Hoàn Ôn đặt tiệc ở Long Sơn, các quan thuộc hạ và tân khách đều đến dự. Có thẻ Nguyễn Ước dùng tích này để nhắc tới một cuộc yến hội lớn nào đó do Trần Quang Triều sinh thời từng tổ chức.
- (4) *Hoa cúc ở giậu phía đông* (đông ly cúc) : Chữ trong thơ Đào Tiềm, được dùng lại ở đây với nghĩa muốn quay về với « thú điền viên ».
- (5) Trong VATT, cuối bài thơ này, Phan Phu Tiên có lời bình như sau : 恐不如是真心 Khủng bất như thị trình tâm : Lòng trung tình e không phải như thế.

17

齋前盆子蘭花

TRAI TIỀN BỒN TỬ LAN HOA

高標曾識楚辭中，
一種風光九畹同。
天似有情憐寂寞，
鳥留清馥伴吟翁。

Cao tiêu tăng thức Sở từ trung,
Nhất chủng^{1*} phong quang cửu uyển
đồng.
Thiên tự hữu tình liên tịch tịch,
Vị lưu thanh phúc bạn ngâm ông.

DỊCH NGHĨA :

CHẬU HOA LAN TRƯỚC NHÀ

Từng biết được nêu cao trong *Sở từ* (1),
Một vẻ phong quang chín khoảnh đất (2) đều giống nhau.
Trời hình như có ý thương cảnh vắng vẻ,
Đã để lại mùi thơm trong sạch làm bạn với nhà thơ.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 樹 *thụ*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Sở từ* : Ở đây chỉ thơ của Khuất Nguyên 屈原 nói chung.
 (2) *Chín khoảnh đất (Cửu uyển)* : Trong tác phẩm *Lý lao* 離騷 của Khuất Nguyên có câu :
 余既滋蘭之九畹兮,又樹蕙之百畝。
 Dư ký tư lan chi cửu uyển hễ ; lại thụ huệ chi bách mẩu.
Tu đã trồng lan chín khoảnh, lại trồng huệ trăm mẫu.
 Trong bài thơ này, tác giả dùng lại ý đó.

18

送人北行

TỔNG NHÂN BẮC HÀNH^{1*}

都門回首樹蒼蒼,
立馬頻斟勤客觴。

Đô môn hồi thủ^{2*} thụ thương thương,
Lập mã^{3*} tần châm khuyển khách
thương.

一段離情禁不得,
津頭折柳又斜陽。

Nhất đoạn ly tình cấm bất đắc,
Tân đầu chiết liễu hựu tà dương.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN NGƯỜI ĐI PHƯƠNG BẮC

Ngoảnh lại cửa đô thành cây cối xanh xanh,
Dừng ngựa liền tiếp rót rượu mời khách.
Không sao ngăn nổi, một khúc tình ly biệt,
Bên bến sông bẻ cành liễu (1) trong bóng chiều tà.

KHẢO ĐỊNH :

1* MĐT : 河津送客 hà tân tống khách.

2* MĐT : 遠眺 viễn thiêu.

3* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, MĐT : 馬上 mã thượng

CHÚ THÍCH :

- (1) *Bẻ cành liễu (chiết liễu)* : Trong Tam phụ hoàng đồ 三輔黃圖 có chép : 灞橋在長安東,跨水作橋;漢人送客至此橋,折柳贈別。
 Bá kiều tại Trường An đông, khoa thủy tác kiều, Hán nhân tống khách chi thử kiều, chiết liễu tặng biệt : Bá Kiều là một cái cầu ở phía đông Trường An ; người đời Hán tiễn khách đến đây, thường bẻ cành liễu trao tặng để từ biệt. Người đời sau hay dùng chuyện « bẻ cành liễu » để chỉ cảnh chia tay.

19

題顧步鶴圖

ĐỀ CỐ ^{1*} BỘ HẠC ĐỒ

一 堆 老 石 竹 參 差，
孤 鶴 便 翮 未 肯 飛。
回 首 不 須 防 在 後，
網 羅 正 是 眼 前 機。

Nhất đòai lão thạch trúc sâm si,
Cô hạc biền huyên ^{2*} vị khăng phi.
Hồi thủ bất tu phòng tại hậu,
Võng la chính ^{3*} thị-nhãn tiền ky.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TRANH 'CỐ BỘ HẠC ĐỒ' (1)

Một đồng đá cũ, khóm trúc loi thôi,
Con hạc cô đơn dùng dằng chưa chịu bay.
Đừng ngoảnh đầu lại đề phòng đằng sau,
Lưới giăng chính là cơ sự đã ở ngay trước mắt.

DỊCH THƠ:

Khóm trúc loi thôi, đá mấp mô,
Dùng dằng cánh hạc, thể đơn cô.
Thôi đừng ngoảnh lại đằng sau nữa,
Lưới trước chờ kia chẳng phải dò!

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH:

1* MĐT: 故 cố.

2* TDTT: 翮 phiên.

3* TVTL2, TVTL3, HVTT, MĐT: 只 chỉ.

CHỮ THÍCH:

(1) Cố bộ hạc đồ: bức tranh vẽ con hạc vừa đi vừa ngoảnh lại.

20

代謝御賜墨畫龍

道人來自崇天宮，
手提一幅模糊龍。
云是重華聖人萬幾暇，
墨戲三昧時從容。

手中造化妙無蹟，
漁梭暫托陶家壁。
洞前獨帶濕雲歸，
鞭起屏翳驅霹靂。

春回五字溪流光，
印分三道珠凝香。
熱檀展拜謝天賜，
吟聲彷彿生公堂。

平生攀龍事則已，
一片禪心隨海水。
至尊若待為霖時，
只合形求築岩士。

ĐẠI TẠ NGŨ TỬ MẶC HỌA LONG 1*

Đạo nhân lai tự Sùng Thiên cung,
Thủ đề nhất bức mờ hồ long,
Vân thị Trùng Hoa 2* thánh nhân vạn
cơ 3* hạ,
Mặc hí tam muội thời thung dung.

* * *

Thủ trung tạo hóa diệu vô tích,
Ngư thoan tạm thác 4* Đào gia bích.
Động tiền độc 5* đới thấp vân quy,
Tiên khởi bình 6* khu tích lịch.

* * *

Xuân hồi ngũ 7* tự khe lưu quang,
Ấn phân tam đạo châu ngưng hương 8*,
Nhiệt đàn 9* triển bái tạ thiên tư,
Ngâm thanh phảng phất sinh công
đường.

* * *

Bình sinh phan long 10* sự tác dĩ,
Nhất phiến thiền tâm tùy hải thủy.
Chỉ tôn nhược đãi vi lâm thời,
Chỉ hợp hình 11* cầu trúc nam sĩ.

DỊCH NGHĨA:

THAY NGƯỜI TẠ ƠN VUA BAN CHO BỨC TRANH RỒNG THỦY MẶC

Có vị tăng từ cung Sùng Thiên tới,
Tay cầm một bức tranh rồng dáng chậm chờn,
Nói là của bậc thánh Trùng Hoa (1) nhân khi muôn việc rảnh,
Thung dung vẽ chơi vài nét chấm phá.

* * *

Bàn tay sáng tạo nhuần nhuyễn diệu kỳ,
Chiếc thoi người đánh cá tạm gửi lại nơi vách họ Đào (2).
Trước cửa động, riêng chỉ mang về mây ướt,
Quất thân gió dấy, xua thần sấm.

* * *

Mùa xuân về trên năm chữ (3) như những dòng khe chảy ánh sáng,
Dấu ấn chia làm ba đường (4) như những hạt châu đọng mùi thơm.
Đốt hương trầm lay tạ ơn trời cho,
Tiếng ngâm phảng phất vọng lên giữa công đường.

* * *

Việc «vin vảy rồng» (5) trong đời đã thành chuyện qua rồi,
Một tấm lòng thiền nay phó cho nước bể khơi.
Bạc «chí tôn» (6) nếu trông chờ cơn mưa tầm tã,
Chỉ cần tìm kẻ sĩ đúng hình dạng đang đắp tường ở Phó Nham (7).

KHẢO ĐỊNH:

- 1* VATT, chép đầu đề bài thơ là 代謝賜御畫墨龍 Đại tạ tứ ngự họa mặc long;
TVTL2: 代謝賜御畫黑龍 Đại tạ tứ ngự họa hắc long;
TVTL3: 代謝賜御畫龍 Đại tạ tứ ngự họa long;
HVTT: 代人謝賜御畫黑龍 Đại nhân tạ tứ ngự họa hắc long.
- 2* VATT: 恭華 Cung Hoa.
- 3* MĐT: sau chữ 聖人 thánh nhân không có hai chữ 萬機 vạn cơ. Có lẽ vì đề cho bài thơ được nhất quán từ trên xuống dưới (mỗi câu bảy chữ), MĐT đã lược bớt hai chữ này, và như vậy câu thơ còn lại đúng bảy chữ như các câu khác. Chúng tôi theo VATT, TVTL2, TVTL3, HVTT. Theo chúng tôi thì hai chữ 重華 Trùng Hoa và 聖人 thánh nhân hơi lặp ý. Có thể một trong hai từ này là thừa, do một sự nhầm lẫn nào đó trong quá trình sao chép lại bài thơ.
- 4* VATT, TVTL2, TVTL3: 化 hóa.
- 5* TVTL2, TVTL3, MĐT, HVTT: 猶 do.
- 6* VATT, TVTL2, TVTL3: 四奇 tứ kỳ.
- 7* TVTL2: 四 từ.
- 8* MĐT: 霜 sương.
- 9* TVTL2, TVTL3, HVTT: 壇 đàn.
- 10* VATT: 麟 lân.
- 11* TVTL2: 行 hành.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Trùng Hoa*: Chữ dùng đề-ca ngợi vua Thuấn.
- (2) *Tấn Thư* 晉書 chép: ngày xưa Đào Khẩn 陶侃 lúc còn bé đi câu, bắt được cái thoi đem về treo trên vách, bỗng nhiên nổi sấm sét, cái thoi hóa ra con rồng bay đi mất. Điền này được dùng lại ở đây, để nhấn mạnh cái ý là con rồng vua vẽ rất kỳ diệu.
- (3) *Năm chữ* (ngũ tự): chưa rõ xuất xứ. Có người cho là *phù, quý, thọ, Khang, ninh*. Nhưng ý đó không thích hợp với bài thơ này.
- (4) *Ba đường* (tam đạo): chưa rõ tác giả muốn nói gì. Cả câu này và câu trên nghĩa còn chưa rõ, chờ tra cứu thêm.
- (5) «*Vin vẫy rồng*» (phan long): theo truyền thuyết, khi vua Hoàng Đế 黃帝 băng hà, bầy tôi thấy vua cỡi rồng lên trời. Họ đến vin vào vẫy rồng, định giữ vua lại, nhưng vẫy rồng rụng xuống. Hoàng Đế đã đi mất. Ở đây dùng tích «vin vẫy rồng» để nói lên cái ý là bề tôi muốn phò vua giúp nước.
- (6) «*Chi tôn*»: chỉ vua.
- (7) Cả câu này xuất ý từ tích sau đây: vua Cao Tông 高宗 (nhà Thương) năm chiêm bao thấy Trời ban cho một vị hiền sĩ. Khi tỉnh giấc, truyền cho vẽ hình dạng người trong mộng để đi tìm. Kết quả là gặp được Phó Duyệt 傅說 đang đắp tường thuê ở đất Phó Nham. Cao Tông sung sướng nói: 若歲大旱, 用汝作霖雨. *Nhược tuổi đại hạn, dùng ngươi làm mưa dầm.*

21

送菊堂主人征刺那

將 壇 拜 了 奉 天 誅,
兔 寮 那 容 首 鼠 謀。
鼓 角 令 嚴 壇 帳 夜,
弓 刀 聲 動 玉 山 秋。
野 分 萬 竈 蠻 烟 散,
續 挾 三 軍 士 氣 稠。
碑 記 平 淮 宣 盛 事,
幙 中 還 有 退 之 否?

TỔNG ^{1*} CÚC ĐƯỜNG CHỦ NHÂN
CHÍNH THÍCH-NA ^{2*}

Tướng đàn bài liễu, phụng thiên tru,
Thổ quật na dụng thủ thử mưu.
Cổ giốc lệnh nghiêm chiến trường dạ,
Cung đao thanh động Ngọc Sơn thu.
Dã phân vạn táo man yên tản.

Khoảng ^{3*} hiệp tam quân sĩ ^{4*} khi
trù. ^{5*}

Bi ký bình Hoài tuyên ^{6*} thịnh sự,
Mạc ^{7*} trung hoàn hữu Thoái Chi
phầu?

DỊCH NGHĨA :

TIỀN CÚC ĐƯỜNG CHỦ NHÂN (1) ĐI ĐÁNH GIẶC THÍCH-NA (2)

Nhận chức Tướng quân xong, vâng mệnh trời đi chinh phạt,
 Không để cho thỏ trong hang (3) mưu thập thò như chuột.
 Hiệu lệnh trống còi nghiêm nhặt nơi chiến trường (4) lúc ban đêm,
 Tiếng cung đao vang động miền Ngọc Sơn (5) giữa mùa thu.
 Muôn bếp tán loạn, khói xóm Mờng lên rải rác,
 Ba quân đùm bọc, khí thế tràn đầy.
 Bìa ghi công binh định đất Hoài (6) tuyên dương việc hay,
 Trong quân trưởng còn có Hàn Thoái Chi (7) hay không ?

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT : 餞 tiễn. Sau đầu đề, VATT có lời dẫn : 時有御制送行 Thời hữu ngự chế tống hành : Lúc bấy giờ có thơ tống tiễn của vua.
 2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 刹那 Sát-na.
 3* TVTL1 : 獲 khoáng.
 4* VATT : 喜 hỉ.
 5* TVTL2, TVTL3 : 周 chu.
 6* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 真 chân.
 7* TVTL2 : 暮 mộ.

CHÚ THÍCH :

- (1) Cúc Đường Chủ Nhân : biệt hiệu của Trần Quang Triều. Xem chú thích (2), phần tiểu sử của Nguyễn Úc, tr. 26.
 (2) Thích-na (hay Sát-na) : chưa rõ ở đâu.
 (3) Hang thỏ : theo Chiến Quốc sách 戰國策 thi vào thời Chiến Quốc, Phùng Hoan 馮驩 có nói với Mạnh Thường Quân 孟嘗君 rằng : 狡兔有三窟 僅得免其死耳 Giảo thỏ hữu tam quật, cẩu đắc miễn kỳ tử nhĩ : Con thỏ ranh khôn có ba cái hang, chỉ để được thoát chết thôi. Ở đây, tác giả dùng chữ hang thỏ để chỉ sào huyệt của giặc Thích-na.
 (4) Chiến trường : chỉ nơi làm việc của tướng soái.
 (5) Ngọc Sơn : có thể là tên đất hoặc tên núi, nhưng ở đâu chưa rõ.
 (6) (7) Hàn Thoái Chi : tức là Hàn Dũ 韓愈, một nhà văn lớn đời Đường, từng làm bài văn bia nổi tiếng đề ca ngợi công lao binh định đất Hoài của Bùi Độ 裴度.

22

秋夜與故人朱何話舊

人 THU DẠ DỮ CỔ NHÂN ^{1*}
 CHU HÀ ^{2*} THOẠI CỰU

秋來偶傍菊花叢，
 一室芝蘭臭味同。
 世事泛論燈影外，
 交情深寄酒杯中。
 幾莖白髮時將晚，
 萬里青雲信未通。
 獨對不來今夕夢，
 西風吹雨落梧桐。

Thu lai ngẫu bạng cúc hoa tùng,
 Nhất thất chi lan xú ^{3*} vị đồng.
 Thế sự ^{4*} phiếm luân đăng ảnh ngoại,
 Giao tình thâm ký tửu bôi trung.
 Kỷ hành bạch phát thời ^{5*} tương vãn ^{6*},
 Vạn lý thanh vân tín vị thông.
 Độc đối bất lai kim tịch ^{7*} mộng,
 Tây phong xuy vũ lạc ngô đồng.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THU CÙNG BẠN CŨ CHU HÀ (1)
 KỂ LẠI CHUYỆN ĐÃ QUA

Mùa thu về, ngẫu nhiên ngồi bên khóm hoa cúc,
 Cùng một nhà chi lan, hương như nhau (2).
 Bên ánh đèn bàn phiếm việc đời,
 Tình bầu bạn gửi hết vào chén rượu.
 Vài sợi tóc bạc, báo tuổi đã sắp già,
 Đường công danh vạn dặm, nay vẫn chưa tỏ lối.
 Riêng gặp mặt nhau, đêm nay khỏi phải nằm mộng,
 Gió tây hắt mưa làm rụng lá ngô đồng.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1 : 故生 cố sinh.
 2* TVTL2, TVTL3 朱伯 Chu Bá.
 3* TVTL2 : 趣 thú.
 4* VATT, MĐT : 態 thái.
 5* TVLT1 : 旬 tuần.
 6* TVTL2, TVTL3 : 日 nhật.
 7* TVTL2 : 曉 hiếu.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Chu Hà* : Theo VATT và TVLT1 thì Chu Hà lúc này đang cùng Nguyễn Ưc làm dưới trướng Trần Quang Triều.
- (2) Sách *Gia ngữ* 家語 có chép : 興善人居，如入芝蘭之室，久而不聞其香，即與之化矣。 Dữ thiện nhân cư, như nhập chi lan chi thất; cửu nhi bất văn kỳ hương, tức dữ chi hóa hĩ : Sống chung với người thiện, cũng giống như bước vào nhà có chi lan, lâu rồi không còn ngửi thấy mùi thơm nữa, ấy là đã đồng hóa với chi lan rồi vậy.

23

舟過北江仙遊作

CHU 1* QUÁ BẮC GIANG
TIÊN DU TÁC

客帆歷歷過仙遊，
 峯見青山對白頭。
 半塔夕陽孤刹迥，
 一江明月四橋秋。
 霜餘紅稻連雲熟，
 雨後丹楓隔岸遘。
 歸思不堪逢逆水，
 咫尺程何日到神州。

Khách phàm lịch lịch 2* quá Tiên Du,
 Tu kiến thanh sơn 3* đối bạch đầu.
 Bán tháp tịch dương cô sát quỳnh,
 Nhất giang minh nguyệt tứ kiều thu.
 Sương dư hồng đạo liên vân thực,
 Vũ hậu đan phong cách ngạn vu.
 Quy tứ bất kham phùng nghịch 4* thủy,
 Chỉ 5* trình hà nhật đảo Thần Châu.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM KHI THUYỀN QUA TIÊN DU BẮC GIANG (1)

Buồm khách chằng chằng qua Tiên Du,
 Thềm thấy non xanh đối cùng đầu bạc.
 Bóng chiều rớt lại trên nửa ngọn tháp, xa tít một ngôi chùa cô đơn,
 Một giòng sông trắng sáng, bốn nhịp cầu thu.
 Sau khi sương sa, lúa chín vàng liền với chân mây,
 Sau lúc mưa tạnh, chòm phong đỏ bên kia sông xa lắc.
 Chiu sao nổi, khi lòng muốn về, lại gặp giòng nước ngược.
 Đường đi tuy gang tấc, biết ngày nào tới Thần Châu (2).

KHẢO ĐỊNH :

- 1* MĐT : sau chữ 舟 chu có chữ 行 hành.
 2* TVTL2, TVTL3 整整 chỉnh chỉnh.
 3* TVTL2, TVTL3 : 雲 vân.
 4* TVTL2, TVTL3 : 過 quá.
 5* TVTL1 : 行 hành.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo *Nhất thống chí* — 統志, tên huyện Tiên Du có từ đời Trần, thuộc lộ Bắc Giang (nay Tiên Du thuộc vùng Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc).
 (2) *Thần Châu* : ở đây chỉ kinh đô Thăng Long, tức Hà Nội ngày nay.

24

書懷奉呈菊堂主人

THƯ HOÀI PHỤNG TRÌNH CÚC
ĐƯỜNG CHỦ NHÂN

回首雲衢嘉里遙，
 江湖萍跡信風飄。
 歸田賦就荒三徑，
 陋巷貧餘樂一瓢。
 白髮多情憐客老，
 青山有約與誰招。
 青塵纓擬伺滄浪濯，
 早晚壺天訪寂寥。

Hồi thủ vân cù vạn lý dao,
 Giang hồ bình tích tín phong phiêu.
 Quy điền phú tỵ hoang tam kính,
 Lậu hạng bần dư lạc nhất biên.
 Bạch phát đa tình lân khách lão,
 Thanh ^{1*} sơn hữu ước dữ thủy chiêu.
 Trần anh nghĩ ^{2*} hương Thương
 Lương trạc,
 Tảo vân Hồ ^{3*} Thiên phỏng tịch liêu!

DỊCH NGHĨA :

CHI NỘI LÒNG, VANG TRÌNH CÚC ĐƯỜNG CHỦ NHÂN (1)

Ngoảnh nhìn đường mây muôn dặm xa xôi,
 Dấu bèo trên sông nước, mặc gió trời dạt.
 Bài phú *Quy điền* làm xong, ba luống vườn hoang vu (2),
 Cảnh nghèo nơi ngõ hẻm, vui với bầu nước nhạt (3).
 Tóc bạc, nhiều tình cảm, thương người nơi đất khách đã già,
 Từng hẹn ước với non xanh, biết rủ ai cùng đi với.
 Đem giải mũ dây bụi ra giặt ở Thương Lương (4),
 Sớm muộn cũng đến Hồ Thiên (5), thăm nơi thanh vắng.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 江 *giang*.2* MBT : 疑 *ngưng*.3* TVTL2 : 湖 *hồ*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Cúc Đường Chủ Nhân* : Biệt hiệu của Trần Quang Triều.
- (2) Trong bài *Quy khứ lai* 歸去來 của Đào Tiềm 陶潛 (ông còn có tên là « Ngũ Liễu tiên sinh » 五柳先生 vì trước nhà có năm cây liễu), có câu : 三徑就荒, 松菊猶存 Tam kinh tỵ hoang, tùng cúc do tồn : Ba lối vườn đã hoang vu, nhưng tùng cúc vẫn còn. Tác giả dùng lại tích này, tỏ ý muốn trở về với thú điền viên, như Đào Tiềm ngày xưa, vì không chịu sống cảnh luồn cúi ở chốn quan trường nên đã bỏ quan về với vườn ruộng.
- (3) Không Tử từng khen Nhan Hồi như sau : 一簞食, 一瓢飲, 在陋巷, 人不堪其憂, 回不改其樂. nhất đan thực, nhất biếu ẩm, tại lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hồi đã bất cải kỳ lạc : Một giỏ cơm, một bầu nước, ở ngõ hẻm, người khác thì rất lầy lảm lo, nhưng Nhan Hồi thì không hề thay đổi niềm vui của mình. Ở đây tác giả mượn ý Không Tử để nói mình cũng vui lòng sống cuộc đời nghèo nhưng trong sạch.
- (4) Mạnh Tử từng dẫn bài ca *Thương Lương* như sau : 滄浪之水清兮, 可以濯吾纓; 滄浪之水濁兮, 可以濯吾足. Thương Lương chi thủy thanh hề, khả dĩ trạc ngô anh; Thương Lương chi thủy trọc hề, khả dĩ trạc ngô túc : *Thương Lương* nước trong, thì ta giặt giũ mũ; *Thương Lương* nước đục, thì ta lại rửa chân. Câu thơ trên lấy ý từ đó, nói lên quan niệm «thủy thời mà xử thế» của tác giả.
- (5) *Hồ Thiên* : tên một ngọn núi và một ngôi chùa trên núi ấy, nay ở vào địa phận huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Chúng ta lại biết Nguyễn Ước là bạn thân của Trần Quang Triều, từng tham gia *Bích Động thi xã* do Quạng Triều lập ở Quỳnh Lâm (Đông Triều). Ở đây tác giả nói đến Hồ Thiên cũng là nói đến cảnh sẽ về với thú điền viên.

25

韋司徒公

VĂN TƯ ĐỒ CÔNG 1*

騎 箕 人 去 白 雲 深,
善 類 相 逢 嘆 陸 沈。
已 矣 九 重 亡 魏 鑑,
依 然 四 海 淪 商 霖。
公 言 猶 喪 奸 臣 膽,
厚 遇 難 忘 國 士 心。
流 水 高 山 杳 若 夢,
爲 誰 再 拂 壁 間 琴。

Kỵ Cơ nhân khứ bạch vân thâm,
Thiện loại 2* tương phùng thán lục
trầm.
Dĩ hĩ cửu trùng vong Ngụy giám,
Y nhiên tứ hải khát Thương lâm.
Công ngôn do táng gian thần đảm 3*,
Hậu ngộ nan vong quốc sĩ tâm.
Lưu thủy cao sơn liêu nhược 4* mộng,
Vị thủy tái phát bích gian cầm.

DỊCH NGHĨA:

VIẾNG QUAN TƯ ĐỒ (1)

Người cười sao Cơ (2) đi mất, mây trắng mịt mù,
 Những bậc thiện gặp nhau, than thở cảnh ngập chìm trên cạn.
 Ôi thôi! Chín tầng (3) đã mất tấm gương họ Ngụy (4),
 Bốn biển vẫn khao khát trận mưa dầm của nhà Thương (5).
 Lời nói của người còn làm cho bọn gian thần khiếp đảm,
 Tinh tri ngộ đậm đà, lòng kẻ quốc sĩ khó quên.
 Nước chảy, non cao, mịt mờ như giấc mộng,
 Vì ai lại phủi cây đàn trên vách một lần nữa (6).

KHẢO ĐỊNH:

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3: chép đầu đề bài thơ là 乾菊堂司徒公 Văn Cúc Đường Tư đồ công; MĐT: 乾菊堂司徒相公 Văn Tư đồ Cúc Đường Tướng công.
 2* MĐT: 處 xứ.
 3* MĐT: 阡 phủ.
 4* VATT, TVTL2, TVTL3, MĐT: 如 như.

CHÚ THÍCH:

- (1) Tức Trần Quang Triều. Xem chú thích (2), phần tiểu sử Nguyễn Ước, tr.26.
 (2) Người cười sao Cơ Sách. Trang Tử có nói rằng Phó Duyệt, một vị hiền thần của nhà Thương tuy chết, nhưng tinh thần ông vẫn còn ngồi sáng trên sao Cơ, sao Vĩ. Ở đây tác giả dùng lại ý ấy để nói tới cái chết của Trần Quang Triều.
 (3) Chín tầng (cửu trùng): chỉ vua nhà Trần lúc bấy giờ.
 (4) Tấm gương họ Ngụy: Đường thư 唐書 có chép khi Ngụy Trưng mất, Đường Thái Tông than rằng: 以賢人爲鑒,可明是非。今魏徵亡,是亡一鑒矣。
 Dĩ hiền nhân vi giám, khả minh thị phi. Kim Ngụy Trưng vong, thị vong nhất giám hĩ: Lấy người hiền làm tấm gương, có thể soi được việc sai việc đúng. Nay Ngụy Trưng chết đi, là mất một tấm gương đấy.
 (5) Trận mưa dầm của nhà Thương: Thư kinh 書經 có ghi những lời vua Cao Tông nhà Thương đánh giá rất cao Phó Duyệt: 若歲大旱,用汝作霖雨。
 Nhược tuế đại hạn, dụng nhữ tác lâm vũ: Như năm đại hạn, dùng nhà ngươi làm trận mưa dầm. Tác giả dùng lại ý này để ca ngợi công lao của Trần Quang Triều.
 (6) Sách Lễ thị Xuân thu 呂氏春秋 có chép tinh tri kỷ giữa Bá Nha 伯牙 và Chung Tử Kỳ 鍾子期. Bá Nha gảy đàn, chỉ có Chung Tử Kỳ mới thưởng thức được tiếng đàn đó. Về sau Tử Kỳ chết, Bá Nha treo đàn lên vách không gảy nữa, vì đã vắng bạn «tri âm». Ở bài thơ trên những chữ «nước chảy, non cao» trong câu 7 và cả câu 8 đều lấy ý từ tích đó, để nói lên sự đau xót của tác giả khi mất một người hiền minh như Trần Quang Triều.

26

元日謁延光寺月潭上人

NGUYỄN NHẬT YẾT DIÊN QUANG
TỰ NGUYỆT ĐÀM THUƠNG NHÂN 1*

東風著意到琪林，
 路入曹溪不遠尋。
 幾處雨花平講席，
 一潭寒月印禪心。
 道無南北人猶古，
 詩涉風騷趣更深。
 塵尾十年勞夢想，
 瓣香何幸得如今。

Đông phong trước ý đảo Kỳ Lâm,
 Lộ nhập Tào Khê bất viễn tìm.
 Kỳ xứ vũ hoa bình giảng tịch,
 Nhất đàm hàn nguyệt ấn thiền tâm.
 Đạo vô nam bắc nhân dơ cổ 2*,
 Thi thiệp Phong, Tao thú cảnh thâm.
 Chủ vĩ thập niên lao mộng tưởng,
 Biện hương hà hạnh đắc như càm 3*.

DỊCH NGHĨA :

MONG MỘT TẾT YẾT KIẾN THUƠNG NHÂN (1) NGUYỆT ĐÀM
Ở CHÙA DIÊN QUANG (2)

Gió xuân (3) hữu ý tới Kỳ Lâm (4),
 Lối vào Tào Khê (5) không phải tìm xa nữa.
 Mấy chỗ mưa hoa rơi đều trên chiếu giảng (6),
 Một đầm trắng lạnh in tấm lòng thiền.
 Đạo không chia nam bắc, người vẫn như thời cổ,
 Thơ đạt tới mức Phong, Tao (7) càng lắm thú vị.
 Giảng đạo (8) mười năm, ước mộng nhọc nhằn,
 May sao được dâng một nén hương như hôm nay.

DỊCH THƠ :

Gió xuân đưa tới Kỳ Lâm,
 Tào Khê đây lối, phải tìm chi xa.
 Mấy nơi chiếu giảng mưa hoa,
 Một đầm trắng lạnh, in qua lòng thiền.
 Đạo chung nam bắc rọi truyền,
 Phong, Tao chuẩn mực, khơi niềm thú sâu.
 Mười năm mộng tưởng lẽ mầu,
 May sao được dịp, nay hầu dâng hương.

HOÀNG LÊ

KHẢO ĐỊNH :

- 1* MBT: chép đầu đề bài thơ là 元日訪月潭上人 Nguyên nhật phỏng Nguyệt Đàm Thượng Nhân, TVLT2 元旦謁延光寺月潭上人 Nguyên đán yết Diên Quang tự Nguyệt Đàm Thượng Nhân.
- 2* MBT: 相參平等緣初悟 Tương tham bình đẳng duyên sơ ngộ; VATT, TVTL2: 道無南北人逾古 Đạo vô nam bắc nhân du cổ.
- 3* MBT: 瓣香說法幸如今 Biện hương thuyết pháp hạnh như cam.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thượng Nhân* : tiếng nhà Phật, chỉ người đức cao. Sách *Thập tụng luật* chia người làm bốn hạng : xuân nhân (người ngu xuẩn), trọc nhân (người ô trọc), trung gian nhân (người bình thường), thượng nhân (người đức cao).
- (2) *Chùa Diên Quang* : chưa rõ ở đâu.
- (3) Dịch thoát hai chữ *đông phong*, nguyên là một thứ gió ấm thổi vào mùa xuân.
- (4) *Kỳ Lâm* : tên một khu rừng trên đường tới Tào Khê.
- (5) *Tào Khê* : tên một cái khe ở huyện Khúc Giang tỉnh Quảng Đông. Tờ thứ sáu của Thiên tông là Tuệ Năng đã tự ở đó. Nguyễn Trãi có câu thơ : 門前一派曹溪水; 洗盡人間劫劫塵。 Môn tiền nhất phái Tào Khê thủy; tẩy tận nhân gian kiếp kiếp trần : trước cửa một giòng nước Tào Khê ; rửa sạch bao kiếp bụi bặm của người đời.
- (6) Sách xưa có chép : Lương Dị Tăng thuyết pháp ở trong núi, «hoa trời đua rắc, đá đều gát đầu» (thiên hoa loạn trụ, thạch giai điểm đầu). Về sau, trong Ngự Tiếu vấn đáp 漁樵問答, Nguyễn Đình Chiểu có câu : «Giảng kinh như kẻ cao tăng ; hoa trời bay xuống, đá ung điểm đầu».
- (7) *Phong, Tao* : Phong vốn là phần Quốc phong 國風 trong Thi kinh 詩經 cũng như Tao vốn là khúc Ly tao 離騷 của Khuất Nguyên 屈原. Người ta còn dùng hai chữ «Phong Tao» để chỉ Thi kinh và Sở từ 楚辭 là hai thứ tượng trưng cho hai giọng thơ ca xuất hiện sớm nhất của Trung Quốc. Hai chữ đó được dùng trong bài thơ này với nghĩa là «đỉnh cao của thơ ca».
- (8) Chữ *Chủ vĩ* nguyên nghĩa là một thứ phát trần mà thời cổ các nhà đàm luận hay cời nơi tay khi bàn về những chuyện triết lý. Chữ ấy cũng được dùng để chỉ sự giảng giải về đạo lý cho người khác nghe. Ở đây chúng tôi dịch thoát là «giảng đạo».

27

送侍臣莫穎夫使元

TỔNG THỊ THẦN MẠC DĨNH
PHU SỨ NGUYÊN^{1*}

拜了龍顏出帝都，
 皇華歌罷又驪駒。
 九重回首蓬雲杳，
 千里論心漢月孤。
 到手功名名真羨子，
 行人功事業却怒吾。
 江南人物知多少，
 還有新詩寄雁無？

Bái liêu^{2*} long nhan xuất đế đô,
 Hoàng hoa ca bãi hựu Ly cầu.
 Cửu trùng hồi thủ Bồng vân^{3*} liêu^{4*}
 Thiên lý luận tâm Hán nguyệt cô.
 Đáo thủ công danh chân tiên tử.
 Diễn^{5*} nhân sự nghiệp khước sầu ngô.
 Giang Nam nhân vật tri đa thiểu,
 Hoàn hữu tân thi ký nhạn vô ?

DỊCH NGHĨA :

TIỀN THỊ THẦN MẠC DĨNH PHU⁽¹⁾ ĐI SỨ NHÀ NGUYÊN

Lạy vua xong, ra khỏi kinh thành,
 Hát hết khúc *Hoàng hoa* ⁽²⁾ lại hát khúc *Ly cầu* ⁽³⁾.
 Ngóảnh đầu nhìn chốn cửu trùng, mây Bồng ⁽⁴⁾ mờ mịt,
 Nói tới tâm sự kẻ đi nghìn dặm, trăng Hán ⁽⁵⁾ cô đơn.
 Công danh đến tay, thêm được như cảnh bác,
 Sự nghiệp làm lắm lỡ con người, buồn cho nông nổi tôi.
 Đất Giang Nam ⁽⁶⁾ có biết bao nhiêu nhân vật,
 Liệu còn bài thơ mới nào gửi cho chim nhạn không ?

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2, TVTL3 : chép đầu đề bài thơ là : 送侍御史莫穎夫使大元

Tống Thị ngự sử Mạc Dĩnh Phu sứ Đại Nguyên ;

MBT : 送莫穎夫北使 Tống Mạc Dĩnh Phu bắc sứ.

2* MBT : 欽拜 khâm bái.

3* TVTL2, TVTL3 : 來 lai.

4* VATT : 小 tiểu.

5* TVTL2, TVTL3 : 牽 khiên.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Mạc Đĩnh Phu* : chưa rõ là ai. Chúng tôi ngờ là Mạc Đĩnh Chi, tự Tiết Phu. Ông đi sứ nhà Nguyên năm Hưng Long thứ 16 (1308).
- (2) *Hoàng hoa* : tức bài thơ Hoàng hoàng giả hoa 皇皇者華 trong phần Tiểu nhã 小雅 của Thi Kinh 詩經. Người xưa cho rằng đó nguyên là một bài hát của vua dùng để sai phải sử thần. Đời sau hay dùng hai chữ «Hoàng hoa» để ca ngợi kẻ đi sứ.
- (3) *Ly câu* : Bài hát người xưa thường dùng để từ biệt nhau.
- (4) *Mây Bồng* (Bồng vân) : Chỉ cung điện nhà vua.
- (5) *Trăng Hán* (Hán nguyệt) : Trăng ở sông Hán. «Trăng Hán» ở đây tượng trưng cho cảnh đi sứ xa xôi.
- (6) *Giang Nam* : Chỉ các vùng thuộc phía nam sông Trường Giang, nơi sứ giả sẽ đi qua.

28

春日村居

XUÂN NHẬT THÔN CƯ

竹 徑 陰 陰 草 色 萋。
 柴 門 深 鎖 畫 烟 迷。
 枝 頭 花 重 蜂 鬚 粉，
 簾 額 芹 香 燕 子 泥。
 課 僕 運 筒 澆 藥 圃，
 呼 兒 牽 犢 試 春 犁。
 傍 人 說 着 烏 官 好，
 懶 惰 無 心 報 醜 妻。

Trúc kính âm âm, thảo sắc thê,
 Sài môn thâm tỏa, trú yên mê.
 Chi đầu hoa trọng phong tu phấn,
 Liềm ngạch cần hương yến tử nê.
 Khóa bộc vận đồng kiều dược phổ,
 Hô nhi khiên độc thi xuân lê.
 Bàng nhân thuyết trước vi quan hảo,^{1*}
 Lãn nọa vô tâm ^{2*} báo xú thê.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY XUÂN Ở NÔNG THÔN

Lối trúc râm mát, màu cỏ xanh tươi,
 Cửa sài đóng chặt, khói ban ngày mờ tỏa.
 Phấn ở hoa đầu cành làm nặng râu ong,
 Bùn ở khóm rau cần trước mảnh cửa làm thơm dấu chân chim én.

Bảo đầy tớ xách thùng tưới vườn cây thuốc,
 Gọi thẳng con dắt ghé, thử chiếc cày xuân.
 Người chung quanh cứ bảo đi làm quan tốt,
 Lười không nghĩ việc bảo đáp cho người vợ quê.

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, MĐT : 媚 *mị*.2* MĐT : 情 *ình*.

29

客舍和友人韻

窮居隨分寄衡茅，
 惟恨梅花不入騷。
 夜月屢驚烏繞樹，
 春風幾度燕辭巢。
 貧交食攬方知味，
 世事搏沙只謾勞。
 說到此情猶未信，
 有如江水暮滔滔。

KHÁCH XÁ HỌA HỮU NHÂN VẬN

Cùng cư tùy phận ký hành mao,
 Duy hận mai hoa bất nhập tao.
 Dạ nguyệt lũ kinh ô nhiễu thụ,
 Xuân phong kỷ độ yến từ sào.
 Bần giao thực lăm phương tri 1* vị,
 Thế sự đoàn sa chỉ mạn lao.
 Thuyết đảo thử tình do vị tín,
 Hữu như giang thủy mộ thao thao.

DỊCH NGHĨA :

NƠI QUÁN KHÁCH HỌA THƠ BẠN

Gặp cảnh cùng, theo số phận, nường thân dưới mái nhà tranh,
 Chỉ giàn hoa mai không vào thơ.
 Giữa đêm trắng, quạ nhiều lúc kinh sợ bay vòng quanh cây,
 Trong gió xuân, én bao phen rời tổ.
 Bạn nghèo kết giao, ăn quả trám, mới biết vị,
 Việc đời lấy tay nắm cát (1), chỉ tổ nhọc mình.
 Nói đến cảnh tình ấy còn chưa tin được,
 Thì có nước sông chiều hôm cuộn cuộn chảy kia !

DỊCH THƠ :

Nương mái tranh nghèo sống lắt lay,
 Lòng buồn còn thiết đến chi mai!
 Đêm trắng qua sợ quanh cây lượn,
 Ên nợ bao phen bỏ tổ bay.
 Tình bạn như người ăn quả trám,
 Việc đời tựa cát nằm trong tay.
 Giải lòng đến thế còn ngờ vực,
 Sông nước chiều hôm chừng dạ này!

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TVTL1 : 回 hồi.

CHÚ THÍCH :

(1) Lấy tay nắm cát (đoàn sa) : Thơ Tô Đông Pha có câu :

親友如團沙

放手還復散

Thân hữu như đoàn sa,

Phóng thủ hoàn phục tán.

Bạn thân như nắm cát,

Buông tay liền rời ra.

Câu thơ trên của Nguyễn Ưc ý muốn nói tình bạn ở đời lắm khi như lấy tay nắm cát, thân thiết nhau chỉ là tạm thời. Không như những người nghèo kết giao, càng lâu càng gần bó.

30

落梅

LẠC MAI

緬想瑤池阿母遊，
 香山一曲逞風流。

含章公主初粧額，
 金谷佳人忽墜樓。

一和月易生今夕夢，
 點顰猶帶舊年愁。

自閑自落無情物，
 枉使吟翁盡白頭。

Miền tưởng Dao Trì a mẫu du,
 Hương Sơn nhất khúc ^{1*} sinh phor
 lư

Hàm Chương công chúa sơ trang ngọc
 Kim Cốc giai nhân hốt trụy ^{2*} lầu.

Hòa nguyệt dị sinh kim tịch mộng,
 Điểm song do đới cựu niên sầu.

Tự khai tự lạc vô tình vật,
 Uổng sử ngâm ông tận bạch ^{3*} đầu

DỊCH NGHĨA:

HOA MAI RỤNG

Hồi tưởng cuộc chơi của Vương Mẫu ở Dao Trì (1),
 Một khúc Hương Sơn tỏ (2) phong lưu.
 Công chúa cung Hàm Chương vừa được cánh hoa mai điểm trang trên
 trán (3),
 Giai nhân vườn Kim Cốc bỗng rơi xuống lầu (4).
 Hòa với trăng, dễ sinh ra giấc mộng đêm nay,
 Đằm bên song, còn mang nỗi buồn nhớ năm xưa.
 Giống vô tình tự nở rồi tự rụng,
 Luống để nhà thơ đến bạc cả đầu.

DỊCH THƠ:

*Dao Trì, Vương Mẫu chuyện dàu dàu;
 Một cảnh Hương Sơn cũng đủ màu.
 Công chúa Hàm Chương vừa điểm trán,
 Giai nhân Kim Cốc bỗng sa lầu.
 Mai hòa với nguyệt xui nên mộng,
 Mai tựa bên song gợi nhớ sầu.
 Khi nở, khi tàn mai có biết?
 Thi nhân đến phải bạc phơ đầu!*

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH.

- 1* TVTL2: 回 *hồi*.
 2* TVTL2: 落 *lạc*.
 3* TVTL1, TVTL3: 吟翁白盡 *ngâm ông bạch tận*.
 TVTL2: 吟人白盡 *ngâm nhân bạch tận*.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Dao Trì*: một cảnh tiên, tương truyền là chốn Tây Vương Mẫu ở.
 (2) *Hương Sơn*: Nhà thơ Bạch Cư Dị 白居易 đời Đường có một vườn hoa gọi là Hương Sơn. Nhưng Hương Sơn trong bài thơ này cũng có thể là tên một ngọn núi, một ngôi chùa hay một địa phương nào đó ở nước ta, chúng tôi chưa xác định được.
 (3) Theo *Sơ học ký* 初學記 một hôm công chúa Thọ Dương 壽陽 con vua nhà Tống nằm ngủ dưới hiên cung Hàm Chương, hoa mai rụng xuống đầy trán, người đương thời nói công chúa «trang sức bằng hoa mai» (mai hoa trang).
 (4) Thạch Sùng 石崇 đời Tấn có một vườn hoa tên là Kim Cốc (ở phía tây bắc huyện Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Nơi đây có Thanh Lơng đài, tức là chỗ người vợ lẽ rất đẹp của Thạch Sùng là Lục Châu 綠珠 đã từ trên lầu cao nhảy xuống tự tử, để phản đối hành động bất chính của Tôn Tú.

31

編集菊堂遺稿感作

BIÊN TẬP ^{1*} CÚC ĐƯỜNG DI CẢO ^{2*}
CẢM TÁC

陵 柵 陰 陰 鎖 翠 微，
 數 聲 啼 鳥 送 殘 暉。
 鼎 湖 波 泛 龍 逾 遠，
 華 表 雲 深 鶴 未 歸。
 客 路 幾 年 嗟 潦 倒，
 釣 天 午 夜 夢 依 稀。
 倚 欄 無 限 傷 心 事，
 目 斷 山 城 淚 暗 揮。

Lăng ^{3*} bách âm âm tỏa thủy vi,
 Sồ thanh đề điều tống tàn huy.
 Đỉnh Hồ ba phiếm long dư viễn,
 Hoa biểu vân thâm ^{4*} hạc vị quy.
 Khách lộ kỷ niên ^{5*} ta lạo đảo,
 Quân thiên ngộ dạ mộng ^{6*} y hi.
 Ỡ lan vô hạn thương tâm sự,
 Mục đoạn sơn thành ^{7*} lệ âm huy.

DỊCH NGHĨA :

CẢM TƯỢNG KHI BIÊN TẬP CUỐN DI CẢO (1) CỦA CÚC ĐƯỜNG

Những cây bách trên lăng mộ âm u, một màu xanh biếc trùm kín,
 Vài tiếng chim tiền đưa bóng chiều tàn.
 Sóng Đỉnh Hồ (2) rập rờn, rồng càng xa vắng,
 Máy hoa biểu (3) mù mịt, hạc vẫn chưa về.
 Òi, lặn dận bao năm trên con đường đất khách,
 Mộng chập chờn giữa trời lúc nửa đêm.
 Tựa lan can, chuyện đau lòng không kể xiết,
 Vời trông rặng núi, những giọt lệ thầm.

DỊCH THƠ :

Lăng mộ âm u, cụm bách già,
 Chim kêu mấy tiếng tiền chiều tà.
 Đỉnh Hồ sóng động, rồng càng vắng,
 Hoa biểu mây mù, hạc vẫn xa.
 Đất khách, bàn chân tẻ tái bước,
 Lưng trời, hồn mộng chập chờn qua.
 Tựa song đứng lặng, lòng đau xót,
 Núi dựng thành sầu, giọt lệ sa.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

- 1* MDT : sau chữ 遍 *biên* không có chữ 集 *tập*.
- 2* MDT : 集 *tập*.
- 3* MDT : 庭 *đình*.
- 4* VATT : 閑 *nhàn*.
- 5* MDT : 作客春秋 *Tác khách xuân thu*.
- 6* MDT : 撐天事業想 *Sanh thiên sự nghiệp tưởng*.
- 7* MDT : 掇拾殘編 *Chuyết thập tàn biên*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo *Văn tịch chí*, LTHCLC thì *Cúc Đường di thảo* 菊堂遺草 là do Trần Quang Triều 陳光朝 soạn, Nguyễn Ưc biên tập. «Nguyên tập đã mất, chỉ còn được mấy bài, đều là thanh thoát đáng ưa» (Bd. LTHCLC, tr. 71).
- (2) *Đĩnh Hồ* : Theo *Phong thần thư*, *Sử ký* 封禪書, 史記 thi xưa kia Hoàng Đế từng đúc vạc ở dưới núi Kinh Sơn, Khi vạc thành, Hoàng Đế cỡi rồng lên tiên. Người đời sau đặt tên chỗ đúc vạc của Hoàng Đế là «Đĩnh Hồ», và thường dùng hai chữ này để ngụ ý là một vị vua chúa nào đó đã chết và cưỡi rồng đi về cõi tiên.
- (3) *Hoa biểu* : Còn gọi là «hoàn biểu». Đó là một vật làm bằng gỗ, có một đầu giống như cái hoa, người xưa thường dùng để cắm ở chỗ các con đường lớn giao nhau.
Sách *Sưu thần hậu ký* chép rằng : một đạo sĩ đời Hán tên là Đĩnh Linh Uy 丁令威 sau khi học đạo thành công, hóa thành con hạc màu đen bay về quê, đậu trên cột hoa biểu gọi mọi người. Ở câu thơ trên, tác giả dùng điển này để nói nỗi nhớ tiếc của mình đối với tác giả *Cúc Đường di thảo*.

CHU VĂN AN

朱文安

(? — 1370)

Chu Văn An hiệu là Tiều Ẩn 樵隱, tên chữ là Linh Triệt, tên thụy là Văn Trinh 文貞, sinh năm nào chưa rõ. Ông người làng Văn Thôn 文村, xã Quang Liệt 光烈, huyện Thanh Đàm 淸潭 (1).

Sau khi thi đậu thái học sinh, Chu Văn An không ra làm quan, chỉ ở nhà dạy học. Học trò theo học rất đông. Phạm Sư Mạnh 范師孟, Lê Bá Quát 黎伯适 đều là học trò ông.

Năm Khai Thái đời Trần Minh Tông 陳明宗 ông mới nhận chức Quốc tử giám tư nghiệp, dạy cho thái tử học. Đời Trần Dụ Tông 陳裕宗 (1341 — 1369), nhà vua mãi mê chơi bời, bỏ bê việc nước, bòn quyền thần thì lộng quyền, hà khắc, tham nhũng, Chu Văn An bèn dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, nhưng vua không nghe. Ông xin từ chức, lui về ở ẩn tại núi Phượng Hoàng 鳳凰, làng Kiệt Đặc 傑特, huyện Chi Linh 至靈. Ông mất năm Thiệu Khánh thứ nhất đời Trần Nghệ Tông (1370), được vua làm lễ tế và đặt tên thụy là Văn Trinh.

Tác phẩm : theo LTC'GVN, Chu Văn An từng có những tác phẩm như Thất trảm sớ 七斬疏, Tiều Ẩn thi tập 樵隱詩集, Tiều Ẩn quốc ngữ thi tập 樵隱國語詩集, Tứ thư thuyết ước 四書說約. Nhưng cho đến nay mới chỉ tìm được 12 bài thơ chép trong Toàn Việt thi lục.

(1) Nay là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

32

月夕步仙遊山松徑

NGUYỆT 1* TỊCH BỘ TIÊN
DU SƠN TÙNG KÍNH

緩 緩 步 松 堤,
孤 村 淺 霧 迷。
潮 回 江 笛 迥,
天 閑 樹 雲 低。
宿 鳥 翻 清 露,
寒 魚 躍 碧 溪。
吹 笙 何 處 去,
哀 篴 冥 山 西。

Hoãn hoãn bộ tùng đề,
Cô thôn đạm ái mê.
Triều hồi, giang địch quỳnh,
Thiên khoát, thụ vân đề.
Túc điều phiến thanh lộ,
Hàn ngư dược bích Khê.
Xuy sinh hà xứ khứ,
Tịch mịch cố sơn tây?

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM TRĂNG DẠO BƯỚC TRÊN ĐƯỜNG THÔNG Ở NÚI TIÊN DU (1)

Thong thả dạo bước trên con đê trồng thông,
Xóm vắng mờ trong làn khói nhạt.
Nước triều xuống, tiếng sáo bên sông xa vắng,
Trời rộng, mây là là ngọn cây.
Chim đêm cựa mình trong làn sương trong,
Cá lạnh nhảy trong khe biếc.
Người thổi sênh đi nơi đâu,
Phía tây núi cũ vắng vẻ ?

DỊCH THƠ :

Đủng đỉnh dạo bờ thông,
Làng quê bát ngát trong.
Nước lui còi bên thoảng,
Trời rộng khói cây lồng.
Chim đậu tan sương lạnh,
Cá bơi vẩy nước trong.
Tiếng sênh đâu vắng tá,
Hiu quạnh một non không ?

(Bd. HVTVT)

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2, HVTT : 日 nhật.

CHÚ THÍCH :

(1) Núi Tiên Du : Tức núi Phật Tích ; nay thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc.

33

題揚公水華亭

上 人 遠 公 裔
朗 悟 有 高 識
屢 結 白 社 盟
鳥 愛 青 蓮 色
方 塘 貯 碧 漪
環 以 芙 葉 植
上 構 水 華 亭
意 與 蓮 比 德
好 風 時 一 來
滿 座 聞 芳 馥
隱 几 觀 叢 妙
悠 然 心 得 身
不 知 清 淨 側
己 在 荷 華 朋
明 月 雲 友 息
閒 雲 同 珠 飲
渴 傾 玉 露 食
飢 摘 謝 房 紛
回 頭 遊 世 極
逍 遙

ĐỀ DƯƠNG CÔNG
THỦY HOA ĐÌNH^{1*}

Thượng nhân Viễn công duệ,
Lãng ngộ hữu cao thức.
Lũ kết bạch^{2*} xã minh,
Vị ái thanh liên sắc.
Phương đường trử bích y,
Hoàn dĩ phù cừ thực.
Thượng cầu thủy-hoa đình,
Ý dữ liên tỷ đức.
Hảo phong thời nhất lai,
Mãn tọa văn phương phúc.
Ăn kỷ^{3*} quan chúng diệu,
Du^{4*} nhiên tâm tự đắc.
Bất tri thanh tĩnh thân^{5*},
Dĩ tại hà hoa trắc.
Minh nguyệt tương hữu bằng^{6*},
Nhàn văn đồng yễn^{7*} tức.
Khát khuynh châu lộ ẩm,
Cơ trích ngọc phòng thực.
Hồi đầu^{8*} ta thể phán,
Tiêu dao du bát cực.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ ĐÌNH THỦY HOA CỦA DƯƠNG CÔNG

Thượng nhân ⁽¹⁾ là giòng dõi của Viễn công,
 Hiểu biết một cách sáng suốt, có kiến thức cao.
 Luôn kết lời minh ước ở Bạch Xã ⁽²⁾,
 Vì yêu sắc sen xanh.
 Ao vuông chứa đựng nước trong biểc,
 Xung quanh trồng toàn sen.
 Trên ao dựng ngôi đình Thủy Hoa,
 Ý chừng muốn sánh đức với sen.
 Gió mát thường xuyên thổi tới,
 Làm thơm ngát khắp ngôi đình.
 Tựa bên ghế để quan sát mọi điều huyền diệu,
 Lâng lâng cảm thấy thoải mái trong lòng.
 Chẳng biết tấm thân thanh tịnh,
 Đã ở bên cạnh đóa hoa sen.
 Trắng sáng cùng làm bạn với mình,
 Máy nhân cùng ta nghỉ ngơi.
 Khát thì nghiêng rót những hạt sương châu để uống,
 Đói thì lấy những chùm quả bằng ngọc ⁽³⁾ mà ăn.
 Ngoảnh lại quên hết mọi rắc rối ở đời,
 Đề nhón nhơ vui chơi tám cõi.

DỊCH THƠ :

Thượng nhân dòng Viễn công,
 Sáng suốt cao tri thức.
 Bạch xã luôn kết minh,
 Sen xanh đáng yêu sắc.
 Nước biểc chứa ao vuông,
 Sen vây bốn phía đặc.
 Trên xây đình Thủy Hoa,
 Ý cùng sen sánh đức.
 Thoang thoang gió xa đưa,
 Ghế ngồi thơm sực nức.

Thần diệu dạo chơi xem,
 Nhón nhơ lòng tự đắc.
 Thân thanh tịnh chẳng hay,
 Cùng sen chỉ gang tấc.
 Trắng trong ấy bạn bầu,
 Máy nhân cùng thức giấc.
 Khát nghiêng bầu móc trong,
 Đói ăn chùm quả ngọc.
 Ngoái trông gác chuyện đời,
 Nhón nhơ chơi tám cực.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT : Đầu đề bài thơ chép là 題朗佐 Đề Lãng ngo.
 TVTL1 : 題朝公 Đề Triều công.
 2* VATT : 香 hương.
 3* VATT : 遊 du.
 4* VATT : 超 siêu.
 5* TVTL2 : 心 tâm.
 6* VATT : 朋友 bằng hữu.
 7* TVTL2 : 相隱 tương ẩn.
 8* TVTL2 : 首 thủ.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thượng nhân* : Những người có đức lớn. Ở đây dùng để chỉ các vị cao tăng.
 (2) *Bạch xã* : Do chữ «Bạch liên xã» viết tắt mà thành. Pháp sư Tuệ Viễn 慧遠 trụ trì chùa Đông Lâm tập hợp 123 người gồm những cao tăng và danh nho, ăn thề với nhau trước tượng A-di-đà 阿彌陀. Vì chùa ấy có trồng sen trắng (bạch liên), nên có tên gọi như vậy.
 (3) *Chùm quả bằng ngọc* : tức hạt sen trong gương sen.

34

靈山雜興

LINH SƠN TẬP HƯNG

萬疊青山簇畫屏，
 斜陽淡抹半溪明。
 翠蘿徑裏無人到，
 山鵲啼煙時一聲。

Vạn điệp thanh sơn thốc họa bình,
 Tà dương đạm抹^{1*} bán Khê minh.
 Thủy la kinh lý vô nhân đáo,
 Sơn thước đề yên thời nhất thanh.

DỊCH NGHĨA :

TẬP HƯNG Ở LINH SƠN (1)

Muôn lớp núi xanh tụ lại như bức bình phong vẽ,
 Bóng chiều nhạt dọi tới sáng nửa lòng khe.
 Trong lối cỏ biếc, không người đến,
 Thỉnh thoảng một tiếng chim thước kêu trong khói mù.

DỊCH THƠ :

Núi xanh muôn lớp họa bình che,
 Ấc xẽ soi lên rặng nửa khe.
 Bụi rậm đường sâu người vắng vẻ,
 Trong mây chim thước gọi le te.

(Bd. HVTVT)

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT : 掛倒 quải đảo.

CHỮ THÍCH :

(1) *Linh Sơn*: Tức núi Chí Linh, ở huyện Chí Linh, thuộc tỉnh Hải Hưng ngày nay.

35

村南山小憩

* THÔN NAM SƠN TIỂU KHỆ 1*

閑	身	南	北	先	雲	輕	，	Nhàn	thân	nam	bắc	phiến	vân	khinh,
半	枕	清	風	世	外	情	。	Bán	châm	thanh	phong	thế	ngoại	tình.
佛	界	清	幽	塵	界	遠	，	Phật	giới	thanh	u,	trần	giới	viễn,
庭	前	噴	血	一	鶯	鳴	。	Đình	tiền	phún	huyết	nhất	oanh	minh.

DỊCH NGHĨA :

TẠM NGHỈ Ở NÚI THÔN NAM (1)

Thân nhàn như đám mây nhẹ bay khắp nam bắc,
 Gió mát thổi bèn gối, tâm tình dễ ngoài cuộc đời.
 Cõi Phật thanh u, cõi trần xa vời,
 Trước sân, hoa đỏ như máu, một chiếc oanh kêu.

DỊCH THƠ :

Thân nhàn tựa áng mây trời,
 Gió trắng nửa gối, việc đời nhẹ thênh.
 Cõi trần xa, cõi Phật thanh,
 Sân hoa máu đỏ chim oanh liú lờng.

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 chép chung bài này với bài *Linh Sơn tạp hứng* trên kia làm một. Nhưng nhiều sách khác thì lại chép tách riêng thành hai bài. Xét về nội dung, có lẽ tách ra như vậy hợp lý hơn.

CHÚ THÍCH :

(1) *Núi Thôn Nam* : chưa rõ ở đâu.

36

恭和御制洞章

CUNG HỌA NGŨ CHẾ ĐỘNG CHƯƠNG

庭	舞	胎	禽	雲	掩	閨	,	Đình vũ thai cầm vân yêm quan,
露	華	嚙	罷	覺	清	寬	。	Lộ hoa yển bãi giác thanh khoan.
碧	桃	華	下	渾	無	事	,	Bích đào hoa hạ hồn vô sự,
時	倩	東	風	掃	石	壇	。	Thời thiển ^{1*} đông phong tảo thạch đàn.

DỊCH NGHĨA :

KÍNH HỌA THƠ VUA (1)

Hạc múa ở sân, mây che ngoài cửa,
 Nuốt hoa sương rồi cảm thấy khoan khoái nhẹ nhàng.
 Dưới hoa bích đào lòng thanh thản,
 Thỉnh thoảng mượn ngọn gió đông quét trên đàn đá.

DỊCH THƠ :

*Hạc múa ngoài sân, mây cửa lồng,
 Sương hoa uống cạn, thanh thoi lòng.
 Dưới hoa đào dạo, hồn thanh thản,
 Quét thạch đàn, ta mượn gió đông.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 值 tri.

CHÚ THÍCH :

(1) Trong đầu đề bài thơ này có hai chữ « động chương », chúng tôi chưa rõ nghĩa là gì. Cũng có thể hiểu « động » là « sâu sắc », « chương » là « văn chương », và như thế thì « động chương » có thể hiểu là « bài văn sâu sắc », nhưng nghĩa đó sẽ không phù hợp, vì đây lại là một « bài thơ ». Vậy chúng tôi tạm dịch đầu đề là *Kính họa thơ vua*, chờ tra cứu thêm.

37

清涼江

THANH LƯƠNG GIANG

山腰一抹夕陽橫，
兩兩漁舟岸上行。
獨立清涼江上望，
寒風颯颯嫩潮生。

Sơn yêu nhất mặt tịch dương hoành,
Lưỡng lưỡng ngư chu bần^{1*} ngạn hành.
Độc lập Thanh Lương giang thượng vọng,
Hàn phong tấp tấp nộn^{2*} triều sinh.

DỊCH NGHĨA :

SÔNG THANH LƯƠNG (1)

Một vệt bóng chiều vắt ngang sườn núi,
Dọc theo bờ sông, thuyền câu đi từng đôi một.
Đứng một mình trên sông Thanh Lương (2) ngắm cảnh,
Gió lạnh vi vút, nước triều dâng lên.

DỊCH THƠ :

Sườn non một vệt nắng vắt ngang,
Xuôi mái thuyền câu thẳng thẳng hàng.
Thanh Lương sông vắng người thơ thẩn,
Sóng nổi hun hun trận gió hàn.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TVTL2 畔 bần.

2* TDTT : 晚 vãn.

CHÚ THÍCH :

(1) Sông Thanh Lương : Theo VATT, thì sông này ở vào khoảng huyện Hiệp Sơn, tiếp giáp với huyện Chí Linh (thuộc tỉnh Hải Hưng ngày nay).

38

次韻贈水雲道人

THỦ VÂN TẶNG THỦY VÂN
ĐẠO NHÂN

平	生	膽	氣	鷗	橫	秋		Bình sinh đảm khi ngạc hoành thu,
翰	墨	場	中	一	戰	收		Hàn mặc trường trung nhất chiến thu.
茅	屋	玉	堂	皆	有	命		Mao ốc ngọc đường giai hữu mệnh,
濁	涇	清	渭	不	同	流		Trọc Kinh thanh Vị bất đồng lưu.
老	逢	昭	代	知	何	補		Lão phùng chiêu đại tri hà bổ,
身	落	窮	山	笑	拙	謀		Thân lạc cùng sơn tiếu chuyết mưu.
檢	點	年	年	貧	活	計		Kiểm điểm niên niên bần hoạt kế,
茶	甌	詩	卷	伴	湯	休		Trà âu, thi quyền bạn Thang Hưu.

DỊCH NGHĨA :

HỌA VÂN TẶNG THỦY VÂN ĐẠO NHÂN (1)

Chỉ khi dừng cảm thuở bình sinh như chim ngạc (2) bay ngang trời thu,
 Trong trường bút mực, chỉ một trận là được.
 Nhà tranh hay nhà ngọc (3), đều có số mệnh,
 Sông Kinh đục, sông Vị trong, vốn không chảy cùng giòng (4)
 Già gặp thời sáng sủa, biết chẳng ích gì,
 Thân rơi vào núi thẳm, cười mình mưu vụng.
 Hàng năm kiểm điểm lại cái sinh kế nghèo,
 Văn âu trà, cuốn thơ, làm bạn với Thang Hưu (5.)

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thủ Vân Đạo nhân* : có lẽ là Trần Anh Tông 陳英宗 Anh Tông có sách *Thủ Vân tùy bút* 水雲隨筆.
- (2) *Chim ngạc* : một loài chim bắt cá ở biển, còn gọi là Thủy Ưng hay Thự Cừu.
- (3) *Nhà ngọc* (ngọc đường) : vua Tống Thái Tông 宋太宗 tặng cho viện Hàn lâm thời đó hai chữ «Ngọc đường». Ở đây chỉ cảnh hiển đạt của cuộc đời làm quan.
- (4) *Sông Kinh, sông Vị* : sông Kinh phát nguyên từ Kê Đầu Sơn thuộc vùng Nguyên Châu ; sông Vị phát nguyên từ Ô Thử Sơn thuộc vùng Vị Châu. Hai sông này gặp nhau ở Cao Lăng, mới rõ nước sông Kinh đục, nước sông Vị trong. Hình tượng này dùng trong thơ thường được hiểu theo nghĩa bóng.
- (5) Chưa rõ là ai. (Theo *Từ nguyên* 辭源, có thầy tu tên là Thích Huệ Hưu 釋惠林 giỏi văn chương, một lần vua Tống Thế Tổ 宋世祖 gặp bảo hoàn tục và cho làm tông sự ở Dương Châu. Phải chăng Thang Hưu tác giả nói là Thích Huệ Hưu ?).

39

春旦

XUÂN ĐÁN^{1*}

寂	冥	山	家	鎮	日	閑	,	Tịch	mịch	sơn	gia	trấn	nhật	nhàn.	
竹	扉	斜	擁	護	輕	寒	。	Trúc	phi	tà	ủng	hộ	khinh	hàn.	
碧	迷	雲	色	天	如	醉	,	Bích	mê	vân	^{2*}	sắc	thiên	như	túy,
紅	濕	華	梢	露	未	乾	。	Hồng	thấp	hoa	sao	lộ	vị	cán.	
身	與	孤	雲	長	戀	岫	,	Thân	dữ	cô	vân	trường	luyến	tụ,	
心	同	古	井	不	生	澗	。	Tâm	đồng	cổ	tĩnh	bất	sinh	lan.	
栢	薰	半	冷	茶	煙	歇	,	Bách	huân	bán	lãnh	trà	^{3*}	yên	yết,
溪	鳥	一	聲	春	夢	殘	。	Khê	điều	nhất	thanh	xuân	mộng	tàn.	



DỊCH NGHĨA :

SÁNG MÙA XUÂN

Nhà trên núi vắng vẻ, suốt ngày thanh thoi,
 Cánh cửa phen che nghiêng ngả cái rét nhẹ.
 Màu biếc át cả sắc mây, trời như say,
 Ánh hồng thấm nhành hoa sương sớm chưa khô.
 Thân ta cùng đám mây cô đơn mãi mãi lưu luyến hốc núi,
 Lòng giống như mặt giếng cổ, chẳng hề gợn sóng.
 Mùi khói thông sắp hết, khói trà đã tắt,
 Một tiếng chim bên suối làm tỉnh mộng xuân.

DỊCH THƠ :

*Trên non nhà vắng, buổi thanh nhàn,
 Chênh chênh phen che rét nhẹ nhàng.
 Biếc ngát trùm mây trời chuyển chóng,
 Hồng dầm hoa lúc móc chưa tan.
 Thân cùng mây chiếc khôn rời núi,
 Lòng với hồ xưa chẳng gợn làn.
 Hương bách tiêu tan, trà hết khói,
 Chim kêu bên suối, mộng xuân tàn.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TVIL : 日 *nhật*.2* HVTT : 草 *thảo*.3* TVTL1 : 恭 *cung*.

40

鰲池

MIẾT TRÌ

水 月 橋 邊 弄 夕 暉,
 荷 華 荷 葉 靜 相 依。
 魚 浮 古 沼 龍 何 在,
 雲 滿 空 山 鶴 不 歸。
 老 桂 隨 風 香 石 路,
 嫩 苔 著 水 沒 松 扉。
 寸 心 殊 未 如 灰 土,
 閑 說 先 皇 淚 暗 揮。

Thủy nguyệt kiều biên lộng tịch huy.
 Hà hoa hà diệp tĩnh ^{1*} tương y,
 Ngư phù cổ chiêu long hà tại?
 Vân mãn không sơn hạc bất quy!
 Lão quế tùy phong hương thạch lộ,
 Nộn, đài trước thủy một tùng phi.
 Thốn ^{2*} tâm thù vị như hôi thổ,
 Văn thuyết tiên hoàng lệ ám ^{3*} huy.

DỊCH NGHĨA :

MIẾT TRÌ (1)

Trắng nước bên cầu đùa giỡn bóng chiều hôm,
 Hoa sen, lá sen, yên lặng tựa nhau.
 Cá bơi ao cổ, rồng ở chốn nào?
 Mây đầy núi vắng, hạc chẳng thấy về!
 Mùi quế già bay theo gió làm thơm ngát con đường đá,
 Rêu non đầm nước che lấp cánh cửa thông.
 Tắc lòng này hẳn chưa nguôi lạnh như tro đất,
 Nghe nói đến Tiên hoàng lưỡng gạc thăm giọt lệ.

DỊCH THƠ :

Thủy nguyệt bên cầu ngắm bóng tà,
 Hoa sen chen lá, lá chen hoa.
 Cá bơi ao cũ rồng đi vắng,
 Mây phủ non không hạc ở xa.
 Quế lão gió đưa đường đá ngắt,
 Rêu non nước dầm cửa thông hòa.
 Tắc son nào đã như tro nguội,
 Nghe nói Tiên hoàng giọt lệ sa.

PHAN VÕ

(HTTVVN : TẬP II, tr. 147)

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2: 爭 tranh.

2* VATT: 禪 thiền.

3* VATT: 自 tự.

CHỮ THÍCH :

- (1) Miết Trì : nghĩa đen là ao Ba Ba. Ao này ở trong núi Côn Sơn, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng. Trong *Công dư tiệp ký*, Vũ Phương Đề cho biết : «Núi Phụng Hoàng (một núi trong dãy Côn Sơn), xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh. Trong núi âm u tịch mịch. Núi Voi đối lập, giòng Miết chảy ngang (...). Đời Trần, Tiêu Ẩn tiên sinh dâng *Thất trăm* sớ, bỏ quan về nhà. Tiên sinh ưa sơn thủy Chí Linh, đến làm nhà ở, tức là núi này. *Việt âm thi tập* chép những bài thơ *Miết Trì*, *Thanh lương* đều là vịnh những thắng tích ở vùng ấy» Nhưng nay, ao Miết Trì đã mất.

41

江亭作

GIANG ĐÌNH TÁC

江	亭	獨	立	數	歸	舟,	Giang đình độc lập số quy chu,
風	急	灘	前	一	笛	秋。	Phong cấp than tiền nhất địch thu.
斜	日	吟	殘	紅	淺	淺,	Tà nhật 1* ngâm tàn* hồng đạm đạm,
暮	天	望	斷	碧	悠	悠。	Mộ thiên vọng đoạn bích du du.
功	名	已	落	荒	唐	夢,	Công danh dĩ lạc hoang đường mộng,
湖	海	聊	爲	汗	漫	遊。	Hồ hải liêu vi hãn mạn du.
自	去	自	來	渾	不	管,	Tự khứ tự lai hồn bất quản,
滄	波	萬	頃	羨	飛	鷗。	Thương ba vạn khoảnh tiên phi 3* âu.

DỊCH NGHĨA :

LÀM THƠ Ở GIANG ĐÌNH

Đứng một mình ở Giang Đình đếm thuyền về,
 Trước ghềnh, gió gấp, một tiếng sáo gọi cảnh thu.
 Thơ đã tàn, mặt trời xế bóng, ánh hồng nhàn nhạt,
 Trông suốt trời chiều, màu biếc mênh mông.
 Công danh đã rơi vào giấc mộng hoang đường,
 Tạm dạo chơi lang thang (1) miền hồ hải.
 Đi lại tự mình, chẳng gì trói buộc,
 Thèm cảnh chim âu bay liệng trên muôn khoảnh sóng xanh (2).

DỊCH THƠ :

Giang Đình mãi đứng đếm thuyền câu,
 Gió gấp bên ghềnh gọi cảnh thu.
 Nắng xế hồng phai thi hứng cạn,
 Trời chiều xanh biếc, cảnh vui đâu.
 Công danh trôi lạc vào hư ảo,
 Hồ hải rong chơi, bớt nỗi sầu.
 Đi, lại tự mình nào sá quản,
 Sóng xanh vạn khoảnh, cánh chim âu ...

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 月 nguyệt.
 2* TVTL2 : 翦 tiền.
 3* VATT, HVTT : 沙 sa.

CHÚ THÍCH :

- (1) Lang thang (hăn mạn) : Trong HVTT, Bùi Huy Bích có chú thích : 淮南子 : 吾與汗漫期于九垓之外. Hoài Nam tử : «Ngô dữ hăn mạn, kỳ vu cửu cai chi ngoại» : Sách Hoài Nam tử có câu : «Ta cùng người ấy lang thang, hẹn gặp nhau ngoài chín tầng trời».
- (2) Cả câu thơ này Bùi Huy Bích trong HVTT cũng có chú thích : 杜甫詩 : 白鷗波浩蕩, 萬里誰能馴. Đỗ Phủ thi : «Bạch âu ba hạo dăng, vạn lý thùy năng thuần» : Thơ Đỗ Phủ : «Chim bạch âu bay trên sóng mông mênh hàng vạn dặm, nào ai có thể khiến nó theo ý mình được».

42

初夏

SƠ HẠ

止 宇 寥 寥 畫 夢 回，
 微 涼 一 線 起 庭 槐。
 燕 尋 故 壘 相 將 去，
 蟬 咽 新 聲 斷 續 來。
 點 水 新 溪 蓮 無 俗 態，
 出 籬 野 笋 不 凡 材。
 棲 梧 野 靜 極 還 成 懶，
 案 上 殘 書 風 自 閒。

Sơn vũ liêu liêu trú mộng hồi,
 Vi lương nhất tuyến ^{1*} khởi đình hòe.
 Yến tìm cố lũy tương tương khứ,
 Thiến yết tân thanh đoạn ^{2*} tục lai.
 Điểm thủy Khê liên vô tục thái,
 Xuất lý dã duẩn bất ^{3*} phạm tài.
 Thê ^{4*} ngô tĩnh cực hoàn thành lãn,
 Ân thượng tân thư phong tự khai.

DỊCH NGHĨA :

ĐẦU MÙA HÈ

Nhà trên núi vắng vẻ, vừa tỉnh giấc mộng ban ngày,
 Một làn gió mát nhẹ thổi vào cây hòe trước sân.
 Chim én rủ nhau đi tìm tổ cũ,
 Ve sầu cất tiếng đầu mùa, lục tục bay về.
 Sen dưới khe điểm trên mặt nước không bọt chút phạm tục,
 Măng đồng nội trời ra khỏi dậu, chẳng phải khi chắt tằm thương.
 Phượng hoàng đậu cạnh ngõ, lặng lẽ quá đến thành lời nhắc,
 Cuốn sách nát để trên án, gió tự giờ ra.

DỊCH THƠ :

Trại vắng non phơi tỉnh giấc ngày,
 Trước sân hòe mát gió lung lay.
 Ve vui nắng mới kêu bày lại,
 Én nhớ nhà xưa rủ bạn bay.
 Dưới suối phô thanh sen điểm sắc,
 Đầu rào vượt tục trúc khoe hay.
 Cạnh ngõ phượng đậu lâu nên tiếng,
 Sách nát trên yên tùy gió vầy.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TVTL1 : 綠 lục.

2* TVTL2, HVTL : 陸 lục.

3* TVTL2 : 豈 khởi.

4* TVTL : 據 cứ.

43

望泰陵

VỌNG THÁI LĂNG

松 椒 深 鎮 日 將 夕 ,
 煙 草 如 苔 迷 亂 石 。
 黯 淡 千 山 風 更 愁 ,
 消 沉 萬 古 雲 無 跡 。
 溪 華 欲 落 雨 絲 絲 ,
 野 鳥 不 啼 山 寂 寂 。
 幾 度 躊 躇 行 復 行 ,
 平 蕪 無 盡 春 生 碧 。

Tùng thu thâm tỏa nhật tương tịch,
 Yên thảo như đài 1* mê loạn thạch.
 Âm đạm thiên sơn phong cánh sâu,
 Tiêu 2* trầm vạn cổ vân vô tích.
 Khê hoa dục lạc vũ ti ti,
 dã điều bất đề sơn tịch tịch.
 Kỷ độ trù trù hành phục hành,
 Bình vu vô tận xuân sinh bích.

DỊCH NGHĨA :

TRÔNG VỀ THÁI LĂNG (1)

Cây tùng cây thu khóa kín trời sắp về chiều,
 Cỏ non xanh rợn, như rêu che lấp những hòn đá ngả nghiêng.
 Ngàn non âm đạm, gió thổi càng thêm buồn,
 Muôn thuở tiêu tan, mây không để lại dấu vết.
 Hoa bên suối sắp rụng, mưa lất phất,
 Chim ngoài đồng nội im tiếng, núi quanh hiu.
 Mấy lần dứng dằng, đi rồi lại đi,
 Cỏ rậm bát ngát, sắc xuân xanh biếc.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 芝 chi.

2* TVTL2 : 銷 tiêu.

CHÚ THÍCH :

(1) Thái Lăng : lăng vua Trần Anh Tông.



NÚI PHƯƠNG HOÀNG Ở HUYỆN CHÍ LINH, TỈNH HẢI HƯNG.

Ảnh : Phạm Ngọc Long



HỒ TÔNG THỐC

故宗騫

(?)

Hồ Tông Thốc người làng Thổ Thành 土城, phủ Diên Châu 濱州 (1), ngụ tại xã Vô Ngại 無礙, huyện Đường Hào 塘豪 (2). Chưa rõ ông sinh và mất năm nào.

Trong khoảng những năm Thiệu Khánh đời Trần Nghệ Tông 陳藝宗 (1370 — 1372), Hồ Tông Thốc thi đậu Trạng nguyên, làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ. Ông cũng từng làm An phủ sứ và đã có lần đi sứ Trung Quốc.

Vào những năm cuối niên hiệu Xương Phù đời Trần Phế Đế 陳廢帝 (1377 — 1388), Hồ Tông Thốc được thăng nhiều lần, đến chức Hàn lâm học sĩ phụng chỉ kiêm Thâm hình viện sứ, rồi Trung thư lệnh.

Khi nhà Hồ (1400 — 1407) lên nắm quyền, Hồ Tông Thốc yê hưu và mất ở nhà, thọ hơn 80 tuổi.

Tác phẩm: Theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn và LTHCLC của Phan Huy Chú, Hồ Tông Thốc có soạn các tác phẩm sau đây: *Việt sử cương mục* 越史綱目; *Thảo nhân hiệu tảo tập* 討閑效顰集; *Việt Nam thế chí* 越南世志; *Phủ học chỉ nam* 賦學指南. Ngoài ra, ông còn hiệu đính *Hình thế địa mạch ca* 形勢地脉歌 do Trần Quốc Kiệt 陳國傑 biên soạn. Nhưng những tác phẩm nói trên của ông đều bị thất lạc, cho đến nay mới chỉ tìm thấy 1 bài thơ và 2 bài văn xuôi (3).

(1) Nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh.

(2) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

(3) Ngoài ra, Hồ Tông Thốc còn một bài thơ chép trong *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ.

44

遊東亭和藥溪原韻

DU ĐÔNG ĐÌNH HỌA NHỊ
KHÊ NGUYÊN VẬN

才識如君尚少年，
文章嗟我老無緣。
已將得喪遺形外，
不復功名到枕邊。
變豹尺堪閑隱客，
羨魚何必苦臨川。
幸能日月頻來訪，
休怪東亭似磬懸。

Tài thức như quân thượng ^{1*} thiếu
niên,
Văn chương ta ngã lão vô duyên.
Dĩ tương đắc táng di hình ngoại,
Bất phục công danh đáo chẩm biên.
Biến báo chỉ kham nhàn ân khách,
Tiên ngư hà tất khổ lâm xuyên.
Hạnh năng nhật nguyệt tần lai phỏng,
Hưu quái Đông Đình tự khánh huyền ^{2*}.

DỊCH NGHĨA :

QUA CHƠI ĐÔNG ĐÌNH, HỌA NGUYÊN VẬN THƠ CỦA NHỊ KHÊ (1)

Tài năng, tri thức như ông mà hãy còn trẻ,
Văn chương, thương cho ta mãi vô duyên !
Đã đem việc được mất đặt ngoài hình骸,
Không đề mộng công danh đến bên gối nữa.
Biến báo (2), chỉ nhàn nhất người ở ẩn,
Khen cá (3), hà tất làm khổ kẻ bên sông.
Mong được ông ngày ngày tới thăm hỏi,
Đừng ngại Đông Đình hiu quạnh như chiếc khánh treo (4).

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1 : 且 thả.

2* VATT : 編 biên.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Nhị Khê* : hiệu của Nguyễn Phi Khanh, ông vốn tên là Nguyễn Ứng Long, quê ở Chí Linh, Hải Hưng, sau dời đến làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc (nay là Thường Tín). Xin xem thêm phần tiểu sử và thơ văn của ông.
- (2) *Biến báo* : con báo đôi hình. *Kinh Dịch* có nói : «Quân tử báo biến, kỳ văn uất dã» ; nghĩa là : người quân tử như con báo đôi hình, văn của nó rực rỡ. *Liệt nữ truyện* cũng nói rằng : núi Lam có con báo đen, thường ẩn trong sương mù để văn được đẹp. Ở câu thơ trên, ý tác giả muốn nói : con báo muốn đẹp thì đôi hình, người muốn «nhàn» thì ở ẩn.

- (3) *Khen cá* (tiến ngư) : sách *Hán thư* có câu : «Lâm uyên tiến ngư, bất như thoái nhi kết võng» ; nghĩa là : đến bên vực khen cá, chẳng bằng về mà đan lưới. Ở câu thơ trên, ý tác giả muốn nói : việc khen cá, chẳng nhọc nhằn gì kẻ đứng bên sông. Rộng ra, có lẽ tác giả muốn nói : khen đề mà khen, chẳng mệt nhọc gì người khen.
- (4) *Cảnh khánh treo* (khánh huyền) : sách *Tả truyện* có câu : «Thất như huyền khánh» ; nghĩa là : nhà như khánh treo (nhà trống trải, chỉ có hai mái chống lên như cái khánh treo). Ở đây, ý tác giả muốn nói cảnh vắng vẻ, hiu quạnh.

45

題項王祠

ĐỀ HẠNG VƯƠNG TỪ ^{1*}

五	二	山	河	起	戰	烽,	Bách nhị sơn hà khởi chiến phong,
携	將	子	弟	入	閔	中。	Huê lương tử đệ nhập Quan Trung.
煙	消	函	谷	珠	宮	冷,	Yên tiêu Hàm Cốc châu cung lãnh,
雪	散	鴻	門	玉	斗	空。	Tuyết tán Hồng Môn ngọc đấu không.
一	敗	有	天	亡	澤	左,	Nhất bại hữu thiên vong Trạch Tả,
重	來	無	地	到	江	東。	Trùng lai vô địa đáo Giang Đông.
經	營	五	載	成	何	事,	Kinh doanh ngũ tải thành hà sự?
銷	得	區	區	墓	魯	公。	Tiêu đắc khu khu táng Lỗ Công.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ ĐỀN HẠNG VƯƠNG (1)

Non nước trăm hai ⁽²⁾ nổi lửa chiến tranh,
 Đem đoàn tử đệ vào Quang Trung.
 Khói tan nơi Hàm Cốc cung châu lạnh ⁽³⁾,
 Tuyết tan chốn Hồng Môn đấu ngọc vỡ tan ⁽⁴⁾.
 Số trời phải thua, chạy theo đường Trạch Tả ⁽⁵⁾,
 Lúc về không còn nẻo để đến Giang Đông ⁽⁶⁾.
 Năm năm lặn lội được việc gì?
 Chỉ còn được vui trong mả Lỗ công ⁽⁷⁾.

KHẢO ĐỊNH :

1* Bài này có trong *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ. Đầu bài do chúng tôi đặt.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hạng Vương* : tức Hạng Tịch, tự là Vô, người Hạ Tương. Đời Tần Nhị Thế, Hạng Vương soái lĩnh chư hầu đánh thắng Tần, xưng là Tây Sở Bá Vương. Sau Hạng Vương bị Lưu Bang đánh bại phải tự tử ở gần Ô Giang. Theo *Câu chuyện ở đền Hạng Vương* trong *Truyền kỳ mạn lục* thì khi Hồ Tông Thốc đi sứ qua đền Hạng Vương đã đề bài thơ trên, đề xong ông về nhà trọ uống rượu say ngủ, bỗng có người mời đến gặp Hạng Vương. Hạng Vương trách Tông Thốc đã đề thơ nói không đúng sự thực lịch sử, Tông Thốc tranh luận lại và được Hạng Vương cùng quần thần kính nể. Câu chuyện giữa Hạng Vương và Hồ Tông Thốc chỉ là chuyện truyền kỳ, song việc đề thơ có thể có thực ; vậy chúng tôi chép bài thơ trên để giúp bạn đọc tham khảo thêm.
- (2) Nhà Tần đóng đô ở Quan Trung là nơi hiểm yếu, hai người có thể chống được trăm người, vì vậy gọi là non nước trăm hai.
- (3) Chỉ việc Hạng Vương đốt cung A Phòng của nhà Tần.
- (4) Trong tiệc Hồng Môn, quân sư của Hạng Vương là Phạm Tăng định giết Lưu Bang, song Hạng Vương không nghe. Phạm Tăng tức mình ném tan cái đầu bằng ngọc của Trương Lương tạc, mảnh đầu ngọc văng ra như tuyết.
- (5) Hạng Vương bị vây ở Cai Hạ, đêm phá vòng vây chạy đến Âm Lăng, hỏi đường thì bị một ông già đánh lừa, Vương chạy sang phía tả và vướng đầm lầy không chạy được.
- (6) Hạng Vương chạy đến Ô Giang, người lái thuyền khuyên nên qua sông sang Giang Đông ; Vương không nghe, rút gươm tự tử.
- (7) Sau khi Hạng Vương chết, Hàn Cao Tổ (Lưu Bang) lấy lễ Lỗ Công táng Vương.

46

(太平省太寧府同海社寺所一碑)

慈恩寺碑銘并序

紹寧公主陳建寺於西關，中置所生善惠優婆姨香火堂。起在於辛酉年十一月以壬戌年十二月落成。太子詹事忠靖上侯名之曰慈恩寺示不忘本也。公以某嘗有平昔之雅，且職在文字，謂金石之文非某不可。因偕同來示，使知地之形勢，寺之本末，某敢不庸辭，乃紀其實以詔來者。西關屬古屢鄉其東則大江一派自京至于法口，齊淪潞灣，浸沿萬頃，迢迢遥遥若開若闔，

停之呼所易帝耿懷鍾恩道補
涵人鳴之忽以耿然斯之目有
弘夫。人易主地甫火生，誠
環待也者於公之茂斯所音名
回必日終之。開鬱香思之
常設今蓋追矣。西之，思鼓寺
朕地於之厚而櫝所之鐘斯
，施見矣。慎於思松之伏耳知
，天創厚能歸之望何以民固
種豈而歸為而心嚴四，之？
為也。聞德子之所深為慈開
者也。未民孝化與之觀之西
北地之，惟欲時宇，生知於
其之昔，遠忘民歲堂場，所安
衍自往追易而於觀道思？而
，所何終所也每至建慈耶之
，溪流？慎之德本以乃之如
費慶耶：人其其矣，伏何亦
為開之曰者故忘屢生以心不
者西予言遠。不來感，誠豈
東焉後之，際貴往由斯其懿
其定而子忽之之依感鼓顧之
迺德曾易忘姬于然斯，德於

銘曰：

西名賢於所聞帝鄉皇吁
開以哉斯生斯姬人風嗟
有人帝建學鐘之化永後
寺，得，姬，寺，伏，鼓，德，之，祝，人，

慈寺孝報不來千厥伏尚
恩以道其昧享載繫日豎
是孝純所厥來逾匪常斯
名。成。誠。生。靈。寧。馨。輕。明。銘。

昌符六年年歲在壬戌七月中元節前三日。
榮祿袋大天守中書令鵬翰林學士，奉旨知審刑院事賜金
魚上設軍胡宗鵬撰。

- 內學生亞下列品朱義方書。
- 御前雕經內局黎律刻。

PHIÊN ÂM:

(Thái Bình tỉnh, Thái Ninh phủ, Đồng Hải xã tự sở nhất bi)

TỪ AN TỰ BI MINH TỊNH TỰ

Thiệu Ninh công chúa Trần kiến tự ở Tây Quan, trung trí sở sinh Thiệu Huệ Ưu-bà-di hương hỏa đường. Khởi tại ở Tân đậu niên thập nhất nguyệt, dĩ Nhân tuất niên thập nhị nguyệt lạc thành. Thái tử Thiêm sự Trung tỉnh thượng hầu danh chi viết: Từ An tự; thị bất vong bản dã. Công dĩ mỗ thường hữu bình tích chi nhĩ, thả thức tại văn tự, vị kim thạch chi văn phi mỗ bất khả. Nhân bình đồng lai thị, sử tri địa chi hình thế, tự chi bản mặt, mỗ cảm bất dung từ; nãi ký kỳ thực dĩ chiếu lai giả.

Tây Quan thuộc Cổ Lũ hương, kỳ đông tắc đại giang nhất phái, tự kinh chi vu Pháp Khâu, tế luân, di loan, tầm duyên vạn khoảnh, tiêu tiêu dao dao, nhược khai nhược hợp. Dĩ kỳ đông giả vi Phi Khê, diễn kỳ bắc giả vi Chung Khê, trăm thường hồi hoàn, hoảng hàm đình súc, thực vi Tây Quan khánh lưu sở tự chi địa dã. Khởi thiên thi địa thiết, tất đãi phù nhân chi đức nhi hậu dữ chi da! Hà vãng tích chi vị văn nhi sáng hiện ở kim nhật dã. Ô hô, Tằng Tử chi ngôn viết: «Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu hĩ». Cái chung giả nhân chi sở dĩ hốt, viễn giả nhân chi sở dĩ vong. Duy hiếu tử vì năng thận chi, truy chi, ở dĩ hốt dĩ vong chi tế. Cổ kỳ đức dã nhi dân dục hóa chi nhi quy ở hậu hĩ.

Công chúa dĩ để cơ chi quý, bất vong kỳ bản, mỗi ở tuế thời, dữ sở tâm chi từ, nhi Tây Quan chi địa cảnh cảnh vu hoài, vãng lai lũ hỹ. Dĩ chi quan đường vũ chi thâm nghiêm, vọng từng giá chi uất mãn, tức nhiên, lật nhiên; thích do cảm sinh, nãi kiến đạo trường, quan vi tứ hướng chi sở. Hương từ hỏa từ, chung từ cổ từ. Dĩ Phật chi từ từ sở sinh chi từ. Dĩ Phật chi ân từ sở sinh chi ân. Cổ kỳ thành tâm hà như da. An trí Tây Quan chi dân nhĩ chung cổ chi âm, mục đạo đức chi ý, khởi bất diệc hóa chi nhi quy ở hậu da. Cổ trí từ tự chi danh thành hữu bổ ở thế giáo, phi đặc vi Phật pháp tán dương nhĩ dĩ tại.

Minh viết:

Tây Quan hữu tự,
Từ An thị danh.
Danh dĩ nhân đắc,
Tự dĩ hiếu thành.

Hiền tại để cơ,
Hiếu đạo thuần thành.
Ở từ kiến tự,
Báo kỳ sở sinh.

Sở sinh học Phật,
Bất muội quyết linh.
Văn tư chung cổ,
Lai hương lai ninh.
Đế cơ chi đức,
Thiên tải du hình.

Hương nhân hòa chi,
Quyết hệ phỉ khinh.
Hoàng phong vĩnh chúc,
Phật nhật thường minh.
Hu ta! hậu nhân,
Thượng giám tư minh.

Xương Phù lục niên, tuế tại Nhâm tuất, thất nguyệt trung nguyên tiết, tiền tam nhật.

— Vinh lộc đại phu thủ Trung thư lệnh kiêm Hàn lâm học sĩ; phụng chỉ tri thăm hành viện sự, tứ kim ngư đại, thượng thiết quân Hồ Tông Thốc soạn.

— Nội học sinh á hạ liệt phẩm Chu Nghĩa Phương thư.

— Ngự tiền điều kinh nội cục Lê Luật khắc.

DỊCH NGHĨA :

(Bia chùa xã Đồng Hải, phủ Thái Ninh, tỉnh Thái Bình).

BÀI MINH VÀ TỰ Ở BIA CHÙA TỪ ÂN

Công chúa Thiệu Ninh đời Trần, xây dựng chùa này ở đất Tây Quan; trong chùa có nhà hương hỏa thời bà sinh mẫu là Thiện Huệ Ưu-bà-di (1). Bắt đầu khởi công từ tháng 11 năm Tân dậu. Đến tháng 12 năm Nhâm tuất hoàn thành. Thái tử thiêm sự tước Trung tể thượng hầu, đặt tên chùa là Từ Ân, để tỏ lòng không quên gốc vậy.

Thái tử cho rằng tôi từng là người nho nhã xưa nay. Vả lại giữ việc về chữ nghĩa; cho nên bài văn khắc vào kim thạch, ngoài tôi ra thì không thể ai biết được. Vì vậy, cùng với người dẫn đường, tôi theo lại xem cho biết hình thể đất, gốc ngọn của ngôi chùa. Tôi đâu dám từ chối, bèn ghi hết sự thật để truyền lại cho đời sau.

Đất Tây Quan thuộc làng Cổ Lũ, phía đông có một nhánh sông lớn chảy từ Kinh đô đến cửa Pháp Khâu. Nước sông đầy tràn, mênh mông, thấm nhuần muôn khoảnh. Giòng sông lượn, như đông như mở. Quanh về phía đông là khe Phí, chảy về phía bắc là khe Chung. Những dòng nước đó thường chạy vòng vào rồi ngưng đọng lại một chỗ, trở thành đầu nguồn của những dòng nước đẹp ở đất Tây Quan. Cảnh này đâu phải do trời đất xếp đặt, mà phải đợi người có đức rồi sau mới cho chăng? Sao trước chưa từng nghe nói có cảnh này, mà nay lại thấy rõ vậy?

Than ôi ! Tăng Tử nói : «Cần thận với sự chết của cha mẹ, tưởng nhớ đến tổ tiên đã lâu đời, thì đức của dân sẽ về với lòng trung hậu đó». Nói vậy có lẽ vì đối với cái chết, người ta dễ khinh hốt, đối với tổ tiên đã xa đời, người ta dễ quên, chỉ có người con hiếu mới hay thận trọng và tưởng nhớ đến những điều dễ sơ suất, dễ bỏ quên. Cho nên người có đức đó thì dân sẽ hóa theo mà trở về với điều trung hậu.

Công chúa tuy là dòng dõi cao quý của nhà vua, nhưng vẫn không quên chốn gốc. Hàng năm mỗi khi động lòng tưởng nhớ, thì hình ảnh đất Tây Quan vẫn ngời ngời trong lòng ; trở đi trở lại nhiều lần. Kịp đến khi nhìn thấy đường vũ thâm nghiêm, ngắm những cây tùng cây già (2) tươi tốt. Thấy hàng khuông lo lắng, cảm xúc sinh ra. Bèn xây dựng chùa, để làm chỗ cho bốn phương trông vào. Này hương này khói, này chuông này trống. Từ lòng nhân từ của đức Phật mà nghĩ đến lòng nhân từ của người sinh ra mình. Từ nguồn ân huệ của đức Phật mà nghĩ đến ân huệ của người sinh ra mình. Lòng thành tâm đến như thế ru ! Biết đâu dân đất Tây Quan tai nghe âm thanh của chuông trống, mắt nhìn thấy sự tốt đẹp của nền đạo đức mà lại không hóa theo, để trở về với sự trung hậu chăng ? Cho nên, hiểu được tên của chùa như thế là cũng góp phần bổ ích cho giáo hóa ở đời, chứ đâu phải chỉ tán dương Phật pháp mà thôi !

Minh rằng :

*Tây Quan có chùa,
Gọi chùa Từ Ân.
Tên do người đặt,
Lòng hiếu dựng chùa.
Công chúa hiền thay,
Đạo hiếu rất thành.
Dựng chùa ở đây,
Báo ơn người sinh.
Người sinh theo Phật,
Chẳng kém anh linh.*

*Nghe chuông nghe trống,
Xin về chứng minh.
Đức của công chúa,
Ngần năm thơm danh.
Dân được cảm hóa,
Quyết không nhẹ tình,
Chúc vua dài lâu,
Phật thương anh minh.
Ôi người đời sau,
Hãy coi bài minh.*

Niên hiệu Xương Phù thứ 6, năm Nhâm tuất (1382), tháng bảy (3) trước tết Trung nguyên 3 ngày (ngày 12).

— Vinh lộc đại phu giữ chức Trung thư lệnh, kiêm Hàn lâm học sĩ phụng chỉ tri thăm hình viện sự, tư kim ngư đại trưởng thích quân Hồ Tông Thốc soạn.

— Nội học sinh á hạ liệt phẩm Chu Nghĩa Phương viết.

— Ngự tiền điều kinh nội cục Lê Luật khắc.

ĐỖ HẢO, TRẦN DUY VŨN

CHÚ THÍCH :

- (1) *Ưu-bà-di* : hiệu nhà Phật ; hiệu này chỉ tín nữ đã chịu tam quy của nhà chùa, nhưng vẫn tụng niệm ở nhà riêng, gặp tuần tiết mới ra chùa lễ Phật (nếu thiện nam thì gọi là *Ưu-bà-tắc*).
- (2) *Giá* : một loại cây trồng trên mộ, thuộc họ cây thông.
- (3) Trên đầu bia nói là «tháng 12 năm Nhâm tuất lạc thành», đây lại nói soạn và khắc bia vào... «tháng 7 năm Nhâm tuất ? » thế là dựng bia trước ngày khánh thành, đó là việc ta phải suy nghĩ. Có lẽ khi đang làm chùa đã xin văn bia, soạn giả soạn xong đề ngày tháng đó vào bản thảo, còn ngày lạc thành thì lưu không. Sau khi chùa xây xong, người khắc bia vô tình cứ theo tháng trong bản thảo khắc vào, vì vậy, tháng bị xếp thiếu thứ tự.

47

越南世志序

世志之作，其來尚矣。考諸既往，以明乎端本之流傳；稽諸傳聞，以著乎古今之標準。第信疑相間，有未盡于人心。然世變各殊，豈不涉于怪誕。千年而後，勞苦；或有問于余曰：舍怪存常，聖賢之道也。子何乃拘拘于印舊，而徇然不著明新言，以革世之惑耶？余答曰：太古之初，混沌未判，中土猶有漫茫之說，如補天觸山奠鰲十日之類，後世據經論議，會計無門，是耶非耶，存之史冊。况我越地，在乾坤之末，風豎各殊。蓋自洪荒之始，緇塵迥隔，草昧乾坤，文籍未具，禮樂未作，以為識有耶，曷克而知焉，以為誠無耶，莫從何而可考。是故，拾遺餘響，得之傳言，采摭其類，以紹世記耳。其奇穿鑿毀言，以誣世惑民者乎？讀者須留心以細認，刻印推驗，則玉石彰然，壞之墟，塵海茫來，不敢自潰矣。且我南天疆宇，炎壤靡常，自亘古以來，英君大作，雖江山漠漠，辨別靡毫之傳。檢驗于相稽總閱俗迹，詢載于已往，斯凭耄耄之傳。檢驗于相稽

，現有廟堂之奉。拙時忘其故陋，述簡寓略其所遺；蓋欲俟後之進步博格高明者，朗日憶情，庶予知所先後，無自錯誤。倘若正諸其靈，工諸筆端，削剝研精，刊行于世，使人人洞察古今，默會玄微，其亦傳中之史記歟！是為序。

PHIÊN ÂM :

VIỆT NAM THỂ CHÍ TỰ

Thế chí chi tác, kỳ lai thượng hỷ. Khảo chư ký vãng, dĩ minh hồ đoạn bản chi lưu truyền; kê chư truyền văn, dĩ trừ hồ cổ kim chi tiêu chuẩn. Độ tín nghi tương gián, hữu vị tận vu nhân tâm. Nhiên thế biến các thù, khởi bất thiệp vu quái đản. Thiên nhiên nhi hạ, nan dĩ khái tường, án sách giản biên, hạt khắc tra cứu, tập hiệu cùng nguyên, thôn hoài lao khổ. Hoặc hữu văn vu dư viết: « Xả quái, tồn thường thánh hiền chi đạo dã, tử hà nãi câu câu vu ẩn cự, nhi tuân nhiên bất trừ minh tân ngôn, dĩ cách thế chí hoặc da? » — Dư đáp viết: « Thái cổ chi sơ, hỗn độn vị phân, trung thổ do hữu mạn mang chi thuyết, như bổ thiên, súc sơn, diện ngao, thập nhật chi loại, hậu thế cứ kinh luận nghị cố kê vô môn, thị da, phi da, tồn chi sử sách; hưởng ngã Việt, địa tại thiên mạt, phong giám các thù. Cái tự hồng hoang chi thủy, truy trần quýnh cách, thảo muội kiện khôn, văn tịch vị cụ, lễ nhạc vị tác, dĩ vi thành hữu da, hạt khắc nhi trí yên, dĩ vi thành vô da, mạc tông hà nhi khả khảo. Thị cố, thập di dư hưởng, đắc chi truyền ngôn, thái chích kỳ loại, dĩ thiệu thế ký nhĩ. Kỳ kỳ quái chi tịch, liêu nhiên nan kê, cố tồn chí, dĩ sĩ hậu quan tử, khởi cảm hữu xuyên tạc hủy ngôn dĩ vu thế hoặc dân giả hồ. Độc giả tu lưu tâm dĩ tế nhận, khắc ức suy nghiệm, tắc ngọc thạch chương nhiên, trừ minh kỳ hình thanh ảnh hưởng, bất cảm tự hội hỷ. Thả, ngã Nam thiên cương vũ, viêm những chi khứ, trần hải mạn mang, anh quân đại tác tuy giang sơn minh mạc, hiện biệt mỹ thường: Tự cẳng cổ dĩ lai, tổng quan tục tịch, tuân tái vu dĩ vãng, ngàn bằng kỳ mao chi truyền, kiểm nghiệm vu tương kê, hiện hữu miếu đường chi phụng. Chuyết thời vong kỳ cổ lậu, thuật giản ngu lược kỳ sở di; cái dục sĩ hậu chi tiến bộ bác cách cao minh giả, lãng nhật ức tình, thứ hồ tri sở tiên hậu, vô tự thổ ngộ. Thẩn nhược, chính chư kỳ linh, công chư bút đoạn, tước bác nghiên tinh, san hành vu thế, sử nhân nhân động sát cổ kim, mạc hội huyền vi, kỳ diệc truyện trung chi sử ký dư! Thị vi tự.

DỊCH NGHĨA :

BÀI TỰA SÁCH · VIỆT NAM THỂ CHÍ ·

Sách chép về thế phả, vốn có từ lâu, khảo xét các đời đã qua để rõ nguồn gốc lưu truyền, kê cứu những điều truyền văn, để rõ những tiêu chuẩn xưa

nay. Hiềm vì chuyện tin chuyện ngờ lẫn nhau, có điều chưa hợp hẳn với lòng người. Nhưng việc đời biến đổi khác nhau thì làm sao lại khỏi có những điều quái gở. Nghìn năm về sau, khó lòng biết được đầy đủ, mà tìm trong sách vở cũng không thể tra cứu vào đâu được. Bởi vậy, ghi chép về nguồn gốc thực là nhọc lòng lắm. Có người hỏi tôi rằng: « Bỏ cái lạ giữ cái thường là đạo của thánh hiền, tại sao ông lại câu nệ theo cũ, không nêu rõ lời mới để đời hẳn thói mê hoặc của đời? » Tôi đáp rằng: Thời Thái cổ còn hỗn mang, chưa phân biệt trời đất, ngay trung thổ cũng còn có nhiều thuyết hoang đường, như những chuyện vá trời, húc núi, lấy chân ngao làm cột trời, mười mặt trời cùng mọc v.v., (1) đời sau cứ theo sách mà bàn luận, không kê cứu vào đâu được, đúng hay không đúng, vẫn còn ghi chép trong sử sách. Huống chi đất Việt ta ở vào cõi xa, sự hiểu biết cũng khác, từ đời hồng hoang thời gian xa cách, trong lúc mới mở mang, sách vở chưa đủ, lễ nhạc chưa làm, nếu cho là có thực thì bởi đâu mà biết? Nếu cho là không có, thì do đâu mà xét ra? Cho nên những chuyện góp nhặt được đều là lượm lặt ở tiếng vang chuyện đồn, trích lấy đầu đuôi để cho biết rõ về phả ký từng đời mà thôi, còn những sự tích kỳ quái, lời mờ khó xét, tạm giữ đó để chờ các bậc quân tử sau này, dám đâu xuyên tạc ra lời quái dị để mê hoặc người đời. Độc giả nên lưu tâm nhận kỹ, cố sức suy nghiệm thì sẽ rõ ngọc đá; thấy được tiếng vang hình bóng của lịch sử; tôi đâu tự dám cho ý mình là thỏa đáng.

Vả lại, nước Nam ta ở vào giải đất nóng nực, trong cõi mệnh mỏng, vua sáng đời nào cũng có. Dẫu rằng núi sông rộng lớn, chia biệt mỗi lúc một khác, nhưng từ xưa đến nay, chỉ căn cứ vào tục truyền và dấu vết, hỏi việc về dĩ vãng thì nhờ các cụ già kể chuyện lại; xét nghiệm ở tương lai thì có những đền miếu ứng thờ.

Tôi quên mình hẹp hòi quê hủ, chép sơ lược những chuyện ngu ngôn, những điều truyền thuyết, muốn đợi các bậc cao minh học rộng tiến bộ sau này, nhận rõ xét kỹ mới có thể biết được trước sau mà không tự nhầm lẫn. Nếu có ai sửa lại cho tập này được đúng, cho lời chép được hay, đẽo gọt kỹ càng, rồi đem in ra, để mọi người thấy rõ việc xưa nay và hiểu thấu lẽ huyền vi, thì đó cũng là một bộ sử ký trong các truyện cổ chăng? Vậy làm tựa.

Theo TRẦN VĂN GIÁP

CHÚ THÍCH:

- (1) Ở đây ý muốn nhắc đến những chuyện thần thoại ở Trung Quốc như chuyện bà Nữ Oa luyện đá vá trời, chuyện Cung Công húc đầu vào núi Bất Chu, chuyện bà Nữ Oa chặt chân ngao làm cột chống trời; chuyện thời hồng hoang có mười mặt trời, Hậu Nghệ bắn rơi chín... (sách *Hoài Nam tử*...).

PHẠM SƯ MẠNH

范師孟

(?)

Phạm Sư Mạnh tự là Nghĩa Phu 義夫, hiệu Úy Trai 畏齋; người làng Hiệp Thạch 峽石, huyện Hiệp Sơn 峽山, phủ Kinh Môn 荊門⁽¹⁾. Chưa rõ ông sinh và mất năm nào.

Phạm Sư Mạnh là học trò Chu Văn An 朱文安. Ông đỗ Thái học sinh vào đời Trần Minh Tông 陳明宗 (1314 - 1329). Đến năm Thiệu Phong thứ năm (1345) đời Trần Dụ Tông (1341 - 1357), ông được cử đi tranh luận về cột đồng (2). Năm Thiệu Phong thứ sáu (1346), được giữ chức Chưởng bạ thư kiêm Khu mật tham chính. Năm Đại Trị thứ nhất (1358) lại giữ chức Nhập nội hành khiển Tri khu mật viện sự. Năm Đại Trị thứ hai (1359) giữ chức Hành khiển tả tư lang trung. Năm Đại Trị thứ năm (1362) lại giữ chức Tri khu mật viện sự, rồi thăng lên chức Nhập nội nạp ngôn.

Phạm Sư Mạnh là bạn thân của Lê Quát 黎括, cả hai đều nổi tiếng về văn học cũng như về đạo đức cuối đời Trần. Đã nhiều lần ông cùng Lê Quát muốn sửa đổi một số chế độ đời Trần, song không được nghe theo.

Tác phẩm: theo LTHCLC, Phạm Sư Mạnh có *Hiệp Thạch tập* 峽石集, nhưng cho đến nay vẫn chưa tìm thấy. Hiện chỉ còn hơn 30 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục* (3) và một bài văn bia.

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

(2) Đối với việc Phạm Sư Mạnh được cử đi tranh luận về cột đồng, Ngô Sĩ Liên 吳仕連 trong ĐVSKTT có tỏ ý nghi ngờ: «Xét ra, năm ấy nước Nguyên chỗ nào cũng có giặc cướp nổi. Vả lại, tháng chín năm sau Sư Mạnh được lệnh thăng chức, thì đi về sao lại nhanh thế. Việc này vị tất đã có, hãy tạm chép vào đây» (Bd. ĐVSKTT, tập II, trang 150).

(3) Đặc biệt, trên vách đá động Kinh Chủ 驚主, thuộc xã Phạm Mệnh 范孟, huyện Kinh Môn 荊門, nay vẫn còn một bài thơ của Phạm Sư Mạnh khắc ở đó.

48

行役登家山

山，外，握，雲，壽，帝，鐘，極，民，
家，漠，一，宵，藤，興，艤，鼇，海，
登，南，天，紫，白，重，千，奠，四，
役，鵬，阜，層，洵，昔，浦，掌，今，
行，親，安，層，洵，憶，海，反，至，

天。前。千。仙。船。乾。旗。臚。年。
里。岳。九。期。王。幹。旌。腥。胡。
萬。東。保。安。吳。坤。萬。洗。擒。
首。日。頭。訪。像。轉。門。河。說。
矯。賓。象。會。想。刻。陘。挽。長。

陳朝壹佰肆拾肆祀九月五日入內右納言硤石范師孟奉
詔揀閱五路之兵，登石門山作。陽岩范師孟書。

PHIÊN ÂM :

HÀNH DỊCH ĐĂNG GIA SƠN 1*

Hành dịch đăng gia sơn,
Kiều thủ vạn lý thiên.
Đồ bằng nam minh ngoại,
Tân nhật đông nhạc tiền.
Yên Phụ thiên nhất ác,
Tượng Đầu nhân cửu thiên.
Tăng tăng Tử Tiêu vân,
Hội phỏng An Kỳ tiên.
Hung hung Bạch Đằng đào,

Tượng tượng Ngô Vương thuyền.
Ước tích Trùng Hưng Đế.
Khắc chuyền khôn oát kiên.
Hải phổ thiên mông đồng,
Hiệp môn vạn tinh chiến.
Phản chưởng điện ngao cực,
Văn Hà tây tình chiến.
Chi kim tứ hải dân,
Trường thuyết cầm Hồ 2* niên.

* Trần triều nhất bách tứ thập tứ tự cửu nguyệt ngũ nhật. Nhập nội hữu nạp ngôn Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh phụng chiếu giản duyệt ngũ lộ chi binh, đăng Thạch Môn Sơn tác. Dương Nham Phạm Sư Mạnh thư.

DỊCH NGHĨA :

NHÂN ĐI VIỆC QUAN, LÊN CHƠI NÚI QUÊ NHÀ

Nhân đi việc quan, lên chơi núi quê nhà,
 Ngẩng đầu nhìn trời cao muôn dặm.
 Thấy chim bằng ngoài biển nam,
 Đón mặt trời mọc trước dãy núi phía đông.
 Núi Yên Phụ (1) chỉ cách trời một nắm tay,
 Núi Tượng Đầu (2) cao chín nghìn nhẫn (3).
 Mây lớp lớp trên đỉnh Tử Tiêu (4),
 Nhân dịp hỏi thăm tiên An Kỳ (5).
 Sóng Bạch Đằng (6) cuộn cuộn,
 Tưởng tượng tới thuyền của Ngô Vương (7).
 Nhớ vua Trùng Hưng xưa (8),
 Khoảng khắc làm chuyển đất xoay trời.
 Hàng nghìn chiến thuyền ngoài cửa biển,
 Muôn lá cờ lệnh trên cửa ải (9).
 Trở bàn tay đặt cối bờ vào thế yên ổn,
 Kéo nước sông Ngân rửa sạch vết tanh hôi.
 Đến nay nhân dân cả nước,
 Nhắc mãi năm bắt giặc Hồ (10).

DỊCH THƠ :

*Lên thăm núi Thạch Môn,
 Ngẩng trông trời vút cao.
 Biển nam chim bằng dấy,
 Núi đông mặt trời chào.
 Núi Yên Phụ chạm trời,
 Tượng Đầu chót ngất cao.
 Tử Tiêu mây trùng trùng,
 An Kỳ ở chốn nao.
 Sóng Bạch Đằng cuộn cuộn,*

*Ngó Quyền diệt Hoảng Thao.
 Nhớ xưa Trùng Hưng Đế,
 Làm đất chuyển trời chao.
 Cửa biển nghìn thuyền đậu,
 Non ải vạn cờ đào.
 Trở tay định bờ cõi,
 Kéo sông rửa tanh hôi.
 Nhân dân nay còn kể,
 Chuyện thắng Hồ năm nào.*

TUẤN NGHI

Triều nhà Trần năm thứ 144, tháng 9, ngày 5, chức Nhập nội Hữu nạp ngôn là Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh vâng lệnh nhà vua đi tuyển duyệt binh lính năm lộ, lên núi Thạch Môn, làm bài thơ này. Dương Nham Phạm Sư Mạnh viết.

KHẢO ĐỊNH :

1* Bài thơ này vốn không có đầu bài. Hiện còn bản khắc đá trên vách hang núi Kinh Chủ thuộc xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Hưng ngày nay. Có lẽ dựa vào những hàng chữ «lạc khoản», khắc dưới bài thơ, nên các bản TVTL đều tự đặt thêm đầu bài. Thí dụ, TVTL1 ghi đầu đề bài thơ là : 揀五路兵登石門山留題 *Giản ngũ lộ binh dăng Thạch Môn Sơn lưu đề*; TVTL2 : 陳五路兵登石門山留題 *Trần ngũ lộ binh dăng Thạch Môn Sơn lưu đề*...; ở đây chúng tôi lấy câu đầu của bài thơ để đặt đầu bài.

2* TVTL1, TVTL2 : 長記於斯年 *Trưởng ký ư tư niên*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Núi Yên Phụ* : Ở gần núi Kinh Chủ, thuộc xã Tuyên Xá, huyện Hiệp Sơn, tỉnh Hải Dương (nay thuộc Hải Hưng).
- (2) *Núi Tượng Sơn* : Theo *Phương Đình địa chí* của Nguyễn Văn Siêu, thì Tượng Sơn còn có tên là núi Yên Tử. Theo LTHCLC của Phan Huy Chú thì núi Yên Tử ở vào huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- (3) *Nhẫn* : Thời xưa lấy 7 hoặc 8 «xích» làm một «nhẫn». «Nghìn nhẫn» ý nói núi rất cao.
- (4) *Tử Tiêu* : một ngọn núi trong núi Yên Tử.
- (5) *Tiên An Kỳ* : tức An Kỳ Sinh 安期生; sống vào đời Tần, tu đạo thành tiên, tương truyền có đến tu ở núi Yên Tử.
- (6) *Sông Bạch Đằng* : Đoạn sông chảy qua xã Đoàn Lễ, đổ ra cửa biển Nam Triệu. Tại đây đã diễn ra nhiều trận thủy chiến lấy lưng của Ngô Quyền 吳權 chống quân Nam Hán (938) và của Trần Quốc Tuấn 陳國俊 chống quân Nguyên (1288).
- (7) *Ngô Vương* : tức Ngô Quyền, người anh hùng đã chỉ huy quân ta đánh bại quân Nam Hán, giết con vua Nam Hán là Lưu Hoảng Thao, giành lại quyền tự chủ cho đất nước sau hơn 1000 năm Bắc thuộc.
- (8) *Trùng Hưng* : niên hiệu vua Trần Nhân Tông 陳仁宗. Ý chỉ cửa ải trên núi Kinh Chủ.
- (9) *Giặc Hồ* : Chỉ giặc ngoại xâm nói chung. Trong bài này chỉ giặc Nguyên.

東山寺湖上樓

ĐÔNG SƠN TỰ HỒ THƯỢNG LÂU

池園古寺瓊瑤沒，
松竹一山風雨來。
至今白髮村前叟，
猶道太師平賊回。

Trì viên cổ tự quỳnh dao một^{1*},
Tùng trúc^{2*} nhất sơn phong vũ lai.
Chị kim bạch phát thôn tiền tẩu,
Do đạo Thái sư bình tặc hồi.

DỊCH NGHĨA :

LẦU TRÊN HỒ CHÙA ĐÔNG SƠN ⁽¹⁾

Vườn ao chùa cổ đã mất vẻ ngọc rời,
Thông trúc đầy núi, gió mưa kéo đến.
Đến nay những ông già tóc bạc ở trước thôn,
Còn kể chuyện Thái sư đi dẹp giặc về qua đây.

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TVTL1 : 設 thiết; TVTL2 : 砌 thề.

2* VATT : 作 tác.

CHÚ THÍCH :

(1) Chùa Đông Sơn : Chưa rõ ở đâu.

(2) VATT chú : 舊注佐聖太師平占城。今考史有佐聖太師陳日燾, 無佐字。

Cựu chú Hữu thánh Thái sư bình Chiêm Thành. Kim khảo quốc sử hữu Tả thánh Thái sư Trần Nhật Duật, vô Hữu tự; Chú thích cũ nói rằng Hữu thánh Thái sư bình định đất Chiêm Thành. Nay khảo quốc sử thì chỉ thấy có Tả thánh Thái sư Trần Nhật Duật, không có chữ « Hữu ».

Vậy theo VATT, thì «quan Thái sư» ở đây là chỉ Trần Nhật Duật (Trần Nhật Duật là con thứ sáu của Trần Thái Tông, văn võ kiêm toàn. Ông có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, được phong Tả Thánh Thái sư Chiêu Văn Vương, thọ 77 tuổi, người đương thời ví Trần Nhật Duật như Quách Tử Nghi đời Đường).

50

過黃龍洞

鵝 浦 潮 頭 破 石 風,
高 帆 千 丈 過 黃 龍。
峇 峇 一 水 玻 璃 碧,
玉 立 千 峰 更 萬 峰。

QUÁ HOÀNG LONG ĐỘNG

Nhà Phố triều ^{1*} đầu Hiệp Thạch ^{2*} phong,
Cao phàm thiên ^{3*} trượng quá Hoàng Long.
Dung dung nhất thủy pha lê bích,
Ngọc lập thiên phong cảnh vạn phong.

DỊCH NGHĨA :

QUA ĐỘNG HOÀNG LONG (1)

Trên làn sóng Nha Phố, trước ngọn gió Hiệp Thạch (2),
 Buồm cao ngàn trượng qua động Hoàng Long.
 Mênh mông bát ngát trong biển như pha lê,
 Muôn vùn ngọn núi đứng sừng sững như những viên ngọc.

DỊCH THƠ :

*Gió Hiệp Thạch, sóng bến Nha,
 Cánh buồm muôn trượng vượt qua động Hoàng.
 Mênh mông nước biển đầy tràn,
 Núi cao sừng sững muôn ngàn ngọn trơ.*

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT : 濤 *đào*.2* VATT : 口 *khẩu*.3* VATT : 十 *thập*.

CHỮ THÍCH :

- (1) (2) *Động Hoàng Long, Bến Nha* : có lẽ đều là những nơi trong vùng quê tác giả, nhưng chưa rõ cụ thể là ở vào địa điểm nào.
 (3) *Hiệp Thạch* : thuộc huyện Hiệp Sơn, phủ Kinh Môn, đất Hải Dương (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).

51

過瀟湘

QUÁ TIÊU TƯƠNG

湘 水 北 連 青 草 湖,
 年 年 楓 葉 映 菰 蒲。
 帝 妃 一 去 殿 門 閑,
 紅 日 下 山 啼 鷓 鴣。

Trương thủy bắc liên Thanh Thảo hồ,
 Niên niên phong diệp ánh cô bồ.
 Đế phi nhất khứ điện môn bế,
 Hồng nhật hạ sơn đề giá cô.

DỊCH NGHĨA :

QUA TIÊU TƯƠNG (1)

Sông Tương phía bắc liền với hồ Thanh Thảo (2),
Hàng năm lá phong soi xuống cỏ cô cỏ bờ.
Bà phi (3) qua đời, cửa điện bèn khép lại,
Mặt trời gác núi, tiếng chim đa đa kêu rộn.

DỊCH THƠ :

*Tiêu Tương, Thanh Thảo giáp đôi bờ,
Thu tới phong soi sáng cỏ bờ.
Để phi khuất bóng, cung không mở,
Ác lặn, vang non tiếng giá cỏ.*

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐỊNH :

Bài thơ này có chép ở VATT, TVTL1, TVTL2, HVTT.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tiêu Tương* : chỉ nơi hợp lưu của sông Tiêu và sông Tương nay ở về phía bắc huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam. Theo HVTT thì Phạm Sư Mạnh làm bài thơ này khi đi sứ (1345).
- (2) *Hồ Thanh Thảo* : ở huyện Cương Âm, tỉnh Hồ Nam, nam giáp sông Tiêu, bắc thông với hồ Động Đình. Vì hồ có nhiều cỏ xanh (thanh thảo), nên đặt tên như vậy.
- (3) *Đế Phi* : Tương truyền Nga Hoàng và Nữ Anh là con vua Nghiêu và đều là vợ của vua Thuấn ; khi vua Thuấn chết, hai bà khóc thương ở vùng sông Tiêu Tương.

52

題甘露寺

ĐỀ CAM LỘ TỰ

曉 躡 雲 煙 扣 石 扉，
僧 房 佛 舍 俯 連 漪。
雲 侵 兩 鬢 風 吹 淚，
重 讀 穆 陵 題 寺 詩。

Hiền nhiếp vân yên khấu 1* thạch phi,
Tăng phòng phật xá phủ liên y.
Tuyết xâm lưỡng mấn phong suy lệ,
Trùng đọc 2* Mục Lăng đề tự thi.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA CAM LỘ (1)

Buổi sớm dầm lên khói mây, gõ vào cửa đá,
 Tầng phòng, Phật điện nhìn xuống giòng nước lặn dần.
 Tuyết điểm bạc hai bên mái tóc, gió thổi rơi lệ,
 Đọc lại bài thơ của Mục Lãng đề ở chùa (2).

DỊCH THƠ :

Rẽ đám mây mù gõ trước rèm,
 Buồng tầng nhà Phật nước quanh thêm.
 Gió lay giọt lệ sương pha tóc,
 Thơ Mục Lãng xưa lại đọc lên.

Theo ĐINH VĂN CHẤP
 (Nam phong số 115 ; năm 1927)

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTLI : 叩 khẩu.

2* TDTT : 續 tục.

CHÚ THÍCH :

(1) Chùa Cam Lộ : chưa rõ ở đâu.

(2) HVTT chú : 明宗臺楊陵 Minh Tông táng Mục Lãng : Trần Minh Tông chôn ở Mục Lãng.

53

舟中即事

CHU TRUNG TỨC SỰ

仕宦三朝 備省官,
 蒼頭白髮 未還山。
 焚香坐對 珥河月,
 惆悵煙溪 峽石間。

Sĩ hoạn tam triều bị sảnh quan,
 Thương đầu bạch phát vị hoàn san.
 Phấn hương tọa đối Nhị Hà nguyệt,
 Trù trường yên khê Hiệp Thạch gian.

DỊCH NGHĨA :

THƠ TỨC SỰ TRÊN THUYỀN

Làm quan nơi cung cấm trải suốt ba triều vua,
 Đầu xanh đã bạc chưa được về núi.
 Đốt hương ngồi ngắm trăng giòng sông Nhị,
 Bồi hồi tưởng nhớ đến suối mây vũng Hiệp Thạch (1).

DỊCH THƠ :

*Cung cấm ba triều vẫn cảnh quan,
 Đầu xanh đã bạc chưa hoàn san.
 Đốt hương ngồi ngắm trăng sông Nhị,
 Mây nước quê nhà những vẫn vương.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

Bài thơ này có chép ở TDTT, TVTL1, HVTT.

CHÚ THÍCH :

(1) *Hiệp Thạch* : Tên làng tác giả, thuộc huyện Hiệp Sơn, phủ Kinh Môn (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).

過安撫阮士固墳

蕭蕭千畝竹如雲，
 無限傷心安撫墳。
 山墅昔時携酒地，
 愴忙下馬正斜曛。

QUÁ AN PHỦ NGUYỄN SĨ CỐ PHẦN 1*

Tiêu tiêu thiên mẫu trúc như vân,
 Vô hạn thương tâm An phủ phần.
 Sơn thự tịch thời huê tửu địa,
 Thương^{2*} mang hạ mã chính tà huân.

DỊCH NGHĨA :

QUA MỘ AN PHỦ NGUYỄN SĨ CỐ ⁽¹⁾

Hiu hắt hàng nghìn mẫu, trúc như mây,
 Trước mồ quan An phủ, lòng đau vô hạn.
 Biệt thự trong núi, nơi trước kia thường mang rượu đến,
 Nay băng khuáng xuống ngựa, giữa lúc bóng chiều tà.

DỊCH THƠ :

Mây giăng ngàn dặm trúc xanh xanh,
 An phủ phần trông vương mối tình.
 Này chốn ngày xưa vui vẻ chén,
 Băng khuáng xuống ngựa bóng chênh chênh.

ĐINH VĂN CHẤP

(Nam phong số 115; năm 1927)

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1 墓 mộ.

2* TDTT: 陰 âm.

CHÚ THÍCH :

(1) Nguyễn Sĩ Cố: chưa rõ người ở đâu. Theo ĐVSKTT, ông làm chức Thiên chương các Học sĩ đời Trần Thánh Tông (1258-1278); rồi chức Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ đời Trần Minh Tông (1314 - 1329).

55

登浴翠山留題

ĐĂNG DỤC THUY SƠN LƯU ĐỀ

扈 蹕 鴉 頭 浦,
 停 舟 水 上 岩。
 鯨 波 天 上 下,
 鰲 背 海 東 南。
 蓬 島 連 僧 塔,
 瀛 州 正 客 帆。
 行 年 六 十 六,
 幾 度 訪 伽 藍。

Hồ tất Nha Đầu phố,
 Đình chu thủy thượng nam.
 Kinh ba thiên thượng hạ,
 Ngao bối hải đông nam.
 Bồng Đảo liên tăng tháp,
 Doanh Châu chính khách phàm.
 Hành niên lục thập lục,
 Kỳ độ phỏng đà lam.

DỊCH NGHĨA :

LÊN NÚI DỤC THÚY ⁽¹⁾ ĐỀ THƠ

Theo hầu vua qua bến Nha Đầu,
 Đâu thuyền cạnh núi đá trên nước.
 Nhìn sóng lớn ⁽²⁾ trên dưới đều là trời,
 Lên núi cao ⁽³⁾ đông nam đều là biển.
 Nơi Bồng Đảo ⁽⁴⁾, tháp chùa liên tiếp nhau,
 Chốn Doanh Châu ⁽⁵⁾ buồm khách kéo thẳng.
 Tuổi mới sáu mươi sáu,
 Đã mấy lần thăm hỏi cảnh Phật.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 壑 Loan.
 2* HVTT : 舍 xá.
 3* : TVTL2 : 四 tứ.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Núi Dục Thúy* : Phải chăng là hòn Non Nước ở tỉnh Ninh Bình, (Hà Nam Ninh) ?
 (2) *Sóng lớn* : dịch chữ «kinh ba» nguyên nghĩa là *sóng kinh*. Kinh là loại cá mập. Sóng kinh là chỉ sóng lớn.
 (3) *Ngon núi cao* : dịch chữ «Ngao bối», nguyên nghĩa là *lưng con gái*. Ý tác giả muốn nói đứng trên hòn núi như đứng trên lưng con gái, bập bênh giữa biển.
 (4), (5) *Bồng Đảo, Doanh Châu* : Tương truyền là những nơi thần tiên ở, trên biển Bột Hải. Tác giả mượn địa danh thần thoại này để ca ngợi núi Dục Thúy đẹp như cảnh tiên.

56-57

扈駕天長書事

(一)

東京形勝拱天符，
 基業宏開萬世模。
 翠浪玉虹山水國，
 碧門金闕帝王都。
 海城土貢包柑橘，
 天屬單裝衛舳舻。
 大駕年年巡故宅，
 嶽祇川石作前驅。

HỒ GIÁ THIÊN TRƯỜNG THƯ SỰ

I

Đông kinh hình thắng củng thiên phù,
 Cơ nghiệp hoằng khai vạn thế mô.
 Thúy lãng ngọc hồng sơn thủy quốc,
 Bích môn kim khuyết đế vương đô.
 Hải Thành thổ cống bao cam quất,
 Thiên thuộc quân trang vệ trục lô.
 Đại ^{1*} giá niên niên tuần cố trạch,
 Nhạc kỳ xuyên hậu tác tiền khu.

(二)

II

即 墨 行 都 古 澗 遼,
民 熙 俗 古 太 平 年。
榮 河 水 繞 九 重 殿;
保 口 風 搖 百 丈 船。
兩 岸 新 霜 金 橘 國;
滿 城 細 雨 土 蝦 天。
小 臣 歲 歲 陪 鸞 輅,
依 舊 藍 袍 司 隸 前。

Tức Mặc hành đô cổ Giản Triền,
Dân hi^{2*} tục cổ thái bình niên.
Vinh^{3*} hà thủy nhiều^{4*} cửu trùng điện,
Bảo khẩu phong dao bách trượng thuyền.
Lưỡng ngạn tân sương kim quất quốc,
Mãn thành tế vũ thổ hà thiên.
Tiền thân tuế tuế bồi loan lộ,
Y cựu lam bào tư lệ tiền.

DỊCH NGHĨA :

CHI LẠI VIỆC HẦU VUA VỀ THIÊN TRƯỜNG (1)

I

Hình thế đẹp nơi Đông Kinh (2) châu về nhà vua,
Cơ nghiệp mở rộng quy mô muôn thuở.
Một miền sông thủy sóng xanh, cầu vòng ngọc,
Kinh đô để vương cửa biển, khuyết vàng.
Cổng phẩm của Hải Thành (3) gồm có cam với quýt,
Đội quân triều đình trang bị các chiến thuyền hộ vệ.
Xa giá nhà vua hàng năm về thăm quê cũ,
Thần núi thần sông làm kẻ dẫn đường.

II

Hành đô Tức Mặc (4) như miền sông Giản sông Triền (5) xưa,
Nhân dân vui vẻ, phong tục chất phác giữa những năm thái bình.
Nước sông Vinh vây quanh tòa điện chín tầng,
Gió cửa Bảo (6) lay động con thuyền trăm trượng.
Sương mới hai bên bờ một vùng quýt vàng,
Mưa phùn đầy thành, một trời rươi (7).
Kẻ hạ thần hàng năm theo hầu xe loan,
Vẫn là viên Tư lệ (8) áo lam như cũ.

DỊCH THƠ :

I

Hình thắng Đông Kinh hộ ấn vàng,
 Muốn năm cơ nghiệp mở huy hoàng.
 Sóng xanh, cầu ngọc, miền sơn thủy,
 Cửa biếc cung vàng đất đế vương.
 Cam quýt ngon tươi dâng thổ sản,
 Thuyền cò hùng mạnh rục quân trang.
 Mỗi năm thánh giá về quê cũ,
 Thần núi sông đi trước dẫn đường.

II

Tức Mặc hành đô cảnh lạ lung,
 Dân vui đời thịnh lại thuần phong.
 Gió đưa cửa Bão thuyền trăm trượng,
 Nước diều sông Vinh điện chín trùng.
 Cả xứ mưa bay rươi trắng nổi,
 Hai bờ sương xuống quýt vàng hung,
 Hàng năm thần tử hầu loan giá.
 Vẫn tắm bảo lam mãi ruỗi rong.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2, TVTL3 : 天 thiên.
 2* TVTL1 : 稀 hy.
 2* TVTL1 : 綠 lục.
 4* TTCGLT : 繞水 nhiều thủy.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thiên Trường* : quê hương nhà Trần. Năm Thiệu Long thứ ba (1260), nhà Trần đổi hương Tức Mặc làm phủ Thiên Trường ; Thiên Trường ở trong khoảng địa phận huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định. Nay là Hà Nam Ninh.
 (2) *Đông Kinh* : ở đây chỉ quê hương nhà Trần.
 (3) *Hải Thành* : Chưa rõ thuộc vùng nào.
 (4) *Tức Mặc* : Nơi đất «thang mộc», quê hương của nhà Trần, nay thuộc xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, Hà Nam Ninh.

- (5) *Giản, Triền* : Tên hai con sông ở tỉnh Hà Nam (Trung Quốc).
Thư kinh 書經 có câu : 我乃卜澗水東經水西 ngã nãi bốc Giản thủy đông, Triền thủy tây : Ta chọn chỗ ở tại phía đông sông Giản, phía tây sông Triền. Ở đây tác giả vi hành đồ Tức Mặc như hình thế sông Giản, sông Triền đời Chu.
- (6) *Sông Vinh, cửa Bảo* : Có thể là tên một con sông và một cửa biển nào đó ở vùng Nam Định xưa. Nay chưa rõ cụ thể nơi nào.
- (7) *Rươi (thổ hà)* : «Thổ hà» nguyên nghĩa là *tôm đất*. Chúng tôi dịch là «rươi» cho sát với thổ sản vùng Nam Định cũ.
- (8) *Tư lệ* : Tên một chức quan đặt từ đời Chu ở Trung Quốc. Viên quan này chuyên trông coi tội nhân, tù binh. Qua đời Đông Hán, được coi giữ một châu, uy quyền rất lớn. Đến đời Đường thì bỏ.

58

春日應制

XUÂN NHẬT ỨNG CHẾ ^{1*}

商 雲 五 色 擁 宮 闈，
 宣 召 儒 臣 出 殿 墀。
 乳 燕 鳴 鳩 當 午 後，
 細 旗 廣 廈 設 香 彝。
 宸 心 二 帝 三 王 古，
 文 體 先 秦 兩 漢 奇。
 側 聽 侍 臣 傳 內 旨，
 祈 永 友 社 定 新 儀。

Duật vân ngũ sắc ủng cung vi,
 Tuyên triệu Nho thần xuất điện tri ^{2*}.
 Nhũ yến minh cưu đương ngọ hậu ^{3*},
 Tế chiên quảng hạ thiết hương di.
 Thần ^{3*} tâm Nhị đế Tam vương cổ,
 Văn thể Tiên Tần, Lưỡng Hán kỳ.
 Trắc ^{4*} thỉnh thị thần truyền nội chỉ,
 Kỳ hòa ^{5*} đại xã định tân nghi ^{6*}.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY XUÂN HỌA THƠ VUA ⁽¹⁾

Mây lành năm sắc phủ quanh cung cấm,
 Chiêu vua truyền gọi Nho thần đến trước thềm điện.
 Sau buổi trưa, chim yến, chim cưu kêu,
 Dưới tua cờ nhỏ trong ngôi nhà rộng, đặt đỉnh hương.
 Tấm lòng của vua như Nhị đế Tam vương ⁽²⁾ khi xưa,
 Văn thể của Người kỳ diệu như Tiên Tần, Lưỡng Hán ⁽³⁾.
 Lắng nghe thị thần truyền chiếu chỉ của nội điện,
 Định nghi thức mới cho lễ đại xã ⁽⁴⁾ cầu được mùa.

DỊCH THƠ :

Năm sắc mây phong cảnh miếu đường,
 Nho thần ứng triệu yết quán vương.
 Cưu ca én hót vang giờ ngọ,
 Nhà rộng cờ treo, ngát đỉnh hương.
 Nhị đế Tam vương lòng thánh thượng,
 Tiên Tần, Lưỡng Hán nếp văn chương.
 Lắng nghe chiếu chỉ từ trong điện,
 Nghi thức cầu mùa hãy sửa sang.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : 春日叙懷應制 Xuân nhật tự hoài ứng chế.
 2* TVTL2 : 曉 hiều.
 3* TTCGLT : 臣 thần ;
 4* TTCGLT : 例 lệ.
 5* TVTL2, TVTL3, HVTT : 祇 和 kỳ hòa.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Họa thơ vua (ứng chế)* : Thời xưa, có những bài thơ hoặc theo lệnh vua mà làm, hoặc họa lại thơ vua hay người bề trên. Những bài thơ đó gọi là *thơ Ứng chế*, lời lẽ thường là phò trương, tán tụng. Đầu bài thơ này, do vậy, còn có thể dịch là *Ngày xuân vâng lệnh vua làm thơ*.
- (2) *Nhị đế, Tam vương* : « Nhị đế » là chỉ vua Nghiêu 堯, vua Thuấn 舜 ; « Tam vương » chỉ những vua khai sáng ba triều Hạ, Thương, Chu (Vũ 禹 nhà Hạ ; Thang 湯 nhà Thương ; Văn 文, Vũ 武 nhà Chu).
- (3) *Tiên Tần, Lưỡng Hán* : Từ nhà Tần trở về trước gọi là *Tiên Tần*, nhà Tây Hán và Đông Hán được gọi chung là *Lưỡng Hán*. Người xưa xem văn Tiên Tần, Lưỡng Hán là văn mẫu mực cho văn các đời sau ở Trung Quốc.
- (4) *Đại xã* : Lễ tế thần hậu thổ (thần đất) để cầu được mùa.

59

遊佛跡山偈題

吟 鞭 詞 客 上 岵 嶠,
 踏 徧 招 提 絕 世 器。
 松 浪 翻 風 寒 洞 口,
 原 神 拖 帛 勒 山 腰。
 群 峰 烟 霧 三 神 島,
 萬 竅 笙 鏞 九 奏 韶。
 徐 氏 怪 奇 休 說 着,
 徘徊 吟 罷 又 吹 簫。

DU PHẬT TÍCH SƠN NGẪU ĐỀ 1*

Ngâm tiên từ khách thượng thiêu
 nghiêu,
 Đạp biến 2* chiêm đề tuyết thể hiêu.
 Tùng lãg phiên phong hàn động
 khẩu,
 Nguyên thần 3* đa bạch lặc sơn yêu.
 Quần phong yên vụ Tam Thần đảo,
 Vạn khiêu sinh dung cử tấu Thiêu.
 Từ thị quái kỳ hư thuyết trước,
 Bồi hồi ngâm bãi hựu xuy tiêu.

DỊCH NGHĨA :

ĐI CHƠI NÚI PHẬT TÍCH (1), NGẪU NHIÊN ĐỀ THƠ

Ngâm nga, khách văn chương bước lên hòn núi cao chót vót,
 Đạo khắp cảnh chùa, quên hẳn sự phiền nhiễu ở đời.
 Gió thổi rừng thông thành tiếng sóng, lạnh đến cửa hang,
 Thần đất đem những dải mây như lụa thắt vào sườn núi.
 Trên các đỉnh non, mây mù phẳng phất như đảo Tam Thần (2),
 Muôn hốc núi, tiếng sênh, tiếng chuông tấu chín khúc nhạc Thiêu (3).
 Thôi, đừng nói chuyện quái đản về họ Từ nữa (4),
 Bâng khuâng hết ngâm thơ lại thổi sáo.

DỊCH THƠ :

Ngâm nga thẳng tểch đỉnh cheo leo,
 Cảnh bụt lên thăm, dứt mọi điều.
 Lụa vắt sườn non, thần núi dặt,
 Gió lùa cửa động, sóng thông reo.
 Bầy non mây phủ, Tam Thần đảo,
 Vạn hốc chuông rung chín khúc Thiêu.
 Chuyện lạ họ Từ, thôi gác bỏ,
 Ngâm thơ xong lại thổi bài tiêu.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT chép đầu đề bài thơ là 遊佛跡偶題 Du Phật Tích ngẫu đề ; TVTL2 : 遊仙山偶題 Du Tiên Sơn ngẫu đề.
 2* TTCGLT : 為踏 vị đạp.
 3* TTCGLT, TVTL : 泉紳 tuyền thân.

CHÚ THÍCH :

- (1) Núi Phật Tích : thuộc huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc).
 (2) Đảo Tam Thần (Tam Thần đảo) : cũng gọi là núi Tam Thần (Tam Thần sơn), gồm có Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu ; tương truyền đây là ba ngọn núi có tiên ở trên biển Bột Hải.
 (3) Chín khúc nhạc Thiệu (Cửu đầu Thiệu) : tức nhạc của vua Thuấn. Vì nhạc gồm có chín khúc, nên gọi là tấu «chín khúc nhạc Thiệu».
 (4) Tương truyền năm Quang Thái đời Trần, có người tên là Từ Thức ở Hóa Châu (nay thuộc Bình Trị Thiên) đến chơi chùa Phật Tích, nhân một sự tình cờ cứu được cô tiên Giáng Hương. Về sau Từ Thức kết duyên cùng Giáng Hương, sống trên cảnh tiên ở núi Phù Lai, ngoài cửa biển Thần Phù. Nhưng được mấy năm Từ Thức nhớ quê hương, từ biệt Giáng Hương. Về tới quê nhà thì đã mấy trăm năm, Từ Thức muốn trở lại cảnh tiên, nhưng quên mất đường.

60

錢字文同一論占城國

皇詔九重頒北闕，
 使臣萬里極南溟。
 觀風錫邁梵文域，
 擁節闍槃佛誓城。
 象騎蛇船震聖化，
 鯨波颺霧仰文明。
 好將寸舌安危微，
 早駕回輓覲玉京。

TIỄN VŨ VĂN ĐỒNG 1* NHẤT DỤ
CHIÊM THÀNH QUỐC

Hoàng chiếu cửu trùng ban bắc
 nguyệt 2*,
 Sứ thần vạn lý cực nam minh.
 Quan phong Tích 3* Mai Phan văn vực,
 Ủng 5* tiết Đồ Bàn Phật Thệ thành,
 Trọng kỵ xà thuyền chiêm thánh hóa,
 Kinh ba cụ vụ ngưỡng văn minh 6*.
 Hảo tương thốn thiết an nguy kiếu 7*.
 Tảo giá hồi tiên cận Ngọc Kinh.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN VŨ VĂN ĐỒNG ĐI DỤ CHIÊM THÀNH

Chiếu vua nơi chín trùng từ cửa bắc ban xuống,
 Sứ thần đi muôn dặm, đến tận biển nam.
 Xem phong hóa coi Phạn văn (1) đất Tích Mai,
 Cầm cờ tiết đến thành Phạt Thệ đất Đồ Bàn (2).
 Nơi cưỡi voi, dùng thuyền rảnh, thăm nhuần giáo hóa thánh triều,
 Xứ sóng kinh, mù bão được chiêm ngưỡng văn minh.
 Hãy đem tác lược đến giữ yên nguy nơi biên tái,
 Sớm quay xe về triều bái Ngọc Kinh (3).

DỊCH THƠ :

*Thánh hoàng ban chiếu từ phương bắc,
 Sứ giả lên đường xuống biển nam.
 Phong hóa thân xem miền Tích Mai.
 Tiết mao cờ hướng đất Đồ Bàn.
 Văn minh soi tới nơi kinh, bão,
 Thánh giáo đưa vào chốn rảnh, voi.
 Cối hiềm chiêu an nhờ tác lược,
 Về châu điện ngọc, sớm lên yên.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL3 : 司 tư.
 2* TVTL1, TVTL3 : 國 quốc.
 3* TVTL1 : 揚 dương.
 4* TVTL1, TVTL2 : 范 phạm.
 5* TVTL1, TVTL2 : 攤 thán.
 6* TVTL1 : 星 tinh.
 7* TVTL2 : 檄 hịch.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Phạn văn* : Chỉ một số nước dùng chữ Phạn, thuộc hệ văn hóa Ấn Độ. Văn hóa Chiêm Thành xưa cũng thuộc hệ văn hóa đó.
 (2) *Đồ Bàn* : Thủ đô của Chiêm Thành xưa, nay thuộc tỉnh Bình Định.
 (3) *Ngọc kinh* : Kinh đô nhà vua.

61

烏江項羽廟

Ô GIANG HẠNG VŨ MIẾU ^{1*}

說 着 興 亡 事 莫 窮，
 一 杯 聊 爲 酌 重 瞳。
 殺 降 背 約 千 年 恨，
 爭 霸 圖 王 一 旦 空。
 雲 暗 江 東 愁 父 老，
 月 明 垓 下 泣 英 雄。
 幾 多 蓋 世 拔 山 力，
 盡 在 閒 華 野 草 中。

[Thuyết-trước hưng vong sự mạc cùng,
 Nhất bôi liêu vị ^{2*} lỗi Trùng đồng.
 Sát hàng bội ước thiên niên hận,
 Tranh bá đồ vương nhất đán không.
 Vân ám Giang Đông sầu phụ lão,
 Nguyệt minh Cai Hạ khắp anh hùng.
 Kỳ đa cái thế bạt sơn lực,
 Tàn tại ^{3*} nhàn ^{4*} hoa dã thảo trung.]

DỊCH NGHĨA:

MIẾU HẠNG VŨ (1) Ở Ô GIANG

Bàn sự hưng vong, là chuyện không cùng,
 Vì Trùng đồng (2) mà rưới một chén rượu xuống đất.
 Giết kẻ đầu hàng (3), làm trái điều ước (4) để hận ngàn năm,
 Giành nghiệp bá, mưu đồ nghiệp vương, một lúc bằng không.
 Mây mờ Giang Đông (5), làm rầu người già cả,
 Trăng soi đất Cai Hạ (6), than khóc kẻ anh hùng.
 Biết bao chí trùm đời, sức nhỏ núi (7),
 Đều nằm trong đám hoa dại và cỏ đồng.

DỊCH THƠ:

[Bàn tới hưng vong việc chẳng cùng,
 Rượu thơm hãy tưới viếng Trùng đồng.
 Giết hàng, bội ước, ngàn năm hận,
 Cướp bá, đồ vương, một sớm không.
 Mây khuất Giang Đông, sầu phụ lão,
 Trăng soi Cai Hạ, khóc anh hùng.
 « Bạt núi trùm đời » bao chí lực,
 Vùi trong cỏ dại với hoa hồng.]

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : Chép đầu đề bài thơ là : 北使過烏江題項羽廟
Bắc sứ quá Ô Giang đề Hạng Vũ miếu.
- 2* TVTL2 : 看 khán.
- 3* VATT : 都付 đó phó.
- 4* TVTL1, TVTL2 : 月 nguyệt.

CHỮ THÍCH :

- (1) Hạng Vũ : Tức là Hạng Tịch 項籍, tên tự là Vũ, người đất Hạ Tương. Đời Tần Nhị Thế 秦二世, Hạng Vũ theo chủ là Hạng Lương 項梁 cử binh chống lại nhà Tần. Khi Hạng Lương chết, Hạng Vũ thay chủ thống lĩnh quân đội, đại phá quân Tần, tự xưng là Tây Sở Bá Vương 西楚霸王. Cuối cùng bị Lưu Bang 劉邦 vây ở Cai Hạ; Hạng Vũ muốn vượt qua bến Ô Giang (thuộc tỉnh An Huy), nhưng không được, phải tự vẫn.
- (2) Trùng đồng : Nguyên nghĩa là mất có hai con người. Theo Hạng Vũ bản kỷ 項羽本紀 trong Sử ký 史記 của Tư Mã Thiên 司馬遷; Hạng Vũ là người tương mạo dị thường, mất có hai con người (trùng đồng). « Trùng đồng » ở đây là chỉ Hạng Vũ.
- (3) Giết kẻ đã đầu hàng : Chỉ việc con của Tần Thủy Hoàng 秦始皇 là Tần Tử Anh 秦子嬰 đã đầu hàng rồi mà Hạng Vũ vẫn cứ giết.
- (4) Trái lời ước : Khi Lưu Bang và Hạng Vũ cất quân đánh Tần, vua Sở có giao hẹn là hễ ai tiến vào cửa ải nhà Tần trước, người ấy sẽ làm vua. Kết quả Lưu Bang tiến vào cửa ải nhà Tần trước, và hạ được kinh đô Hàm Dương, nhưng Hạng Vũ vẫn không nghe, đem quân đánh lại Lưu Bang để giành ngôi.
- (5) Giang Đông : Chỉ đất Sở cũ, tức là vùng thuộc hạ lưu sông Trường Giang.
- (6) Cai Hạ : Thuộc huyện Linh Bích, tỉnh An Huy. Đây là nơi Hạng Vũ bị quân Lưu Bang vây hãm.
- (7) Chỉ khi trảm đầu, sức lực nhờ núi : Lấy ý từ câu hát tuyệt mệnh của Hạng Vũ bên nàng Ngu Cơ 虞姬 trong đêm bị vây ở Cai Hạ. Nguyên văn câu hát như sau :

力拔山兮氣蓋世,
時不利兮騅不逝。
騅不逝兮可奈何,
虞兮虞兮奈若何!

Lực bạt sơn hề khi cái thế,
Thời bất lợi hề chuy bất thế.
Chuy bất thế hề khả nại hà!
Ngu hề Ngu hề nại nhược hà!

TAM DỊCH :

Sức nhờ núi khi trảm đầu,
Ngựa chuy không chạy bởi thời không may.
Ngựa sao dừng mãi thế này!
Nàng Ngu ơi! Tình sao đây hồi nàng!

62

按兆江路

ÁN THAO GIANG LỘ

閔 河 萬 里 一 征 衫,
 雨 伯 風 師 關 瘴 嵐。
 俗 雜 丹 旆 兼 楚 北,
 地 連 鄴 善 與 雲 南。
 丹 心 白 髮 天 門 九,
 碧 水 青 山 邊 郡 三。
 我 為 朝 庭 訪 民 瘼,
 剗 除 蠹 弊 革 奸 貪。

Quan hà vạn lý nhất chinh sam,
 Vũ bá phong sư tích chương lam.
 Tục tạp Nhiêm Bàng^{1*} kiêm Bắc Bắc,
 Địa liên Thiện Thiện dữ Văn Nam.
 Đan tâm bạch phát thiên môn cửu,
 Bích thủy thanh sơn biên quận tam.
 Ngã vị triều đình phỏng dân mịch,
 Sãn trừ đố tộ^{2*}, cách gian tham.

DỊCH NGHĨA :

ĐI KINH LÝ LỘ THAO GIANG (1)

Quan hà vạn dặm, một chiếc áo đường trường,
 Thần mưa thần gió quét chương lam.
 Phong tục nơi đây còn lẫn với Nhiêm Bàng, Bắc Bắc (2),
 Đất đai tiếp giáp với Thiện Thiện và Văn Nam (3).
 Lòng son, tóc bạc với chín cửa trời,
 Nước biếc non xanh nơi ba biên quận.
 Ta vì triều đình đến thăm hỏi sự khổ của dân,
 Trừ tộ sáu một, diệt tộ gian tham.

DỊCH THƠ :

Ruổi rong nghìn dặm bước quan san,
 Mưa gió vì ta quét chương lam.
 Tục lẫn Nhiêm Bàng cùng Bắc Bắc,
 Đất liền Thiện Thiện với Văn Nam.
 Lòng son tóc trắng trời gần gũi,
 Nước biếc non xanh tình chứa chan.
 Ta giúp triều đình thăm kẻ khổ,
 Tiêu trừ sáu một, diệt gian tham.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 銅駝 đồng đà.

2* TVTL1 : 井 trấp.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Lộ Thao Giang* : Theo VSTGCM, thì «Sông Quy Hóa còn gọi là Thao Giang, ở về phía bắc huyện Tam Nông, tỉnh Hưng Hóa». Không rõ *Lộ Thao Giang* ở đây có phải là vùng bao quát cả sông Thao (Thao Giang) hay không?
- (2) *Nhiêm Bàng, Bắc Bắc* : Về hai chữ «Nhiêm Bàng», VATT chú thích là : 西南夷 Tây nam di, tức là một trong những dân tộc thiểu số ở về phía nam tỉnh Tứ Xuyên và toàn tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Còn hai chữ «Bắc Bắc» thì VATT chú thích là : 南詔東 «Nam chiếu đông» tức là thuộc phía tây tỉnh Vân Nam.
- (3) *Thiện Thiện, Vân Nam* : «Thiện Thiện» là tên của một trong những nước Tây Vực đời Hán, vốn xưa tên là Lâu Lan, đời Hán Chiêu Đế 漢昭帝 mới đổi lên là Thiện Thiện. Nay thuộc huyện Thiện Thiện, tỉnh Vân Nam (Vân Nam đây là tên một huyện đời xưa, nay thuộc huyện Tường Văn, tỉnh Vân Nam).

63

行郡

HÀNH QUẬN

艤 船 河 石 溯 清 波,
 龍 吏 爭 迎 使 旆 過。
 瀘 水 藩 籬 挑 聚 落,
 文 郎 日 月 蜀 山 河。
 書 車 萬 里 邊 塵 靜,
 宇 宙 千 年 世 事 多。
 我 幸 蒙 恩 開 制 閫,
 驅 攘 盜 賊 息 干 戈。

Nghĩ thuyền hà thạch tố 1* thanh ba,
 Lũng 2* lại tranh nghênh sứ bài qua.
 Lô thủy phiên ly, Thao tụ lạc,
 Văn Lang nhật nguyệt Thục sơn hà.
 Thư xa 3* vạn lý biên trần tĩnh 4*,
 Vũ trụ thiên niên thế sự đa.
 Ngã hạnh mông ân khai 5* chế khôn,
 Khu nhượng đạo tặc, 6* tức can qua.

DỊCH NGHĨA :

ĐI KINH LÝ TRONG QUẬN

Ngược dòng sông trong, dẫu thuyền ở bến đá,
 Kẻ lại coi sông giành nhau đón cờ sứ thần đi qua.
 Sông Lô là nơi phen giậu, sông Thao là nơi dân tụ họp.
 Đã từng qua ngày tháng nước Văn Lang ⁽¹⁾, non sông vua Thục ⁽²⁾.
 Nay muôn dặm thống nhất ⁽³⁾, bụi bặm nơi biên cương đã yên tĩnh.
 Vũ trụ nghìn năm, đời có nhiều thay đổi.
 Ta may mắn đội ơn vua, mở nơi cõi ngoài,
 Xua trừ trộm cướp, dập tắt can qua.

DỊCH THƠ :

*Cầm thuyền ngược sông dạo lên đây,
 Đón sứ mừng cờ phấp phới bay.
 Lô thủy Thao giang phường bản ấy,
 Văn Lang Thục quốc nước non này.
 Xa thư muôn dặm từng yên tĩnh,
 Vũ trụ ngàn năm lắm đổi thay.
 Ta đội ơn vua lên trần thủ
 Tiêu trừ trộm cướp, dẹp binh oai.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 所 tổ.
 2* TVTL1 : 隴 lũng.
 3* TVTL3 : 江 giang.
 4* TVTL2 : 車書 xa thư.
 5* TVTL2 : 淨 tịnh.
 6* TVTL2 : 関 quan.
 7* VATT : 賊盜 tặc đạo.
 TVTL3 : 寇盜 khẩu đạo.

CHÚ THÍCH :

- (1) Văn Lang : tên nước ta vào thời Hùng Vương 雄王.
 (2) Vua Thục : đây chỉ Thục An Dương Vương 蜀安陽王. Sau khi chiếm được Văn Lang, An Dương Vương đổi tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (nay là vùng Cổ Loa, huyện Đông Anh, thuộc ngoại thành Hà Nội).
 (3) Thống nhất : dịch thoát chữ «xa-thư». Nguyên sách Trung dung 中庸 có câu : 車同軌書同文 xa đồng quỹ, thư đồng văn : Xe cùng một cỡ trục, sách cùng một lối chữ. Chỉ sự thống nhất về văn hóa.

64

巡視真登州

天開地闢三江路，
 奇絕茲遊我未曾。
 傲外百蠻環古壘，
 國西鉅鎮壯真登。
 池爲地塹石城壁，
 屋似櫓巢塔豆登。
 欲上崑崙訪玄圃，
 搏風萬里快飛鵬。

TUẦN THỊ CHÂN ĐĂNG CHÂU 1*

Thiên khai địa tịch Tam Giang lộ,
 Kỳ tuyệt tư du ngã vị tăng.
 Kiêu ngoại bách man hoàn cổ lũy,
 Quốc tây cự trấn tráng Chân Đăng.
 Trì 2* vi địa tam, thạch thành bích,
 Ốc tự tầng sào 3*, tháp đậu đăng 4*.
 Dục thường Côn Luân phỏng Huyền
 Phố,
 Đoàn phong vạn lý khoái phi bằng.

DỊCH NGHĨA :

TUẦN TRA CHÂU CHÂN ĐĂNG (1)

Trời đất mở ra lộ Tam Giang (2),
 Ta chưa từng đi chơi tuyệt lạ như lần này.
 Ngoài biên tái, những cổ lũy bao quanh trăm tộc man (3),
 Châu Chân Đăng to lớn, phía tây đất nước.
 Ao làm hào đất, đá làm tường thành,
 Nhà như chòi (4), tháp như au liên.
 Muốn lên núi Côn Luân (5) thăm cảnh Huyền Phố (6),
 Cưỡi gió vạn dặm như chim bằng bay vút.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT : 紀行 kỷ hành.
 2* TVTL1, TVTL3 : 參 tham.
 3* TVTL1 : 櫓 櫓 lỗ sào.
 4* TVTL2 : 塹 đăng.

CHỮ THÍCH :

- (1) Châu Chân Đăng : tương đương với lộ Quy Hóa và có lẽ cả lộ Tuyên Hóa vào đời Trần (theo ĐNVNQCĐ).
 (2) Tam Giang lộ : Tức trấn Tam Giang (nằm ở khoảng giữa sông Hồng, sông Đáy, và sông Lô). Trấn Tam Giang thuộc Tây đạo. Tây đạo gồm các trấn : Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Gia Hưng.

- (3) *Trăm tộc man* (bách man) : chỉ những dân tộc ít người.
- (4) *Chối* : Nguyên đội Thượng cổ, khi con người chưa biết làm nhà để ở, mỗi khi mùa hè đến, người ta thường lấy củi xếp cao lên để ở trên đó cho mát, tựa như tổ chim vậy đó chính là « tầng sào ». Ở đây dịch là « chòi » cho dễ hiểu.
- (5), (6) *Côn Luân, Huyền Phố* : 崑崙, 玄浦 có hai cách hiểu :
- a/ Côn Luân là tên một dãy núi lớn ở Trung Quốc. Tương truyền rằng trên núi Côn Luân có đỉnh Huyền Phố là nơi thần tiên ở.
- b/ Côn Luân : Tức Loa Thành ở xã Cổ Loa, huyện Yên Phong, xưa gọi là Phong Khê, kinh đô của An Dương Vương. Người nhà Đường gọi là Côn Luân.
- Chúng tôi thấy chủ thích a hợp với nội dung của bài thơ hơn, chủ thích b để bạn đọc tham khảo thêm.

65

題諸葛石

ĐỀ GIA CÁT THẠCH

風	吹	玉	節	何	封	溪	Phong xuy ngọc tiết hương ^{1*} Phong Khê
滿	袖	天	香	捧	紫	泥	Mãn tụ thiên hương phủng tử nê.
諸	葛	硤	聲	三	帶	震	Gia Cát hồng ^{2*} thanh tam đới chấn,
傘	圓	山	色	九	霄	霽	Tản Viên sơn sắc cửu tiêu tề.
人	從	鳳	閣	鸞	臺	上	Nhân tòng phượng các loan đài thượng,
地	入	蛇	鄉	虎	落	西	Địa nhập xà hương hồ lạc tây.
萬	里	不	違	顏	咫尺	尺	Vạn lý bất vi nhan chỉ xích,
奉	宣	帝	德	浹	黔	黎	Phụng tuyên đế đức thiếp kiềm ^{3*} lê.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ ĐÁ GIA CÁT (1)

Gió thổi cái tiết bằng ngọc (2), đến thăm đất Phong Khê (3);
 Nâng tờ chiếu « tử nê » (4), hương trời đầy tay áo.
 Tiếng hang Gia Cát chấn động ba giải đất,
 Sắc núi Tản Viên sánh ngang với chín tầng mây.
 Người thì đến từ trên gác phượng đài loan,
 Đất thì vào tới phía tây của hang hùm xồm răn.
 Dù muôn dặm chẳng cách xa thiên nhan là mấy,
 Vàng đem đức chính nhà vua tới cho dân đen.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 問 *vấn*.
 2* TVTL2 : 溪 *khê*.
 3* TVTL1 : 黥 *kình*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đá Gia Cát* (Gia Cát thạch) : Chưa rõ ở đâu. Cũng như hang Gia Cát (Gia Cát hồng) nói phía dưới, không rõ ở địa phận nào. Có điều là trong bài thơ này, tác giả nói mình đang tới Phong Khê. Vậy «đá Gia Cát» cũng như «hang Gia Cát» có lẽ thuộc vào vùng đất Phong Khê chăng ?
- (2) *Ngọc tiết* : Cái tiết bằng ngọc.
Chu Lễ có câu : 守邦國者用玉節 / Thủ bang quốc giả dụng ngọc tiết : *Kẻ giữ nơi biên giới dùng ngọc tiết*. Về sau các sứ thần thường cầm một vật bằng ngọc do triều đình trao cho để làm tin gọi là «Ngọc tiết».
- (3) *Phong Khê* : theo VSTGCM, Phong Khê ở vào huyện Đông Anh (thuộc vùng ngoại thành Hà Nội ngày nay).
- (4) *Tử nê* : TTCGLT chú thích : 漢時舊儀,天子六璽,皆以武都紫泥封為之. Hán thời cựu nghi, Thiên tử lục tĩ, giai dĩ Vũ Đô tử nê phong vi chi : *Theo nghi thức cũ đời Hán, Thiên tử có sáu chiếc ấn, đều lấy bùn đỏ ở Vũ Đô phong lại mà thành*. Theo *Tử nguyên*, Tử nê là dấu ấn trên bùn. Người xưa dùng bùn để phong những bức thư lại, rồi lấy ấn in lên. Các bậc tôn quý thì dùng bùn đỏ (tử nê) để phong những bức thư lại. Trong bài thơ này, «Tử nê» là chỉ tờ chiếu của nhà vua.

66 — 67

登天奇山留題

其一

東 潮 多 有 好 江 山 ,
 苦 戀 明 時 敢 乞 閑。
 綠 暗 鵲 田 今 再 到 ,
 雲 深 龍 御 杳 難 攀。
 風 軒 水 檻 蒼 苔 古 ,
 竹 徑 華 蹊 錦 石 斑。
 曾 是 先 皇 遊 賞 地 ,
 春 來 愁 思 最 闌 闌。

ĐĂNG THIÊN KỲ SƠN LƯU ĐỀ 1*

Kỳ nhất

Đông Triều 2* đa hữu hảo giang san,
 Khổ luyện minh thời cảm 3* khát nhàn.
 Lục ảm hạc điền kim tái đáo,
 Vân thâm 4* long ngự 5* liễu 6* nan攀.
 Phong hiên thủy hạm thương đài cổ,
 Trúc kính hoa hề 7* cảm thạch ban.
 Tăng thị tiên hoàng du thưởng địa,
 Xuân lai sầu tứ tối tương quan.

其二

Kỳ nhị

長	楊	奏	賦	謝	無	能		Trương Dương tấu phú tạ vô năng,
此	地	曾	陪	玉	輦	登		Thử địa tăng bồi ngọc liên đăng.
昔	日	池	臺	今	尚	在		Tích nhật trì đài kim thượng tại,
滿	村	華	鳥	恨	難	勝		Mãn thôn hoa điều hận nan thắng.
山	園	安	野	晴	嵐	靄		Sơn vi An Dã tình lam ải,
水	滙	茶	江	白	浪	層		Thủy hồi Trà Giang bạch lãng tầng.
伏	外	萬	屯	春	似	錦		Phục ngoại vạn đồn xuân tựa cẩm,
孝	思	天	子	正	朝	陵		Hiếu tư Thiên tử chính triều lăng.

DỊCH NGHĨA:

LÊN NÚI THIÊN KỶ (1) ĐỀ THƠ LƯU NIỆM

Bài thứ nhất

Đông Triều (2) có nhiều núi sông đẹp,
 Luyện tiếc triều vua sáng suốt chẳng dám xin về sống nhàn.
 Màu xanh che mộng chim hạc (3), nay lại đến thăm,
 Mây phủ kín nơi rừng ngự, thật khó mà vin tới.
 Hiên hồng gió, lan can bên giòng nước, rêu xanh mọc tự bao giờ,
 Lối trúc đường hoa, đá cẩm thạch in màu loang lổ.
 Đây chính là đất du thưởng của tiên hoàng,
 Xuân về với nỗi buồn thường có mối liên quan.

Bài thứ hai

Xin từ tạ không có tài dâng bài phú Trương Dương (4),
 Đã từng theo hầu xe ngọc (5) lên thăm đất này.
 Ao dài ngày trước nay còn đây,
 Hoa, chim khắp xóm thôn, mỗi sào khôn xiết.
 Núi vây quanh An Dã (6), hơi bốc lên nghi ngút,
 Nước chảy dồn về Trà Giang (7) làn sóng bạc điệp trùng.
 Nấp bên ngoài hàng vạn đồn binh, về xuân tựa gấm,
 Chính lúc Thiên tử nghĩ về đạo hiếu, đang triều yết nơi lăng tẩm.

DỊCH THƠ :

Bài thứ nhất

Đông Triều sông núi đẹp cơ man,
 Mến buổi anh minh, lộ dăm nhàn.
 Ruộng hạc cây xanh nay lại đến,
 Xe rồng mây khuất, khó đường lên.
 Luống hoa, đã gấm đã loang lổ,
 Hiên gió, rêu xanh đã phủ tràn.
 Đây chốn tiên hoàng thường thẳng thưởng,
 Xuân về, sâu cảm lại liên quan.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* Nguyên chú của TTCGLT: 此首先於南交志,乃明人所錄,多有不同,今皆傍寫以備參考. Thử thủ tiên ư Nam giao chí, nãi Minh nhân sở lục, đa hữu bất đồng, kim giai bàng tả dĩ bị tham khảo: Bài thơ này đầu tiên thấy chép ở sách «Nam giao chí», người Minh chép phần nhiều không thống nhất, nay đều chép ra bên cạnh để tham khảo thêm.
- 2* TVTL2: 州 châu.
- 3* TTCGLT: 虛名 顧 hư danh lãn.
- 4* TTCGLT: 謠 giã.
- 5* HVTT: 馭 ngự.
- 6* TTCGLT: 查 tra.
- 7* TTCGLT: 遙 khê.

CHÚ THÍCH :

- (1) Núi Thiên Kỳ: Theo ANC, quyển I, mục Sơn Xuyên, núi Thiên Kỳ ở châu Đông Triều, cùng với núi Yên Tử... đều là những nơi có nhiều cảnh đẹp.
- (2) Đông Triều: Châu Đông Triều gồm có các huyện Đông Triều, Cẩm Phi, An Lão, Thủy Đường (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh).
- (3) Ruộng chim hạc (hạc điền): Chưa rõ là ruộng gì. Bđ. HVTVT chú thích là: ruộng nhà.
- (4) Trường Dương: Tên một cung điện ở tỉnh Thiểm Tây. Đây vốn là cung cũ của nhà Tần, nhà Hán sửa chữa lại. Dương Hùng 陽雄 có làm bài Trường Dương phú 長楊賦 đề ca ngợi công trình kiến trúc này.
- (5) Xe ngọc (ngọc liễn): Chỉ xe vua.
- (6) An Dã: Chưa rõ ở đâu.
- (7) Trà Giang: Cũng chưa rõ ở đâu.

68

題峽山抱福巖

ĐỀ HIỆP SƠN BẢO PHÚC NHAM

抱 福 洞 天 滄 海 頭，
 茲 因 公 暇 得 閒 遊。
 方 壺 圓 嶠 雲 中 出，
 紫 府 清 都 水 上 浮。
 宇 宙 奇 觀 陽 谷 日，
 江 山 清 氣 白 藤 秋。
 題 詩 參 問 葛 仙 伯，
 分 我 青 山 一 半 不？

Bảo Phúc động thiên thương hải đầu,
 Tư nhân công hạ đắc nhàn du.
 Phương Hồ, Viên Kiệu vân trung xuất,
 Tử Phủ, Thanh Đô thủy thượng phù.
 Vũ trụ kỳ quan Dương Cốc nhật.
 Giang sơn thanh khí Bạch Đằng thu,
 Đề thi tham 1* vấn Cát Tiên bá,
 Phân ngã thanh sơn nhất bán phần?

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ ĐỘNG BẢO PHÚC (1) Ở HUYỆN HIỆP SƠN

Động Bảo Phúc ở đầu biển xanh,
 Nhân rảnh việc công được đi chơi thong thả.
 Núi Phương Hồ, Viên Kiệu (2), hiện ra trong mây,
 Chốn Tử Phủ, Thanh Đô (3) nổi trên mặt nước.
 Kỳ quan của vũ trụ hiện ra lúc mặt trời mọc ở Dương Cốc (4),
 Thanh khí của non sông thấy rõ khi mùa thu tới trên Bạch Đằng.
 Đề thơ ước hỏi bác Cát Tiên (5),
 Chia cho ta nửa dãy núi xanh này chẳng?

KHẢO ĐỊNH:

1* TVTL2: 烏 兀.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Động Bảo Phúc*: ở vào xã An Khánh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- (2) *Huyện Hiệp Sơn*: còn gọi là Giáp Sơn, thuộc phủ Tân Hưng, trấn Hải Dương đời Trần (thuộc huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Hưng ngày nay).
- (3) *Phương Hồ, Viên Kiệu*: theo sách *Liệt tử* 列子 thì đây là tên hai quả núi có thần tiên ở, trên biển Bột Hải.
- (4) *Tử Phủ, Thanh Đô*: nơi ở của Thiên đế. Trong các câu thơ 3 và 4 này, tác giả đều dùng những địa danh tượng trưng để tả vẻ đẹp thần tiên của động Bảo Phúc.

- (5) *Hang Dương Cốc*: theo *Nghiêu diên, Thư kinh* 堯典, 書經 thì hang Dương Cốc là nơi mặt trời mọc.

Theo LTHCLC tập 1: *Núi Kinh Châu* ở huyện Giáp Sơn có một tên nữa gọi là núi Quân Châu. Trong núi có hang sâu trông lên thấy trời gọi là Dương Cốc. Phạm Sư Mạnh có câu:

Vũ trụ kỳ quan, Dương Cốc nhật.

Giang sơn vượng khí Bạch Đằng thu.

Nghĩa là:

Mặt trời chiếu vào hang Dương Cốc là cảnh lạ trong bầu trời.

Khi thiêng của non sông tụ cả ở sông Bạch Đằng.

Chúng tôi thấy câu thơ trích ở trên có khác chút ít với câu thơ trong bài. Xin chép nguyên văn để bạn đọc tham khảo,

- (6) *Cát Tiên*: tức Cát Hồng 葛洪, một đạo sĩ nổi tiếng sống vào đời Tấn.

69

關北

QUAN BẮC

奉詔單行不敢留，
青油幢下握吳鉤。
關山老鼠谷淩瀨，
雨雪上熬嵐嶺州。
鐵馬東西催鼓角，
牙旗左右肅貔貅。
平生二十安邊策，
一寸丹衷映白頭。

Phụng chiếu quân hành bất cảm lưu,
Thanh du chàng hạ ác ngô câu.
Quan sơn Lão Thử, cốc Lâu Lại,
Vũ tuyết Thượng Ngao lam Lộc Châu.
Thiết mã đông tây thôi cổ giốc,
Nha kỳ tả hữu túc ti hưu.
Binh sinh nhị thập an biên sách,
Nhất thốn đan trung^{1*} ánh^{2*} bạch đầu.

DỊCH NGHĨA :

PHÍA BẮC CỬA ẢI

Vâng theo chiếu chỉ, quân đi chẳng dám dừng lại,
Dưới chiếc lọng quang dầu màu xanh, nắm thanh kiếm Ngô Câu (1).
Quan ải có Lão Thử (2), hang có Lâu Lại (3),
Mưa tuyết có đỉnh Thượng Ngao (4) lam chường có đất Lộc Châu (5).
Ngra sắt đông, tây; trống kèn giục giã,
Hàng cờ tả, hữu; hùm gấu nghiêm trang (6).
Binh sinh với hai mươi sách lược võ yên biên giới,
Một tấc lòng trung son sắt ánh lên mái đầu bạc.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1, TVTL2 : 心 tâm.

2* TVTL1, TVTL3 : 照 chiếu.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Ngô cầu* : Tên một loại gươm báu đời xưa, chế tạo tại nước Ngô.
 (2) *Lão Thử* : Theo chú thích ở bài thơ *An Nam tức sự* 安南即事 trong *Giao Châu cáo* 交州稿 của Trần Phu 陳孚 thì « Từ Khâu Ôn đi về phía đông nam chừng mười mấy dặm, rồi trèo đèo vượt núi đi về hướng tây + nam (...) nơi đó gọi là Lão Thử quan ». Như vậy Lão Thử quan ở về phía nam huyện Khâu Ôn, thuộc tỉnh Lạng Sơn.
 (3), (4) *Hang Lầu Lại, đỉnh Thượng Ngao* : Chưa biết đích xác là ở vùng nào của tỉnh Lạng Sơn.
 (5) *Lộc Châu* : Trong khoảng địa phận huyện Lộc Bình, thuộc tỉnh Lạng Sơn ngày nay.
 (6) Chỉ quân đội mạnh mẽ, nghiêm trang.

70

題東潮華巖

插天翠色玉芙蓉，
 勝景千年海郡雄。
 竹影華陰青障寺；
 神祠鬼刻白雲宮。
 北回萬劫排霜戟；
 南挹春江湧玉虹。
 日暮杖藜高望處，
 山川秀氣滿胸中。

ĐỀ ĐÔNG TRIỀU HOA NHAM

Sáp thiên thủy sắc ngọc phù dung,
 Thăng cảnh thiên niên hải quận hùng.
 Trúc ảnh hoa âm thanh chương^{1*} tự,
 Thần ngoan quỷ khắc bạch vân cung.
 Bắc hồi Vạn Kiếp^{2*} bài sương kích,
 Nam bả Xuân Giang dũng ngọc hồng.
 Nhật mộ trượng^{3*} lê cao vọng xứ,
 Sơn xuyên tú khí mãn hung trung.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ THƠ NÚI HOA NHAM (1), ĐÔNG TRIỀU

Màn thủy chốc trời đóa hoa sen ngọc,
 Thăng cảnh ngàn năm là một hùng trấn ở ven biển.
 Ngòi chùa tựa bức bình phong xanh lẫn bóng hoa trúc,
 Tòa điện mây trắng đầy nét chạm quỷ thần.

Ngoảnh về phương bắc : Vạn Kiếp bày như ngọn kích dưới sương,
Nhìn về phương nam : Xuân Giang tung sóng như cầu vồng ngọc.
Chiều chiều chống gậy lên ngắm cảnh,
Tinh hoa sông núi tràn đầy lồng ngực (2).

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL3 : 庫 chương.
2* TVTL2 : 嶺 lĩnh.
3* TVTL2 : 扶 phù.

CHÚ THÍCH :

- (1) Hoa Nham : theo ANC chú thích : 華巖在東潮縣, 寬五丈餘, 純一師
法脫形于此。 Hoa Nham tại Đông Triều huyện, khoan ngũ tượng dư, Thuần Nhất
sư pháp thoát hình vu thử : Núi Hoa Nham ở tại huyện Đông Triều, rộng ước chừng
hơn năm trượng. Nhà sư Thuần Nhất thoát hình ở đây.
(2) Bài thơ này, mục Nham động, ANC 岩洞, 安南志 cho là của Phạm Quát nhưng
các bản TVTL đều cho là của Phạm Sư Mạnh.

71

諒山道中

LẠNG SƠN 1* ĐẠO TRUNG

登將壇, 將辭門母欲初中峒
敢取丘公旗勇藩諸
權事擁迴揮蕩用州
兵有雲天指掃不緣
總方重里宙山行取
黍朔千萬宇關斯挈

Thiểm tông binh quyền đăng tướng
đàn,
Sóc phương hữu sự cảm từ nan.
Thiên trùng vãn ứng Khâu Môn 2*
dịch,
Vạn lý thiên hồi Công Mẫu san.
Vũ trụ chỉ huy kỳ dục động,
Quan san 3* tảo đăng giốc sơ hàn.
Tư 4* hành bất dụng phiên trùng vật,
Khiết thủ Lạc Châu chư động san!

DỊCH NGHĨA:

TRÊN ĐƯỜNG LẠNG SƠN

Thẹn mình giữ chức tổng binh bước lên đài tướng,
 Phương bắc có biển, đâu dám từ chối khó khăn.
 Máy ngàn trùng hộ vệ cửa Khâu Ôn (1),
 Trời vạn dặm quay về núi Công Mẫu (2).
 Chỉ huy vũ trụ, ngọn cờ sắp phất lên,
 Quét dọn quan san, tiếng tù và bắt đầu lạnh.
 Chuyển đi này không dùng đồ vật các bản,
 Mà lấy ngay từ các động ở Lộc Châu (3).

KHẢO ĐỊNH:

- 1* TTCGLT 關 北 quan bắc.
 2* Ngờ đây là chữ 溫 ôn chép lầm.
 3* TVTL3 河 hà.
 4* TTCGLT 此 thử.

CHÚ THÍCH:

- (1) Khâu Ôn: Trong khoảng địa phận huyện Ôn Châu thuộc tỉnh Lạng Sơn ngày nay, nằm dọc theo đường xe lửa và đường quốc lộ từ Lạng Sơn đến Đồng Mỏ.
 (2) Công Mẫu: Tức núi «Ông Mụ» nằm trong khoảng địa phận huyện Lộc Bình thuộc tỉnh Lạng Sơn.
 (3) Lộc Châu: Trong khoảng huyện Lộc Bình, Lạng Sơn.

三清洞

控帶七泉聯上整，
 石爲疆界水爲濠。
 地分南北金湯險，
 天設神仙洞府高。
 帝所清都纔咫尺，
 仙池禹穴四周遭。
 處邊軍際因登覽，
 偏佐輕行總握刀。

TAM THANH ĐỘNG

Khổng đời Thất Tuyền 1* liên Thượng
 Ngao,
 Thạch vi cương giới thủy vi hào.
 Địa phân nam bắc kim thang hiểm 2*,
 Thiên thiết thần tiên động phủ 3* cao.
 Đế Sở Thanh Đô tài chỉ xích,
 Tiên Trì Vũ Huyệt tứ chu tạo.
 Xử biên quân tế nhân đăng lãm,
 Thiên tả khinh hành tổng ác đao.

DỊCH NGHĨA :

ĐỘNG TAM THANH (1)

Khổng chế cả Thất Tuyền (2) cùng Thượng Ngao (3),
 Đá làm bờ cõi, nước làm hào sâu.
 Đất chia giới hạn nam bắc, hiểm trở như thành bằng sắt; hào nước
 sôi (4),
 Trời đặt ra nơi động phủ thần tiên, cao chênh vênh.
 Đế Sở và Thanh Đô (5) chỉ cách gang tấc,
 Ao Tiên, Huyệt Vũ (6) vây quanh bốn phía.
 Nhân khi đóng quân biên giới, lên xem cảnh động,
 Ý muốn đi nhẹ nhưng vẫn phải cầm đao.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : 原 *nguyên*.
 2* TTCGLT, TVTL1 : 圓 *cổ*.
 3* TTCGLT : 府洞 *phủ động*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Động Tam Thanh* : Ca dao có câu :

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,
 Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh.*

Động Tam Thanh, chùa Tam Thanh thuộc tỉnh Lạng Sơn.

- (2) *Thất Tuyền* : theo LTHCLC, Thất Tuyền là một châu của phủ Trường Khánh, thuộc tỉnh Lạng Sơn.
 (3) *Thượng Ngao* : chưa tra cứu được. Có thể là một địa danh thuộc tỉnh Lạng Sơn.
 (4) *Thành bằng sắt, hào nước sôi* (kim thành thang tri) : *Hán Thư* 漢書 có câu 皆為金城湯池不可攻也. Giai vì kim thành thang tri bất khả công dã : *Đều là thành vàng ao nóng không thể đánh được*. «Vàng» ở đây ý nói kiên cố ; «nóng» ở đây ý nói không thể gần được.
 (5) *Đế Sở, Thanh Đô* : Nơi ở của vua nhà Trời.
 (6) *Huyệt Vũ* (Vũ huyệt) : theo *Thủy kinh chú* 水經注 trên núi Cối Kê có miếu thờ vua Vũ ; phía đông núi có giếng sâu, dò không thấy đáy, tức là huyệt mai táng vua Vũ. Tác giả mượn điển này để tả cảnh hào sâu quanh động Tam Thanh.

73

上 整

偏左萬高關溪白一
裨握馬牙山潤首襟
小弓千大險蕃諒忠
校刀兵燾要屏州赤
擁右巡照明廣危塞
轅屬界丘經撫制乾
門, 韃。首, 溫。畫, 存。置, 坤。

THƯỢNG NGAO

Thiên tỷ^{1*} tiền hiệu^{2*} ứng viên^{3*} môn,
Tả ác cung^{4*} đao hữu thuộc kiên.
Vạn mã^{5*} thiên binh tuần giới thủ,
Cao nha đại đạo chiếu Khâu Ôn.
Quan sơn hiểm yếu minh kinh hoạch,
Khê giản^{6*} phiên binh^{7*}, quảng phủ
tồn.

Bạch thủ Lạng Châu nguy^{8*} chế trí,
Nhất khâm trung xích tắc cần khôn.

DỊCH NGHĨA :

THƯỢNG NGAO

Các tướng tá cùng hộ vệ cửa quân (1),
Bên trái cầm cung đao, bên phải mang túi tên.
Muôn ngựa nghìn binh tuần hành đầu biên giới,
Cờ, bài uy nghiêm rực chiếu đất Khâu Ôn (2).
Núi non hiểm trở, kế hoạch phải rõ,
Bản mường ở suối khe phải được quan tâm nhiều.
Bạc đầu trong việc sắp đặt khó khăn ở Lạng Châu,
Một tấm lòng (3) trung, đỏ thắm che cả đất trời.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 神 thần.

2* TVTL2 : 援 viên.

3* TVTL2 : 軒 hiên.

4* TVTL2 : 方 phương.

5* TTCGTT : 里 lý.

6* TTCGTT, TVTL1 : 洞 động.

7* TVTL2 : 薺 di.

8* TTCGTT : 范 phạm.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Cửa quân* (viên môn) : Ngày xưa, khi đóng quân, người ta dàn xe ra hai bên, khoảng giữa hai hàng xe gọi là «viên môn». Ở đây dịch là «cửa quân» cho dễ hiểu.
 (2) *Khẩu Ôn* : Một thành quan trọng thuộc Lạng Sơn, thường có đóng quân canh giữ.
 (3) *Một tấm lòng* : Nguyên văn là «nhất khâm». «Khâm» là phần áo trước ngực, còn để chỉ tấm lòng.

74

枕榔道中

QUANG LANG ĐẠO TRUNG

日 照 征 鞍 月 暎 鞭，
 西 風 旗 幟 正 翻 翻。
 百 千 萬 瘴 枕 榔 洞，
 九 十 三 盤 漣 泉。
 兵 勢 軍 形 遵 聖 略，
 蠻 鄉 番 落 護 窮 邊。
 試 將 廊 廟 經 綸 手，
 草 寫 平 戎 第 一 篇。

Nhật chiếu chinh an nguyệt^{1*} ánh tiên,
 Tây phong kỳ xí chinh phiên phiên.
 Bách thiên vạn chương Quang Lang
 động,
 Cửu thập tam bàn Lâu Lại tuyền.
 Binh thể quân hình tuân thánh lược,
 Man hương phiên lạc hộ^{2*} cùng biên.
 Thĩ tương lang miếu kinh luân thủ,
 Thảo tả binh nhung đệ nhất thiên.

DỊCH NGHĨA :

TRÊN ĐƯỜNG ĐI QUANG LANG (1)

Mặt trời soi yên ngựa trường chinh, mặt trăng ánh lên roi ngựa,
 Cờ xi đang tung bay trước gió tây.
 Động Quang Lang trăm nghìn vạn lần lam chương,
 Suối Lâu Lại chín mươi ba khúc quanh co.
 Binh thể, quân hình theo sách lược của Thánh thượng,
 Những thôn Mường xóm Mán bảo vệ nơi biên giới xa xăm.
 Thủ đem bàn tay sắp đặt (2) của triều đình,
 Mà thảo ra thiên thứ nhất của sách binh Tây (3).

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT : 日 nhất.

2* TVTL2 : 訪 phòng.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Quang Lang* : Nguyên là tên một châu đời Lý, đến đời Trần đổi ra huyện Khâu Ôn (tức là huyện Ôn Châu).
 (2) *Sắp đặt* : Nguyên văn là *Kinh luân*. *Kinh* là sợi dọc của tấm vải, *luân* là sợi ngang tấm vải. Sau *Kinh luân* được dùng chỉ công việc sắp đặt về chính trị.
 (3) *Bình Tây* : Tức bình nhung, theo sách *Kinh Lễ*, «*Bình Tây*» tức đề chỉ phía tây tờ quốc.

75

支陵洞

CHI LĂNG ĐỘNG

千 里 巡 邊 戩 鼓 鼙，
 蕃 城 壁 寨 一 醢 雞
 潤 南 潤 北 紅 旗 轉，
 軍 後 軍 前 青 兕 啼。
 漣 瀨 谷 深 於 井 底，
 支 陵 關 險 與 天 齊。
 臨 風 跋 馬 高 回首，
 禁 關 崑 嶠 雲 氣 西。

Thiên lý tuần biên ần cổ bề,
 Phiên thành mạn trại nhất ê kê.
 Giản nam giản bắc hồng kỳ chuyển,
 Quân hậu quân tiền thanh chủy đề^{1*}.
 Lâu Lại cốc thâm ư^{2*} tỉnh đề,
 Chi Lăng^{3*} quan hiểm dữ thiên tề.
 Lâu phong bạt mã cao hồi thủ,
 Cấm khuyết thiều^{4*} nghiêu vân khi tề.

DỊCH NGHĨA :

ĐỘNG CHI LĂNG (1)

Đi nghìn dặm tuần tra biên giới, trống trận vang ầm,
 Thành Phiên, trại Mán bé bằng con sâu (2).
 Phía nam, phía bắc giòng suối, cờ hồng lay động,
 Đứng trước, đứng sau đội quân, trâu rừng rống vang.
 Hang Lâu Lại (3) sâu hơn đáy giếng,
 Ầi Chi Lăng hiểm bằng lên trời.
 Trước gió ghi cương ngựa, lên cao ngoảnh đầu nhìn,
 Cửa khuyết cáo chót vót ở tầng mây phía tây.

DỊCH THƠ :

Nổi trống tuần biên bước dặm ngàn,
 Xem tây trùng nhỏ khóm Phiên, Mán.

Quạt cờ đồng đội che đầu núi,
 Gầm thét ba quân kéo một đoàn.
 Lầu Lại hang sâu dò khó tới,
 Chi Lăng cửa hiểm vượt khôn toan.
 Ngựa dong trước gió nghiêng đầu ngẫm,
 Cung khuyết mây dài lúc rợp tan.

ĐÌNH VĂN CHẤP

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : 蹄 đề.
 2* TTCGLT : 真 chân.
 3* HVTT : 凌 lăng.
 4* HVTT : 岩 nhâm.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Động Chi Lăng* : Có thể ở vào huyện Chi Lăng trong khoảng địa phận với huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Về thời gian sáng tác bài thơ này, HVTT chú thích như sau : 蓋為諒江鎮經略時作 *Cải vị Lạng Giang trấn Kinh lược thời tác* : Có lẽ làm khi đang giữ chức Kinh lược trấn Lạng Giang.
- (2) *Con sáu* : Nguyên văn là con bộ dấm (ê kê). Sách *Trang tử* 莊子 có câu : 丘之於道也, 其猶醯雞歟? Khâu chi ư đạo dã, kỳ do ê kê dư? *Cái đạo của Khổng Tử có lẽ cũng bé như con bộ dấm chăng?* Chữ «Con bộ dấm» trong bài thơ trên dùng với ý nghĩa là thành Phiên trại Mán bé nhỏ không đáng kể. Ở đây, chúng tôi dịch là *con sáu* cho dễ hiểu.
- (3) *Lầu Lại* : Một địa danh ở vùng Lạng Sơn.

76

題報天塔

ĐỀ 1* BÁO THIÊN THÁP

鎮壓東西鞏帝畿，
 歸然一塔獨巍巍。
 山河不動擎天柱，
 今古難磨立地錐。
 風擺鐘鈴時應答，
 星移燈燭夜光輝。
 我來欲泚題名筆，
 管領春江作硯池。

Trấn áp đông tây củng đế kỳ 2*,
 Khuy nhiên nhất tháp độc nguy nguy.
 Sơn hà bất động kinh thiên trụ 3*,
 Kim cổ nan ma lập địa chùy 5*.
 Phong bãi chung linh thời ứng đáp,
 Tinh di đăng chúc dạ quang huy.
 Ngã lai dục thử 6* đề danh 7* bút,
 Quản lĩnh xuân giang tác nghiễn trì.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ THÁP BẢO THIÊN

Trấn áp đông tây, giữ vững Kinh kỳ nhà vua,
 Tháp đứng sừng sững cao trội hẳn lên.
 Non sông vững chắc, nhờ cột chống trời,
 Kim cổ khó mòn, cái dùi dựng trên đất.
 Gió thổi vào chuông, thường phát ra những âm thanh ứng đáp nhau,
 Sao đổi ngôi tựa đèn đuốc, làm đêm rực sáng.
 Ta tới đây muốn dầm ngọn bút đề thơ nơi danh thắng,
 Giữ cả giọng sông xuân làm nghiền mực.

DỊCH THƠ :

*Trấn áp đông tây giữ để đó,
 Hiên ngang ngọn tháp đứng trơ trơ.
 Non sông vững chãi tay trời chống,
 Kim cổ khôn mòn đỉnh tháp nhỏ.
 Thỉnh thoảng gió lay chuông ứng đáp,
 Đêm đêm sao xé đuốc khôn mờ.
 Tới đây những muốn dầm ngòi bút,
 Chiếm cả giọng sông mài mực thơ.*

ĐÀO THÁI TÓN

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT : không có chữ 題 đề.
 2* TVTL1 : 圻 kỳ.
 3* TVTL2 : 手 thủ.
 4* TVTL2 : 丘 khâu (cũng đọc là kỳ).
 5* Chúng tôi ngờ chữ này là chữ duy 維. Sử ký có câu : «Thiên trụ chiết, địa duy khuyết».
 6* TVTL2 : 此 thử.
 7* VATT chú : 名一作詩 Danh nhất tác thi : Chữ danh có bản chép là chữ thi.
 8* TVTL2 : 風 phong.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tháp Bảo Thiên* : Ở phường Bảo Thiên, huyện Thọ Xương thành Thăng Long, (tức phố Nhà Thờ, Hà Nội ngày nay). Tháp này do vua Lý Thánh Tông chủ trương xây dựng từ năm 1057. Năm 1426, Vương Thông phá tháp để lấy đồng làm binh khí.

77 — 80

和大明使余貴

HỌA ĐẠI MINH 1* SỬ DƯ QUÝ

其一

(Kỳ nhất)

大 明 受 命 興 江 左,
天 使 賚 詔 頒 安 南。
罄 山 河 擁 道 皇 節,
珥 河 邊 照 日 秋 帆。
海 上 文 星 明 道,
天 中 國 方 清 嵐。
邈 共 喜 聖 恩 治 羣。

Đại Minh thụ mệnh hưng Giang Tả,
Thiên sứ lải chiếu ban An Nam 2*.
Ngao Sơn ủng đạo hoàng hoa tiết,
Nhị Hà chiếu nhật thu phong phàm.
Hải biên hóa nhật minh hoàng đạo,
Thiên thượng văn tinh thanh chương
lạm.
Trung Quốc phương kim dụng Nho tri,
Hà phương cộng hỷ thành an đảm.

其二

(Kỳ nhị)

鸚 鵡 洲 前 大 別 頭,
山 河 奇 絕 記 曾 遊。
湘 湖 都 會 武 昌 郡,
灘 汜 折 衝 黃 鶴 樓。
萬 里 分 江 宇 河 宙 秦 晉 楚,
三 師 入 宇 宙 陣 魏 孫 劉。
出 拜 八 南 陽 圖 餘 跡,
敬 拜 八 南 陽 諸 葛 候。

Anh Vũ châu tiền Đại Biệt đầu,
Sơn hà kỳ tuyệt ký tăng du.
Tương Hồ đô hội Vũ Xương quận,
Than Miện chiết 3* xung Hoàng Hạc
lâu.
Vạn lý giang hà Tần, Tấn 4*, Sở,
Tam phân vũ trụ Ngụy, Tôn 5*, Lưu.
Xuất sư Bát trận đồ dư tích,
Kính bái Nam Dương Gia Cát Hầu.

其三

(Kỳ tam)

三 十 年 前 過 建 康,
秋 風 萬 里 征 旌。
六 朝 人 物 鍾 山 在,
百 戰 關 河 江 水 長。

Tam thập niên tiền quá Kiến Khang.
Thu phong vạn lý nhất chinh hoàng.
Lục triều nhân vật Chung Sơn tại,
Bách chiến quan hà Giang thủy tràng
(trường).

鐵 甕 石 頭 惟 夜 月,
鳥 衣 朱 雀 尺 斜 陽。
大 明 今 日 都 江 左,
胡 運 危 亡 漢 運 昌。

Thiết * Ung, Thạch Đầu duy dạ
nguyệt,
Ô Y, Chu Tước chỉ tả dương.
Đại Minh kim nhật đô Giang Tả,
Hồ vận nguy vong Hán vận xương.

其 四

(Kỳ tứ)

萬 里 馳 驅 北 使 燕,
舊 遊 三 十 又 三 年。
黃 河 波 浪 太 行 雪,
大 別 驛 程 彭 蠡 船。
孔 廟 堯 都 供 訪 覽,
秦 城 漢 邑 入 吟 邊。
白 頭 因 覩 公 行 色,
歷 歷 江 山 在 眼 前。

Vạn lý trì khu bắc sứ Yên,
Cựu du tam thập hựu tam niên.
Hoàng Hà ba lãng Thái Hàng tuyết,
Đại Biệt dịch trình Bành Lãi thuyền.
Khổng miếu Nghiêu đô cung phổng
lâm,
Tần thành Hán ấp nhập ngâm biên.
Bạch đầu nhân đồ công hành sắc,
Lịch lịch giang sơn tại nhãn tiền.

DỊCH NGHĨA :

HỌA THƠ DU QUÝ - SỨ THẦN MINH

(Bài thứ nhất)

Đại Minh chịu mệnh trời dấy lên từ Giang Tả ⁽¹⁾,
Sứ trời đem chiếu chỉ tới An Nam.
Cờ sứ rợp đường núi Ngao Sơn ⁽²⁾,
Buồm thu lấp lánh ánh mặt trời trên Nhị Hà.
Ven biển, mặt trời thanh bình ⁽³⁾ chiếu sáng con đường Thiên tử đi,
Ở trên trời, sao văn tinh quét sạch lam chương.
Nay Trung Quốc dùng đạo Nho trị nước,
Phương xa cùng vui mừng với Thánh hoàng.

(Bài thứ hai)

Trước bãi Anh Vũ ⁽⁴⁾, đầu núi Đại Biệt ⁽⁵⁾,
Nơi non sông tuyệt đẹp, nhờ đã đến dạo chơi.
Nơi đó hội miền Trương Hồ ⁽⁶⁾ là quận Võ Xương ⁽⁷⁾,
Chỗ hiểm yếu nơi Than Miện có lầu Hoàng Hạc ⁽⁸⁾.

Muôn dặm giang hà các nước Tân, Tấn, Sở ⁽⁹⁾,
 Vũ trụ chia làm ba ở thời Ngụy, Tôn, Lưu ⁽¹⁰⁾.
 Còn dấu vết của «Bát trận đồ» ⁽¹¹⁾ xuất quân,
 Kinh vái Gia Cát Vũ Hầu ⁽¹²⁾ ở quận Nam Dương.

(Bài thứ ba)

Ba mươi năm trước đây, đã qua đất Kiến Khang ⁽¹³⁾,
 Trong gió thu, một con thuyền đi muôn dặm.
 Những nhân vật Lục triều ⁽¹⁴⁾ đâu, núi Chung Sơn ⁽¹⁵⁾ vẫn còn đó,
 Nơi cửa ải qua trăm trận đánh vẫn như nước sông Giang ⁽¹⁶⁾ chảy hoài.
 Thành Thiết Ủng ⁽¹⁷⁾, núi Thạch Đầu ⁽¹⁸⁾ duy còn ánh trắng.
 Ngõ Ô Y ⁽¹⁹⁾, cầu Chu Tước ⁽²⁰⁾ chỉ còn ánh chiều tà.
 Nay Đại Minh đóng đô ở Giang Tả ⁽²¹⁾,
 Vận người Hồ ⁽²²⁾ suy vong, vận người Hán ⁽²³⁾ hưng thịnh.

(Bài thứ tư)

Rong ruổi muôn dặm, đi sứ phương bắc ở Yên Kinh ⁽²⁴⁾,
 Đã ba mươi ba năm kể từ chuyến đi chơi trước.
 Sóng sông Hoàng Hà ⁽²⁵⁾, tuyết núi Thái Hàng ⁽²⁶⁾,
 Đường trạm Đại Biệt, con thuyền trên hồ Bành Lãi ⁽²⁷⁾.
 Miếu Khổng Tử ⁽²⁸⁾, đô thành vua Nghiêu ⁽²⁹⁾ đều từng thăm hỏi,
 Thành nhà Tần ⁽³⁰⁾, ấp nhà Hán ⁽³¹⁾ đều vào cuộc ngâm.
 Kể bậc đầu này thấy cảnh đi sứ của ông,
 Như trước mắt cảnh nước non xưa hiện rõ.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* HVTT : 和 大 明 使 余 貴 *Hòa Đại Minh sứ Dư Quý.*
 2* TVTL2 : 江 *giang.*
 3* TVTL2 : 遠 *viễn.*
 4* TVTL3 : 春 *xuân.*
 5* TVTL2 : 吳 *ngô.*
 6* TVTL2 : 設 *thiết.*

CHÚ THÍCH :

- (1) *Giang Tả* : Vùng phía đông Trường Giang, tức là miền Giang Tô.
 (2) *Ngao Sơn* : Chưa rõ ở đâu.
 (3) *Mặt trời thanh bình* : (hóa nhật) : Bài luận Tiềm Phu có câu : 化國之日舒以
 長 *Hóa quốc chi nhật thư dĩ trường* : *Mặt trời ở nước thanh bình, di vừa thư thả vừa
 dài lâu; đời sau dùng ý này để nói cảnh thái bình.*

- (4) *Bãi Anh Vũ* : Bãi nổi giữa sông Hán, thuộc huyện Võ Xương, tỉnh Hồ Bắc.
- (5) *Núi Đại Biệt* : Ở đông bắc huyện Hán Dương, tỉnh Hồ Bắc.
- (6) *Tương Hồ* : Chỉ miền sông Tương chảy vào hồ Động Đình.
- (7) *Võ Xương* : Nơi đô hội của tỉnh Hồ Bắc.
- (8) *Lầu Hoàng Hạc* : Ở huyện Võ Xương, tỉnh Hồ Bắc.
- (9) *Tần, Tấn, Sở* : Ba nước đời Xuân Thu Chiến Quốc, ở địa phận các tỉnh Sơn Tây, Thiểm Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc, Chiết Giang và Hà Nam.
- (10) *Nguy, Tôn, Lưu* : «Nguy» là nước của Tào Tháo dựng, sau khi cướp được ngôi nhà Hán. «Tôn» là Tôn Quyền, dựng nước Đông Ngô. «Lưu» là Lưu Bị, dựng nước Tây Thục. Vì vậy, gọi là thời «Tam Quốc».
- (11) *Bát trận đồ* : Tên một thế trận của Gia Cát Lượng. Di tích của *Bát trận đồ* còn lưu lại ở vùng huyện Miện, tỉnh Thiểm Tây; lúc đi sứ, chắc Phạm Sư Mạnh có qua thăm nơi này.
- (12) *Gia Cát Vũ Hầu* : tức Gia Cát Lượng (hoặc Khổng Minh 孔明), người quận Nam Dương, từng giúp Lưu Bị 劉備 dựng nên nước Thục, được phong là Vũ Hầu.
- (13) *Kiến Khang* : Ở về phía nam huyện Giang Ninh, thuộc tỉnh Giang Tô.
- (14) *Lục triều* : Gồm có sáu triều là : Ngô, Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, kinh đô đều ở Kiến Khang.
- (15) *Núi Chung Sơn* : Tục gọi là núi Tử Kim Sơn, ở phía đông bắc huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô.
- (16) *Sông Giang* : Tức sông Trường Giang, một con sông lớn, chảy qua các tỉnh Vân Nam, Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, An Huy ... rồi đổ ra biển.
- (17) *Thành Thiết Úng* : Ở huyện Đan Đồ, tỉnh Giang Tô.
- (18) *Núi Thạch Đầu* : Ở phía tây huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô.
- (19) *Ngõ Ô Y* : Ở Kiến Khang, là nơi ở của hai gia đình quý tộc họ Vương và họ Tạ, đời Tấn.
- (20) *Cầu Chu Tước* : Cầu tiếp liền với ngõ Ô Y. Theo sách *Kiến Khang chí* 建康志, cầu Chu Tước bắc qua sông Hoài.
- (21) *Giang Tả* : Chỉ vùng đất ở phía đông sông Trường Giang, tức vùng Giang Tô ngày nay.
- (22), (23) *Hồ, Hán* : «Hồ» ở đây chỉ nhà Nguyên; «Hán» chỉ nhà Minh.
- (24) *Yên Kinh* : Tức Bắc Kinh.
- (25) *Sông Hoàng Hà* : Tên một con sông lớn.
- (26) *Núi Thái Hàng* : còn gọi là núi Ngũ Hành Sơn, chạy qua các tỉnh Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Tây..., dãy núi này có hàng trăm ngọn, mỗi ngọn lại có tên gọi khác nhau.
- (27) *Hồ Bành Lãi* : ở tỉnh Giang Tây.
- (28) *Miêu Khổng Tử* : ở huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông.
- (29) *Thành vua Nghiêu* : thuộc địa phận huyện Lâm Phần, tỉnh Sơn Tây.
- (30) *Thành nhà Tần* : Tức Vạn Lý Trường Thành. Thành này do Tần Thủy Hoàng bắt dân xây đắp để chống Hung-nô.
- (31) *Áp nhà Hán* : Đất của Hán Cao Tổ 漢高祖 ở huyện Bái, nay thuộc địa phận tỉnh Giang Tô.

81—83

和大明使題珥河驛

其一

震風群三馳仕喜滿
津袂嶺江驅宦讀襟
亭翩夕雪萬多公和
上翩陽浪里年詩氣
照一環匪髮野有樂
衰瘦玉浮毛興佳雍
容，筇。珥，龍。白，濃。意，雍。

其二

水萬大珥瑤鐵天南
銀象漢河琴畫使訛
千都波亭羅銀驛翔
頃將濤樹帶鉤中易
玉八浮印詩字多偏
笑小日虬詩字有時
蓉，筇。月，龍。好，濃。暇，雍。

其三

新江玉傘文翁醉清
朝上珥圓郎仲墨朝
使春寒霽城祠淋人
者風光色古深瀟物
樂試侵照山雲題盛
從倚廣昇重浚驛三
容，筇。野，龍。疊，濃。壁，雍。

HỌ ĐẠI MINH SỬ^{1*}
· ĐỀ NHỊ HÀ DỊCH ·

Kỳ nhất

Chấn Tàn đình thượng chiếu suy dung,
Phong quyết phiến phiến nhất sấu cùng.
Quần lĩnh tịch dương hoàn ngọc nhị.
Tam giang tuyết lãng hồi phù long.
Tri khu vạn lý phát mao bạch,
Sĩ hoạn đa niên đã hứng nồng.
Hỷ độc công thi hữu giai ý,
Mãn khâm hòa khí lạc ung ung.

Kỳ nhị

Thủy^{2*} ngân thiên khoáng ngọc phù dung,
Vạn tượng đồ tương nhập tiêu cùng.
Đại Hán ba đảo phù nhật nguyệt,
Nhị Hà đình thụ ấn^{3*} cù long.
Dao cầm la đới thi thi hảo,
Thiết hoạch ngân câu tự tự nồng.
Thiên sử dịch trung đa hữu hạ^{4*},
Nam ngoa sóc dị biến^{5*} thời ung!

Kỳ tam

Tàn triều^{6*} sử giả lạc^{7*} thung dung,
Giang thượng xuân phong thi ý cùng.
Ngọc Nhị hàn quang^{8*} xâm quảng dã,
Tản Viên tễ^{9*} sắc chiếu Thăng Long.
Văn Lang thành cổ sơn trùng điệp,
Ông Trọng từ thâm vân đạm nồng.
Túy mặc lâm ly đề^{10*} dịch bích,
Thanh triều nhân vật thịnh tam ung.

DỊCH NGHĨA :

HỌA THƠ « ĐỀ TRẠM NHỊ HÀ » CỦA SỨ THẦN MINH

Bài thứ nhất

Trên đỉnh Chấn Tân, soi thấy nét mặt võ vàng,
Tay áo phất phơ trước gió với chiếc gậy khẳng khiu.
Bóng chiều các ngọn núi, bao quanh vòng ngọc ⁽¹⁾,
Sóng tuyết ba dòng sông, dồn vào con rồng nổi ⁽²⁾.
Vạn dặm ruổi rong dầu trắng bạch,
Làm quan đã lâu năm, mà hứng quê vẫn đậm.
Độc thơ ông mừng có tứ hay,
Hòa khí đầy trong lòng, niềm vui phơi phới.

Bài thứ hai

Nước bạc ngàn khoảnh như hoa sen ngọc,
Muôn cảnh đều thu vào chiếc gậy trúc nhỏ.
Sóng sông Ngân Hán ⁽³⁾, nổi mặt trời mặt trăng,
Đỉnh cây sông Nhị Hà, in bóng rồng ⁽⁴⁾.
Câu thơ đẹp tựa đàn ngọc, đai lụa,
Nét chữ danh như thép, bạc ⁽⁵⁾.
Trong nhà trạm, sứ thần thường rảnh rỗi,
Kể chuyện lạ phương nam, phương bắc thật vui.

Bài thứ ba

Sứ giả triều mới ⁽⁶⁾ vui vẻ, thung dung,
Trước gió xuân trên sông, chống chiếc gậy trúc.
Sông Nhị ⁽⁷⁾ như ngọc, sáng mắt thắm đồng rộng,
Tân Viên ⁽⁸⁾ khi tạnh, sắc núi chiếu đến Thăng Long ⁽⁹⁾.
Thành cổ Văn Lang ⁽¹⁰⁾, núi non trùng điệp,
Đền Ông Trọng ⁽¹¹⁾ thâm nghiêm, mây đậm nhạt.
Mực say còn lại lảng đề trên vách nhà trạm,
Nhân vật thời thịnh, vui vẻ thuận hòa.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : Đầu bài không có chữ 使 sứ.

2* TVTL2 : 水 thủy.

3* TTCGLT : 仰 ngưỡng.

4* TVTL2 : 賀 hạ.

5* TVTL2 : 用 dụng.

- 6* TTCGLT: 家 gia.
 7* TVTL2, HVTT: 日 nhật.
 8* TTCGLT: 江 giang.
 9* TVTL2: 宵 tiêu.
 10* TVTL2: 隨 tùy.

CHÚ THÍCH:

- (1) Vòng ngọc (ngọc nhị): theo chú thích của TTCGLT, sông Nhị hình như mặt trăng ôm lấy chiếc vòng ngọc nên gọi là « Nhị » (vòng ngọc đeo tại).
 (2) Rừng nổi (phù long): Địa hình Thăng Long ba mặt đều có sông vây quanh nên xưa được gọi là con rồng nổi.
 (3) Sông Ngân Hà: tức sông Ngân Hà.
 (4) Nguyên văn là cú long, một loại rồng có sừng.
 (5) Nét chữ danh như thép, như bạc: nguyên văn là: thiết hoạch ngân câu. Nghĩa là nét sỗ danh như thép, nét móc dẻo như bạc. Ý khen chữ đẹp như chữ của nhà bút phong nổi tiếng đời Tấn là Vương Hy Chi.
 (6) Triều vua mới: đây chỉ là triều Minh, vừa thay triều Nguyên.
 (7) Sông Nhị Hà: tức sông Hồng ngày nay.
 (8) Núi Tản Viên: ở địa phận huyện Ba Vì, tỉnh Hà Sơn Bình ngày nay.
 (9) Thăng Long: thủ đô nước ta vào đời Lý, nay là Hà Nội.
 (10) Văn Lang: tên nước ta vào đời Hùng Vương. Thành Văn Lang ở đền Hùng Vương, huyện Sơn Vi, thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.
 (11) Đền Ông Trọng: còn gọi là đền Lý Hiệu Úy 李校尉, nay thuộc xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

84 — 85

再和大明國使余貴

TÁI HỌA ĐẠI MINH QUỐC
SỨ DƯ QUÝ 1*

其 一

Kỳ nhất

桂嶺塵寰滿水流，
 江雲山石竹脩脩。
 愚溪鉅鋸地圖古，
 青草黃龍天宇秋。
 晨訪禹碑登嶼嶼，
 夕從嶽麓下潭州。
 昔遊睽隔今頭白，
 暇日珥河書滿樓。

Quế Lĩnh trần hoàn mãn thủy lưu,
 Giang vân sơn thạch trúc tiêu tiêu 2*.
 Ngu Khê, Cổ Mãng 3* địa đồ cổ,
 Thanh Thảo, Hoàng Long thiên vũ
 4* thu.
 Thần 5* phỏng Vũ bi đăng Cầu Lũ,
 Tịch tông Nhạc Lộc 6* hạ Đàm Châu.
 Tịch du khuê cách kim đầu bạch,
 Hạ nhật Nhị Hà thư mãn lâu.

其二

Kỳ nhị 7*

春	水	園	鵝	馬	似	飛		Xuân thủy vi nga mã tự phi,
秋	山	射	鹿	肉	如	垓		Thu sơn xạ lộc nhục như kỳ.
駱	駝	車	御	羔	羊	酒		Lạc đà xa ngự cao dương tửu,
牛	殺	裘	裳	貂	鼠	帷		Ngưu cổ cừu thường điều thử duy.
涿	薊	幽	燕	沙	世	界		Trác, Kế, U, Yên sa thế giới,
營	檀	澄	瀛	雲	邊	陲		Doanh, Đàn, Lộ, Thục vân biên thùy.
新	朝	一	革	胡	風	俗		Tân triều nhất cách Hồ phong tục,
禮	樂	衣	冠	復	漢	儀		Lễ nhạc y quan phục Hán nghi.

DỊCH NGHĨA :

LẠI HỌA THƠ SỨ THẦN MINH DƯ QUÝ

Bài thứ nhất

Cõi trần thế ở Quế Lĩnh ⁽¹⁾ chứa chan nước chảy,
 Mây trên sông, đá trên núi, trúc bát ngát.
 Bản đồ của Ngu Khê ⁽²⁾, Cổ Mãng ⁽³⁾, cũ lắm rồi,
 Trời Thanh Thảo ⁽⁴⁾, Hoàng Long ⁽⁵⁾, đã ngả về thu.
 Sớm lên núi Cầu Lũ ⁽⁶⁾, thăm bia vua Vũ ⁽⁷⁾,
 Tối từ Ngạc Lộc ⁽⁸⁾ xuống đất Đàm Châu ⁽⁹⁾.
 Chuyển đi chơi trước đã cách xa lắm, nay đầu đã bạc,
 Trên sông Nhị những ngày thư thả, sách đầy lầu.

Bài thứ hai

Bên sông xuân sẵn ngỗng trời, ngựa chạy như bay,
 Trong núi thu bắn hươu, thịt chất như gò.
 Cưỡi xe lạc đà, uống rượu dê non,
 Mặc áo xiêm bằng da thú, nằm màn điều thử.
 Trác, Kế, U, Yên, là những châu quận lắm cát,
 Doanh, Đàn, Lộ, Thục là những huyện biên thùy lắm mây.
 Triều mới thay đổi phong tục rợ Hồ,
 Khiến lễ nhạc mũ áo trở lại nghi thức đời Hán.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : Đầu bài thơ chép là *Họa Đại Minh* 和 大明 không có chữ 再 tái.
 2* TVTL2 : 脩脩 tiêu tiêu.
 3* TTCGLT : 鉞劍 tiêm kiếm.
 4* TVTL2 : 天雨 thiên vũ.
 5* TVTL1 : 暑 thử.
 6* TVTL2 : 嶽 嶺 nhạc độc.
 7* Bài này hiện chép ở TVTL1.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Quế Lĩnh* : Theo *Nhất thống chí* đời Minh, Quế Lĩnh ở cách phía tây thành phủ Thiều Châu (Trung Quốc) chừng 40 dặm. Trên núi có nhiều quế nên đặt tên như vậy.
 (2) *Ngu Khê* : Tên suối. Còn gọi là *Nhiễm Khê*, ở phía tây nam huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam.
 (3) *Cồ Mãng* : Tên đầm. Ở phía tây huyện Linh Lăng tỉnh Hồ Nam.
 (4) *Thanh Thảo* : Tên hồ. Ở huyện Tương Âm tỉnh Hồ Nam.
 (5) *Hoàng Long* : Tên phủ. Nay thuộc huyện Nông An, tỉnh Cát Lâm.
 (6) *Bia vua Vũ* (Vũ bi) : Bia này tương truyền khắc từ hồi vua 禹 Vũ trị thủy. Đây là bản khắc đá xưa nhất của Trung Quốc, cũng gọi là *bia của vua Vũ*. Tấm bia này gồm 77 chữ, ở ngọn núi Vân Mật, tỉnh Hoành Sơn. Gần đây người ta nghĩ là bia này do Dương Thận 揚慎, người đời Minh làm ra.
 (7) *Cầu Lũ* : Tên núi. Ở huyện Hoành Dương, tỉnh Hồ Nam. Đây là ngọn núi chủ yếu của dãy Hoành Sơn. Tương truyền vua Vũ được thê vàng, sách ngọc ở đây.
 (8) *Nhạc Lộc* : Tên núi. Ở phía tây huyện Trường Sa, tỉnh Hồ Nam.
 (9) *Đàm Châu* : Tức là thành phố Trường Sa, tỉnh Hồ Nam ngày nay.

86

送大明國使余貴

TỔNG ĐẠI MINH QUỐC
SỨ DU QUÝ 1*

萬里東行雨使君，
 一杯別酒意慙君。
 馬嘶庾嶺梅花雪，
 船過吳江雁影雲。
 朔漠兵塵今奏捷，
 南朝人物總能文。
 歸來密勿陪旂厦，
 進講重華與放勳。

Vạn lý đông hành lưỡng sứ quân,
 Nhất bôi biệt tửu ý ân cần.
 Mã hàm Dữu Lĩnh mai hoa tuyết,
 Thuyền quá Ngô Giang nhạn ảnh
 vân 2*.
 Sóc mạc binh trần kim tấu tiệp,
 Nam triều nhân vật tổng năng văn!
 Quy lai mật vật bồi chiên hạ,
 Tiến giảng Trùng Hoa 3* dữ Phóng
 Huân.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN SỨ THẦN MINH DƯ QUÝ

Hai sứ thần đi về phía đông xa vạn dặm,
 Một chén rượu tiễn biệt tỏ ý ân cần.
 Ngựa hí trên núi Dữu Lĩnh (1), tuyết trắng tựa hoa mai,
 Thuyền qua sông Ngô Giang (2), bóng nhạn bay như mây.
 Nơi bình dao ở sa mạc phía bắc đã có tin thắng trận,
 Nhân vật triều phương nam đều có tài văn chương.
 Trở về hầu việc cơ mật ở tòa nhà cấm cờ chiến,
 Tàu bày sự nghiệp của Trùng Hoa (3) và Phóng Huân (4).

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1 : Đầu bài thơ chép là : 送大明國使 *Tống đại Minh quốc sứ.*
 2* TTCGLT : 提秦 *tiếp lấu.*
 3* TVTL2 : 葩 *ba.*

CHÚ THÍCH :

- (1) *Dữu Lĩnh* : Tên núi ở Thiều Châu (Trung Quốc), còn có tên là Mai Lĩnh.
 (2) *Ngô Giang* : Tức Ngô Tùng Giang, một chi lưu lớn nhất của Đại Hồ.
 (3) *Trùng Hoa* : Tức vua Nghiêu 堯.
 (4) *Phóng Huân* : Tức vua Thuấn 舜.

87 — 88

山行

其 一

黑霧陰雲頓第清，
 偶然軍暇作山行。
 天開油幔古松影，
 地振鼙鼓寒澗聲。
 香象峰高擲北斗，
 銅龍海闊出南溟。
 戲同登覽諸僚友，
 閒拂苔碑記姓名。

SƠN HÀNH 1*

Kỳ nhất

Hắc vụ âm vân đồn khuyếch thanh,
 Ngẫu nhiên 2* quân hạ tác sơn hành.
 Thiên khai du mạc cổ tùng ảnh,
 Địa chấn 3* cổ bễ hàn giản 4* thanh.
 Hương tượng phong cao môn Bắc
 đầu,
 Đồng Long 5* hải khoát xuất 6* Nam
 minh 7*.
 Hi đồng đẳng lã 8*, chư liên hữu,
 Nhân phát dài bi ký tính danh.

其二

Kỳ nhị ^{9*}

平生最慕僻居州，
 今日還同馬少遊。
 官似太倉一梯米，
 事如玉峽少安流。
 歲時京國塵侵鬢，
 風雨家山書滿樓。
 欲寫封書獻天子，
 乞還田里肯從不？

Bình sinh tối mộ tịch ^{10*} cư châu,
 Kim nhật hoàn đồng mã thiếu du ^{11*}.
 Quan tự Thái Thương nhất đề ^{12*} mễ,
 Sự như ngọc hiệp thiếu an lưu ^{13*}.
 Tuế thời kinh quốc trần xâm mấn,
 Phong vũ gia sơn thư mãn lâu.
 Dục tả phong thư hiến thiên tử,
 Khất ^{14*} hoàn điền lý khảng tòng phâu?

DỊCH NGHĨA:

ĐI TRÊN NÚI

Bài thứ nhất

Mù đen mây tối bỗng sạch quang,
 Gặp lúc việc quân rồi, đi chơi núi,
 Bóng tùng cổ kính như tấm màn dầu mở ra bên trời,
 Tiếng suối lạnh lòng tựa tiếng trống trận vang rền mặt đất.
 Núi Hương Tượng ⁽¹⁾ cao chạm vào sao Bắc đẩu,
 Biển Đồng Long ⁽²⁾ rộng đổ ra biển Nam.
 Cùng đùa vui ngắm cảnh với bạn đồng liêu,
 Nhẹ nhàng phải sạch tấm bia có rêu rồi dễ tên.

Bài thứ hai

Bình sinh rất thích châu hẻo lánh này,
 Hôm nay lại cùng nhau cười ngựa đi chơi.
 Quan chức như hạt cỏ gạo ở kho Thái Thương ⁽³⁾,
 Công việc như giòng nước ít khi dừng trong eo ngọc ⁽⁴⁾.
 Chốn kinh kỳ bao năm tháng, bụi điểm mái tóc,
 Căn nhà trên núi trong gió mưa, sách vẫn đầy lâu.
 Muốn viết phong thư dâng lên vua,
 Xin về ruộng đồng biết vua có thuận không?

KHẢO ĐỊNH:

1* VATT: Đầu bài thơ chép là 發運時作 *Phát vận thời tác*.2* TVTL2: 因 *nhân*.

3* VATT: 殷 án.

4* VATT chú: 一作洞 nhất tác động. Còn có bản chép là chữ 洞 động.

5* TVTL2: 鍾 chung.

6* VATT: 扈 hữ.

7* VATT: 征 chinh.

8* VATT: 發運 Phát vận.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hương Tượng*: Theo chú thích ở VATT, Hương Tượng là tên núi, thuộc huyện Phỉ Lộc, tức là ở vào địa phận huyện Can Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh ngày nay.
- (2) *Đồng Long*: Phải chăng đây là tên một cửa bể thuộc vùng Nghệ Tĩnh?
- (3) *Sách Trang tử* 莊子 có câu: 梯米之在太倉 để mỉa mai tại Thái Thương: Hạt cỏ gạo trong kho Thái Thương. Thái Thương là kho chứa thóc lớn. Ở đây tác giả dùng hình ảnh hạt cỏ gạo trong kho Thái Thương để nói sự nhỏ bé của quan chức.
- (4) *Eo Ngọc* (ngọc hiệp): Ngờ rằng đây là một địa danh, nhưng vì chưa tra cứu được cụ thể nên dịch tạm là Eo Ngọc.

89

登黃樓走筆示 北使侍講余嘉賓

青 山 疊 疊 圍 彭 城 ,
 侵 雲 插 漢 青 玉 屏 。
 黃 河 滔 滔 浸 坤 軸 ,
 跳 波 蹴 沫 東 南 傾 。
 黃 樓 起 出 半 天 裡 ,
 憑 高 一 望 千 里 。
 項 王 臺 前 三 日 紅 ,
 冠 軍 墓 上 悲 風 起 。
 天 荒 地 老 古 戰 場 ,
 千 載 英 雄 今 已 矣 !
 我 家 遠 在 交 南 頭 ,
 手 持 玉 節 登 黃 樓 。
 摩 挲 今 不 負 公 生 遊 。

ĐĂNG HOÀNG LÂU TÀU BÚT THỊ BẮC SỬ THỊ GIẢNG DƯ GIA TÂN 1*

Thanh sơn điệp điệp vi Bành Thành,
 Xâm vân sấp 2* Hán thanh ngọc 3*
 bình.
 Hoàng Hà thao thao tảo khôn trục,
 Khiêu ba tiện mặt đông nam khuynh.
 Hoàng Lâu khởi xuất bán thiên lý 4*,
 Bổng cao nhất vọng tam thiên lý.
 Hạng Vương dài tiền lạc nhật hồng,
 Quán Quân mộ thượng bi phong khởi.
 Thiên hoang địa lão cổ chiến trường,
 Thiên tải anh hùng kim dĩ hĩ !
 Ngã gia viễn tại Giao Nam 5* đầu,
 Thủ tri ngọc tiết đẳng Hoàng Lâu.
 Ma sa thạch khắc Pha công tự,
 Như kim bất phụ bình sinh du.

DỊCH NGHĨA :

LÊN HOÀNG LÂU ⁽¹⁾ VIẾT VỘI VĂN THƠ
ĐƯA SỬ BẮC THỊ GIẢNG DƯ GIA TÂN

Núi xanh lớp lớp vây quanh đất Bành Thành ⁽²⁾,
Lấn vào mây, cắm vào nền trời như bức bình phong bằng ngọc xanh.
Nước Hoàng Hà cuộn cuộn ngấm vào lòng đất,
Sóng cồn tung tóe, nghiêng dốc xuống miền đông nam.
Hoàng Lâu nổi lên lưng chừng trời,
Lên cao trông suốt ba ngàn dặm.
Trước đài Hạng Vương ⁽³⁾ mặt trời lặn đỏ rực,
Trên mồ Quán Quân ⁽⁴⁾ trận gió buồn nổi lên.
Chiến trường xưa trong cảnh trời đất hoang vu,
Anh hùng ngàn xưa nay còn đâu.
Nhà ta ở tận cõi Giao Nam xa xôi,
Hôm nay cầm ngọc tiết ⁽⁵⁾ lên Hoàng Lâu.
Sờ vào nét chữ của Pha Ông ⁽⁶⁾ khắc trên đá,
Chuyến đi chơi này hẳn không phụ chi bình sinh.

DỊCH THƠ :

Bành Thành núi chắt non chồng,
Lấn mây, tựa bức bình phong ngang trời.
Hoàng Hà cuộn cuộn nước trôi,
Thấm xuyên lòng đất, tung trời sóng xô.
Lầu vàng ai dựng nhấp nhô,
Suốt ba ngàn dặm cơ hồ nhìn thông.
Đài Hạng Vương bóng chiều hồng,
Mồ Quán Quân trận gió lồng bi thương.
Hoang vu sao, cỏ chiến trường,
Anh hùng xưa khuất nay còn thấy đâu !
Nhà ta ở Giao Nam đầu,
Nay cầm ngọc tiết lên lầu ngóng trông.
Tay xoa nét chữ Pha Ông,
Chuyến đi quả chẳng phụ lòng ước mơ.

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL chép đầu đề bài thơ là 北使登黃樓走筆示大元侍講余
嘉賓 Bắc sứ dâng Hoàng Lâu lầu bút thị Đại Nguyên Thị giảng Dư Gia Tân.

2* VATT, TVTL1 : 排遣.

3* TVTL2, TVTL3 : 後 *hậu*.

4* TVTL2, TVTL3 : 山 *son*.

5* VATT : 重 *trùng*.

6* VATT : 南交 *Nam Giao*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hoàng Lâu* : Lầu ở phía đông huyện Bành Thành, do Tô Đông Pha 蘇東坡 chủ trương xây dựng.
- (2) *Bành Thành* : Nay thuộc huyện Đồng Sơn, tỉnh Giang Tô.
- (3) *Hạng Vương* : Xem chú thích về Hạng Vũ 項羽 trong bài *Bắc sử Ó Giang Hạng Vũ miếu*.
- (4) *Quân Quân* : Người đứng đầu quân đội. Ở đây chỉ Tống Nghĩa 宋義 giữ chức Thượng tướng, gọi là Khanh Tử quân quân. Vì chần chừ trong việc đem quân đi cứu nước Triệu, Tống Nghĩa bị Hạng Vũ giết.
- (5) *Ngọc liết* : Một thứ đồ vật của người đi sứ hay cầm.
- (6) *Pha Ông* : Tức Tô Đông Pha, một văn hào đời Tống, là tác giả của bài *Tiền Xích Bích Phú*, *Hậu Xích Bích Phú*.

90

崇嚴事雲磊山大悲寺

夫：二儀有像，顯覆載以含靈生，四時無形，潛
寒暑以化物。爰以：窺天鑒地，庸愚皆識其端，明陰
問陽，賢哲罕窮其數。然而：天地包乎陰陽，而易識
者，以其有象也；陰陽處乎天地而難窮者，以其無形也。
故知像顯可徵，雖愚不惑；潛形莫覩，在智猶迷。
况乎佛道崇虛，乘虛控寂。今住持大和尚，隱林一異
，捨親出家，為護庇住持慶林事事有詔命紀年矣。則
乘興遊方，見雲磊山，四方鬱茂，其心可玩，則開山
鑿石，建立數庵，塑三世一部，大悲一部，全金，置
亭山。寅昏禱祝，皇圖鞏固，天下太平，聖躬萬歲。
念其東有聚落，陸席舍，可為豪家之富貴；其南挹
長江出大海之口，可為世界之溟茫；其西有涇脉絡
到摩尼山大利鄉，可為郡縣之壯觀；其北有大路引
神頭之海口，可為去來之佳宿。正以四方為界，鎮於

雲磊山，山之主也。今有荒土，鹹水脚山，用當而有
餘。東近小陌，溪山出水為界，西取尾山，底處聚人
為界。流通常住三寶，以養眾僧，補助莫留類壤。謹
述鄙懷，茲紀其日月，故立石刻銘曰：

雲	磊	之	山，	妙	道	凝	玄，
庵	在	江	邊。	莫	知	其	際。
建	立	之	人，	晦	影	歸	真，
行	解	俱	全。	迂	儀	越	世。
恩	及	存	亡，	金	容	掩	色，
福	廕	千	年。	現	出	光	麗。
大	悲	重	慈，	山	神	擁	護，
救	度	眾	生。	檀	那	供	施。
上	引	迷	途，	寅	昏	不	絕，
下	濟	含	靈。	富	家	萃	至。
人	人	欣	悅，	斯	序	斯	銘，
處	處	聞	聲。	刻	為	國	瑞。

紹慶三年壬子歲二月右僕射硤石范師孟謹述。祇
候首枚省書

捫參歷井上雲端，
身在碧霄銀漢間。
視鯨鰲濤千萬里，
長天浮水浮山。

右僕射硤石范師孟亞義夫。

PHIÊN ÂM :

SÙNG NGHIÊM SỰ VÂN LỐI SƠN ĐẠI BI TỰ

Phù : nhị nghi hữu tượng, hiền phúc tải dĩ hàm linh sinh, từ thời vô hình, tiềm hàn thử dĩ hóa vật. Viên dĩ : khuy thiên giám địa, dong ngu giai thức kỳ đoan ; minh âm vãn dương, hiền triết hân cùng kỳ số. Nhiên nhị, thiên địa bao hồ âm dương, nhị dĩ thức giả, dĩ kỳ hữu tượng dã ; âm dương xử hồ thiên địa,

nhi nan cùng giả, dĩ kỳ vô hình dã. Cổ tri tượng hiền khả trưng, tuy ngu bất hoặc; tiềm hình mạc đồ, tại trí do mê. Huống hồ Phật đạo sùng hư, thừa hư không tịch. Kim trụ tri đại hòa thượng, ẩn lâm nhất minh, xả thân xuất gia. Vị hộ tỷ trụ tri Khánh lâm sự sự hữu chiếu mệnh kỷ niên hỹ. Tắc thừa hứng du phương. Kiến Vân Lỗi sơn, tứ phương uất mậu, kỳ tâm khả ngoạn, tắc khai sơn tạc thạch, kiến lập sở am, tổ Tam Thế nhất bộ, Đại Bi nhất bộ toàn kim, tri vụ đình sơn, dẫn hôn đảo chúc, hoàng đồ củng cố, thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế. Niệm kỳ đông hữu tụ lạc, lục ly ốc xá, khả vi hào gia chi phú quý; kỳ nam ấp trường giang xuất đại hải chi khẩu, khả vi thế giới chi minh mang.; Kỳ tây hữu Kinh, mạch lạc thấu đảo Ma Ni sơn, Đại Ly hương, khả vi quận huyện chi tráng quan; Kỳ bắc hữu đại lộ dẫn xuất Thần Đầu chi hải khẩu, khả vi khứ lai chi giai túc. Chính dĩ tứ phương vi giới, trấn ư Vân Lỗi sơn, sơn chi chủ dã. Kim hữu hoang thổ, hàm thủy cưc sơn, dụng đáng nhi hữu dư; đông cận tiền mạch, Khê Sơn xuất thủy vi giới; tây thủ Vỹ Sơn, đề xứ tụ nhân vi giới. Lưu thông thường trụ tam bảo, dĩ dưỡng chúng tăng, bổ trợ mạc lưu đời hoại. Cần thuật bỉ hoại, tư kỷ kỳ nhật nguyệt cổ lập thạch khắc minh viết:

Vân Lỗi chi sơn,
Am tại giang biên.
Kiến lập chi nhân,
Hạnh giải câu toàn.
Ăn cập tồn vong,
Phúc ấm thiên niên.
Đại Bi thủy từ,
Cứu độ chúng sinh.
Thượng dẫn mê đồ,
Hạ tế hàm linh.
Nhân nhân hân duyệt,
Xứ xứ văn thanh.

Diệu đạo ngưng huyền,
Mạc tri kỳ tế.
Hối ảnh qui chân,
Thiên nghi việt thế.
Kim dung yểm sắc,
Hiển xuất quang lệ.
Sơn thần ủng hộ,
Đàn na cúng thí.
Dẫn hôn bất tuyệt,
Phú gia tụy chí.
Tur tự tur minh,
Khắc vi quốc thủy.

Thiệu Khánh tam niên Nhâm tý tuế, nhị nguyệt, Hữu bộc xạ Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh cần thuật. Chi hậu thủ Mai Tĩnh thư.

Môn Sám lịch Tĩnh thượng văn đoan,
Thần tại bích tiêu Ngân Hán gian.
Hạ thị kinh đào thiên vạn lý,
Trường thiên phù thủy, thủy phù san.

Hữu bộc xạ Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh Á Nghĩa Phu.

DỊCH NGHĨA :

CHÙA SÙNG NGHIÊM NÚI VÂN LÔI THỜ TƯỢNG ĐẠI BÍ

Đất trời có tượng, tổ chớ che đẽ nuôi dựng muôn linh,
Thời tiết không hình, ngấm nóng lạnh đẽ hóa thành vạn vật.

Vì thế cho nên :

Ngó nhòm trời đất, kẻ cung phạm đều biết được mối manh,
Tra xét âm dương, bậc thánh triết hiểm hay cùng vận số.

Thế nhưng :

Đất trời chứa đựng âm dương, mà dễ hiểu, là vì có tượng,
Hai khí ở trong trời đất, mà khó hay, là bởi không hình.

Cho nên mới biết :

Tượng rõ dễ hay, tuy ngu chẳng rõi,
Hình ngấm khó thấy, dẫu trí còn mê.

Phương chi :

Đạo Phật chuộng hự, cười «không» ngự «tịch».

Nay trụ trì đại hòa thượng :

Ăn tích non rừng, lia nhà tu đạo, đẽ giúp đỡ việc trụ trì chùa Khánh Lâm, đã có chiếu mệnh ghi rõ năm tháng. Nhân đó sư thừa hứng du ngoạn nhiều nơi, thấy non Vân Lôi, bốn bề sầm uất, trong lòng ưa thích, sư bèn mở núi bạt rừng, xây dựng vài am, đúc pho Tam Thế, cùng tượng Đại Bí, toàn bằng vàng thực, đặt ở đỉnh non, sớm chiều cầu khẩn : hoàng đồ bền vững, thiên hạ thái bình, đức vua muôn tuổi.

Sư nghĩ nơi đây :

Đông có xóm làng, cửa nhà đông đúc, có thể làm nơi chung đỉnh của
hào gia,

Nam gần sông lớn, chảy tới biển khơi, có thể làm chốn mệnh mông cho
thế giới.

Tây có sông Kinh, len lõi tới hương Đại Ly, núi Ma Ni, có thể làm cảnh
trăng quan cho các vùng quận huyện,

Bắc kẻ đường lớn, ăn thông tới Thần Đầu hải khẩu, có thể làm nơi nghỉ
tốt cho kẻ lại người qua.

Đúng là dùng bốn phía làm giới phong, dựng trấn ở non Vân Lôi, vì non này là chủ các non. Nay có đất hoang, chàn non sát liền nước mặn, thường sử dụng còn thừa, đông gần đường nhỏ, lấy nguồn nước Khê Sơn làm giới hạn, tây giáp Vỹ Sơn, lấy chốn hợp đông người làm giới hạn. Việc lưu thông thường ở nhà chùa, đẽ nuôi tăng, cho tu bồ lại không đẽ đồ nát. Tôi kinh cần giải lời quê vụng, ghi lại tháng năm, cho nên dựng bia và khắc bài minh này :

Kề non Ván Lối,
 Am cỏ bên sông.
 Con người xây dựng,
 Giới tuệ viên thông.
 Kẻ sống người chết,
 Ngàn năm phúc chung.
 Chúng sinh cứu vớt.
 Từ bi rửa lòng.
 Bến mê dẫn dắt,
 Muôn loài qua sông.
 Mọi người hơn hờ,
 Khắp chốn ngóng trông.

Đạo huyền sâu lắng,
 Bờ bến khôn cùng.
 Đổi hình lánh tục,
 Khuất bóng về «không».
 Nét vàng mờ sắc,
 Hiện ra huy hoàng.
 Thần non hộ vệ,
 Thi chủ cùng dâng.
 Sớm chiều không ngớt,
 Tấp nập giàu sang.
 Minh này tựa ấy,
 Ghi làm sử vàng.

Ngày 16 tháng 2 năm Nhâm tý niên hiệu Thiệu Khánh thứ 3 (Trần
 Nghệ Tông 1372), Hữu bộc xạ Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh kính cẩn trình
 bày. Chi hậu thủ Mai Tĩnh viết.

Trèo mây tay với trăng sao,
 Thân nơi sông Bạc tầng cao xanh mờ.
 Cúi nhìn muôn dặm sóng xô,
 Nước lưng trời thăm, non phỏ mặt duềnh.

Hữu bộc xạ Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh Á Nghĩa Phu

ĐỖ VĂN HỖ

ĐỒNG NGẠN HOẰNG

同彦翹

(? — ?)

Đồng Ngạn Hoằg người huyện Chi Linh, châu Thượng Hồng (nay là huyện Chi Linh, tỉnh Hải Hưng), Ông sinh và mất năm nào đều chưa rõ, chỉ biết là người cuối đời Trần.

Tác phẩm : hiện còn một bài thơ chép trong *Việt âm thi tập*.

91

和范峽石韻

HỌA PHẠM HIỆP THẠCH VẬN

介	軒	碑	刻	峽	山	詩	,	Giới Hiên bi khắc Hiệp Thạch thi,
鸞	翔	鳳	翥	觀	如	曾	。	Loan tường phượng chữ đồ như tăng.
二	公	聞	望	萃	夷	見	,	Nhị công văn vọng Hoa di kiến,
兩	朝	輔	弼	唐	虞	登	。	Lưỡng triều phụ bát Đường Ngu đăng.
青	衫	憶	常	升	孔	室	,	Thanh sam ức thường thăng Khổng thất,
白	頭	還	見	率	真	登	。	Bạch đầu hoàn kiến suất chân đăng.
文	章	籍	湜	空	流	汗	,	Văn chương tịch thực không lưu hãn,
有	若	鷗	鷺	與	大	鵬	。	Hữu nhược tiêu liêu dữ đại bằng.

DỊCH NGHĨA :

HỌA VĂN THƠ PHẠM HIỆP THẠCH (1)

Bia Giới Hiên (2) khắc thơ Hiệp Thạch,
Loan lượn phượng bay như từng thấy.
Hai ông nổi tiếng khắp Hoa Di (3),
Giúp hai triều (4) được như Đường Ngu (5).

Lúc đi học đã có chí lớn,
Khi đầu bạc lại tỏ là bậc chân nhân.
Văn chương đẹp để để lại muôn đời,
Ai so với các ông cũng như chim chích với đại bàng.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Phạm Hiệp Thạch* : tức Phạm Sư Mạnh, người làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).
- (2) *Giới Hiền* : tức Nguyễn Trung Ngạn, người làng Thổ Hoàng, huyện Ân Thi (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).
- (3) *Hoa Di* : *Hoa* chỉ dân tộc Trung Hoa ; *Di* : chỉ dân tộc thiểu số. Ở đây Hoa Di chỉ nơi văn vật và nơi hẻo lánh, xa xôi.
- (4) *Hai triều* : chỉ đời Trần Minh Tông và Trần Dụ Tông.
- (5) *Đường Ngu* : tức Đường Nghiêu và Ngu Thuấn, hai đời vua nổi tiếng thịnh nhất thời cổ xưa.

LÊ QUÁT

黎适

(?)

Lê Quát tự là Bá Quát 伯适, hiệu Mai Phong 梅峯, thuộc dòng dõi Lê Văn Thịnh, chưa rõ sinh và mất năm nào. Ông người huyện Đông Sơn 東山 (1); là một trong số những học trò xuất sắc của Chu An, từng thi đỗ Thái học sinh và giữ một số chức vị quan trọng dưới triều Trần Minh Tông 陳明宗. Sang triều Trần Dụ Tông 陳裕宗, vào đầu năm Đại Trị (1358), Lê Quát làm chức Tả tư lang kiêm Hàn lâm viện phụng chỉ. Ít lâu sau, ông được thăng làm Thượng thư Hữu bộc xạ; năm Đại Trị thứ chín (1366), được giao nhiệm vụ đi kiểm tra sổ sách về tài chính ở Thanh Hóa, và được thăng chức Thượng thư Hữu bật nhập nội hành khiển.

Lê Quát khá nổi tiếng về văn chương, ông cùng Phạm Sư Mạnh 范師孟 muốn thay đổi không khí học thuật đương thời, bằng cách đề cao đạo Nho, bài xích đạo Phật.

Tác phẩm: hiện còn 7 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*, *Tĩnh tuyển chư gia luật thi* và 1 bài văn bia chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(1) Ở về phía tây bắc thị xã Thanh Hóa ngày nay.

送范公師孟北使

TỔNG PHẠM CÔNG 1* SƯ
MẠNH 2* BẮC SỨ

驛路三千君據鞍，
海門十二我還山。
朝中使者天邊客，
君得功名我得閒。

Dịch lộ tam thiên quân cứ an,
Hải môn thập nhị ngã hoàn san.
Triều trung 3* sứ giả, thiên biên khách,
Quân đắc công danh, ngã đắc nhàn.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN PHẠM SƯ MẠNH ĐI SỨ PHƯƠNG BẮC (1)

Qua ba nghìn dặm đường đi sứ, bác ngồi trên yên,
 Vượt mười hai cửa biển, tôi trở về núi.
 Kẻ sứ giả của triều đình, kẻ nơi chân trời,
 Bác được công danh, tôi được chữ nhàn.

DỊCH THƠ :

Người tựa trên yên trải dặm ngàn,
 Kẻ về cửa bể cách quan san.
 Sứ thần, đặt khách nào hơn kém,
 Ông được công danh, tôi được nhàn.

Theo ĐINH VĂN CHẤP
 (Nam phong ; số 115 ; 1927)

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT, TDTT, TVTL2, TVTL3 : không có chữ 公 công.
 2* TVTL2 : thêm chữ 奉 phụng.
 3* TDTT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT : 南 朝 Nam triều.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo ĐVSKTT, Lê Quát làm bài này khi còn trẻ.

93 — 94

書 懷

其 一

THƯ HOÀI

Kỳ nhất

事 務 如 毛 病 復 閑,
 乾 坤 萬 變 靜 中 看,
 雙 梅 橋 畔 秋 風 老,
 無 數 黃 花 映 藥 欄。

Sự 1* vụ như mao, bệnh phục 2* nhàn,
 Kiền khôn vạn biến 3* tĩnh trung khan,
 Song Mai kiều bên thu phong lão,
 Vô số hoàng hoa ánh 4* dược lan.

其二

Kỳ nhị

年 來 世 事 與 心 違,
日 望 家 山 賦 式 微。
水 國 天 寒 驚 歲 暮,
木 蘭 花 老 雨 霏 霏。

Niên lai thế sự dữ tâm vi,
Nhật vọng gia sơn phú Thức vi.
Thủy quốc thiên hàn kinh tuế mộ,
Mộc lan hoa lão vũ phi phi.

DỊCH NGHĨA :

NỖI LÒNG

Bài thứ nhất

Công việc bộn bề ⁽¹⁾, ốm thành ra nhàn,
Trong yên tĩnh, ngồi nhìn biến đổi của trời đất,
Bên cầu Song Mai ⁽²⁾, gió cuối thu,
Màu vàng của vô số hoa cúc ánh vào lan can.

Bài thứ hai

Mấy năm nay, việc đời trái với lòng,
Ngày ngày trông về quê hương, đọc thơ Thức vi ⁽³⁾.
Nơi sông nước, trời trở lạnh, giạt mình năm sắp hết,
Hoa mộc lan tàn héo dưới mưa bay.

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT : 世 thế.

2* VATT, TVTL2, TVTL3 : 後 hậu.

3* TVTL2 : 遍 biên.

4* TVTL2, TVTL3 : 照 chiếu.

CHÚ THÍCH :

(1) Theo nguyên văn, thì phải dịch là «sự việc nhiều như lông». Ở đây chúng tôi dịch thoát ý.

(2) Song Mai : chưa rõ là tên cầu hay tên đất. Đây tạm hiểu là tên một cái cầu.

(3) Thức vi : tên một bài thơ trong Quốc phong, Thi kinh 國風, 詩經 nói lên tâm trạng của người lưu lạc, chỉ muốn về quê nhà.

銅虎

ĐỒNG HỒ

一雙銅虎踞城隅，	Nhất song đồng hồ cứ thành ngung (ngu),
守護天閭幾度秋。	Thủ hộ thiên hôn kỷ độ thu.
精孕首山經百鍊，	Tinh dặng ^{1*} Thù Sơn kinh bách luyện ^{2*} ,
威分岩殿燦雙眸。	Uy phân Nham Điện thước song mâu.
石羊怪誕終奚信，	Thạch dương quái đản chung hề tín ?
金馬誇張豈足侔。	Kim mã khoa trương khởi, tức mầu !
恰似忠臣心鐵石，	Cáp tự trung thần tâm thiết thạch,
威聲凜凜卧邊頭。	Uy thanh lâm lâm ngọa biên đầu.

DỊCH NGHĨA :

CON HỒ BẰNG ĐỒNG

Một đôi hồ đồng ngồi ở góc thành,
 Canh gác cung điện đã mấy thu.
 Chắt đồng kết tụ ở núi Thù Sơn (1), đã qua trăm lần luyện,
 Oai phong được chia sẻ từ chốn Nham Điện (2), sáng quắc đôi ngời.
 Dê đá (3) kỳ quái, rốt cục tin làm sao được ?
 Ngựa vàng (4) khoa trương, nào có gì đáng sánh dẫu !
 Hồ hết như kẻ trung thần, lòng sắt đá.
 Uy danh lừng lẫy, nằm trấn ở chốn biên thù.

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT, TVTL2: 朵 *đóa*.2* TTCGLT, TVTL2, TVTL3: 練 *luyện*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Núi Thù Sơn* : Nơi có mỏ đồng, ở phía nam huyện Tương Thành, thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Tương truyền ngày xưa, Hoàng Đế khai thác đồng ở đây để đúc ba cái vạc lớn và theo nội dung của bài thơ trên, thì đôi hồ đồng cũng lấy đồng ở mỏ Thù Sơn đúc nên.
- (2) *Nham Điện* : Đồi Hán - Đường có xây Hồ điện trên một ngọn núi, nên gọi là Nham Điện. Nham Điện cũng là một kỳ tích nổi tiếng.
- (3) *Dê đá* : (thạch dương) chưa rõ tích gì.
- (4) *Ngựa vàng (kim mã)* : Tên một cửa thành ở cung nhà Hán. Bên cửa thành này có một con ngựa bằng đồng, nên cũng gọi là *Cửa ngựa vàng* (Kim mã môn). Thực ra thì chữ «kim» có nghĩa là kim loại, có thể bằng đồng, có thể bằng vàng hoặc bằng các thứ kim loại khác, chứ không nhất thiết là vàng cả. Đây dịch *ngựa vàng* là chỉ với nghĩa quen nói, quen dùng mà thôi. Tích trên đây cũng không gắn với tinh thần câu thơ lắm. Chờ nghiên cứu thêm.

96

鴈足燈

NHẠM TÚC ĐĂNG

(漢武時上林中有鴈足燈)

(Hán Vũ thời 1*, Thượng Lâm trung hữu nhậm túc đăng)

上林燈制異尋常，
鴈足裁成七尺長。
盤底膏痕疑繫帛，
窓間腳影認排行。
依稀鶴焰冷汀月，
隱映蛾飛塞夕霜。
堪笑秦宮尚奇巧，
蟠螭飛甲照咸陽。

Thượng Lâm đăng chế dị tầm thường,
Nhậm túc tài thành thất xích 2* trường.
Bàn đề cao ngân nghi hệ bạch,
Song gian cước ảnh nhậm bài hàng.
Y hy hạc diệm lãnh đình nguyệt,
Ẩn ánh 3* nga phi phiến tái sương.
Kham tiếu Tần cung thượng kỳ xảo,
Bàn ly phi giáp chiếu Hàm Dương.

DỊCH NGHĨA :

ĐÈN CHÂN NHẠM

(Thời Hán Vũ đế, ở vườn hoa Thượng Lâm (1) có đèn chân nhậm)

Đèn ở Thượng Lâm chế ra khác loại đèn bình thường,
Chân nhậm làm dài đến bảy xích (2).

Ngắn mỡ dưới đáy đèn nom ngổ buộc dải lụa,

Bóng chân trên cửa sổ, trông như xếp hàng.

Lửa hạc cháy (3) phảng phất như trăng lạnh trên bãi sông,

Đàn ngài bay (4) mờ tỏ như sương quay lượn nơi biên tái.

Đáng cười cho cung nhà Tần thích sự kỳ xảo,

Đèn ly sáng rực trong cung Hàm Dương (5) mà thôi !

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : sau chữ 武 vũ có chữ 帝 đế. TVTL3 : 帝 đế.

2* TVTL1 : 寸 thốn.

3* TVTL2, TVTL3 : 照 chiếu.

CHÚ THÍCH :

(1) *Thượng Lâm* : nguyên là tên một vườn hoa lớn đời Tần. Sang đời Hán, Vũ Đế đã cho xây dựng lại với quy mô lớn hơn và diện tích cũng rộng hơn. Tư Mã Tương Như có làm bài *Thượng Lâm phú*, nói lên sự xây dựng hết sức xa hoa ở khu vườn này. Vườn hoa này ở về phía tây Trường An, thuộc tỉnh Thiểm Tây.

- (2) Một xích dài 0m33. Bảy xích tức khoảng 2m30. Có bản viết là *bảy thốn*, nghĩa là khoảng 0m23. Ngờ là viết sai.
- (3) *Lửa hạc cháy* : nguyên văn là *hạc diệm*. Có lẽ là lửa cháy giống hình con hạc hay vật làm giống hình con hạc được thắp sáng nên gọi là hạc diệm chăng? Ở đây chúng tôi tạm dịch là *lửa hạc cháy*.
- (4) *Đàn ngài bay* : nguyên văn là *nga phi*. Có lẽ ý tác giả muốn nói đến những loại bướm nhỏ bay quanh đèn.
- (5) Theo sách *Tây kinh tạp ký* 西京雜記 thì ở cung Hàm Dương có loại đèn gọi là đèn *Thanh ngọc*, dưới đèn có gắn con ly cuộn (bàn ly), mồm ly ngậm đèn, khi đèn thắp sáng thì các vây, vẩy của con ly đều động đậy. Ở câu thơ trên ý tác giả muốn nói *đèn chân nhạn* còn hơn cả đèn *Thanh ngọc* ở cung Hàm Dương.
- Theo nguyên văn câu cuối bài thơ còn có thể dịch : «Đề cho bóng rờn lượn, rùa bay chiếu tỏa chốn Hàm Dương». Rùa thì không bay được (phi giáp). Nhưng đây là rùa vẽ (hoặc cắt hình dính trên khung quay của đèn) bóng in trên các khoảng giấy phết quanh đèn, trông tựa như bay vậy.

97

鳩杖

(禮儀志:漢民年七十者,授玉杖以鳩鳥爲飾,欲老人如鳩不咽也)

君恩優老禮尤殊，
刻杖爲鳩大力扶。
削出花膺全體活，
宛成錦翼一枝孤。
過眉鶴膝剛才少，
在首龍形晚節無。
製此豈惟求不咽，
扶危急急是良圖。

CƯU TRƯỞNG

(Lễ nghi chí : Hán dân niên thất thập giả, thụ ngọc trượng dĩ cưu điều vi sức, dục lão nhân như cưu bất ế dã)

Quân ân ưu lão lễ vuô thù.
Khắc trượng vi cưu đại lực phù,
Tước xuất hoa ưng toàn thể hoạt,
Uyển thành cầm dực nhất chi cô.
Quá mi hạc tất cương tài thiêu,
Tại thủ long hình văn tiết vô.
Chế thử khởi duy cầu bất ế,
Phù nguy cấp ^{1*} cấp thị lương đồ.

DỊCH NGHĨA :

GẬY CƯU (1)

Lễ nghi chí : Dân đời Hán cứ đến 70 tuổi thì được cho một chiếc gậy ngọc, trên có chạm hình chim cưu để trang sức, ý muốn chúc người già như chim cưu ăn không bị nghẹn (2).

Ơn vua ưu đãi người già, ban cho đồ vật rất đặc biệt,
Gậy khắc hình chim cưu, sức đỡ lớn.
Trở nên ngực hoa, toàn thân sinh động,
Uốn thành cánh gấm, đậu một cánh lẻ loi.

Gối hạc quá mây, sức lực trẻ nay đã giảm sút (4),
 Hình rồng ở đầu, không còn tiết lúc tuổi già (5).
 Làm chiếc gậy này há chỉ cầu ăn không nghẹn,
 Đỡ lúc nguy, giúp lúc gấp, đó mới là ý tốt.

KHẢO ĐỊNH:

1* Có thể là chữ 穩 ổn, do chép nhầm mà thành.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Gậy cừu* (cừu trượng): *Cừu* là chim tu hú, *trượng* là gậy.
 Đây chỉ một thứ gậy trên đầu có khắc hình chim tu hú.
 (2) Sách *Hậu Hán thư* 後漢書 chép: 年七十者授之以玉杖, 端以鳩鳥飾;
 鳩者, 不噓之鳥, 欲老人不噓也。 Niên thất thập giả, thụ chi dĩ ngọc
 trượng, đẩu dĩ cừu điều. vì sức; Cừu giả, bất ế chi điều, dục lão nhân bất ế dã: Những
 người 70 tuổi được cho một chiếc gậy ngọc, đầu gậy trang sức bằng hình chim cừu. Chim
 cừu là một loài chim ăn không bị nghẹn, ý muốn chúc người già ăn không bị nghẹn vậy.
 (4) (5) Hai câu này chưa rõ tác giả muốn nói gì. Vậy tạm dịch và chờ tìm hiểu thêm.

98

登高

ĐĂNG CAO 1*

老 去 京 塵 兩 鬢 昏,
 登 高 頓 覺 爽 營 魂。
 茱 萸 大 野 開 陵 邑,
 歷 歷 群 峯 表 國 門。
 鸛 尾 北 回 天 柱 壯,
 雲 中 南 擁 帝 宮 尊。
 葆 元 僧 預 隨 朝 選,
 樂 育 恩 深 刻 骨 存。

Lão khứ kinh trần lưỡng mấn hôn,
 Đăng cao đốn giác sảng dinh hồn.
 Mang mang đại dã khai lăng ấp,
 Lịch lịch quần phong biểu quốc^{2*} môn.
 Diên vĩ bắc hồi thiên trụ trạng,
 Vân trung nam ủng đế cung tôn.
 Bảo nguyên tăng dự tùy triều tuyển,
 Lạc dục ân thâm khắc cốt tồn.

DỊCH NGHĨA:

LÊN CAO

Già rồi, hai mái tóc phủ mờ bụi kinh thành,
 Lên cao, bỗng thấy tâm thần sảng khoái.
 Đồng nội mệnh mông, trải ra những gò, ấp,
 Núi non lớp lớp, phò lên cửa nước.

Diên Vĩ ⁽¹⁾ xoay về phương bắc, trụ trời thêm oai vệ,
 Văn Trung ⁽²⁾ ôm lấy phía nam, để đô càng tôn nghiêm.
 Từng được triều đình tuyển dự vào Bảo Nguyên ⁽³⁾,
 Ôn sâu đào tạo còn khắc mãi trong xương cốt.

KHẢO ĐỊNH :

Bài thơ này chỉ thấy chép ở TTCGTT.

1* Bài thơ vốn không có đầu đề. Đầu đề này do chúng tôi đặt.

2* Trong nguyên bản viết □ (ý là mất chữ), chúng tôi đoán là chữ quốc 國.

CHỮ THÍCH :

(1), (2) Có thể đây là những tên đất, nhưng chưa rõ ở đâu.

(3) Bảo Nguyên : phải chăng là tên một cung viện ở đời Trần ?

99

北江沛村紹福寺碑記

佛氏之禍福動人，何其得人之深且固矣。上自王公以至庶人，允施於佛事，雖竭所有，顧無靳嗇。苟今日託付於寺塔，則欣欣然如持左券，以取明日之報。故自內京城及外州府，窮村僻巷，不令而從，不盟而信，有人家處必有佛寺，廢而復興，壞而復修，鐘鼓樓臺，與民居殆半。其興甚易，而尊崇甚大也。余少讀書，志於古今，粗亦明聖人之道，以化斯民，而卒未能信於一鄉。常遊覽山川，足跡半天下，求所謂學宮文廟，未嘗一見。此吾所以深有愧於佛氏之徒遠矣，輒暴吾以書。

BẮC GIANG BÀI THÔN THIỆU PHÚC TỰ BI KÝ

Phật thị chi họa phúc động nhân, hà kỳ đắc nhân chi thâm thả cố hĩ! Thượng tự vương công dĩ chi thứ nhân, phạm thi ư Phật sự, tuy kiệt sở hữu, cố vô cận sặc. Cầu kim nhật thác phó ư tự tháp, tắc hàn hàn nhiên như trì tả khoán, dĩ thủ minh nhật chi báo. Cố tự nội Kinh thành cập ngoại châu phủ, cùng thôn tịch hạng, bất lệnh nhi tùng, bất minh nhi tín, hữu nhân gia xứ tất

hữu Phật tử, phế nhi phục hưng, hoại nhi phục tu, chung cổ lâu dài, dữ dân cư đãi bán. Kỳ hưng thậm dĩ, nhi tôn sùng thậm đại dã. Dư thiếu độc thư, chỉ ư cổ kim, thố diệc minh thánh nhân chi đạo, dĩ hóa tư dâm, nhi tốt vị năng tín ư nhất hương. Thường du lãm sơn xuyên, tức tích bán thiên hạ, cầu sở vi học cung văn miếu, vị thường nhất kiến. Thử ngô sở dĩ thâm hữu qui ư Phật thị chi đồ viễn hĩ, triếp bực ngô dĩ thư.

DỊCH NGHĨA :

BÀI VĂN BIA CHÙA THIỆU PHÚC Ở THÔN BÁI, TỈNH BẮC GIANG

Nhà Phật lấy chuyện họa phúc tác động tới lòng người, sao mà cảm phục được người ta sâu và bền vậy ! Trên từ vương công, dưới đến thường dân, phàm là đóng góp cho việc nhà Phật, thì dù có dốc hết tiền của, cũng không tiếc. Giả như hôm nay có gửi gắm được gì vào tháp chùa thì hơn hử như thế cầm được khế khoản trong tay, để ngày mai được báo đáp. Cho nên từ trong Kinh thành cho đến ngoài châu phủ, kể cả những nơi thôn cùng ngõ hẻm, không bảo mà người ta cứ theo, không hẹn mà người ta cứ tin ; hễ nơi nào có nhà ở, là ắt có chùa chiền, bỏ rồi lại dựng, hỏng rồi lại sửa, số chuông trống lâu dài chiếm gần một nửa dân cư. Đạo Phật rất dễ thịnh hành và rất được người ta tôn sùng. Ta ngày còn trẻ đi học, dốc chí vào việc cổ kim, cũng biết qua về đạo Thánh (1), muốn lấy đó để giáo hóa nhân dân, nhưng rốt cục chưa có thể làm cho một hương nào tin theo cả. Ta cũng thường dạo chơi nơi sông núi, dấu chân đã để lại trong hầu nửa thiên hạ, thế mà chưa từng tìm thấy một trường học hay một văn miếu nào. Chính vì vậy mà ta rất lấy làm hổ thẹn khi so sánh với tín đồ nhà Phật. Bèn viết ra đây để giải tỏ lòng ta (2).

TUẤN NGHỊ

KHẢO ĐỊNH :

Nguyên văn chép ở ĐVSKTT.

CHỮ THÍCH :

- (1) Đây chỉ đạo Nho, tức học thuyết Khổng Mạnh.
- (2) Có lẽ đây chỉ là một đoạn trích ở bài văn bia của Lê Quát.

NGUYỄN CỔ PHU

阮固夫

(?)

Nguyễn Cổ Phu sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu đều chưa rõ. Chỉ biết ông sống vào thời Trần, làm quan đến chức Thiên chương các trực học sĩ. Vào năm 1335, dưới triều Trần Minh Tông 陳明宗, ông có đi sứ Trung Quốc.

Tác phẩm: hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

100

北使應省堂命席上賦詩

BẮC SỨ ỨNG TỈNH ĐƯƠNG MỆNH,
TỊCH THUẬN PHÚ THI^{1*}

遠 春 聖	邦 溫 朝	慕 盞 天	化 盞 子	來 薰 至	旬 玳 明	宣 筵 哲
股 寬 包 微 款	肱 洪 荒 生 誠	輔 博 納 何 述	弼 大 汙 辛 職	俱 等 臨 逢 來	良 天 元 盛 朝	賢 地 元 世 天
盈 薰 台 滿 洪 八 豈 遐	盈 陶 光 堂 鈞 方 惟 荒	金 涵 咫 酬 一 四 我 樂	鑄 泳 尺 酢 氣 海 輩 業	沐 隨 奉 作 轉 並 受 長	恩 繁 德 周 天 陶 其 綿	渥 絃 意 旋 地 甄 賜 綿

Viễn bang^{2*} mộ hóa lai tuần tuyên,
Xuân ôn áng áng huân đại diên.
Thánh triều thiên tử^{3*} chí minh
triết^{4*},
Cổ quảng phú^{5*} bát câu lương hiền.
Khoan hồng bác đại đẳng thiên địa,
Bao hoang nạp ô lâm nguyên nguyên.
Vi sinh hà hạnh phùng thịnh thế,
Khoản thành^{6*} thuật chức lai triều
thiên.
Doanh doanh kim tôn mộc ân ác,
Huân đào hàm vịnh tùy phồn huyền.
Thai quang chỉ xích phụng đức ý,
Mãn đường thù tạc tác^{7*} chu tuyên^{8*}.
Hồng quân nhất khí chuyển thiên địa,
Bát phương tứ hải tinh đào kiên.
Khởi duy ngã bối thụ kỳ tử,
Hà hoang lạc nghiệp trường miên miên.

DỊCH NGHĨA :

ĐI SỨ PHƯƠNG BẮC, THEO MỆNH QUAN TỈNH,
LÀM THƠ NGAY GIỮA TIỆC ⁽¹⁾

Nước phương xa hăm mộ sự giáo hóa truyền đến,
 Tiết xuân êm ấm chan hòa trong bữa tiệc sang ⁽²⁾.
 Thiên tử của thánh triều rất sáng suốt,
 Những kẻ phò tá thân cận đều là bậc hiền lương.
 Sự khoan hồng rộng lớn ngang trời đất,
 Đùm bọc chốn hoang sơ, dung nạp nơi ô hợp để đến với dân.
 Cuộc sống hèn mọn này may sao gặp đời thịnh trị,
 Lòng thành tâu bày chức trách triều bái thiên tử.
 Chén vàng tràn trề, tắm gội ân huệ,
 Hun đúc, nhuần thấm theo tiếng tơ đàn nhộn nhịp.
 Bên ánh sáng đài các gần gang tấc, vàng theo ý tốt,
 Đầy nhà thù tạc, được dịp tới lui.
 Một tay tạo hóa chuyển xoay trời đất,
 Tám phương bốn bề cùng được khuôn đúc.
 Nào chỉ có lớp chúng tôi mới được ban ơn huệ,
 Những nơi xa xôi hẻo lánh cũng mãi mãi an cư lạc nghiệp.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT : Trước đầu đề không có hai chữ 北使 Bắc sứ ; sau chữ 賦 phú không có chữ 詩 thi.
 2* TVTL2 : 方 phương.
 3* VATT : 聖朝元首 thánh triều nguyên thủ.
 TVTL1 : 皇朝元首 Hoàng triều nguyên thủ.
 4* VATT, TVTL1, TVTL3 : 聖 thánh.
 5* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 承 thừa.
 6* VATT : 誠款 thành khoản.
 7* VATT : 相 tương.
 8* TVTL2, TVTL3 : 全 toàn.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo ANCL của Lê Trắc, thi vào năm đầu niên hiệu Chí Nguyên (niên hiệu của Nguyên Thuận Đế 元順帝, Trung Quốc), tức là năm 1335, sứ giả của nhà Trần là Nguyễn Cổ Phu sang cống nhà Nguyên, đồng thời mừng việc Nguyên Thuận Đế lên ngôi (vào năm Nguyên Thống, 1333). Bài thơ này của Nguyễn Cổ Phu có lẽ là làm vào dịp đó.
 (2) Bữa tiệc sang trọng : chúng tôi dịch thoát hai chữ « đại diện ». Đại là đãi mời ; diện là chiếu. « Đại diện » là chiếu đãi mời, ở đây dùng để chỉ một bữa tiệc sang trọng.

TRẦN NGUYÊN ĐÁN

陳元旦

(1325-1390)

Trần Nguyên Đán hiệu là Băng Hồ 冰壺, sinh năm Ất Sửu (1325). Quê ở hương Tức Mặc 即墨, lộ Thiên Trường 天長⁽¹⁾. Ông là cháu tằng tôn Trần Quang Khải và là ngoại tổ vi anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi.

Nguyên Đán thuộc họ tôn thất, nên từ sớm đã được bổ nhậm làm quan theo qui chế tập chức, đến năm 1369 lại có công dẹp loạn Dương Nhật Lễ 楊日禮, được phong chức Tư đồ phụ chính. Đời Trần Đế Nghiễn 陳帝昀, Hồ Quý Ly 胡季釐 tiếm quyền, Trần Nguyên Đán biết nhà Trần sắp mất, xin về hưu dưỡng ở Côn Sơn⁽²⁾.

Ông mất ngày 14 tháng 11 năm Canh ngọ (1390) tại Côn Sơn, thọ 65 tuổi. Sau khi ông mất, Trần Nghệ Tông 陳藝宗 có đề bài thơ viếng và phong thụy cho ông là Chương túc Quốc thượng hầu.

Tác phẩm: có Băng Hồ Ngọc hác tập 冰壺玉壑集 đã mất. Hiện chỉ còn 51 bài thơ chép trong Toàn Việt thi lục.

(1) Nay là huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Ninh.

(2) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

101

奉賡太上皇御製
題天長府重光宮

漢家豐沛竹為宮，
鶴髮逍遙太上翁。
寄興乾高坤厚外，
優游山色水聲中。
長空秋皓黃江月，
芳草春回綠浦風。
清暇每存泉社念，
料知夢寐到昇龍。

PHỤNG CANH THÁI THƯỢNG HOÀNG
NGŨ CHẾ ĐỀ THIÊN TRƯỜNG PHỦ
TRÙNG QUANG CUNG

Hán gia Phong, Bái trúc vi cung,
Hạc phát tiêu dao Thái Thượng ông.
Ký hứng ^{1*} càn cao khôn hậu ngoại,
Ưu du sơn sắc thủy thanh trung.
Trường không thu hạo Hoàng Giang
nguyệt,
Phương thảo xuân hồi Lục Phố phong.
Thanh hạ mỗi tồn tòng xã niệm,
Liệu tri mộng mị đảo Thăng Long.

DỊCH NGHĨA:

HỌA BÀI THƠ CỦA THÁI THƯỢNG HOÀNG (1)
ĐỀ Ở CUNG TRÙNG QUANG, PHỦ THIÊN TRƯỜNG (2)

Như cung nhà Hán ở đất Phong, đất Bái (3) làm bằng tre,
Tóc đã bạc Thượng hoàng thả dạo chơi.
Gửi hứng thú tận ngoài cõi trời cao đất rộng,
Thung dung ở trong khoảng nước biếc non xanh.
Mệnh mông trời thu, bóng trắng Hoàng Giang (4),
Hương cỏ xuân về, thoảng gió Lục Phố (5).
Trong nhàn nhã, Thượng hoàng vẫn nghĩ đến việc nước,
Chắc trong giấc ngủ, vẫn mộng thấy mình đến Thăng Long.

KHẢO ĐỊNH:

1* TVTL: 傲 ngạo.

CHÚ THÍCH:

(1) Thái Thượng hoàng: ở đây chỉ Trần Nghệ Tông 陳藝宗

(2) Phủ Thiên Trường: ĐVSKTT chép: «Nhân tuất, năm thứ năm (1262), mùa xuân tháng hai, Thượng hoàng ngự đến hành cung Tức Mặc, ban tiệc to... Đãi hương Tức Mặc làm phủ Thiên Trường, dời hành cung Tức Mặc làm cung Trùng Quang» (Bd. ĐVSKTT, T II). Về sau phủ Thiên Trường được mở rộng, bao gồm đến mấy huyện. Nay vẫn còn làng Tức Mặc, thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Ninh.

- (3) *Phong, Bái* : quê hương của Hán Cao Tổ 漢高祖. Ở đây tác giả ví với phủ Thiên Trường, quê hương của nhà Trần.
 (4) *Hoàng Giang* : một khúc sông Hồng ở phía bắc thành phố Nam Định ngày nay.
 (5) *Bến Lục (Lục Phố)* : chưa rõ ở đâu. Phải chăng là cửa Luộc, giáp ranh giữa huyện Hải Hậu (Hà Nam Ninh) và huyện Tiền Hải (Thái Bình) ?

102

九月對菊賡御製詩韻

CỬU NGUYỆT ĐỐI CÚC CANH NGỰ
CHẾ THI VẬN ^{1*}

霧洗煙花滿禁城，
 黃花時節好秋成。
 含霜玉蕊擎天重，
 映日金葩照檻明。
 喜把寒芳觀晚節，
 任教春艷負前盟。
 家貧不作無錢嘆，
 銅臭今猶汗史評。

Vụ ^{2*} tẩy yên hoa ^{3*} mãn cấm thành,
 Hoàng hoa thời tiết hảo thu thành.
 Hàm sương ^{4*} ngọc nhị kinh thiên
 trọng ^{5*}.
 Ánh ^{6*} nhật kim ba chiếu ^{7*} hạm minh.
 Hỷ bả hàn phương quan văn ^{8*} tiết,
 Nhậm ^{9*} giao xuân diễm phụ tiền minh.
 Gia bần bất tác vô tiền thán,
 Đồng xú kim do hãn ^{10*} sử bình.

DỊCH NGHĨA :

THÁNG CHÍN NGÂM CÚC HỌA BÀI THƠ CỦA NHÀ VUA

Sương mù tan, khói và hoa đầy cả cấm thành (1),
 Mùa hoa cúc trong tiết thu đẹp.
 Nhị ngọc ngậm sương, nặng trĩu vươn lên,
 Bông vàng nhuộm nắng, rực rỡ trước hiên.
 Mừng thay, trong hơi hương lạnh được thưởng thức tiết cuối thu,
 Bảo thực, vẻ xuân nồng đượm chớ có phụ lời thề xưa.
 Nhà nghèo, nhưng chẳng vì không tiền mà than thở,
 Hơi đồng hôi tanh sử xanh đã bình (2) nay vẫn còn.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 歌 ca.
 2* TVTL1 : 露 lộ.
 3* TVTL1 : 光 quang.
 4* TVTL1, 2 : 章 chương.
 5* HVTT : 理 lý.

- 6* TVTL2: 影 ảnh.
 7* TVTL2: 韶 chiêu.
 8* HVTT: 曉 hiêu.
 9* TVTL2: 從 từ.
 10* HVTT: 許 hứa.

CHÚ THÍCH:

- (1) Cấm thành: thành vua ở.
 (2) Sách Hậu Hán thư: 後漢書 chép là Thôi Liệt 崔列 vì có năm trăm đồng mà mua được chức Tư đồ. Từ đó có câu «hơi đồng hơi tanh» để chỉ việc mua quan bán tước.

103

奉廣聖製“觀德殿
 賜進士及第宴”詩韻

禁苑新晴樹影斜，
 珠簾宮殿彩霞多。
 鴻儒彩筆宸章麗，
 俊士詞冠御苑花。
 訓誘慇懃明主意，
 榮華赫奕顯人誇。
 尊臣祝頌無他語，
 四海春風樂一家。

PHỤNG CANH THÁNH CHẾ «QUAN
 ĐỨC^{1*} ĐIỆN TỬ TIẾN SĨ CẬP ĐỆ
 YẾN» THI^{2*} VẬN

Cấm uyển tân tình thụ ảnh tà,
 Thô hào quan bội^{3*} để niệm đa.
 Hồng nho thái^{4*} bút canh thần hãn,
 Tuấn^{5*} sĩ nga quan sáp ngự hoa.
 Huấn dụ ân cần minh chủ ý,
 Vinh hoa hách^{6*} dịch chúng nhân khoa.

Tôn thần chúc tụng vô tha ngữ,
 Tứ hải xuân phong lạc nhất gia.

DỊCH NGHĨA:

HỌA VĂN BÀI THƠ «BAN YẾN CHO NHỮNG NGƯỜI ĐỖ TIẾN SĨ Ở ĐIỆN
 QUAN ĐỨC» CỦA NHÀ VUA

Trong vườn cấm (1), nắng mới lên, bóng cây đổ nghiêng,
 Yến bày bát ngọc cùng với quan hầu, ơn vua thật nhiều.
 Vẻ bút của bậc đại khoa, họa văn thơ nhà vua,
 Chiếc mũ người hiền sĩ, cài bông hoa ngự.
 Lời ân cần huấn dụ, đáng minh quân biết bao mong mỏi,
 Cảnh vinh hoa rực rỡ, người người đều khen.
 Kẻ bề tôi này muốn chúc tụng, nhưng không biết nói gì hơn,
 Chỉ xin chúc bốn bề một nhà vui trong gió xuân.

DỊCH THƠ :

Nắng hòa vườn cấm nhuộm thanh tân,
 Yên ẩm tung bùng, thấm đức ân.
 Bút họa thơ vua, khen học sĩ,
 Mũ cài hoa ngự, đẹp văn nhân.
 Ân cần huấn dụ, lòng mình chúa,
 Tấm tắc vinh hoa, miệng thế trần.
 Chúc tụng đám đầu lời lẽ khác,
 Yên vui bốn bề một nhà xuân.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2: 務 vụ.
 2* TVTL1; 2: không có chữ 詩 thi.
 3* TVTL2: 除官陪考 trừ quan bồi khảo.
 4* TVTL2: 飛 phi.
 5* HVTT: 優 ưu.
 6* TVTL1: 鳥 diều.

CHÚ THÍCH :

- (1) Vườn cấm (cấm uyên): vườn riêng của nhà vua.

104

奉賡御製“秋懷”詩韻

勲業鏡中催歲晚,
 經綸紙上謾心勞。
 江山雲盡一天淨,
 殿閣風生萬籟號。
 畫閣靜看書似海,
 酒醒方覺事如毛。
 蕭蕭關此日花無
 幾點苔花無寶刀。

PHỤNG CANH NGŨ CHẾ
· THU HOÀI · THI VẬN

Huân nghiệp kinh trung thời tuế vãn,
 Kinh luân chỉ thượng mạn tâm lao.
 Giang sơn vân tận nhất thiên tịnh 1*,
 Điện các phong sinh vạn lại hào.
 Trú tĩnh lãn khan thư tự hải,
 Tửu tỉnh phương giác sự như mao.
 Tiêu Quan thử nhật vô đa lũy,
 Kỷ diêm đại 2* hoa tử bảo đao.

DỊCH NGHĨA :

HỌA VĂN BÀI THƠ "THU HOÀI" CỦA NHÀ VUA

Trước gương, công nghiệp chỉ thôi thúc cho tuổi mau già,
 Trên giấy, kinh luân bàn đến thêm một lòng.
 Non sông đã quang mây, cả một trời trong sáng,
 Cung điện khi gió nổi, như có muôn tiếng sáo.
 Ban ngày yên tĩnh, sách nhiều như biển mà ngán xem.
 Lúc tỉnh rượu, công việc bề bộn mới nhớ ra,
 Ngày nay ngoài Tiêu Quan ⁽¹⁾ không còn lắm chuyện phiền nhiễu,
 Mấy đám rì đã mọc lổm đổm trên thanh bảo đao.

KHẢO ĐỊNH :

1* HVTT : 靜 *tĩnh*.2* HVTT : 桃 *đào*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Tiêu Quan* : một cửa ải quan trọng ở huyện Cổ Nguyên, tỉnh Cam Túc; xưa kia, cửa ải này được coi là yết hầu ở phía bắc của Trung Quốc, ải được xây dựng kiên cố và canh phòng nghiêm ngặt để phòng ngoại xâm. Tiêu Quan không bị ngoại xâm quấy nhiễu, đó là cảnh thái bình.

105

九月三十日夜有感

疎 櫺 半 掩 逗 霜 花 ;
 銀 漢 無 光 月 影 斜 。
 香 度 小 鏞 新 稻 粥 ,
 煙 凝 古 鼎 熟 蘭 茶 。
 千 金 難 買 好 秋 色 ,
 一 去 不 回 閑 歲 花 。
 晚 菊 早 黃 梅 新 富 貴 ,
 青 燈 黃 卷 舊 生 涯 。

CỬU NGUYỆT TAM THẬP
NHẬT DẠ HỮU CẢM

Sơ linh bán yếm đầu ^{1*} sương hoa,
 Ngân Hán vô quang nguyệt ^{2*} ảnh tà.
 Hương độ tiêu đang tân đạo chúc,
 Yên ^{3*} ngưng cổ đỉnh thực lan trà.
 Thiên kim nan mãi hảo thu sắc,
 Nhất khứ bất hồi nhàn tuế hoa.
 Văn cúc tảo mai tân phú quý,
 Thanh đăng hoàng quyền cựu sinh nhai.

DỊCH NGHĨA:

CẢM XÚC ĐÊM BA MƯƠI THÁNG CHÍN.

Song thưa nửa khép động lại sương hoa,
 Sông Ngân không sáng, ánh trăng chênh chếch (1).
 Hương thơm bốc từ chiếc niêu nhỏ, nấu cháo gạo mới,
 Khói tụ lại ở chiếc đỉnh cổ, chề lan đã ngấm.
 Sắc thu đẹp, ngàn vàng khó mua,
 Thời gian nhàn phi, một đi không trở lại.
 Cảnh cúc tàn, mai sớm, lại có cảnh phú qui mới,
 Đèn xanh, sách vàng vốn là nghiệp cũ.

DỊCH THƠ :

*Song thưa nửa khép động sương sa,
 Ngân Hán mờ đi, ánh nguyệt tà.
 Hương bốc niêu con, mùi cháo mới,
 Khói xông đỉnh cũ, ẩm trà pha.
 Nghìn vàng khó đổi màu thu đẹp,
 Một tấc không quay cảnh tuổi già.
 Hoa mới cúc mai là phú qui,
 Sách đèn nếp cũ ầy sinh nhai.*

NGUYỄN ĐỨC VĂN

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : 遙 *bức*.
 2* TTCGLT : 日 *nhật*.
 3* TVTL1 : 霜 *sương*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Câu này không phù hợp với đầu bài. Đầu bài nói là *đêm ba mươi*, nhưng câu thơ lại tả «ánh trăng chênh chếch». Phải chăng trong văn bản gốc, *đêm hai mươi* đã chép nhầm thành *đêm ba mươi* ?

106

至靈山鳳凰峰

CHÍ LINH SƠN PHƯỢNG
HOÀNG PHONG

雙鳳悠然望杳冥，
 鳳凰萬古愛芳名。
 麟峰塔倒如虹影，
 鼇水泉鳴作雨聲。
 危磴經年蒼蘚合，
 斷橋過雨黑芝生。
 松風日晩喧空響，
 相似來儀奏九成。

Song Phượng du nhiên vọng liễu minh,
 Phượng Hoàng vạn cổ ái phương danh.
 Lân Phong tháp đảo như hồng^{1*} ảnh,
 Miết Thủy tuyền minh tác vũ thanh.
 Nguy đẳng kinh niên thương tiền hợp,
 Đoan^{2*} kiều quá vũ hắc chi sinh.
 Tùng phong nhật vãn huyền không
 hưởng,
 Tương tự lai nghi tấu cửu thành.

DỊCH NGHĨA :

ĐỈNH PHƯỢNG HOÀNG (1) Ở NÚI CHÍ LINH

Xa xa thấp thoáng đỉnh Song Phượng,
 Núi Phượng Hoàng nổi tiếng tự ngàn xưa.
 Tháp ở Lân Phong (2) nghiêng xuống như bóng cầu vồng,
 Suối ở Miết Thủy (3) reo lên tựa tiếng mưa rơi.
 Bạc đá cheo leo, quanh năm rêu xanh phủ lấp,
 Chiếc cầu gãy, sau cơn mưa nấm đen mọc lên.
 Chiều tà gió nổi, thông reo vang giữa trời,
 Giống như chim phượng hoàng về chầu tấu chín khúc nhạc (4).

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT : 倒 lệ.

2* TVTL : 新 tán.

CHÚ THÍCH :

- (1) Núi Phượng Hoàng : một núi ở dãy núi Chí Linh, xã Kiệt Đặc, huyện Phượng Nhãn (nay là huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng).
- (2) Lân Phong : một đỉnh núi ở dãy núi Chí Linh.
- (3) Miết Thủy : có lẽ là một giồng suối bắt nguồn từ ao Miết Trì trong núi Chí Linh.
- (4) Chín khúc nhạc : tức chín khúc của nhạc Thiệu. Tương truyền nhạc này có từ đời vua Thuấn, mỗi lúc cử nhạc, có chim phượng hoàng đến chầu.

107

寶嚴塔

BẢO NGHIÊM THÁP ^{1*}

九層倚漢築堅牢，
萬古靈踪佛骨韜。
曉日光臨奎畫動，
夜風吹起鐸聲高。
三摩地上管蒼玉，
那舍城中湧白毫。
一笑無憂粧七寶，
龍蛇追逐役民勞。

Cửu tầng ý Hán trúc kiên lao,
Vạn cổ linh tung Phật cốt thao.
Hiếu nhật quang lâm Khuê hoạch
động^{2*},
Dạ phong xúy khởi đặc thanh cao.
Tam ma^{3*} địa thượng trâm thương^{4*}
ngọc,
Na xá⁵ thành trung dũng bạch hào.
Nhất tiếu vô ưu trang thất bảo,
Long xà đôi^{6*} trác dịch dân lao.

DỊCH NGHĨA :

THÁP BẢO NGHIÊM ⁽¹⁾

Chín tầng dựa vào Ngân Hán, kiến trúc vững vàng,
Dấu thiêng muôn thuở, nơi cất dấu hài cốt Phật.
Ánh sáng ban mai rọi vào, nét sao Khuê như rung động ⁽²⁾,
Gió đêm thổi đến, tiếng mõ vang vang.
Trong Tam ma ⁽³⁾ cầm chiếc trâm ngọc xanh,
Nơi Na xá ⁽⁴⁾ dựng ngọn bút trắng ⁽⁵⁾.
Cười cho sự vô lo, đem thất bảo ⁽⁶⁾ diễm tô lên tháp,
Chạm trở rồng rắn làm dân phải mệt nhọc.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT chép đầu đề bài thơ là 詠寶嚴塔 Vịnh Bảo Nghiêm tháp.
2* TVTL2: 宿 tú.
3* TVTL2: 不 bất.
4* TVTL2: 侵 xâm.
5* TVTL2: 舍 hợp.
6* TVTL2: 璚 đôi.

CHỮ THÍCH :

- (1) Tháp Bảo Nghiêm: chưa rõ ở đâu.
(2) Chùm sao Khuê có 16 sao, giữa các sao có đường nối khuất khúc như chữ viết. Ở đây tác giả ví các chữ viết trên tháp như chùm sao Khuê, ánh sáng chiếu vào lay động.
(3), (4) Tam ma, Na xá: đều chỉ nơi tu hành của nhà Phật. Chưa rõ xuất xứ.

- (5) *Cây bút trắng* (bạch hào) : ngày xưa dùng ngòi bút lông, ngòi bút hình tháp, vì vậy tác giả dùng hình tượng này để tả ngòi tháp. «Bạch hào» còn có một nghĩa nữa : Như Lai có 80 tướng lạ. Cái lông mày trắng (bạch hào) rất dài ở mắt là một trong 80 tướng lạ đó.
- (6) *Thất bảo* : bảy thứ quý : vàng, bạc, lưu li, xà cừ, mã não, trân châu, san hô.

108

題玄天紫極宮

ĐỀ 1* HUYỀN THIÊN TỬ CỰC CUNG

耿耿三花數仞開，
 蹙林鬱秀絕氛埃。
 玉皇校錄紅雲擁，
 金母朝元翠葆回。
 春日早移花影動，
 秋風晚送鶴聲來。
 流光殿下松千樹，
 盡是擎天一手栽。

Cảnh cảnh tam hoa số nhận khai,
 Kiền lâm uất tú tuyệt phân ai.
 Ngọc Hoàng hiệu lục hồng vân ủng,
 Kim Mẫu triều nguyên 2* thủy bảo hồi.
 Xuân nhật 3* tảo di hoa ảnh động,
 Thu phong vãn 4* tống hạc thanh lai.
 Lưu Quang điện hạ tùng thiên thụ,
 Tân thị kinh thiên nhất thủ tài.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CUNG TỬ CỰC (1) Ở ĐÔNG HUYỀN THIÊN

Trên cao mấy nhận (2), rực rỡ hoa một năm nở ba lần (3),
 Khu rừng xanh tốt, cách biệt bụi bặm.
 Ngọc Hoàng đi tuần sát, có mây hồng che phủ,
 Kim Mẫu (4) vào châu, có long thủy (5) rước về.
 Buổi sớm, nắng xuân đầy bóng hoa lay động.
 Buổi chiều, gió thu đưa tiếng hạc về.
 Phía dưới điện Lưu Quang có hàng ngàn cây thông,
 Hết thấy các cây chọc trời ấy đều do một tay trồng (6).

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL : không có chữ 題 đề.

2* TVTL1 : 真 chân.

3* TVTL2, 3 : 月 nguyệt.

4* TVTL2 : 紫 hảo.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Cung Tử Cực* : ở động Huyền Thiên, thuộc xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng. Sách *Công dư tiếp ký* 公餘捷記 của Vũ Phương Đề 武芳堤 chép : «*Động Huyền Thiên* ở xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh. Thế núi tuy hẹp nhưng quần sơn cũng lập, hai cánh dương ra như loan liệng phượng múa, cũng là một cảnh trí thanh quang vậy. Thời Trần, đạo sĩ *Huyền Vân* luyện thuốc trường sinh ở động ấy, nên vua đặt tên là động *Huyền Thiên*, lại có *Cung Tử Cực* và *Điện Lưu Quang*. Đại Tư đồ Bàng Hồ Trừng công đề thơ rằng : *Lưu Quang điện hạ tùng thiên thụ, Tận thị kinh thiên nhất thủ tài* .
- (2) *Nhận* : một đơn vị đo lường thời xưa, dài khoảng hơn 2m (7 thước ta).
- (3) *Hoa một năm nở ba lần* (tam hoa) : trong sách của Đạo giáo thường nói đến cây «bối đạ», cây này mỗi năm nở hoa ba lần, nên gọi là «tam hoa». Ở đây tạm dịch «tam hoa» thành hoa một năm nở ba lần cho sát với ý của bài.
Có bản chép : Cảnh cảnh tam thừa sở nhận khai : *Rực rỡ tam thừa nở mấy nhận*. Tam thừa là chữ của nhà Phật, không hợp với nội dung bài thơ. Vậy xin chép đề bạn đọc tham khảo.
- (4) *Kim Mẫu* : tức Tây Vương Mẫu 西王母, một vị tiên nữ đứng đầu các tiên nữ.
- (5) *Thủy bảo* : lọng lẹp bằng lông chim màu xanh.
- (6) Câu này muốn nói hàng ngàn cây thông dưới điện Lưu Quang đều do một tay đạo sĩ Huyền Vân trồng. Câu này lại có thể hiểu : «*Đều do một tay chống trời trồng nên*», chúng tôi ghi thêm đề bạn đọc tham khảo.

109

山中偶成

SƠN TRUNG NGẪU THÀNH

長安紫陌厭輕肥，
 好向青塵隨馬嘶。
 乾戈未定身安在，
 虛度流年笑殺兒。

Trường An tử mạch yếm khinh^{1*} phi,
 Hảo hướng ngâm sơn bễ ần phi.
 Can^{2*} diệp nhĩ huyền^{3*} phong bắc khởi,
 Hư đình mục^{4*} tống nhật tây qui.
 Thủy tương lục mẫn phùng thanh nhãn,
 Tiểu bả hoàng hoa đái bạch y.
 Chúng túy ngã tinh giai tự khả,
 Sát thân cô dư^{5*} Khuất Nguyên phi.

DỊCH NGHĨA:

TRONG NÚI NGẪU NHIÊN LÀM THÀNH THƠ

Trên đường tía Trường An (1), chán mặc áo lông nhẹ, cưỡi ngựa béo (2),
 Thích đến nơi núi cao, khép cánh cửa ở ần.
 Gió từ phương bắc thổi tới, lá khô xào xạc bên tai,
 Trong sân vắng vẻ, đưa mắt tiễn mặt trời lặn về phía tây.

Ai đem mái tóc xanh gặp khách mắt xanh (3),
 Cười kẻ cầm bông hoa vàng đợi khách áo trắng (4).
 Mọi người say riêng ta tỉnh đều do nơi mình cả,
 Tự sát để mua tiếng khen như Khuất Nguyên (5) là sai.

DỊCH THƠ :

Kính kỳ rày đã ngán quan sang,
 Về ăn non cao khép thảo đường.
 Tai rộn heo may ngoài lá nõ,
 Người đưa chiều xế giữa sân quang.
 Mắt xanh tóc biếc ai vờn vĩa,
 Áo trắng hoa vàng dạ vấn vương.
 Ta tỉnh người say ừ cũng được,
 Mua danh, tự sát, Khuất Nguyên xoàng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : 饒 nhiều.
- 2* TVTL2 : 朝 triều.
- 3* TVTL2 : 迎 nghênh.
- 4* TVTL2 : 月 nguyệt.
- 5* TVTL2 : 婁 là cô thị.

CHÚ THÍCH :

- (1) Mặc áo lông nhẹ, cười ngựa béo (Khinh phi) : Sách Luận ngữ có câu : 赤之適齊也, 乘肥馬, 衣輕裘. Xích chi thích Tề dã, thừa phi mã, ý khinh cầu : khi mà người Xích đến nước Tề thì cười ngựa béo, mặc áo lông nhẹ. Về sau, chữ « khinh phi » trở thành danh từ chung chỉ cảnh sang trọng.
- (2) Trường An : nguyên là một thành phố ở tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Ngày xưa, các triều Tần, Hán, Đường đều lấy Trường An làm thủ đô. Về sau, hai chữ « Trường An » thường được dùng để chỉ nơi kinh đô nói chung. Những con đường ở Trường An được gọi là « đường tia » (từ mạch), tượng trưng cho cảnh phồn hoa, phú quý.
- (3) Mái tóc xanh : (lục mấn) chỉ những người trẻ tuổi. Mắt xanh (thanh nhãn) : Tương truyền ở đời nhà Tấn (Trung Quốc), Nguyễn Tịch 阮籍 mỗi khi gặp bạn tri kỷ thì mắt xanh lên, gặp kẻ không ưa thì mắt trắng.
- (4) Người áo trắng (bạch y) : Đào Tiềm 陶潛, người đời Tấn, tính thích uống rượu và chơi hoa cúc. Một lần không có rượu uống, ông đi hái hoa cúc, đương hái bỗng thấy người bạn là Vương Hoảng 王弘, mặc áo trắng mang rượu đến. Ở bài thơ trên, tác giả mượn những điển tích cũ để nói lên cảnh thú của người ở ẩn.
- (5) Khuất Nguyên : Là bày tôi nước Sở, thời Chiến Quốc. Khuất Nguyên cương trực, hết lòng trung quân ái quốc, bị bọn gian thần dèm pha, ông phải đi đày. Một lần, Khuất Nguyên gặp một người đánh cá, người ấy khuyên ông nên theo thời thế, không nên cương trực mà hại đến thân. Khuất Nguyên bảo : mọi người say cả chỉ một mình ta tỉnh. Về sau ông nhảy xuống sông Mịch La tự tử.

110

小 雨

TIÊU VŨ

小 春 山 雨 細 霏 微,
 出 岫 雲 深 片 片 飛。
 障 日 濛 漫 昏 似 曉,
 隨 風 蕭 瑟 密 還 稀。
 梅 含 玉 粒 傳 天 信,
 竹 迸 琅 簪 泄 地 機。
 睡 起 爐 香 殘 幾 度,
 村 翁 未 把 一 犁 歸。

Tiêu 1* xuân sơn vũ tế phi vi,
 Xuất tỵ vân thâm phiến phiến phi.
 Chương nhật mông man hôn tự hiểu,
 Tùy phong tiêu sất mật hoàn hy.
 Mai hàm ngọc lạp truyền thiên tín,
 Trúc tính 2* lang trâm tiết địa ky.
 Thụy khởi lò hương tàn kỷ độ 3*,
 Thôn ông 4* vị bả nhất lệ qui.

DỊCH NGHĨA :

MƯA NHỎ

Tiết tiêu xuân (1) mưa núi lất phất,
 Mây dầy đặc từ hang núi bốc lên từng đám.
 Mưa rây chẻ mặt trời khi tối, khi sáng,
 Theo làn gió hiu hiu hết nhật lại thừa.
 Cây mai ngậm hạt ngọc (2), như đưa tin thời tiết của trời,
 Khóm trúc cài trâm ngọc xanh (3), như để lộ sự huyền bí của đất.
 Ngủ dậy, hương lò đã tàn mấy lượt,
 Nhưng ông già trong xóm vẫn chưa vác cày về.

DỊCH THƠ :

Tháng mười mưa núi nhỏ lất rây,
 Hang đá mây tuôn đám đám bay.
 Bóng rợp âm u ngày tưởng tối,
 Gió đưa hiu hắt mông lại dầy.
 Cành mai ngậm ngọc tin trời báo,
 Khóm trúc cài trâm mây đất quay.
 Ngủ dậy hương lò tàn mấy lượt.
 Thôn ông vẫn chưa nghỉ đường cày.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 水 thủy.
 2* TTCGLT : 選 tuyển.
 3* TVTL1, 3 : 炷 chủ.
 4* TTCGLT : 農 nông.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tiểu xuân* : theo âm lịch thì mùa xuân là từ tháng giêng đến tháng ba. Nhưng tháng mười trời có lúc âm tựa như mùa xuân, vì vậy tháng mười âm lịch, gọi là tháng tiểu xuân. (Tháng mười thuộc dương, nên cũng có khi gọi là tháng tiểu dương xuân).
 (2) *Mai ngâm ngọc* (mai hàm ngọc lạp) : tiết tiểu xuân, loài mai đã nhú nụ trắng, đẹp như những hạt ngọc.
 (3) *Trúc cài trâm biếc* (trúc tinh lang trâm) : măng mới mọc, đẹp như những cái trâm cài đầu bằng ngọc xanh.

111

九月有人來訪同作

CỬU NGUYỆT HỮU NHÂN LAI
PHÔNG ĐỒNG TÁC

戟 下 髯 奴 掣 警 鈴,
 出 門 喜 接 子 衿 青。
 自 娛 顧 托 花 迷 院,
 習 靜 時 觀 草 滿 庭。
 博 帶 寬 衣 身 已 老,
 高 車 駟 馬 夢 初 醒。
 一 杯 強 醉 酬 佳 節,
 不 管 蒹 葭 白 露 零。

Kích hạ nhiêm nô xiết 1* cảnh 2* linh,
 Xuất môn hỷ tiếp tử khâm thanh.
 Tự ngu cổ thác hoa mê viện,
 Tập 3* tĩnh thời quan thảo mãn đình.
 Bác đời khoan y thân 4* dĩ lão,
 Cao xa tứ mã mộng sơ tỉnh.
 Nhất bôi cưỡng túy thù giai tiết,
 Bất quản kiêm hà bạch lộ linh.

DỊCH NGHĨA :

THÁNG CHÍN CÓ NGƯỜI ĐẾN THĂM CÙNG LÀM THƠ

Dưới cửa kích (1) người gia nô rậm râu giạt chuông báo hiệu,
 Ra cửa mừng đón người khách mặc áo xanh (2).
 Vui ngắm cảnh, hoa đầy cả viện,
 Quen yên tĩnh, thường xem cây cỏ đầy sân.

Mang đai rộng, áo chùng hợp với cảnh thân đã già,
Xe cao, ngựa tữ (4), giấc mộng vừa tỉnh.
Một chén gương say để đáp lại tiết vui,
Chẳng ngại gì lau sậy có móc trắng rơi (5).

DỊCH THƠ :

Ngoài cửa quân hầu báo hiệu chuông,
Trước hiên mừng đón khách văn chương.
Vui nhìn khắp viện hoa tươi khóm,
Lặng ngắm đầy sân cỏ mượt hàng.
Đai áo thênh thang làn tóc bạc,
Ngựa xe ngheo nghện giấc kẻ vàng.
Chén đèn tiết đẹp nâng say gương,
Lau sậy nề chi đượm móc sương.

NGUYỄN XUÂN TẢO

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT, TVTL2 : 報 báo.

2* TVTL1 : 掣 xiết.

3* TVTL2 : 想 tưởng.

4* TVTL2 : 人 nhân.

CHÚ THÍCH :

- (1) Cửa kích : ngày xưa những nhà quyền quý thường đặt giá cấm kích ở cửa. Về sau «cửa kích» chỉ nơi quyền quý.
(2) Người mặc áo xanh (tử khâm thanh) : chỉ người học trò.
(3) Ngựa tữ : loại ngựa to, cao dùng để kéo xe bốn bánh. Xe cao, ngựa tữ thường được dùng để chỉ cảnh làm quan to.
(4) Lau sậy có móc trắng rơi (kiêm hà bạch lộ linh). Thi Kinh có câu :

Kiểm hà thương thương,
Bạch lộ vi sương.
Lau sậy xanh xanh,
Móc trắng thành sương.

Câu thơ trên chê Tần Tương Công 秦襄公 không biết dùng người để trị nước.
Ở đây, tác giả mượn ý ấy để nói nhà vua không biết sử dụng người hiền tài.

112

贈朱樵隱

TẶNG CHU TIÊU ẨN

蒲 見 桓 圭 心 已 友,
 風 霜 安 敢 閑 寒 梅。
 白 雲 高 壘 山 扉 掩,
 紫 陌 多 歧 我 馬 隤。
 蕙 帳 勿 驚 孤 鶴 怨,
 蒲 輪 好 爲 下 民 迴。
 昌 期 社 稷 天 方 作,
 肯 使 先 生 老 碧 隈。

Phủ miện hoàn khuê tâm dĩ hỡi,
 Phong sương an cảm bế hàn mai.
 Bạch vân cao lũy ^{1*} sơn phi yếm,
 Tử mạch đa kỳ ngã mã đồi.
 Huệ trương hốt kinh cô hạc oán,
 Bồ luân hảo vị hạ dân hồi.
 Xương kỳ ^{2*} xã tắc thiên phương tác,
 Khẳng sử tiên sinh lão bích ôi.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG CHU TIÊU ẨN

Nói chuyện áo gấm mũ thêu và ngọc hoàn khuê ⁽²⁾ lòng đã lạnh như tro,
 Gió sương đầu dám giam cầm cây mai lạnh.
 Mây trắng chồng cao, cửa non khép kín,
 Đường tia ⁽³⁾ nhiều ngã, ngựa ta đã mỏi.
 Trong trường huệ chó sợ chim hạc cô đơn oán giận ⁽⁴⁾,
 Bánh xe cỏ bồ ⁽⁵⁾ hãy vì dân mà quay trở lại.
 Xã tắc đương hồi thịnh, trời cũng giúp vì,
 Đầu chịu đề tiên sinh già đi ở chốn non xanh !

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1 : 疊 điệp.

2* TVTL1 : 朝 triều.

CHÚ THÍCH :

- (1) Chu Tiêu Ẩn : tức Chu An 朱安, người cùng thời với tác giả.
- (2) Ngọc hoàn khuê : thứ ngọc của vua chừa hờn cầm khi vào châu thiên tử, ở đây tác giả mượn ý để chỉ người làm quan.
- (3) Đường tia (tử mạch) : chỉ những con đường ở kinh đô Trường An. Ở đây chỉ sự tham gia việc nước.
- (4) Bài Bắc sơn di văn 北山移文 của Lý Hoa 李華 đời Tề có câu : 蕙帳空兮夜鶴怨 Huệ trương không hề dạ hạc oán : Trường huệ bỏ trống làm cho chim hạc ban đêm oán giận. Ở đây tác giả nói ngược lại, ý khuyên Chu An nên ra giúp nước.
- (5) Bánh xe cỏ bồ (bồ luân) : Đời xưa các vua thường lấy cỏ bồ quấn vào bánh xe để đón người hiền tài, xe đi êm, tỏ ý kính trọng.

113

賀樵隱朱先生拜國子司業

HẠ TIÊU ẮN CHU TIÊN SINH BÀI
QUỐC TỬ TỰ NGHIỆP

學海迴瀾俗再醇，
 上庠山斗得斯人。
 窮經博史工夫大，
 敬老崇儒政化新。
 布韞老芒鞋歸詠日，
 青頭白髮浴沂春。
 勲華只髮垂裳治，
 爭得巢由作內臣。

Học hải hồi lan tục tái thuần,
 Thượng trường Sơn Đầu đắc tư^{1*} nhân.
 Cùg kinh bác sử công phu đại,
 Kinh Lão sùng Nho chính hóa tân.
 Bô miệt mang hài qui vĩnh^{2*} nhật,
 Thanh^{3*} đầu^{4*} bạch phát dục Nghi xuân.
 Huân Hoa chỉ thị thủy thường^{5*} trị,
 Tranh đắc Sào, Do tác nội thần!

DỊCH NGHĨA :

MỪNG ÔNG CHU TIÊU ẮN (1) ĐƯỢC BỔ CHỨC
TỰ NGHIỆP Ở QUỐC TỬ GIÁM (2)

Xoay làn sóng biển học làm cho phong tục lại được thuần hậu,
 Nhà trường đã được bậc đạo đức như Thái Sơn, Bắc Đầu đến dạy,
 Đọc hết kinh, xem rộng sử, công phu rất lớn,
 Kinh đạo Lão, sùng đạo Nho, chính sự và giáo hóa được đổi mới.
 Ngày ông mang tất vải giầy cỏ, vừa đi vừa hát mà về,
 Người trẻ, người già cùng tắm trong mùa xuân sông Nghi (3).
 Các vua Phóng Huân và Trưng Hoa (4) chỉ ngồi rửa xiêm trị nước,
 Bởi có được ông Sào, ông Do (5) làm bề tôi trong triều!

DỊCH THƠ :

Thói thuần biển học, sóng tài xoay,
 Sơn, Đầu trường cao được đón thầy.
 Rộng sử, thông kinh, công dụng lớn,
 Sùng Nho, kính Lão, kỷ cương hay.
 Ngày về núi cũ hài rơm bước,
 Xuân tắm dòng Nghi tóc trắng bay.
 Nghiêu, Thuấn rửa xiêm thành thịnh trị,
 Sào, Do đâu có chịu ra tay.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHAO ĐỊNH :

- 1* TVTL1 : 其 kỳ.
 2* VATT : 去 khứ.
 3* TVTL2, 3 : 蒼 thương.
 4* TVTL1 : 顏 nhan.
 5* TVTL1 : 衣 y.

CHÚ THÍCH :

- (1) Chu Tiều Ân : tức Chu An 朱安 .
 (2) Quốc tử giám : nơi dạy con em các bậc công khanh, quyền quý trong nước.
 (3) Sông Nghi : tức Nghi Thủy, một con sông ở tỉnh Sơn Đông, quê hương của Không Tử. Ở đây tác giả mượn ý để nói sự ham chuộng Nho học của mọi người.
 (4) Phóng Huấn, Trùng Hoa : tức vua Nghiêu 堯 và vua Thuấn 舜 .
 (5) Sào, Do : tức Sào Phủ 巢父 và Hứa Do 許由 , hai nhà ẩn sĩ đời Nghiêu, Thuấn. Ở đây tác giả ví Chu An như Sào, Do. Khi được vua vời ra làm quan, nhất định nước sẽ thịnh trị.

114

賡同知府右司梅峰公韻

CANH ĐỒNG TRI PHỦ HỮU 1*
TY MAI 2* PHONG LÊ CÔNG VẬN

年	逾	五	十	半	衰	翁		Niên du ngũ 3* thập bán suy ông,
涉	世	何	顏	入	閑	叢		Thiệp thế hà nhan nhập nào tùng.
珥	水	夜	寒	千	古	月		Nhị thủy dạ hàn thiên cổ nguyệt,
丘	鄉	晝	靜	一	溪	風		Khâu hương trú tĩnh nhất Khê phong.
忘	身	禍	福	心	無	患		Vong thân họa phúc tâm vô hoạn,
與	國	安	危	位	得	中		Dữ quốc an nguy vị đắc trung.
朝	罷	喚	茶	煎	俗	慮		Triều bãi hoán trà tiên tục lự,
閑	披	蠹	簡	訓	童	蒙		Nhàn phi 4* đồ giản huấn đồng mông 5*.

DỊCH NGHĨA :

HỌA VĂN THƠ CỦA ÔNG ĐỒNG TRI PHỦ HỮU TY LÊ MAI PHONG (1)

Ông tuổi ngoại năm mươi không còn được khỏe nữa,
 Việc đời đã trải, còn mặt nào chen vào chốn ộn ào.
 Đêm lạnh lòng trên sông Nhị (2) cùng với mảnh trăng thiên cổ,
 Ngày lặng lẽ ở nơi xóm nhỏ, nghe gió từ suối thổi đến.

Quên họa phúc của mình, chẳng cần lo lắng gì,
 Chung yên nguy với nước, đã có địa vị phải chăng.
 Đi châu về, gọi trà để xua đuổi nỗi lo trần tục,
 Ung dung mở cuốn sách một đày lũ trẻ thơ.

DỊCH THƠ :

Năm mươi sức lão yếu rồi,
 Việc đời đã trải, chán nơi ồn ào.
 Lạnh lòng sông Nhị trắng cao,
 Yên thân xóm nhỏ, gió vào suối trong.
 Rủi may chẳng chút bận lòng,
 Yên nguy với nước cùng trong chức nọ.
 Tan châu mượn chén trà khuấy,
 Mở trang sách một, dạy bầy trẻ thơ.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1, 3 : 左 tả.
- 2* TVTL1 : 晦 hối.
- 3* TVTL2 : 九 cửu.
- 4* TVTL2 : 投 đầu.
- 5* TVTL1 : 蒙童 mông đồng.

CHÚ THÍCH :

- (1) Lê Mai Phong : tức Lê Quát 黎逵, người huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, làm chức Nhập nội hành khiển Thượng thư hữu bật, đời Trần Du Tông 陳裕宗.
- (2) Sông Nhị (Nhị thủy) : tức sông Hồng.

115

秋 日

THU NHẬT^{1*}

臨 流 茅 舍 扉 扃 ,
 小 園 秋 深 興 轉 清 。
 梅 早 菊 芳 賢 子 弟 ,
 松 蒼 竹 瘦 老 公 卿 。
 樹 喧 風 怒 心 難 動 ,
 雲 盡 天 高 眼 自 明 。
 西 望 煙 花 非 昔 日 ,
 萼 鱸 思 遠 不 禁 情 。

Làm lưu mao xá bản^{2*} phi quynh,
 Tiểu phổ thu thâm hứng chuyển thanh.
 Mai tảo cúc phương hiền tử đệ,
 Tùng thương trúc sấu lão công khanh.
 Thụ huyền phong nộ tâm nan động,
 Vân tận thiên cao nhãn tự minh.
 Tây vọng yên hoa^{3*} phi tích nhật,
 Thuần lô tứ viễn bất cảm tình.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY THU

Ngôi nhà tranh bên sông khép cánh cửa ván.
 Trong vườn nhỏ giữa mùa thu, cảm thấy rất thanh thú.
 Mai nở sớm, cúc đưa hương các đệ tử đều là người hiền,
 Thông xanh, trúc gầy giống như công khanh già.
 Cây rợn gió gào, lòng không lay động,
 Trời cao mây tạnh, mắt ta sáng sửa.
 Trông về tây, cảnh yên hoa đã khác xưa,
 Rau thuần cá vược, nghĩ ngợi xa xôi, mối tình khôn xiết⁽¹⁾.

DỊCH THƠ :

Nhà cỏ cải then đứng mé sông,
 Vườn thu trong trẻo hứng mênh mông.
 Con em tài tuấn dường mai cúc,
 Khanh tướng già nua tựa trúc thông.
 Cây rợn gió gào, lòng vẫn vững,
 Mây quang trời bỗng, mắt thêm trong.
 Phồn hoa ngoảnh lại xa ngày trước,
 Vược cá, thuần rau vược nổi lòng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT: 秋 日 即 事 *thu nhật tức sự*.2* TTTL2: 投 *kỹ*.3* TVTL1: 光 *quang*

CHÚ THÍCH :

- (1) Tương truyền Trương Hàn 張翰 người đời Tấn, nhân gió thu nhớ mùi vị canh rau thuần, chả cá vược ở quê hương, bèn từ quan xin về. Từ đó, sĩ phu hay lấy chuyện này để chỉ việc về hưu.

116

東潮秋泛

ĐÔNG TRIỀU THU PHIÊM

二 老 蕭 蕭 兩 鬢 斑,
同 舟 對 酒 趁 龍 顏。
海 門 東 下 千 流 急,
天 宇 秋 高 一 鳥 還。
觸 景 莫 愁 今 古 變,
浮 家 自 歎 險 夷 間。
泊 羅 赤 壁 皆 塵 土,
早 晚 歸 帆 訪 故 山。

Nhị lão tiêu tiêu lưỡng mấn ban,
Đồng chu đối tửu sấn long ^{1*} nhan.
Hải môn đông hạ thiên lưu cấp,
Thiên vũ thu cao nhất điều hoàn.
Xúc cảnh mạc sầu kim cổ biến,
Phù gia tự thán hiềm di gian.
Mịch La, Xích Bích giai trần thổ,
Tảo vãn qui phàm phổng cố san.

DỊCH NGHĨA :

MÙA THU THẢ THUYỀN RA CHƠI Ở ĐÔNG TRIỀU ⁽¹⁾

Hai ông già hóm hèm, mái tóc hoa râm,
Cùng ngồi thuyền uống rượu, kíp vào châu vua.
Nước triều ở cửa biển rút về phía đông, như ngăn dòng nước chảy xiết,
Trời thu lồng lộng, một con chim bay về.
Xúc cảnh nhưng đừng buồn vì sự biến đổi xưa nay,
Trên chiếc thuyền lênh đênh, than mình lúc bằng phẳng, khi hiềm nghèo.
Mịch La ⁽²⁾ Xích Bích ⁽³⁾ đều đã vui trong gió bụi,
Sớm muộn sẽ quay thuyền về hỏi thăm non xưa.

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT : 紅 hồng.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đông Triều : cửa biển ở tỉnh Quảng Ninh.
- (2) Mịch La : một con sông ở tỉnh Hồ Nam, nơi Khuất Nguyên tự trầm.
- (3) Xích Bích : tức đoạn sông Trường Giang chảy qua huyện Hoàng Cương, tỉnh Hồ Bắc. Nơi đây, trận đánh giữa Tào Tháo và Chu Du đã diễn ra ác liệt. Tào Tháo thua trận.

117

題月澗道錄太極之觀妙堂

ĐỀ NGUYỆT GIẢN ĐẠO LỤC THÁI CỤC CHI QUAN DIỆU ĐƯỜNG

門外誰家車馬喧，
試將此理問蒼天。
桃梨春盡芳心歇，
松菊秋深晚節全。
一點丹誠生若死，
幾回鶴化白為玄。
瀛洲蓬島知何在，
無欲無貪我是仙。

Môn ngoại thùy gia xa mã huyền,
Thí tương thử lý vấn thương thiên.
Đào lê xuân tận phương tâm yết,
Tùng cúc thu thâm văn tiết tuyền.
Nhất điểm đan thành sinh nhược tử,
Kỷ hồi hạc hóa bạch vi huyền.
Doanh Châu Bồng Đảo tri hà tại,
Vô dục vô tham 1* ngã thị tiên.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ NHÀ QUAN DIỆU CỦA ĐẠO LỤC THÁI CỤC Ở NGUYỆT GIẢN (1)

Ngoài cửa, xe ngựa nhà ai rộn rã,
Thử đem cái lẽ ấy mà hỏi trời xanh.
Đào và lê khi hết mùa xuân thì lòng thơm cũng hết,
Thông với cúc đến giữa mùa thu khi tiết muộn mãi vẫn còn trọn vẹn.
Một tấm lòng son sống cũng như chết,
Mấy lần chim hạc hóa trắng lại thành đen (2).
Doanh Châu, Bồng Đảo (3) biết là ở đâu,
Không ham muốn, không tham lam, ta là tiên.

DỊCH THƠ :

Xe ngựa nhà ai trước cửa chen,
 Thử đem lễ ấy hỏi tầng trên.
 Đảo, lê xuân hết, lòng thom dứt,
 Tùng, cúc thu cao tiết thảo tuyền.
 Một đầm lòng son, sinh giống tử,
 Mấy hồi hạc hóa, trắng làm đen.
 Bồng, Doanh ai biết nơi đâu tá,
 Danh lợi màng chi, tớ cũng quên.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 營 doanh.

CHÚ THÍCH :

- (1) Chưa rõ xuất xứ.
- (2) Theo sách *Cổ kim chú* 古今註, chim hạc sống đến nghìn năm sẽ hóa thành màu xanh, sống hai nghìn năm nữa lại hóa thành màu đen.
- (3) Theo *Hán thư* 漢書, ở Bột Hải có ba hòn đảo tiên, tên là Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu.

118

老 來

LÃO LAI

老 來 萬 事 付 悠 然 ,
 待 漏 霜 靴 亦 可 憐 .
 秋 晚 魚 蝦 思 海 上 ,
 家 貧 兕 女 樂 燈 前 .
 塵 迷 病 眼 書 難 讀 ,
 酒 滯 愁 腸 夜 不 眠 .
 不 夢 勁 陵 年 少 氣 ,
 空 驚 弩 弩 絃 .

Lão lai vạn sự phó du nhiên,
 Đãi lậu sương ngoa diệc khả liên.
 Thu văn ngư hà tư hải thượng,
 Gia bần nhi nữ lạc đăng tiền.
 Trần mê bệnh nhãn thư nan độc,
 Tửu trệ sầu tràng dạ bất miên.
 Bất học Ngũ Lăng niên thiếu khí,
 Mộng gian kinh nỗ hưởng không huyền.

DỊCH NGHĨA :

GIÀ ĐẾN

Già rồi muôn việc phó mặc thời gian dài dằng dặc,
 Đói giầy đi sương chờ buổi vào châu cũng đáng thương.
 Cuối thu, tôm cá nhớ biển cả ⁽¹⁾,
 Nhà nghèo, con cái vui cảnh trước đèn.
 Bụi làm mắt đau khó đọc sách,
 Rượu đọng trong dạ sầu, đêm không ngủ được.
 Chẳng học kiểu cách bọn thiếu niên ở Ngũ Lăng ⁽²⁾,
 Trong giấc mơ nghe tiếng nổ cứng vang tiếng dầy không ⁽³⁾.

CHỮ THÍCH :

- (1) Ở ngoài biển, vào dịp cuối thu là lúc sóng yên nước lặng (Bao giờ cho đến tháng Mười, Mẹ con vào lộng ra khơi mặc lòng), con tôm con cá muốn ra biển vào lúc đó để được yên thân bơi lội kiếm ăn. Có lẽ câu này tác giả muốn ví mình giống như con tôm, con cá muốn tìm chỗ yên thân khi tuổi già.
- (2) Ngũ Lăng : năm tên đất ở Trung Quốc. Đó là : An Lăng, Trường Lăng, Dương Lăng, Mậu Lăng và Bình Lăng. Năm nơi này là năm nơi thuộc phạm vi kinh đô nhà Đường, tượng trưng cho cảnh phồn hoa, ăn chơi.
- (3) Câu này ý nói : thân mình đã già, cũng như chiếc nổ cứng chỉ bật dầy không, chẳng có tên, không được tích sự gì.

119

梅村提刑以城南
 對菊之作見示乃次其韻

乾 坤 肅 氣 與 良 能,
 傲 盡 霜 威 與 雪 凌。
 客 有 賦 詩 清 似 玉,
 門 無 送 酒 寂 如 僧。
 山 空 水 淺 愁 仍 舊,
 竹 瘦 松 蒼 喜 得 朋。
 莫 怪 寒 英 開 太 晚,
 繁 花 無 處 著 名 稱。

MAI THÔN ĐỀ HÌNH DĨ «THÀNH NAM
 ĐỐI CÚC» CHI TÁC KIẾN THỊ, NÃI ^{1*}
 THỨ KỲ VẬN

Càn khôn túc khí dữ lương năng,
 Ngạo tận sương ^{2*} uy dữ ^{3*} tuyết lăng ^{4*}.
 Khách hữu phú thi thanh tự ngọc,
 Môn vô tống tửu tịch như tăng.
 Sơn không thủy thiển sầu như cựu,
 Trúc sấu tùng thương hỷ đắc bằng.
 Mạc quái hàn anh khai thái vãn ^{5*},
 Phồn hoa vô xứ trừ danh xưng.

DỊCH NGHĨA :

QUAN ĐỀ HÌNH MAI THÔN (1) CHO XEM BÀI THƠ «NGẨM CÚC
THÀNH NAM», NHÂN HỌA THEO VĂN

Hoa cúc là khí mạnh (2) và tài năng (3) của trời đất,
Coi thường cả uy của sương và sự lẫn của tuyết.
Khách có kẻ ngâm thơ, trong tựa hạt ngọc,
Cửa không người mời rượu, lặng lẽ như nhà sư.
Núi trọc nước cạn, mối sầu vẫn như cũ,
Trúc gầy thông xanh, mừng được bạn bầu.
Đừng trách cái tình hoa của mùa lạnh nở quá muộn,
Vì chốn phồn hoa không phải là chỗ nổi tiếng của hoa này.

DỊCH THƠ :

Đoạn thơ
Bóng hoa có đức khi đất trời,
Khinh cả sương sa lẫn tuyết rơi.
Tựa ngọc ngâm vang thơ khách họa,
Như chùa vắng lặng rượu ai mời,
Núi trơ nước cạn tình như cũ,
Thông cỗi trúc gầy bạn vẫn xưa.
Chớ trách đông về hoa nở muộn,
Phồn hoa chốn ấy chẳng quen chơi.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT : 仍 nhưng.

2* TVTL2 : 寒 hàn.

3* TVTL2 : 又 hựu.

4* TVTL1 : 後 hăng.

5* TVTL2 : 早 tảo.

CHÚ THÍCH :

(1) Quan Đề hình Mai thôn: chưa rõ là ai.

(2) Khí mạnh (Túc khí): khí mạnh mẽ.

(3) Tài năng (Lương năng): Sách Mạnh Tử 孟子 có câu: 人之所不學而能者, 其良能也. Nhân chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng dã: Cái mà người ta không học mà biết, ấy là lương năng. Lương năng ở đây có nghĩa gần giống bản năng.

120

賀介軒公除攝右僕射

機衡炳炳岱崔魁，
景仰民歸右貳臺。
成物功深扶泰運，
擎天力大挺良才。
松官耐雪蒼顏舊，
梅判重春老筆開。
歷事然簪五朝天子聖，
薪然簪五朝天子聖。

HẠ GIỚI HIÊN CÔNG TRỪ
NHIẾP 1* HỮU BỘC XẠ

Cơ Hành binh binh 2* Đại thời khôi,
Cảnh ngưỡng dân qui Hữu 3* nhị đài.
Thành vật công thâm phù thái vận,
Kinh thiên lực đại đĩnh lương tài.
Tùng quan nại tuyết thương nhan cựu,
Mai phán 4* trùng xuân lão bút khai.
Lịch sự ngũ triều thiên tử thánh,
Tiệm nhiên trăm 5* hốt diện công
hoài (hòe).

DỊCH NGHĨA:

MỪNG ÔNG GIỚI HIÊN (1) ĐƯỢC
BỎ CHÚC HỮU BỘC XẠ.

Sáng rực như sao Bắc Đẩu, cao vòi vọi như núi Thái Sơn,
Dần đều ngưỡng mộ Hữu nhị đài (2).

Việc đã thành, công càng sâu, giúp cho vận hội thái hòa,

Chống nổi trời, sức thật lớn, rõ bậc tài năng đỉnh đặc.

Như cây tùng không ngại tuyết, vẻ xanh vẫn như cũ,

Tựa cây mai lại gặp xuân, ngọn bút lão luyện muốn vịnh.

Trải thờ năm triều vua thánh (3),

Hiên ngang trăm hốt, xứng mặt Tam công (4).

KHẢO ĐỊNH:

1* TVTL2: không có chữ 攝 nhiếp.

2* TVTL1: 煥 hoán.

3* TVTL2, 3: 右 cữu.

4* TVTL1: 到 đáo.

5* TVTL2: 袍 bào.

CHÚ THÍCH:

(1) Giới Hiên: tức Nguyễn Trung Ngạn, người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, thuộc tỉnh Hải Hưng.

- (2) *Hữu nhị đài* : Chúng tôi ngờ là Hữu chức đài, chỉ chức vụ Thượng thư hữu bộc xạ ở đài Ngự sử, chức quan mà Nguyễn Trung Ngạn đương làm.
- (3) Nguyễn Trung Ngạn làm quan qua năm triều vua : Trần Anh Tông 陳英宗, Trần Minh Tông 陳明宗, Trần Hiến Tông 陳憲宗, Trần Dụ Tông 陳裕宗 và Trần Nghệ Tông 陳藝宗.
- (4) *Tam công* : theo *Chu Lễ* 周禮 thì Thái sư, Thái phó, Thái bảo gọi là «Tam công». Ở đây chỉ chung chức vụ quan trọng.

121

用洪州同尉范公韻
奉呈考試諸公

DỤNG HỒNG CHÂU ĐỒNG ÚY PHẠM
CÔNG VẬN PHỤNG TRÌNH KHẢO
THÍ CHƯ CÔNG

諸公滾滾在岩廊，
士子難窺數仞牆。
玉石最宜區辨別，
鸞雞忍使並飛翔。
得賢董子興炎漢，
黜直劉蕡弱晚唐。
天詔丁寧容博取，
要先忠讜後詞章。

Chư công cồn cồn tại nhâm lang,
Sĩ tử nan khuy số 1* nhần tường,
Ngọc thạch tối nghi khu biện biệt,
Loan kê nhần sử tịnh phỉ tường.
Đắc hiền Đồng Tử hưng Viêm Hán,
Truất trực Lưu Phần nhược văn Đường.
Thiên chiếu đĩnh ninh dung bác thủ,
Yếu tiên trung 2* đẳng hậu tứ chương.

DỊCH NGHĨA :

DỤNG VĂN THƠ CỦA QUAN ĐỒNG ÚY
HỒNG CHÂU (1) LÀ PHẠM CÔNG (2) ĐỂ ĐƯA TRÌNH
CÁC ÔNG ĐANG CHẤM THI

Trong nhà cao các ông tất bật,
Sĩ tử khó lòng dòm qua được bức tường cao mấy nhần (3).
Ngọc hay đá phải phân biệt cho rõ,
Đừng dễ phụng với gà bay chung với nhau.
Được người hiền tài như Đồng Tử (4) làm hưng thịnh nhà Hán,
Truất người trung trực như Lưu Phần (5) làm cho suy yếu nhà Đường.
Chiếu vua căn kễ cho phép lấy rộng,
Trước phải xem phần trung chính, sau hãy xét đến văn chương.

DỊCH THƠ :

Hiên cao tập nập gót chur công,
 Sĩ tử khôn nom vách mấy trùng.
 Ngọc đá đáng đem phân biệt rõ,
 Phượng, gà há dễ liệng bay chung.
 Hán lên, Đồng Tử từng dăng dưng,
 Đường xuống, Lưu Phần chẳng thụ dụng.
 Chiều dụ ân cần cho lấy rộng,
 Văn sau, trước hết phải lòng trung.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2: 尺 xích.
 2* TVTL2: 公 công.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hồng Châu* : tức Hải Dương (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).
 (2) *Phạm công* : Phải chăng là Phạm Sư Mạnh 范師孟, người làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn, tỉnh Hải Dương ? Ông từng làm quan cùng thời với Trần Nguyên Đán, hai người vẫn thường xướng họa với nhau. Trần Nguyên Đán còn có bài họa thơ Phạm Sư Mạnh : *Canh Tân Bình An phủ Phạm công Sư Mạnh Tân Bình thư sự vận*.
 (3) *Đồng Tử* : tức Đồng Trọng Thư 董仲舒, một nhà nho lớn đời Hán Võ Đế 漢武帝, làm đối sách (đáp bài vua ra) được trúng cử Bác sĩ.
 (4) *Lưu Phần* : người đời nhà Đường. Trong một khoa thi hương, Lưu Phần kịch liệt công kích bọn hoạn quan, nên bị đánh hỏng.

122

送龍岩歸漢州

TỔNG LONG NHAM QUI DIỄN CHÂU

白頭自笑澗塵衣,
 寂寞煙波舊釣磯。
 柏府法官憐我老,
 萊庭畫錦羨君歸。
 交情冷淡看青眼,
 詩思高深念翠微。
 好去莫辭風浪險,
 故園松菊不危機。

Bạch đầu tự 1* tiểu uyên trần y,
 Tịch tịch yên ba 2* cựu diếu ky.
 Bạch phủ pháp quan liên ngã lão,
 Lai 3* đình trú cảm tiện quân qui.
 Giao tình lãnh đạm khan thanh nhãn,
 Thi tứ cao thâm niệm thủy vi.
 Hảo khứ mạc từ phong lãng hiềm,
 Cố viên tùng cúc bất nguy ky (cơ).

DỊCH NGHĨA :

TIỄN LONG NHAM (1) VỀ DIỄN CHÂU (2)

Tự cười mình bạc đầu rồi, áo vẫn nhuộm bụi,
 Đề cho nơi bến cầu cũ sóng nước phải vắng vẻ.
 Thương cho ta đã già mà còn làm pháp quan nơi Bách phủ (3),
 Thèm cảnh ông được mặc áo gấm về trước sân Lai (4).
 Giao tình thanh đạm, lấy mắt xanh nhìn nhau (5),
 Từ thơ cao sâu, cảm hứng trước dãy núi biếc.
 Hãy đi quách, đừng nề sóng gió hiểm nghèo,
 Tùm và cúc ở nơi vườn cũ không phải là mối nguy cơ.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1 : 共 cộng.

2* TVTL2 : 嵐 lam.

CHÚ THÍCH :

- (1) Long Nham : chưa rõ là người nào.
- (2) Diễn Châu : phủ Diễn Châu, ở phía bắc tỉnh Nghệ An, giáp tỉnh Thanh Hóa. Nay là huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ Tĩnh.
- (3) Bách phủ : đời nhà Hán, thường trồng bách ở bên tòa Ngự sử, vì vậy tòa Ngự sử còn gọi là Bách phủ.
- (4) Sân Lai : (Lai đình) : ngày xưa, ở Trung Quốc có người tên gọi là Lão Lai Tử 老萊子, rất mực hiếu thảo. Tương truyền ông đã bảy mươi tuổi, hàng ngày còn mặc áo hoa năm sắc, múa trước sân như trẻ con, thỉnh thoảng lại ngã xoài và cất tiếng khóc để cha mẹ bật cười, vui vẻ. Từ đó, hai chữ «Lai đình» (có khi gọi là «Lai y») dùng để chỉ nhà còn bố mẹ già (có khi để chỉ người còn hiếu thảo).
- (5) Mắt xanh nhìn nhau (Thanh nhãn) : ý nói trọng nề nhau. Nguyễn Tích đời Tấn gặp việc không ưa thì mắt trắng, việc gì vừa ý thì mắt xanh.

123

紅菊花

HỒNG CÚC HOA

歲寒暫解病顏愁，	Tuế hàn tạm giải bệnh nhan ^{1*} sầu,
萬朵鄉雲煙素秋。	Vạn đoá khanh vân yên tố ^{2*} thu.
彭澤酒香琤瑩泛，	Bành Trạch tửu hương quỳnh giả phiếm,
南陽泉冽絳霜流。	Nam Dương tuyền liệt giáng sương lưu.
芳心艷色天然異，	Phương tâm diễm sắc thiên nhiên dị,
晚節嬌姿物態尤。	Vãn tiết kiều tư vật thái ưu.
醉把莫嫌腮頰赤，	Túy bả mạc hiềm tai giáp xích,
忍堪佳節不相酬。	Nhẫn kham giai tiết bất tương thù.

DỊCH NGHĨA :

HOA CÚC ĐỎ

Mùa lạnh đến, tạm giải nét sầu trên mặt người bệnh,
Muôn đám mây lạnh, khi thu trong sáng.
Rượu thơm Bành Trạch (1) rót vào chén ngọc quỳnh,
Suối mát Nam Dương (2) chảy ra giòng sương đỏ.
Hương thơm sắc đẹp, hoa này trong thiên nhiên ít có,
Cuối mùa mà vẻ óng ả, thật sắc thái của vật lạ.
Rượu say cầm hoa chẳng hiềm đỏ mặt,
Tiết đẹp, lẽ nào không thù tiếp nhau!

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2: 台頭 bạch đầu.

2* TVTL2: 艷 diễm.

CHÚ THÍCH :

(1) Rượu Bành Trạch : Đào Tiềm 陶潛, người đời Tấn, làm quan ở huyện Bành Trạch, tính ông thích rượu và hoa cúc, vì vậy các nhà thơ xưa khi làm thơ về hoa cúc thường nhắc đến rượu.

(2) Nam Dương : tên đất thuộc tỉnh Hà Nam (Trung Quốc). Theo Thủy kinh, Thoan thủy 水經, 潁水 thì ở đây có cái đầm gọi là Cúc Đàm, gần Cúc Đàm có giòng suối chảy qua khe núi nhiều hoa cúc, vì vậy khi chảy ra đến Cúc Đàm, nước suối đỏ và ngọt, tương truyền ai uống nước này sẽ được sống lâu.

124

正肅王家宴席上
賦梅詩次介軒僕射韻

CHÍNH TÚC VƯƠNG GIA YẾN TỊCH
THƯỢNG, PHÚ MAI THI THỨ GIỚI
HIÊN BỘC XẠ VẬN ^{1*}

癯 鱗 硬 骨 剔 南 陽 ,
底 事 先 春 冠 眾 芳 。
一 點 檀 心 藏 妙 理 ,
千 葩 雪 艷 入 時 粧 。
黃 垂 密 雨 煙 光 好 ,
綠 漲 薰 風 趣 味 香 。
掃 却 襟 懷 塵 萬 斛 ,
年 來 鐵 石 作 心 腸 。

Cồ lân ngành cốt biệt Nam Dương,
Đề sự tiên xuân ^{2*} quán chủng
phương.
Nhất điểm đàn tâm tàng diệu ^{3*} lý,
Thiên ba tuyết diễm nhập thời ^{4*}
trang.
Hoàng ^{5*} thủy mật vũ yên quang hảo,
Lục trưởng ^{6*} huân phong thủ vị
hương.
Tảo (^{7*}) khước khâm ^{8*} hoài trần vạn
học ^{9*},
Niên lai thiết thạch tác tâm trường.

DỊCH NGHĨA :

TRÊN TIỆC RƯỢU Ở NHÀ CHÍNH TÚC VƯƠNG (1),
LÀM THƠ VỊNH MAI, HỌA VĂN THƠ CỦA
QUAN BỘC XẠ LÀ GIỚI HIÊN (2)

Vây gầy, xương cứng, riêng tự Nam Dương (3),
Vốn nó nở trước mùa xuân, đứng trù lên các loài hoa.
Một điểm nhụy thơm, ẩn cái lẽ huyền diệu,
Ngàn bông tuyết đẹp, càng hợp với thời trang.
Màu vàng rủ dưới mưa dày, khói mây đẹp dễ,
Màu biếc nổi lên trong gió ấm, thủ vị thơm tho.
Quét sạch muôn học bụi trong lòng,
Gần đây lòng dạ đã thành sắt đá.

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT : chép đầu đề bài thơ là 梅正肅王家宴席上作次介軒僕射韻
Mai Chính Túc Vương gia yến sàng thượng tác thứ Giới Hiên Bộc xạ vận.

2* TVTL2 : 青 thanh.

3* TVTL2 : 道 đạo.

4* TVTL2 : 詩 thi.

5* TTCGLT : 乘 thừa.

6* TTCGLT : 漲綠 trưởng lục.

7* TVTL2 : 歸 qui.

8* TVTL2 : 衿 khâm.

9* TVTL2 : 土解 thổ giải.

CHỮ THÍCH :

- (1) *Chính Túc Vương* : tên là Kham, chồng của Công chúa Thiên Ninh (Công chúa Thiên Ninh là em vua Trần Nghệ Tông).
 (2) *Giới Hiên* : tức Nguyễn Trung Ngạn 阮中彦 người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là Hải Hưng).
 (3) *Nam Dương* : một địa phương thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Gia Cát Lượng 諸葛亮 trước khi ra giúp Lưu Bị 劉備 ăn cư ở đây, bài *Lương phủ ngâm* 涼府吟 của ông có câu :

騎驢過小橋 Kỵ lư quá tiểu kiều
 獨嘆梅花度 Độc thán mai hoa sấu

*Cưỡi lừa đi qua chiếc cầu nhỏ,
 Riêng thở than mai gầy.*

Ở đây, tác giả lấy từ này để nói cây mai được vịnh cũng gầy như cây mai ở Nam Dương của Gia Cát Lượng.

125

送平西都督莊定大王
 奉詔征占城

TỔNG BÌNH TÂY ĐÔ ĐỐC TRANG
 ĐỊNH ĐẠI VƯƠNG PHỤNG CHIẾU
 CHINH CHIÊM THÀNH

虬	鬚	仗	鉞	海	西	陞	;	Cù	1*	tu	trượng	việt	hải	tây	thùy	2*	,
一	痣	闌	檠	指	日	犁	。	Nhất	chí	Đồ	Bàn	chỉ	nhật	ly			
貔	虎	三	軍	烏	獲	壯	;	Tỳ	hồ	tam	quân	Ô	Hoạch	tráng			
風	雷	八	陣	率	然	奇	。	Phong	lôi	Bát	trận	Suất	nhiên	kỳ			
東	平	威	望	人	皆	服	;	Đông	Bình	uy	vọng	nhân	giai	phục			
上	罕	勲	名	世	共	推	。	Thượng	tê	huân	danh	thế	cộng	suy			
震	厲	王	庭	歌	凱	奏	;	Chấn	lệ	vương	đình	ca	khải	tấu			
老	夫	述	頌	繼	淮	碑	。	Lão	phu	3*	thuật	tụng	kể	Hoài	bì		

DỊCH NGHĨA :

TIỀN BÌNH TÂY ĐÔ ĐỐC TRANG ĐỊNH ĐẠI VƯƠNG (1)
 PHỤNG CHIẾU ĐÁNH CHIÊM THÀNH

Râu quăn, tay cầm lưỡi việt (2) nhằm biên giới phía tây biển,
 Thành Đồ Bàn (3) như cái nốt ruồi chỉ nay mai sẽ bị cạy đi.
 Ba quân hùng sỏi, mạnh như lực sĩ Ô Hoạch (4),
 « Bát trận » (5) sấm gió, kỳ lạ tựa răn Suất nhiên (6).

Oai vọng của Đông Bình (7), người người đều phục,
 Tiếng tăm bậc tể tướng (8), đời đời suy tôn.
 Sấm rân trước sân vua, tàu bài ca khải hoàn,
 Già này làm bài tụng nổi theo văn bia Bình Hoài (9).

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 亂 loạn.

2* TVTL2 : 陞 thăng.

3* TVTL2 : 人 nhân.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Trang Định Đại Vương* : còn gọi là Trang Định Vương, tức Trần Thúc Ngạc 陳叔顗, con trai của Trần Nghệ Tông 陳藝宗.
- (2) *Việt* : một loại búa lớn làm vũ khí.
- (3) *Đồ Bàn* : tên thực là Vi-ja-y-a, thủ đô của nước Chiêm Thành xưa, nay thuộc tỉnh Bình Định.
- (4) *Ô Hoạch* : tên một viên hồ tướng của nước Tần đời Chiến Quốc.
- (5) *Bát trận* : tên một thể trận. Trận này có tám cửa : thiên môn, địa môn, phong môn, vân môn, phi long môn, vũ dực môn, điều tường môn và uyển bàn môn.
- (6) *Rắn Suất nhiên* : Sách *Thần dị kinh* 神異經 có tả về loài rắn này như sau : trong núi Tây Phương có một loài rắn, đầu và đuôi to gần bằng nhau, mình ngũ sắc, khi người hoặc vật đánh nó, trúng đầu thì bò phía đuôi, trúng đuôi thì bò phía đầu, trúng lưng thì bò cả đầu lẫn đuôi. Loài rắn này tên gọi là Suất nhiên. Chính vì loài rắn này lợi hại như thế, nên *Tôn Tử binh pháp* 孫子兵法 đã viết : 將之三軍勢如率然 也. Tương chỉ tam quân thế như Suất nhiên đã : *Làm cho ba quân có cái thế như rắn Suất nhiên.*
- (7) *Đông Bình* : tên một người con trai của Hán Minh Đế : 漢明帝, Đông Bình là người hay làm việc thiện.
- (8) *Bậc tể tướng* : tạm dịch hai chữ «Thượng tể», có thể là chỉ Trang Định Vương.
- (9) *Bia Bình Hoài* : Bùi Độ 裴度 người đời nhà Đường, có công dẹp loạn ở Hoài Thái. Sau khi dẹp xong loạn, nhà vua sai Hàn Dũ làm bài văn bia ca ngợi công trạng, bia này gọi là bia Bình Hoài.

126

山中遣興

SƠN TRUNG KHIỂN HƯNG

十	年	政	省	負	秋	燈	,	Thập	niên	chính	tỉnh	^{1*}	phụ	thu	đăng,	
松	下	行	吟	倚	瘦	藤	。	Tùng	hạ	hành	ngâm	ý	sầu	đăng.		
隨	馬	望	塵	無	俗	客	,	Tùy	mã	vọng	trần	vô	tục	khách,		
叩	門	問	字	有	詩	僧	。	Khấu	môn	vấn	tự	hữu	thi	tăng.		
退	閒	綠	野	知	何	及	,	Thoái	nhàn	Lục	Dã	tri	hà	cập?		
散	給	青	苗	謝	不	能	。	Tán	^{2*}	cấp	^{3*}	Thanh	miêu	tạ	bất	năng.
坐	待	功	成	名	遂	後	,	Tọa	đãi	công	thành	danh	toại	hậu,		
一	丘	老	骨	已	峻	嶺	。	Nhất	khâu	lão	cốt	dĩ	lăng	tăng.		

DỊCH NGHĨA :

TRONG NÚI CẢM HỨNG

Mười năm lo việc chính sự, phụ với ngọn đèn mùa thu (1),
 Dưới hàng thông, chống chiếc gậy song khăng khiu vừa đi vừa ngâm.
 Không cố khách tục theo ngựa ngóng bụi trần,
 Có vị thi tăng (2) gõ cửa hỏi chữ.
 Lui về sống an nhàn ở Lục Dã (3), biết còn kịp chăng?
 Chia tiền theo phép Thanh miêu (4), xin từ không dám.
 Ngồi đợi đến sau này công thành danh toại,
 Thì một nắm xương tàn đã vùi đắp thành gò cao.

DỊCH THƠ :

Mười năm chính tỉnh phụ đèn xưa,
 Chống gậy bên thông đứng đọc thơ.
 Theo ngựa trông vời không khách tục,
 Hỏi thơ gõ cửa có nhà sư.
 Lui về Lục Dã sao còn kịp!
 Cấp phát Thanh miêu thẹn chẳng dư.
 Ngồi đợi công thành danh đã toại,
 Một gò xương trắng chất bao giờ.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2, 3 : 遣興 *khien hưng*.
 2* TVTL1 : 仰 *ngưỡng*.
 3* TVTL1 : 酷 *khốc*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Ngọn đèn mùa thu (thụ đăng) : ngọn đèn tàn, chỉ tuổi già.
 (2) Thi tăng : nhà sư làm thơ.
 (3) Lục Dã : tên biệt thự lúc về hưu của Bùi Độ 裴度, người đời nhà Đường. Về sau người ta hay dùng chữ «Lục Dã» để chỉ cảnh về nghỉ ngơi.
 (4) Thanh miếu : Vương An Thạch 王安石 đời nhà Tống thi hành «Thanh miếu pháp» 青苗法 : nhà nước cho dân vay tiền lúc mạ còn xanh (thanh miếu), đến lúc lúa chín thì dân nộp trả lại cho nhà nước số tiền đã vay và số lãi.

127

贈敏肅

一生堪作鼓角胡，
 一笑殺披裘躍馬徒。
 垂後恥無名取取，
 狂歌空有響鳴鳴。
 誰云此物非凡物，
 自覺今吾亦故吾。
 勸汝勤奉學周孔，
 誇奇鬪巧有如無。

TẶNG MÃN TÚC 1*

Nhất sinh kham tác cổ giác 2* hồ,
 Tiểu sát phi 3* cừ được mã đồ 4*.
 Thùy hậu sĩ vô danh cảnh cảnh,
 Cuồng ca không hữu hưởng ô ô 5*.
 Thùy vân thử vật phi phạm vật,
 Tự giác kim ngô diệc cố ngô.
 Khuyến nhữ cần phùng 6* học Chu,
 Khoa kỳ đấu xảo 7* hữu như vô.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG MÃN TÚC (1)

Suốt đời nỡ chịu làm việc đánh trống thổi tù và hay sao ?
 Cười chết được bọn mặc áo cừu nhẹ cưỡi ngựa béo (2).
 Sẽ xấu hổ vì không có tiếng tăm lừng lẫy để lại,
 Trong tiếng ca cuồng loạn chỉ vang giọng u u.

Ai bảo vật này không phải là vật phi thường?
 Tự biết ta ngày nay cũng là ta khi xưa.
 Khuyên người hãy' chăm chỉ theo nghiệp Chu, Khổng (3),
 Việc khoe lạ, đua khéo, có cũng như không.

DỊCH THƠ :

Suốt đời đánh trống thổi kèn,
 Ngựa hay, mặc đẹp ai khen mà mừng.
 | Xấu không để tiếng lẫy lừng,
 | Lại ham hát hồng từng từng tiếng đàn.
 Vật nhỏ nhưng qui vô vãn,
 | Có nay cái tốt là nguồn từ xưa.
 Khuyên người chăm học Khổng, Chu,
 Ganh khôn đua lạ cái trò ra chi.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : 題贈敏齋 đề tặng Mẫn Túc.
- 2* TTCGLT : 哂 bư.
- 3* TTCGLT : 輕 khinh.
- 4* TTCGLT : 圖 đồ.
- 5* TVTL : 烏烏 ó ó.
- 6* TTCGLT : 拳 quyền.
- 7* TVTL : 艷 diễm.

CHÚ THÍCH :

- (1) Mẫn Túc : Chưa rõ là người nào.
- (2) Bọn mặc áo cừu nhẹ, cưỡi ngựa béo : chỉ bọn giàu sang, ăn chơi.
- (3) Chu, Khổng : Chu Công 周公 và Khổng Tử 孔子.

128

軍中有感

QUÂN TRUNG HỮU CẢM

操	戈	持	筆	片	雲	身	,	Thao	qua	tri	bút	phiến	vân	thân,	
屈	指	辭	家	恰	十	旬	。	Khuất	chỉ	từ	gia	cáp	thập	tuần.	
報	曉	黃	雞	驚	旅	夢	,	Báo	hiều	hoàng	kê	^{1*}	kinh	lữ	mộng,
催	歸	杜	宇	送	殘	春	。	Thôi	qui	đỗ	vũ	tổng	tàn	xuân	^{2*} .
功	名	未	晚	猶	他	日	,	Công	danh	vị	vãn	^{3*}	do	tha	nhật,
萍	水	相	逢	無	故	人	。	Bình	thủy	tương	phùng	vô	cố	nhân.	
海	闊	天	高	空	懶	散	,	Hải	khoát	thiên	cao	không	lãn	tản,	
江	平	水	靜	白	鷗	馴	。	Giang	bình	thủy	tĩnh	bạch	âu	thuần.	

DỊCH NGHĨA:

CẢM XÚC KHI Ở TRONG QUÂN

Mang gươm, cầm bút, thân như đám mây,
 Bấm đốt ngón tay, xa nhà vừa đúng mười tuần (1),
 Gà vàng gáy sáng, làm kinh giấc mộng đất khách,
 Chim cuốc giục về, đưa tiễn tiết xuân tàn.
 Công danh chưa muộn, còn có ngày khác,
 Bèo nước gặp gỡ, không người bạn quen.
 Biển rộng trời cao, chỉ những nhàn tản,
 Sông im sóng lặng, chim âu trắng quen người.

DỊCH THƠ:

Thân mang gươm bút bước phù vân,
 Bấm đốt xa nhà trọn chục tuần.
 Báo sáng gà xui kinh giấc mộng,
 Giục về quỳên gọi tiễn tàn xuân.
 Công danh chưa muộn chờ ngày khác,
 Bèo nước dẫu còn gặp cố nhân.
 Biển rộng trời cao nhàn tản quá,
 Sông yên sóng lặng bạch âu gần.

HOÀNG LÊ, TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT : 鸚 anh.

2* TVTL2 : 鸚 huán.

3* TVTL2 : 曉 hiều.

CHÚ THÍCH :

(1) Tuần : một đơn vị thời gian ngày xưa, có 10 ngày.

129

軍中作

QUÂN TRUNG TÁC

平	生	不	願	執	金	吾	,	Bình	sinh	bất	nguyện	Chấp	kim	ngô,
談	笑	油	幢	豈	遠	圖	。	Đàm	tiếu	du	chàng	khởi	viễn	đồ.
悅	目	風	光	何	處	有	,	Duyệt	mục	phong	quang	hà	xứ	hữu ?
欺	天	心	術	一	生	無	。	Khi	thiên	tâm	thuật	nhất	sinh	vô.
三	春	啼	血	鵑	聲	斷	,	Tam	xuân	đề	huyết	quyên	thanh	đoạn ^{1*} ,
萬	里	歸	心	桂	影	孤	。	Vạn	lý	qui	tâm	quế	ảnh ^{2*}	cô.
坐	待	師	徒	歌	奏	凱	,	Tọa	đãi	sur	đồ	ca	tấu	khải,
南	窓	枕	玉	伴	青	奴	。	Nam	song	châm	ngọc	bạn	thanh	nô.

DỊCH NGHĨA :

LÀM Ở TRONG QUÂN

Bình sinh chẳng ham gì chức Chấp kim ngô (1),
 Cười nói trong tám màn quang dầu (2), dầu có phải là kẻ lo xa.
 Chỗ nào còn cảnh phong quang thích mắt,
 Đời ta không có lòng dối trời,
 Ba xuân rõ máu tiếng quyên đã dứt,
 Muốn dậm lòng về, bóng trắng lẻ loi.
 Ngồi chờ quân lính hát khúc khải hoàn,
 Dưới cửa sổ phía nam, đặt chiếc gối ngọc làm bạn cùng chiếu trúc (3).

DỊCH THƠ:

Quan sang ta có muốn dẫu mà,
 Cười nói sau màn há tính xa.
 Thích mắt dẫu còn vui cảnh đẹp,
 Thực lòng chẳng dám dối trời già.
 Ba xuân máu rỏ quyên đòi đoan,
 Muốn dăm lòng về nguyệt lửng lơ.
 Đợi khúc khải hoàn vang tiếng hát,
 Chiều tre gối ngọc bạn trong nhà,

HOÀNG KHUÊ

KHẢO ĐỊNH:

1* TTCGLT: 盡 tận.

2* TVTL1, 3: 魄 phách.

CHÚ THÍCH:

(1) Chấp kim ngô: chức quan võ thời xưa.

(2) Tắm màn quang dầu (du chàng): tắm màn dùng ở nơi làm việc của các tướng.

(3) Chiếu trúc (thanh nô): một loại chiếu ken bằng những thanh trúc cỡ nhỏ và mỏng.

130

清化府道中

THANH HÓA PHỦ ĐẠO TRUNG 1*

去	年	戎	事	在	塵	泥	,	Khừ	niên	nhung	sự	tại	trần	nê,	
吟	筆	今	秋	歸	舊	題	。	Ngâm	bút	kim	thu	qui	2*	cựu	đề.
望	雨	遠	看	雲	起	北	,	Vọng	vũ	viễn	khan	vân	khởi	bắc,	
感	時	頻	顧	火	流	西	。	Cảm	thời	tần	cố	Hỏa	lưu	tê (tây).	
宋	江	水	狹	波	聲	小	,	Tống(*)	Giang	thủy	hiệp	ba	thanh	tiêu,	
大	利	山	空	草	色	萋	。	Đại	Lợi	son	không	thảo	sắc	thê.	
愛	境	風	光	非	昔	日	,	Ái	cảnh	phong	quang	phi	tịch	nhật,	
相	逢	訪	古	說	丁	黎	。	Trương	phùng	phổng	cổ	thuyết	Đinh, Lê.		

DỊCH NGHĨA :

TRÊN ĐƯỜNG PHỦ THANH HÓA

Năm ngoài vì việc quân phải ở nơi bụi lầy,
 Bút thơ thu nay lại trở về đề cũ.
 Mong mưa, trông xa mây đùn lên phía bắc,
 Cảm thời tiết, luôn ngảnh nhìn sao Hỏa chạy về tây (1).
 Mặt nước Tống Giang (2) hẹp, nhẹ nhẹ sóng reo,
 Dãy núi Đại Lợi (3) quang, xanh rờn cỏ mọc.
 Phong quang đất Ái (4) không còn như xưa nữa,
 Gặp nhau thăm hỏi dấu xưa, nói chuyện nhà Đình, nhà Lê.

NGUYỄN ĐỨC VĂN, ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : không có chữ 中 trung
 2* TVTL1 : 掃 đảo.
 3* TVTL2 : 下 hạ

CHÚ THÍCH :

- (1) Thơ Thất nguyệt 七月 trong Thi kinh 詩經 có câu : 七月流火 Thất nguyệt lưu Hỏa : Tháng bảy sao Hỏa chạy về tây. Ở đây tác giả dùng ý ấy để nói thời tiết đã sang tháng bảy.
 (2) (3) Tống Giang, Đại Lợi : đều thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa.
 (4) Châu Ái : tên cũ của tỉnh Thanh Hóa.

題普賴山大明寺
 用少保張公韻

塵起絲紛歲月流，
 飽帆風送倘來遊。
 鍾撞鯨吼千山動，
 塔湧鰲簪巨浪浮。
 關月鰲塞煙悲客思，
 朝雲暮雨羨僧幽。
 平淮熟業鑄崖石，
 俯鑑清漪未白頭。

ĐỀ PHẢI LẠI 1* SƠN ĐẠI MINH TỰ
 DỤNG THIẾU BẢO TRƯỞNG 2*
 CÔNG VẬN

Trần khởi ty phân tuế nguyệt lưu,
 Bảo phàm phong tống thảng lai du.
 Chung chàng kinh hống thiên sơn động,
 Tháp dũng ngao trâm cự lãng phù.
 Quan nguyệt tái 3* yên bi khách tứ,
 Triều vân mộ vũ tiện tăng u.
 Bình Hoài huân nghiệp thuyên nhai
 thạch,
 Phủ giám thanh y vị bạch đầu.

DỊCH NGHĨA :

**DỪNG VĂN THƠ CỦA QUAN THIẾU BẢO TRƯỞNG CÔNG (1)
ĐỀ CHÙA ĐẠI MINH Ở NÚI PHẢ LẠI (2)**

Bụi nổi, tơ rối (3), năm tháng trôi qua,
 Gió thổi buồm căng, ngẫu nhiên có cuộc đi chơi.
 Chuông khua như tiếng cá kinh rỗng, nghìn núi rung động,
 Tháp nhỏ lên như con ngao cài trâm, nổi cơn sóng lớn.
 Trắng cửa ải, khói biên cương, lòng khách u buồn,
 Mây buổi sớm, mưa ban chiều, hăm mộ cảnh thiền tịch tịch.
 Công nghiệp bình Hoài (4) được khắc vào đá núi,
 Cúi soi làn nước trong, thấy mình chưa bạc đầu.

DỊCH THƠ :

*Rối bời thời thế tháng năm nhanh,
 Buồm gió căng chơi bước dạo quanh.
 Kinh rỗng hồi chuông non chuyển động,
 Ngao vờn ngọn tháp sóng rung rinh.
 Mưa chiều, mây sớm, sự thêm tĩnh,
 Khói tỏa trắng lu, khách trạnh tình.
 Công trạng bình Hoài ghi vách đá,
 Cúi soi dòng biếc tóc còn xanh.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT : 蒲額 phổ lại.

2* TTCGLT : 黎 lé.

3* TVTL1 : 寒 hàn.

CHÚ THÍCH :

(1) Trương công : chưa rõ là ai.

(2) Núi Phả Lại : ở xã Phả Lại, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh cũ, nay thuộc huyện Phả Lại, Hải Hưng.

(3) Bụi nổi tơ rối (Trần khởi ty phẩn) : chỉ thời thế loạn lạc.

(4) Búi Độ 裴度 người đời Đường, dẹp yên loạn lạc ở đất Hoài Thái, được nhà vua sai Hàn Dũ 韓愈 làm bài Bình Hoài bi ký 平淮碑記 đề ghi công.

132

答梁江納言病中

ĐÁP LƯƠNG GIANG
↳ NẠP NGÔN BỆNH TRUNG.

南	陸	催	纏	歲	不	留	，	Nam	lục	thời	triển	tuế	bất	lưu,	
冷	汀	病	骨	隱	輕	裘	。	Linh	đỉnh	bệnh	cốt	ân	khinh	cừ,	
酒	欄	歌	罷	談	人	苦	，	Tửu	lan	cà	bãi	đam	nhân	khô,	
菊	老	梅	新	玩	物	尤	。	Cúc	lão	mai	tân	ngoạn	vật	vưu.	
自	笑	浮	沈	無	計	術	，	Tự	tiếu	phù	trầm	vô	kế	thuật,	
何	曾	吐	茹	痛	襟	喉	。	Hà	tằng	thổ	nhự	thống	khâm	hầu.	
依	阿	涉	世	徒	爲	耳	，	Y	a	thiếp	thế	đồ	vi	nhĩ,	
白	首	泉	臣	不	與	謀	。	Bạch	thủ	tổng	1*	thần	bất	dữ	mưu.

DỊCH NGHĨA :

TRẢ LỜI QUAN NẠP NGÔN LƯƠNG GIANG (1) TRONG KHI ỐM

Thời tiết chuyển nhanh, năm tháng không dừng lại,
 Bộ xương ốm yếu lênh đênh, giấu trong áo cừu nhẹ.
 Rượu tàn, hát xong, bàn đến cái khổ của con người.
 Cúc già, mai mới, được thưởng thức vật hiếm.
 Tự cười mình chìm nổi, chẳng có kế thuật gì,
 Chưa từng nhả nuốt bao giờ mà đau cống họng ? (2)
 Dựa dẫm theo đời, qua chuyện mà thôi,
 Bạc tổng thần bạc đầu không được dự mưu.

DỊCH THƠ :

Năm tháng trôi hoài lăm đôi thay,
 Lênh đênh đau ốm tấm thân gầy.
 Rượu tàn, hát đoạn, trò đời kể,
 Cúc cỗi, mai tơ, cảnh hiếm bày.
 Tự trách nổi chìm mưu chước vụng,
 Chưa từng nhả nuốt họng nhòng cay.
 Theo đời dựa dẫm cho qua chuyện,
 Tóc bạc tổng thần chịu bó tay.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 家 gia.

CHÚ THÍCH :

(1) Lương Giang : chưa rõ là ai.

(2) Thi kinh : 詩經 có câu : 柔則需之, 剛則吐之. Nhu tắc nhu chi, cương tắc thô chi : Mềm thì nuốt, rắn thì nhổ. Ở đây tác giả nói ngược lại, ý cho rằng mình không phải là người thủ đoạn.

133

家弟見蕭都督示早梅
詩因賡其韻以贈

GIA ĐỆ KIẾN TIÊU ĐÔ ĐỐC 1* THI
TẢO MAI THI, NHÂN CANH KỲ VẬN
DĨ TẶNG

九 泉 根 葉 著 微 陽 ,	Cửu tuyền căn diệp trước vi dương,
朔 吹 初 飛 數 萼 香 。	Sóc xuy 2* sơ phi sở ngạc hương.
大 廈 雲 煙 新 調 態 ,	Đại Dữu 3* vân yên tân điệu thái,
小 春 池 館 好 風 光 。	Tiểu xuân trì quán hảo phong quang.
溪 邊 憔悴 耐 輕 雪 ,	Khê biên tiều tụy nại khinh tuyết,
竹 外 優 遊 待 眾 芳 。	Trúc ngoại ưu du đãi chúng phương.
寄 語 山 簪 須 肖 似 ,	Ký ngữ sơn phàn tu tiểu 4* tự,
來 年 桃 杏 太 郎 當 。	Lai niên đào hạnh thái lang đương.

DỊCH NGHĨA :

NGƯỜI EM TRAI ĐƯỢC TIÊU ĐÔ ĐỐC (1) CHO XEM THƠ
VỊNH MAI SỚM, NHÂN HỌA VẪN ĐỀ TẶNG

Từ dưới chín suối rễ và lá hút được khí dương mới,
Gió bắc thổi, mấy cánh hoa thơm bắt đầu bay.
Khói mây trên núi Đại Dữu (2) dáng điệu tươi xinh,
Quán bên ao trong tiết tiểu xuân (3), phong quang đẹp dễ.
Phờ phạc bên bờ khe quen với tuyết nhẹ,
Thanh thoi ngoài khóm trúc, chờ các loài hoa.
Nhấn hoa sơn phàn (4) cần giống hệt như thế,
Sang năm hoa đào, hoa hạnh sẽ làm anh.

DỊCH THƠ :

Đất sâu rễ lá đượm hơi dương,
 Gió bắc, bay hoa mấy cánh thơm.
 Đại Dữu khởi mây xinh dáng điệu,
 Tiểu xuân ao quán đẹp phong quang.
 Bên khe phờ phạc đã quen tuyết,
 Dưới trúc an nhàn vẫn đợi hương,
 Nhãn bảo sơn phân nên giống thế,
 Sang năm đào hạnh thái lang đương.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1: thêm chữ 知 tri sau chữ 都督 Đô đốc.
- 2* TVTL2: 吹朔 xúy sóc.
- 3* TVTL1: 度 sáu.
- 4* TVTL1: 省 tỉnh.

CHÚ THÍCH :

- (1) Tiểu Đô đốc: chưa tra cứu ra tên thật là gì.
- (2) Đại Dữu: một dãy núi ở Thiệu Châu (Trung Quốc), trên núi có các loại mai hồng, mai trắng.
- (3) Tiểu xuân: tháng mười âm lịch, khi trời có lúc ấm áp như mùa xuân, vì vậy người ta cũng gọi tháng mười là tháng « tiểu xuân ».
- (4) Sơn phân: một loại cây có hoa màu vàng. Người xưa gọi cây mai là anh, cây sơn phân là em.

134

偶題

NGẪU ĐỀ

中	心	認	得	本	來	空	，	Trung tâm nhận ^{1*} đặc bản lai không,
但	佇	虛	空	在	箇	中	。	Tiền trữ hư không tại cá trung.
天	下	有	焉	皆	正	理	，	Thiên hạ hữu vi giai chính lý,
人	間	無	處	不	春	風	。	Nhân gian vô xứ bất xuân phong.
清	茶	好	酒	供	佳	客	，	Thanh trà hảo tửu cung giai khách,
瘦	竹	疎	梅	伴	老	翁	。	Sấu trúc sơ mai bạn lão ông.
覽	鏡	自	慙	惟	一	事	，	Lãm kính tự tâm duy nhất sự,
力	扶	衰	病	作	三	公	。	Lực phù suy ^{2*} bệnh tác Tam công.

DỊCH NGHĨA :

NGẪU ĐỀ

Trong lòng nhận thấy vốn là không,
 Bèn dành cái hư không ở trong đó.
 Lễ hữu vi (1) trong thiên hạ đều là lễ chính,
 Chốn nhân gian không chỗ nào không có gió xuân.
 Trà thanh, rượu ngon thết đãi khách quý,
 Trúc gầy, mai thưa làm bạn với ông già.
 Trông gương chỉ thẹn có một việc;
 Đó là cố chống đỡ với già bệnh để giữ chức Tam công (2).

DỊCH THƠ :

Hỏi lòng biết được vốn là không,
 Nên mặc hư không cứ ở trong.
 Thiên hạ có duyên đều chính lý,
 Nhân gian đâu chỗ chẳng xuân phong.
 Trà thơm, rượu ngọt mời tân khách,
 Trúc thẳng, mai gầy đón lão ông.
 Ngấm bóng thẹn lòng duy một việc,
 Ôm hèn còn gắng giữ Tam công.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 怨 *tưởng*.

2* TVTL2 : 裏 *lý*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hữu vi* : Ý nói rằng vạn vật đều do nhân duyên mà sinh ra.
 (2) *Tam công* : Thái úy, Tư đồ, Tư không. Tác giả lúc bấy giờ đương giữ chức Tư đồ, vì vậy gọi chung chức quan của mình là Tam công.

135

賡試局諸生唱酬佳韻

CANH THÍ CỤC CHƯ SINH
XƯỚNG THÙ GIAI VẬN

漢 唐 二 宋 又 元 明 ,
 例 設 詞 科 選 俊 英 .
 何 似 聖 朝 求 實 學 ,
 當 知 萬 世 絕 譏 評 .
 殿 深 乙 夜 觀 書 罷 .
 月 滿 秋 風 宿 雨 晴 .
 一 炷 御 香 通 帝 闕 ,
 願 聞 忠 孝 狀 元 名 .

Hán Đường nhị Tống hựu Nguyên
 Minh,
 Lệ ^{1*} thiết từ khoa tuyển tuấn anh.
 Hà tự ^{2*} thành triều cầu thực học,
 Đương tri vạn thế tuyệt^o cơ bình.
 Điện thâm ^{3*} ất dạ quan thư bãi,
 Nguyệt mãn thu phong ^{4*} túc vũ tinh.
 Nhất chú ngự hương thông đế khuyết,
 Nguyên văn trung hiếu Trạng nguyên
 danh.

DỊCH NGHĨA :

HỌA VĂN BÀI THƠ XƯỚNG HỌA CỦA CÁC THÍ SINH Ở TRƯỜNG THI

Hán, Đường, Bắc Tống, Nam Tống, đến Nguyên, Minh (1),
 Lệ đặt các khoa từ chương để chọn người hiền tài.
 Sao giống thành triều ta chỉ cầu thực học !
 Phải biết đó là đề cho muôn đời sau dứt tiếng chê bai.
 Canh hai, trong điện sâu, xem sách vừa xong,
 Trăng tròn, gió thu thổi, trận mưa đã tạnh.
 Đốt nén hương vua thấu đến cửa thượng đế,
 Mong được nghe tên vị Trạng nguyên trung, hiếu.

DỊCH THƠ :

Hán, Đường, nhị Tống, lại Nguyên, Minh,
 Lệ đặt từ khoa chọn tuần anh,
 Sao giống triều ta cầu thực học!
 Muốn đời chắc hẳn dứt luận bình,
 Điện sâu, mãi đọc, canh hai đến.
 Mưa tạnh, trăng tròn, gió nhẹ quanh,
 Đốt nén hương vua cầu thượng đế,
 Trạng nguyên trung hiếu nguyên nghe danh.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH

- 1* TVTL2: 倒 đảo;
 2* TTCGLT: 以 dĩ.
 3* TVTL2: 餘 dư.
 4* TTCGLT: 空 không.

CHỮ THÍCH :

- (1) Hán, Đường, Bắc Tống, Nam Tống, Nguyên, Minh: những triều đại phong kiến kế tiếp nhau ở Trung Quốc.

136

用杜存齋韻呈試院諸公

DỤNG ĐỔ TỒN TRẠI VÂN, TRÌNH THỊ
VIỆN CHƯ CÔNG

回松自不剩行寧懶
 祿庭伶耐喜看將笑
 號菊蠹秋英黃紅當
 風圃簡圍才榜沫年
 旋絕成入歸出垂謝
 馬芳灰鎖藻朝千古
 廳馨燼局鑑庭。青。

Hồi lộc hào phong toàn mã sảnh,
 Tùng đình cúc phổ tuyệt phương hình.
 Tự linh đồ giản thành hồi tấn,
 Bất nại thu vi nhập tỏa quynh.
 Thặng hỉ anh tài qui tảo giám,
 Hành khan hoàng bảng xuất triều đình.
 Ninh tương hồng mặt^{2*} thủy thiên cồ,
 Lãn tiểu đương niên Tạ Liễu Thanh.

DỊCH NGHĨA :

**DỪNG VĂN THƠ CỦA ÔNG ĐỖ TỒN TRAI (1)
LÀM THƠ GỬI CÁC ÔNG TRONG TRƯỜNG THI.**

Lửa cháy, gió gào trong cái sảnh đường nhỏ hẹp,
Sân tùng, vườn cúc đã dứt hẳn hương thơm.
Đáng thương cho sách một đã thành tro tàn,
Không chịu nổi vào chốn trường thi cửa khóa.
Còn mừng là anh tài đã được kén chọn rồi,
Sau đây sẽ thấy bảng vàng từ triều đình ban ra.
Thà đem nét ghi bia đỏ (2) để lại nghìn xưa,
Chứ chả muốn cười Tạ Liễu Thanh (3) năm ấy.

DỊCH THƠ :

*Lửa bốc gió lửa nơi sảnh hẹp,
Sân thông luồng cúc ngán hương chìm.
Đáng thương sách một thành tro bụi,
Chẳng nổi trường thi mắc khóa im.
Sĩ giỏi, gương vẫn còn xuất hiện,
Bảng vàng sân chúa hãy quan chiêm.
Nét son thà điểm lưu muốn thuở,
Liễu Tạ dù xanh những biếng xem.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 子 tử.
2* TVTL1 : 林 mạt.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đỗ Tôn Trai : tức Đỗ Tử Vi 杜子微, làm chức Trung thư lệnh thời Trần Duệ Tông.
(2) Nét ghi bia đỏ (hồng mạt) : tương truyền luyện đan sa thành màu vàng viết vào đá sẽ không phai, gọi là «hồng mạt». Ở đây tác giả muốn nói những người thi đậu được lưu danh bia đá.
(3) Tạ Liễu Thanh : chưa rõ là ai.

137

題觀鹵簿詩集後

中興文運邁軒義，
兆姓謳歌樂盛時。
闢將從臣皆識字，
吏員匠氏亦能詩。
經天緯地心先覺，
平北征南事可知。
考罷文場觀武舉，
老臣何日望歸期。

ĐỀ QUAN LỖ BẠ THI ^{1*} TẬP HẬU

Trung hưng văn vận mai Hiên, Hy,
Triệu tính âu ca lạc thịnh thì.
Đấu tướng tòng thần giai thức tự,
Lại viên tượng thị diệc ^{2*} năng thi.
Kinh thiên vĩ địa tâm tiên giác ^{3*},
Binh bắc chinh nam sự khả tri.
Khảo bãi văn tràng quan võ cử,
Lão thần hà nhật vọng qui kỳ.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ SAU TẬP THƠ QUAN LỖ BẠ (1)

Văn hội văn chương đời Trung hưng hơn cả đời Hiên, Hy (2),
Muôn dân ca hát vui đời thịnh trị.
Tướng võ, quan hầu đều biết chữ,
Thư lại, thợ thuyền cũng làm thơ.
Ngang trời dọc đất, lòng cảm chắc trước,
Dẹp bắc đánh nam, việc đã hay.
Khảo xong trường văn lại xem thi võ,
Kẻ lão thần ngày nào mới mong được kỳ về.

DỊCH THƠ :

Trung hưng văn vận vượt đời xưa,
Thời thịnh muôn dân ngợi hát ca.
Tướng võ, quan hầu đều biết chữ,
Thợ thuyền, thư lại cũng hay thơ.
Ngang trời, dọc đất, lòng cảm chắc,
Dẹp bắc chinh nam, việc sẵn lo.
Khảo trọn trường văn, xem thi võ,
Lão thần xong hẹn biết bao giờ.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 儀 nghi.

2* TVTL2 : 總 tổng.

3* TVTL2 : 見 kiến.

CHÚ THÍCH :

- (1) Quan lổ bà : chưa rõ là tập thơ của ai.
 (2) Hiên, Hy : tức Hiên Viên 軒轅 và Phục Hy 伏羲, hai ông vua trong thần thoại Trung Quốc.

138

題崇虛老宿

ĐỀ SÙNG HƯ LÃO TÚC

暫	解	塵	纓	世	外	拋	,	Tạm	giải	trần	anh	1*	thế	ngoại	phao,
芒	鞋	藜	杖	與	君	交	。	Mang	hài	lê	trượng,	dữ	quân	giao.	
檻	前	雲	氣	蓬	萊	遠	,	Hạm	tiền	vân	khí	Bồng	Lai	viễn,	
枕	畔	泉	聲	碧	漢	高	。	Châm	bạn	tuyền	thanh	bích	hán	cao.	
寸	斷	玄	関	飛	却	石	,	Thốn	2*	đoạn	3*	huyền	quan	phi	kiếp
側	生	海	宇	入	秋	毫	。							thạch,	
清	虛	羽	禍	相	逢	晚	,	Trắc	sinh	hải	vũ	nhập	thu	hào.	
一	豁	虛	公	老	眼	蒿	。	Thanh	hư	vũ	thuộc	tương	phùng	vân,	
								Nhất	khoát	hư	công	lão	nhãn	4*	cao.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHỖ Ở CỬ CỦA SÙNG HƯ (1)

Tạm cởi giải mũ trần tục vứt ra ngoài cõi đời,
 Mang giày cỏ, chống gậy lê (2), giao du cùng ông.
 Mây tụ trước hiên, Bồng Lai (3) xa thăm,
 Suối reo bên gối, trời xanh cao vời.
 Tạm đóng cửa huyền lại đề đi vào không gian vô tận (5),
 Sống ghé trong hải vũ (6) chỉ là bước vào chốn thu hào (7).
 Người thanh hư và kẻ áo lông gặp nhau muộn (8),
 Nhưng đã mở rộng con mắt lơ mờ cho ông già hư không.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : 緣 duyên.
 2* TTCGLT : 才 tài.
 3* TVTL1 : 所 sở.
 4* TVTL2 : 眼老 nhãn lão.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Sùng Hư* : chưa rõ là ai.
 (2) *Giày cỏ gậy lê* (mang hài lê trượng) : những thứ người tu hành thường dùng.
 (3) *Bồng Lai* : một hòn đảo tiên, trong truyện thần thoại.
 (4) *Cửa huyền* (huyền quan) : cửa của đạo huyền diệu.
 (5) *Đi vào không gian vô tận* (phi kiếp thạch) : thế giới ngoài cuộc sống con người, ý nói đã chết.
 (6) *Hải vũ* : những lục địa nằm trong các biển.
 (7) *Thu hào* : lông mùa thu. *Lương Huệ Vương, Mạnh Tử* 梁惠王, 孟子, có câu :
 明足以察秋毫之末 Minh túc dĩ sát thu hào chi mạt : sáng suốt để quan sát ngọn lông mùa thu.
 (8) Câu này ý nói tác giả và kẻ tu hành đã gặp nhau.

139

寄贈葉溪檢正阮應龍

KÝ TẶNG NHỊ KHÊ 1* KIỂM CHÍNH
NGUYỄN ỨNG LONG.

朔	風	細	雨	轉	淒	涼		Sóc phong tế vũ chuyển thê lương,
客	舍	蕭	蕭	客	思	長		Khách xá tiêu tiêu khách tứ trường.
籬	下	幽	姿	存	晚	節		Ly hạ u tư tồn văn tiết,
溪	邊	素	艷	試	新	粧		Khê biên tố diễm thi tân trang.
胡	兒	未	欸	花	門	塞		Hồ nhi vị khoản Hoa Môn tái,
裴	老	思	歸	綠	野	堂		Bùi lão tư qui Lục dã đường.
釣	月	耕	雲	何	太	早		Điếu nguyệt canh vân hà thái tảo ?
千	鍾	萬	宇	紫	微	郎		Thiên chung vạn vũ Tử vi lang.

DỊCH NGHĨA :

GỬI TẶNG KIỂM CHÍNH NGUYỄN ỨNG LONG Ở NHỊ KHÊ (1)

Gió bắc, mưa phùn trở nên lạnh lẽo,
 Nơi quán trọ đìu hiu, lòng khách vẫn vương.
 Vẻ thanh u dưới giậu, tiết muộn giữ tròn,
 Sắc trắng đẹp bên khe, đáng mới đường thử (2).
 Rợ Hồ chưa đến nộp hàng khoản ở ải Hoa Môn (3),
 Ông Bui đã muốn về dưỡng lão ở nhà Lục Dã (4)
 Cầu trăng cây mây, sao mà sớm thế ?
 Nghìn học lúa, muôn ngôi nhà là của Tử vi lang (5).

DỊCH THƠ :

Mưa phùn gió bắc cảnh thê lương,
 Quán trọ đìu hiu khách vẫn vương.
 Dưới giậu vẻ thanh, còn tiết muộn,
 Bên khe hoa trắng, nước mùi hương.
 Hồ nhi chưa đến Hoa Môn tái,
 Bui lão ưng về Lục Dã đường.
 Cầu nguyệt cây mây sao sớm thế ?
 Muôn chung nghìn tử Tử vi lang.

NGUYỄN ĐỨC VĂN

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL : » xuyên.

CHÚ THÍCH :

- (1) Nguyễn Ứng Long : tức Nguyễn Phi Khanh 阮飛卿, con rể Trần Nguyên Đán.
- (2) Câu này tả khí sắc của hoa mai. Người xưa thường lấy hoa cúc tượng trưng cho khí tiết của người quân tử lúc đã về già, lấy hoa mai tượng trưng cho phong thái của người hiền sĩ trẻ tuổi. Ở đây hoa cúc chỉ bản thân tác giả, hoa mai chỉ Nguyễn Phi Khanh.
- (3) Hoa Môn : một cửa ải ở phía bắc Trung Quốc
- (4) Lục Dã : tên ngôi nhà lúc về hưu của Bui Độ, người đời Đường. Về sau danh từ «Lục Dã đường» thường được dùng để chỉ cảnh về hưu.
- (5) Tử vi lang : một chức quan ở tòa Tử vi sảnh đời Đường. Ở đây ý tác giả muốn nói tài của Nguyễn Phi Khanh đáng được giao nhiệm vụ quan trọng.

140

奉餞樞府西征行軍
都總管黎公

PHỤNG TIỄN XU PHỦ TÂY CHINH
HÀNH QUÂN ĐÔ TỔNG ^{1*} QUẢN
LÊ CÔNG

前	矛	照	日	颶	蒸	沙,	Tiền mâu chiếu nhật chiếm chung sa,
遠	略	交	還	役	瓜	哇。	Viễn lược giao ^{2*} Tiêm dịch Qua Oa.
萬	里	砲	摧	熊	虎	壘,	Vạn lý pháo tời hùng hổ lũy,
九	桅	船	颺	渤	溟	波。	Cửu nguy thuyền ^{3*} xúc bột minh ba.
秦	兵	膽	喪	秋	風	鶴,	Tần binh dảm ^{4*} táng thu phong hạc,
蔡	將	神	驚	雪	夜	鵝。	Thái tướng thần kinh tuyết dạ ^{5*} nga.
待	報	聞	聚	夷	蟻	垤,	Đãi báo Đồ Bàn di nghĩ diệt ^{6*} ,
叱	如	橡	筆	作	鏡	歌。	Thử như duyên ^{7*} bút tác nao ^{8*} ca.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN XU PHỦ TÂY CHINH HÀNH QUÂN
ĐÔ TỔNG QUẢN LÊ CÔNG (1)

Ngon cờ đi trước dội bóng mặt trời phất phơ trên cát nóng,
Mưu lược xa là giao hảo với Tiêm La (2) và khống chế Qua Oa (3).
Muôn dăm súng lớn, bắn tan lũy gấu cộp,
Chín cột buồm giông, lướt qua sóng biển khơi.
Quân Tần vỗ mặt trong tiếng hạc mùa thu (4),
Tướng Thái kinh hồn vì tiếng ngỗng đêm tuyết (5).
Chờ đợi tin san phẳng tổ kiến Đồ Bàn (6),
Chăm ướt ngòi bút làm bài ca cho quân đội.

DỊCH THƠ :

Bóng nhật soi cờ, bãi cát qua,
Hòa Tiêm, sai khiển đảo Qua Oa.
Súng muôn dăm bắn tan đồn giặc,
Thuyền chín buồm giông vượt biển xa.
Vỗ mặt quân Tần, kinh tiếng hạc,
Mất hồn tướng Thái khiếp bầy nga.
Đồ Bàn san phẳng chờ tin báo,
Vẩy bút trong quân thảo khúc ca.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1 : 督 đốc.
 2* TTCGLT : 文 văn.
 3* TVTL1 : 壘 hạm.
 4* TVTL2 : 腑 phủ.
 5* TVTL1 : 夜雪 dạ tuyết.
 6* TVTL2 : 徑 kính.
 7* TVTL2 : 緣 duyên.
 8* TVTL2 : 饒 nhiều.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Lê công* : tức Hồ Qui Ly.
 (2) *Tiêm La* : nay là nước Thái Lan.
 (3) *Qua Oa* : nước In-đô-nê-xi-a.
 (4) Quân Tần đánh trận Phi Thủy thua chạy, nghe tiếng hạc tướng quân nhà Tấn đuổi theo.
 (5) Quân nước Sở đánh úp quân nước Thái, đêm tuyết nghe tiếng ngỗng kêu, tướng nước Thái kinh hồn.
 (6) *Đồ Bàn* (Vi-ja-y-a) : kinh đô nước Chiêm Thành.

141

和洪州檢正韻

送 雨 輕 陰 滿 客 途,
 疆 酬 佳 韻 詠 風 零。
 春 光 野 寺 花 千 樹。
 世 味 村 墟 酒 一 壺。
 白 屋 青 燈 空 負 汝,
 紫 垣 黃 閣 苦 留 吾。
 安 民 齊 物 諸 公 事,
 澤 畔 行 吟 莫 自 孤。

HỌA HỒNG CHÂU KIỂM CHÍNH VẬN

Tống vũ khinh âm mẫn 1* khách đồ,
 Cường thù giai vận vịnh Phong Vu.
 Xuân 2* quang dã tự hoa thiên thụ,
 Thế vị thôn hư tửu nhất hồ.
 Bạch ốc thanh đăng không phụ nữ,
 Tử viên hoàng các khổ hưu ngô.
 An dân tế vật chư công sự,
 Trạch bạn hành ngâm mạc tự cô.

DỊCH NGHĨA :

HỌA BÀI THƠ CỦA VIÊN KIỂM CHÍNH Ở HỒNG CHÂU (1)

Đầy đường đất khách, bóng râm nhẹ đưa mưa,
 Cố sức họa vắn bài thơ vịnh cảnh «Phong Vu» (2).
 Trong ngôi chùa nơi thôn dã, ngàn cây nở hoa dưới ánh xuân,
 Trên nền cũ trong làng, một hồ rượu đậm mùi thể tục.
 Nhà trắng đèn xanh (3) tự buộc người vào,
 Tường tia gác vàng (4), cố giữ ta lại.
 Yên dân, giúp đời, sự nghiệp của các người,
 Lang thang ca hát bên chằm, đừng cho mình là lẻ loi (5).

DỊCH THƠ :

Bóng tối đem mưa khắp mọi nơi,
 Phong Vu gắng họa vắn thơ chơi.
 Chùa thôn xuân đẹp, hoa nghìn khóm,
 Nền xóm đời vui, rượu một chai.
 Nhà trắng đèn xanh, người buộc mãi,
 Gác vàng tòa tia, lão lưu hoài.
 Giúp đời, các vị chăm lo lấy,
 Ngâm vịnh bên chằm há lẻ loi.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 洒 *sái*.2* TVTL2 : 月 *nguyệt*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đây là bài tác giả họa lại thơ của con rề là Nguyễn Hán Anh 阮漢英 làm chức Kiểm chính Hồng Châu (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).
- (2) *Phong Vu* : Luận ngữ 論語 có câu : 風乎雨暘 *Phong hồ Vũ Vu* : Hóng mát ở đàn Vũ Vu. Nói «Phong Vu» là muốn nhắc tới cả câu trên đây trong *Luận ngữ*.
- (3) *Nhà trắng* (bach ốc) : chỉ chỗ ở sơ sài của những kẻ sĩ chưa ra làm quan hoặc chỉ mới làm quan nhỏ. *Đèn xanh* (thanh đăng) : chỉ ngọn đèn của học trò. Ở đây ý nói Nguyễn Hán Anh tuổi còn trẻ.
- (4) *Tường tia* (tử viên) : chỉ chỗ vua ở. Nguyên ở phía bắc sao Bắc Đẩu có một triền sao như một bức tường, trong triền sao ấy có ngôi sao Tử Vi, sao Tử Vi tượng trưng nhà vua, vì vậy nói «tường tia» cũng là chỉ vua. *Gác vàng* (hoàng các) : chỉ nơi làm việc của Tề tướng, ở đây chỉ chức Tề tướng.

142

奉賡太宗政平章韻

PHỤNG CANH THÁI TÔNG CHÍNH
BÌNH CHƯƠNG VẬN

老厭繁華羨富平，
春心寄傲曉窻明。
野蒿倚竹一般色，
煙樹隔江無限情。
雲氣往來天大小，
陽光旦暮物枯榮。
安閑世故多疎懶，
偃却胸中十萬兵。

Lão yếm phồn hoa Hán ^{1*} Phú Bình,
Xuân tâm ký ngạo hiều song minh.
Dã cao ý ^{2*} trúc nhất ban ^{3*} sắc,
Yên thụ cách giang vô hạn tình.
Vân khí ^{4*} vãng lai thiên đại tiểu,
Dương quang đán mộ vật khô vinh.
An nhàn thế cố đa sơ lãn,
Yễn khước hung trung thập vạn binh.

DỊCH NGHĨA :

KÍNH HỌA VĂN BÀI THƠ NĂM CHÍNH BÌNH (1) CỦA THÁI TÔNG

Phú Bình (2) đời Hán lúc về già cũng chán cảnh phồn hoa,
Đem lòng xuân gửi vào sự cười cợt với ánh sáng cửa sổ lúc ban mai.
Cỏ nội dựa bên khóm trúc, màu sắc như nhau,
Cây lồng khói bên kia sông, mối tình dào dạt.
Hơi mây vắt vưởng, bầu trời khi lớn, khi nhỏ,
Mặt trời sớm tối, cảnh vật khi héo, khi tươi.
Quen an nhàn, biếng nghĩ đến biến cố ở đời,
«Chục vạn quân» chứa trong lòng dành dẹp lại.

DỊCH THƠ :

Già chán phồn hoa cảnh Phú Bình,
Song mai cười gửi chỉ bình sinh.
Cỏ chen khóm trúc cùng chung sắc,
Cây cách dòng sông biết mấy tình.
Qua lại mây bay, trời lớn nhỏ,
Sớm chiều nắng dọi, vật khô vinh.
An nhàn quen thói sinh lười biếng,
Dẹp hết trong lòng chục vạn binh.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 樂 lạc.
 2* TVTL2, 2 : 傍 bàng.
 3* TVTL1 : 知 tri.
 4* TVTL2 : 色 sắc.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Chỉnh Bình* : một niên hiệu của Trần Thái Tông 陳太宗 (1232-1250).
 (2) *Phủ Bình* : Trương An Thế 張安世, người đời Hán, được phong là Phủ Bình hầu.

143

賡新平安撫范公
 師孟新平書事韻

CANH TÂN BÌNH AN PHỦ PHẠM
 CÔNG 1* SỰ MẠNH « TÂN BÌNH
 THU 2* SỰ » VẬN

志	士	寧	辭	蹈	海	危	Chí sĩ ninh từ đạo hải nguy,
高	歌	長	嘯	任	天	倪	Cao ca tràng khiêu nhậm thiên nghiê.
霜	策	暑	笠	酬	明	主	Sương soa thử lập thù minh chúa,
虎	落	蛇	區	慰	遠	黎	Hồ lạc xà khu ủy viễn lê.
日	月	盈	虧	人	易	見	Nhật nguyệt doanh khuỵ ^{3*} nhân dị kiến,
賢	愚	窮	達	物	難	齊	Hiền ngu cùng đạt vạn nan đề.
佳	期	久	隔	天	涯	望	Giai kỳ cửu cách thiên nhai vọng,
賦	罷	停	雲	月	欲	西	Phủ bãi «Đình vân» nguyệt dục tây (tây).

DỊCH NGHĨA :

HỌA VĂN BÀI THƠ «TÂN BÌNH THU SỰ» CỦA QUAN AN PHỦ SỨ
 TRẦN TÂN BÌNH PHẠM SỰ MẠNH

Người chí sĩ đâu chịu chối từ cái nguy vượt biển,
 Cất cao tiếng hát với tất cả lòng mình.
 Mang toi sương, đội nón nắng, đền đáp minh chúa,
 Vào hang hùm, tới ổ rắn, yên ủi dân xa.
 Mặt trời, mặt trăng, khi tròn khi khuyết, người đời dễ thấy,
 Người hiền, người ngu, lúc cùng lúc đạt, nhân vật khó đều.
 Hẹn đẹp từ lâu, trông vời chân trời xa cách,
 Làm xong văn thơ «Đình vân» (1), trăng đã xế tây.

DỊCH THƠ :

Vượt biển nguy nan, chỉ dám đương,
 Hò vang hát lớn giữa trời quang.
 Đội sương tắm nắng đèn minh chúa,
 Sục ồ lần hang vô viễn phương.
 Nhật nguyệt đầy vơi người dễ thấy,
 Hiền ngu cùng đạt vật khôn gang.
 Chân trời xa thẳm mong ngày hẹn,
 Hát trọn Đình vân, thả ngậm gương.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : không có chữ 公 công.
 2* TVTL2 : không có chữ 書 thư.
 3* TVTL1 : 虧盈 khuy doanh.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đình vân : một bài thơ của Đào Tiềm 陶潛 , người đời Tấn. Bài thơ này tả nỗi nhớ bạn.

144

賜進士

TÚ TIẾN SĨ

聖	主	求	賢	闕	禮	園	Thánh chủ cầu 1* hiền tịch lễ vi,
欣	瞻	群	鳳	九	霄	飛。	Hân chiêm quần phượng cửu tiêu phi.
名	題	玉	闕	懸	金	榜	Danh đề ngọc khuyết huyền kim bảng,
馬	躍	花	衢	拂	錦	衣。	Mã dục hoa cù 2* phát cầm y.
老	懶	放	予	歸	綠	野	Lão lãn phóng 3* dư qui Lục dã,
謀	謨	待	如	入	黃	扉。	Mưu 4* mô đãi nhữ nhập hoàng phi.
蒼	生	指	日	當	蘇	息	Thương sinh chỉ nhật đương tố tức,
邊	塞	無	塵	獄	訟	稀。	Biên tái vô trần ngục tụng hy.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG TIẾN SĨ

Vua thánh cầu người hiền nên mở khoa thi,
 Mừng được xem bầy chim phượng bay lên chín tầng mây.
 Bảng vàng đề tên, treo trước cửa khuyết,
 Đường hoa ngựa ruổi, áo gấm phất phơ.
 Già nua biếng nhác, ta được thả về nhà Lục Dã (1),
 Mưu lược lo toan, người chờ bước vào cửa vàng (2).
 Chẳng bao lâu nữa, dân được nghỉ ngơi,
 Nơi biên thùy hết giặc, việc kiện tụng cũng ít.

DỊCH THƠ :

*Khoa thi vua mở kén hiền lương,
 Bay chín tầng mây cánh phượng hoàng.
 Cửa khuyết bảng vàng tên rõ nét,
 Đường hoa áo gấm ngựa rong cương.
 Yếu lược, thả tớ về đồng biển,
 Tài cán, mong người đến cửa vàng.
 Chả mấy lúc mà dân được nghỉ,
 Bụi quang biên tái, rảnh công đường.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 來 lai.
 2* TVTL1 : 街 nhai.
 3* TVTL2 : 閑暇令 nhàn hạ lệnh.
 4* TVTL2 : 許 hứa.

CHÚ THÍCH :

- (1) Lục Dã : nhà nghỉ lúc về hưu của Bùi Độ 裴度, một danh nhân đời Đường.
 (2) Cửa vàng : (hoàng phi) : cửa thép vàng, chỉ nơi dinh thự của Tể tướng.

145

題玄天觀

ĐỀ HUYỀN THIÊN QUÁN

白	日	升	天	易,	Bạch nhật thăng thiên dĩ,
致	君	堯	舜	難。	Trì quân Nghiêu Thuấn nan.
塵	埃	六	十	載,	Trần ai lục thập ^{1*} tải,
回	首	愧	黃	冠。	Hồi thủ qui ^{2*} hoàng quan.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ QUÁN HUYỀN THIÊN (1)

Ban ngày bay lên trời còn dễ,
 Giúp vua đề vua được như Nghiêu, Thuấn (2) mới khó.
 Sáu mươi năm sống trong cõi trần,
 Ngoảnh lại luống thẹn với người đội mũ vàng (3).

DỊCH THƠ :

*Lên trời còn sự dễ,
 Giúp chúa thật điều gay.
 Sáu chục năm lần trần,
 Trông người hổ thẹn thay.*

Bd. HVTT

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1 : 十六 thập lục.

2* TVTL1 : 晚 vãn.

CHÚ THÍCH :

(1) Quán Huyền Thiên : chưa rõ ở đâu.

(2) Nghiêu, Thuấn : Hai bậc vua hiền thời cổ đại Trung Quốc.

(3) Mũ vàng (hoàng quan) : mũ các đạo sĩ thường đội.

146

奉慶御製黃梅卽事

PHỤNG CANH NGỰ CHẾ
«HOÀNG MAI TỨC SỰ»

浮世年花催白髮, Phù thế niên hoa thôi bạch phát,
故園松竹笑儒冠。 Cổ viên tùng trúc tiếu Nho quan.
鳳池此日無多事, Phụng Trì thử nhật vô đa sự,
坐看松陰轉畫欄。 Tọa khán tùng âm chuyển họa lan.

DỊCH NGHĨA :

KÍNH HỌA VĂN THƠ «HOÀNG MAI TỨC SỰ» CỦA NHÀ VUA

Cõi đời bông bẽnh năm tháng thôi thúc tóc bạc,
Tùng trúc vườn xưa cười giễu mũ nhà Nho.
Ao Phụng Hoàng ⁽¹⁾ ngày nay không còn nhiều việc,
Ngồi nhìn bóng tùng nhích tới hàng lan can vẽ.

DỊCH THƠ :

Năm tháng phù sinh dồn tóc bạc,
Trúc thông vườn cũ giễu nhà Nho.
Hôm nay ao Phụng đã rồi việc,
Nhìn bóng tùng lăn dưới giậu tô.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

CHÚ THÍCH :

- (1) Ao Phụng Hoàng (Phụng Trì) : ở Trung Quốc vào đời nhà Tấn, bên cạnh tòa Trung thư có cái ao tên là Phụng Hoàng, nhân đó, tòa Trung thư còn có tên là Phụng Trì (ao Phụng). Đến đời Đường, có người lại dùng từ «Phụng Trì» để chỉ chức Tể tướng.

147

壬寅年六月作

NHÂM DẦN NIÊN
LỤC NGUYỆT TÁC ^{1*}

年來夏旱又秋霖, Niên lai hạ hạn hựu thu lâm,
禾稿苗傷害轉深。 Hòa cảo miêu thương hại chuyển thâm.
三萬卷書無用處, Tam vạn quyển thư vô dụng xứ,
白頭空負愛民心。 Bạch đầu không phụ ái dân tâm.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM VÀO THÁNG SÁU NĂM NHÂM DẦN (1362)

Năm nay mùa hè bị hạn, mùa thu lại bị lụt,
 Lúa khô mạ thối, tai hại càng nhiều.
 Đọc ba vạn cuốn sách mà thành vô dụng,
 Bạc đầu luống phụ lòng thương dân.

DỊCH THƠ :

Năm nay hạ hạn lại thu mưa,
 Đau nỗi mùa màng những thiệt thua.
 Ba vạn sách đầy đành xếp xó,
 Yêu dân còn nợ, mái đầu phờ.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1, TVTL2 : không có chữ 作 tác.

148

戊申正月作

MẬU THÂN CHÍNH NGUYỆT TÁC

三分頭白寸心丹,
 世上紛紛萬事難。
 自笑不如錢若水,
 年纔四十便休官。

Tam phần đầu bạch thốn tâm đan,
 Thế thượng phân phân vạn sự nan.
 Tự tiếu bất như Tiền Nhược Thủy,
 Niên tài 1* tứ thập tiện hưu quan.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM VÀO THÁNG GIÊNG NĂM MẬU THÂN (1368)

Ba phần tóc trên đầu đã bạc, vẫn tắc lòng son,
 Sự đời bối rối, muôn việc khó khăn.
 Tự cười mình không bằng ông Tiền Nhược Thủy (!),
 Tuổi mới bốn mươi đã cáo quan về hưu.

DỊCH THƠ :

Ba phần tóc bạc tấc lòng son,
 Đường thế gian nan bước cũng chồn.
 Tự giấu không như Tiền Nhược Thủy,
 Tuổi vừa bốn chục đã hưu quan.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH.

KHẢO ĐỊNH :

1* HVTT : 終 chung.

CHÚ THÍCH :

(1) Tiền Nhược Thủy : người đời Tống, đậu Tiến sĩ, làm quan đến chức Đồng tri xu mật, sau xin từ chức.

149

夜歸舟中作

ĐẠ QUI CHU TRUNG TÁC

萬	國	民	生	沸	鼎	魚	,	Vạn	quốc	dân	sinh	phi	đỉnh	ngư,	
朔	燕	東	汴	已	邱	墟	。	Sóc	Yên	đông	Biện	1*	dĩ	khâu	khư.
歸	舟	未	穩	江	湖	夢	,	Qui	chu	vị	ôn	giang	hồ	mộng,	
分	取	魚	燈	照	古	書	。	Phân	thủ	ngư	dăng	chiếu	cổ	thư.	

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM TRONG LÚC ĐÊM ĐI THUYỀN VỀ

Nhân dân muôn nước như cá trong vạc nước sôi,
 Đất Yên phương bắc, đất Biện (1) phương đông đã thành gò đồng.
 Trên chiếc thuyền về, chưa yên giấc mộng giang hồ,
 Mượn ánh đèn thuyền chài soi đọc cuốn sách cổ.

DỊCH THƠ :

Muôn nước dân sinh cá vạc sôi,
 Biện đông Yên bắc tả toi rồi.
 Thuyền về trần trọc khôn yên giấc,
 Mượn ánh đèn chài dỡ sách coi.

(Theo Bd. HVTVT)

KHẢO ĐỊNH :

1* HVTT chú : 一本作渡 *Nhất bản tác độ* (Có bản chép là «độ»). Chúng tôi chưa rõ là bản nào.

CHÚ THÍCH :

(1) *Yên* : tức Yên Kinh, nay là thành phố Bắc Kinh; *Biện* tức Biện Kinh, nay là thành phố Khai Phong. Yên, Biện là hai kinh đô đời nhà Tống. Trong bài thơ này, tác giả muốn nói tình hình rối loạn của nhà Trần lúc bấy giờ.

150

夜深偶作

ĐẠ THÂM NGẪU TÁC

商風夜靜轉颼颼，
一點殘燈相對愁。
心緒好隨吟裏靜，
塵緣須向睡中休。

Thương phong dạ tĩnh chuyển sru^{1*}
Nhất điểm tàn đăng tương đối sầu.
Tâm tư hảo tùy ngâm lý tĩnh,
Trần duyên tu hướng thụy trung hưu.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM LÚC ĐÊM KHUYA

Gió thu trong đêm vắng thổi vi vu,
Buồn bã ngồi trước ngọn đèn tàn.
Lòng cũng nguôi nguôi trong lúc ngâm nga,
Duyên nợ cuộc đời, ngủ đi là xong hết.

DỊCH THƠ :

Đêm tĩnh, rì rào ngọn gió thổi,
Đèn khuya le lói luống kêu sầu.
Ngâm thơ muốn để lòng yên lặng,
Đánh giấc, trần duyên bận nữa đâu.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* HVTT : 蕭蕭.

151

不寐

BẤT MỊ

官	舍	秋	霜	漏	轉	遲	，	Quan	xá	thu	sương	lâu	chuyển	trì,
故	園	松	菊	在	天	涯	。	Cổ	viên	tùng	cúc	tại	thiên	nhi (nhai).
目	前	盡	是	閑	心	事	，	Mục	tiền	tàn	thị	quan	tâm	sự.
病	愈	不	如	猶	病	時	。	Bệnh	dữ	bất	như	do	bệnh	thì.

DỊCH NGHĨA :

KHÔNG NGỦ

Chỗn quan xá ⁽¹⁾ trong sương thu, giọt đồng hồ ⁽²⁾ nhỏ chậm,
 Tùng cúc nơi vườn cũ ở tận chân trời xa.
 Trước mắt toàn là những việc phải quan tâm.
 Bệnh khỏi không bằng khi còn bệnh.

DỊCH THƠ :

*Quan xá sương thu chậm khắc canh,
 Cúc tùng vườn cũ góc trời xanh.
 Ngó ra rảnh việc lòng đeo đuổi,
 Thà bệnh còn hơn lúc bệnh lành.*

(Theo Bd. HVTVT.)

CHÚ THÍCH :

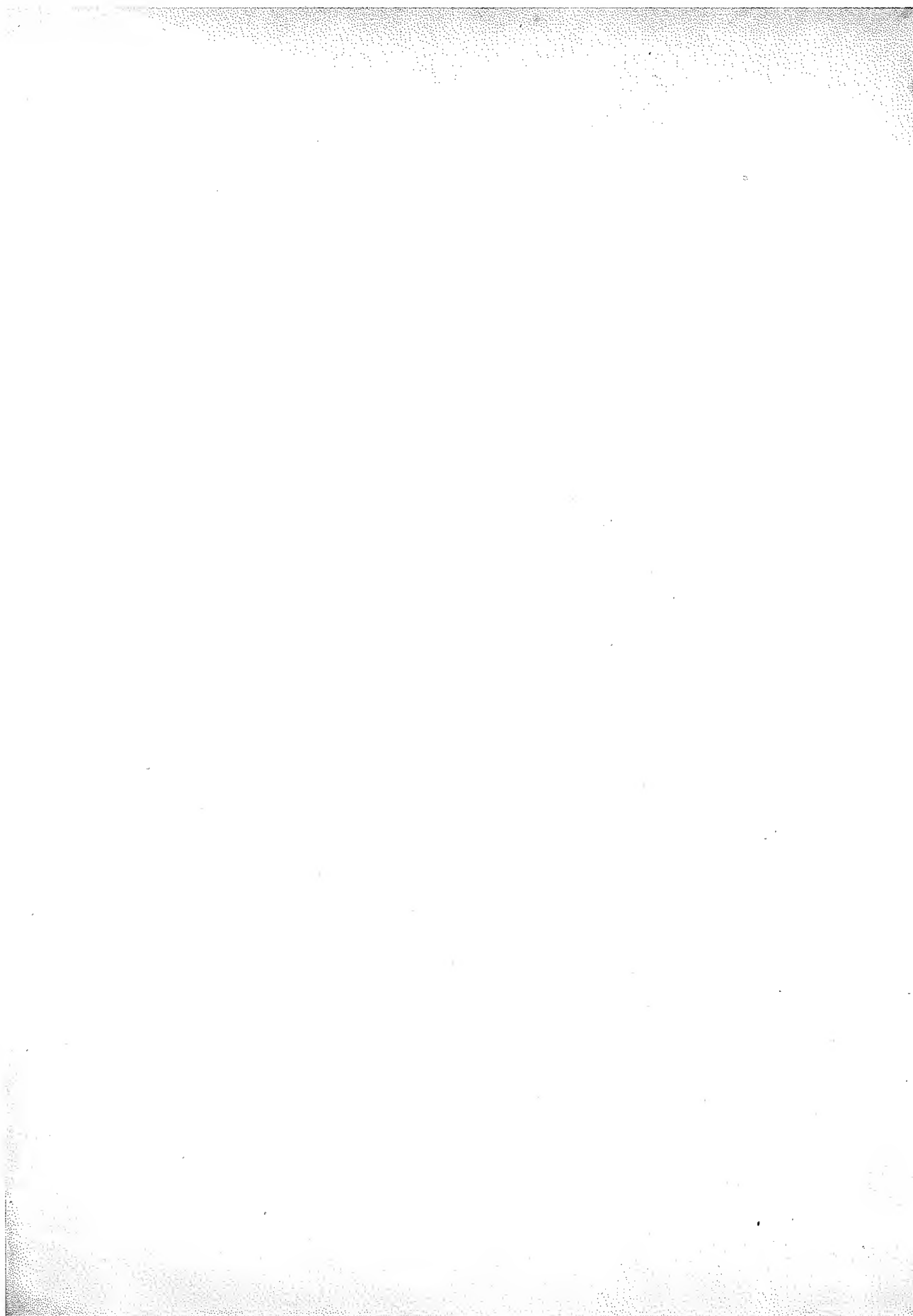
(1) Quan Xá : Nhà quan ở hay nơi làm việc quan.

(2) Giọt đồng hồ (lâu) : Ngày xưa người ta dùng một cái hồ bằng đồng, ở đây có khoan một lỗ nhỏ, giữa hồ dựng một cột nhỏ ghi 100 khắc, đổ nước vào hồ, nước rỏ giọt. Nước rơi đến đâu, số khắc ghi ở cột lộ ra đến đấy. Người ta căn cứ vào đó mà tính giờ khắc. Ở đây, tác giả buồn, tưởng như giọt đồng hồ nhỏ chậm lại.



RỪNG THÔNG Ở CÔN SƠN, HUYỆN CHÍ LINH, TỈNH HẢI HƯNG.

Ảnh : Phạm Ngọc Long



ĐỖ TỬ VI

杜子微

(?)

Đỗ Tử Vi hiệu Tồn Trai 存齋, chưa rõ sinh và mất vào năm nào, quê quán ở đâu. Ông từng làm quan vào đời nhà Trần, tới chức Trung thư lệnh.

Tác phẩm : hiện còn 2 bài thơ chép trong *Toán Việt thi lục*.

152

過越井岡

QUÁ VIỆT TỈNH CƯƠNG

越井淒涼草色秋，
 蹟留事去使人愁。
 憑誰覓得三年艾，
 醫我乾坤一贅疣。

Việt Tỉnh thê lương, thảo sắc thu^{1*},
 Tích lưu sự khứ sử nhân sầu.
 Bằng thủy mịch đắc tam niên ngải,
 Ý ngã kiên khôn nhất nhũe vưu.

DỊCH NGHĨA :

QUA ĐỒI VIỆT TỈNH (1)

Đồi Việt Tỉnh thê lương, cây cỏ nhuộm sắc thu,
 Dấu còn nhưng chuyện cũ đã qua, khiến người buồn.
 Nhờ ai tìm được thứ ngải ba năm (2),
 Chữa giùm ta một cái bướu của trời đất.

DỊCH THƠ :

Giếng Việt thê lương, cỏ nhuộm thu,
Khách buồn ngó thấy dấu khi xưa.
Nhờ ai tìm được ba năm ngải,
Giúp chữa đất trời một brou to !

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TBTL1, HVTT : 木 - mộc.

CHÚ THÍCH :

- (1) Việt Tỉnh : tức giếng Việt ở vùng Trâu Sơn, huyện Vũ Ninh (nay thuộc tỉnh Hà Bắc).
(2) Ngải ba năm (tam niên ngải) : Theo truyện *Việt Tỉnh* (Giếng Việt) trong LNCQ, tiên nữ Ma Cô 摩姑 muốn đền ơn Thôi Vỹ 崔偉, đã trao cho chàng một bó lá ngải và dặn rằng : «Giữ cẩn thận vật này, đừng để rơi khỏi mình, sau này thấy ai có brou trên đầu, đem cứu cho tan, tất sẽ được phú quý to». Quả nhiên về sau, Thôi Vỹ đem lá ngải «để đã ba năm» cứu cho một con rắn có brou và được rắn báo đáp, trở nên người giàu có.

153

賀胡城中狀元

HẠ HỒ THÀNH TRÚNG
TRẠNG NGUYÊN 1*

燕 山 丹 桂 再 回 春,
喜 見 張 梁 榜 樣 存。
兩 世 芳 名 標 雁 塔,
一 家 盛 事 溢 龍 門。
路 非 回 也 美 難 繼,
暫 有 參 乎 道 愈 尊。
料 想 斯 文 天 未 喪,
父 爭 元 子 亦 爭 元。

Yên Sơn 2* đàn quế tái hồi xuân,
Hỉ kiến Trương, Lương bảng dạng tồn.
Lưỡng thế phương danh tiêu Nhạn Tháp,
Nhất gia thịnh sự dật Long Môn.
Lộ phi Hồi dã, mỹ nan kế,
Tích hữu Sâm hồ, đạo dã tôn.
Liệu tướng tư văn thiên vị táng,
Phụ tranh nguyên, tử diệc tranh nguyên.

DỊCH NGHĨA :

MỪNG HỒ THÀNH (1) ĐỖ TRẠNG NGUYÊN

Cây đàn quế ở Yên Sơn (2) lại hồi xuân,
 Mừng thấy tấm gương hai họ Trương, Lương (3) vẫn còn.
 Cả hai đời danh thơm được nêu trên Tháp Nhạn (4),
 Trong một nhà việc thịnh trăn ngập chốn Long Môn (5).
 Nhan Lộ không, Nhan Hồi (6), cái đẹp khó mà nối tiếp,
 Tăng Tích có Tăng Sâm (7), đạo học càng được nêu cao.
 Nghĩ rằng trời chưa để mất tư văn (8),
 Cha giành được khôi nguyên, con cũng giành được khôi nguyên.

KHẢO ĐỊNH :

1* Trước đây, các sách như VATT, TVTL ... đều xếp bài này vào thơ Trần Quang Khải. Nhưng theo gia phả họ Hồ ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ Tĩnh thì bài thơ này là của Đỗ Tử Vi tặng Hồ Thành. Hơn nữa, xét về niên đại, thì Trần Quang Khải không sống cùng thời với Hồ Thành để có thể tặng thơ nhân khi Hồ Thành đỗ Trạng nguyên. Đó là lý do chúng tôi xếp bài này vào thơ Đỗ Tử Vi.

2* TVTL1 : 安 an.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hồ Thành* : Con Hồ Đốn 胡頓, cháu Hồ Tông Thốc 胡宗鶴. Theo gia phả họ Hồ ở làng Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu, Nghệ Tĩnh) thì hai cha con Hồ Đốn và Hồ Thành đều thi đỗ Trạng nguyên.
- (2) *Cây đàn quế ở Yên Sơn* (Yên Sơn đàn quế) : Vào khoảng cuối đời Ngũ đại, đầu đời Tống, ở đất Yên Sơn thuộc tỉnh Thiểm Tây có Đậu Vũ Quân 實武鈞, sinh năm người con trai đều đỗ đạt cả năm. Phùng Đạo 馮道 có tặng cho gia đình họ Đậu một bài thơ, trong có câu :

靈椿一枝老, Linh thung nhất chu lão,
 丹桂五枝芳. Đan quế ngũ chi phương.

Một gốc linh thung già,
 Năm cành đan quế thơm.

Những chữ «Cây đàn quế ở Yên Sơn» là dùng từ tích đó, để chỉ truyền thống đỗ đạt của họ Hồ.

- (3) *Trương, Lương* : Chỉ hai giòng họ có cha và con cùng đỗ Trạng nguyên ở đời Tống.
- (4) *Tháp Nhạn* (Nhạn tháp) : Nơi đề tên những người thi đỗ Tiến sĩ, bắt đầu có từ đời Đường Trung Tông 唐中宗 ở Trung Quốc.
- (5) *Long Môn* : Sách *Tam Tần ký* 三秦記 chép : cá sống cá bễ tụ tập ở Long Môn, con nào vượt qua được thì hóa rồng. Long Môn ở đây ngụ ý thi đỗ.
- (6) *Nhan Hồi* : con của Nhan Lộ 顏路. Nhan Hồi là người học trò xuất sắc nhất của Khổng Tử 孔子.
- (7) *Tăng Sâm* : con của Tăng Tích 曾皙. Tăng Sâm cũng là một người học trò giỏi của Khổng Tử. Cả hai câu thơ 5 và 6 đều nêu bật một ý là con không những nối được nghiệp cha, mà còn phát huy được sự nghiệp đó.
- (8) Hai chữ «tư văn» trong sách *Luận ngữ* 論語 để chỉ các thứ chế độ lễ nhạc nói chung.

TRẦN PHỦ

陳暉

(TRẦN NGHỆ TÔNG)

陳藝宗

(1322 — 1395)

Trần Phủ là con thứ ba của Trần Minh Tông 陳明宗 ; sinh tháng 12 năm Tân dậu (1321) (1).

Khoảng năm Tân mùi (1331), ông được phong tước Cung Định Vương ; năm Mậu dần (1338), được cử làm Phiêu kỵ thượng tướng quân, giữ trấn Tuyên Quang ; năm Quý tị (1353), được phong chức Hữu tướng quốc ; năm Đinh mùi (1367), được phong chức Tả tướng quốc, gia phong tước Đại Vương.

Giữa năm 1369, Dương Nhật Lễ 楊日禮 chiếm ngôi, ông có tham gia vào việc khôi phục nhà Trần. Sau khi Dương Nhật Lễ bị đánh bại, tháng 11 năm Canh tuất (1370), Trần Phủ lên ngôi, tức là vua Trần Nghệ Tông. Đến đầu tháng 11 năm Nhâm ti (1372), ông nhường ngôi cho em là Trần Duệ Tông 陳睿宗 và lên làm Thượng hoàng.

Ông mất tháng 12 năm Giáp tuất (1394) (1), thọ 73 tuổi.

Tác phẩm : Theo ĐVSKTT, Trần Nghệ Tông có soạn *Hoàng huấn* 皇訓 (soạn năm 1371, gồm 14 chương) ; *Đế châm* 帝箴 (soạn năm 1372, gồm 150 câu) ; *Bảo hòa dư bút* 葆和餘筆 (soạn năm 1383, gồm 8 quyển). Theo LTHCLC, ông còn có một tập thơ đề là *Nghệ Tông thi tập* 藝宗詩集 gồm 1 quyển. Nhưng cho đến nay tất cả những tác phẩm trên đều chưa sưu tầm được, chỉ mới tìm thấy 5 bài thơ và một bài minh.

(1) Năm Tân dậu tương ứng với năm 1321, và năm Giáp tuất tương ứng với năm 1394. Nhưng tháng 12 năm Tân dậu thì phải tương ứng với tháng 1 năm 1322, và tháng 12 năm Giáp tuất tương ứng với tháng 1 năm 1395. Như vậy năm sinh của Trần Nghệ Tông phải là 1322 và năm mất là 1395.

154

送北使牛亮

TỔNG BẮC SỨ NGƯU LƯỢNG

安南老宰不能詩，
空把茶甌送客歸。
圓傘山青蘆水碧，
遠風直入五雲飛。

An Nam lão tể ^{1*} bất năng thi,
Không bả trà âu tổng khách quy.
Viên tản sơn thanh, Lô thủy bích,
Tùy ^{2*} phong trực nhập ngũ vân phi.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN SỨ PHƯƠNG BẮC NGƯU LƯỢNG (1)

Tể tướng già (2) An Nam không hay làm thơ,
Chỉ mang bình trà tiễn khách về.
Núi Tản xanh xanh, sông Lô biêng biếc,
Khách theo gió đi thẳng về phía mây ngũ sắc đang bay.

DỊCH THƠ :

An Nam lão tướng chẳng hay thơ,
Xin có bình trà buổi tiễn đưa.
Kìa Tản Viên xanh, Lô Thủy biếc,
Mây lành đón khách thẳng bay về.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* ĐVSKTT : 宰相 Tể tướng.

2* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 乘 thừa.

CHÚ THÍCH :

- (1) Năm Kỷ dậu (1369) sứ nhà Minh là Ngưu Lượng sang Việt Nam. Cuối năm Ngưu Lượng về nước, Trần Nghệ Tông làm bài thơ này đề tiễn.
(2) Lúc này, Trần Nghệ Tông đang giữ chức Tả tướng quốc. « Lão Tể » (Tể tướng già) là một cách nói khiêm.

155

望東山了然庵

VỌNG ĐÔNG SƠN LIỄU NHIÊN AM

古木扶疎暫繫舟，
禪房岑寂枕清流。
明年此夕知誰健，
且喜登臨訪舊遊。

Cổ mộc phù sơ tạm hệ chu,
Thiền phòng sầm tịch chầm thanh lưu.
Minh niên thử tịch ^{1*} tri thùy kiện?
Thả hỷ đăng lâm phỏng cựu du.

DỊCH NGHĨA :

TRÔNG AM LIỄU NHIÊN Ở ĐÔNG SƠN (1)

Bên cây cổ thụ sum suê, buộc tạm còn thuyền,
Ngôi chùa cao tĩnh, gối bên dòng nước trong.
Ngày này năm sau biết ai còn mạnh khỏe?
Hãy mừng được lên cao thăm lại chốn chơi cũ.

DỊCH THƠ :

Cổ thụ xum xuê, tạm buộc thuyền,
Gối khe sầm tịch cảnh chùa chiền.
Năm sau biết đặng ai còn khỏe,
Chốn cũ lên cao vẫn cảnh thiên.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT : 席 tịch ; TVTL2, TVTL3 : 又 hựu. Chắc đây là chép lầm chữ 夕 tịch.

CHÚ THÍCH :

(1) Đông Sơn : Phải chăng là huyện Đông Sơn, Thanh Hóa ?

156

幸嘉興鎮寄弟恭宣王

HẠNH GIA HƯNG TRẦN KÝ ĐỀ
CUNG TUYÊN VƯƠNG 1*

位 極 讒 深 便 去 官,
側 身 渡 嶺 入 山 蠻。
七 陵 回 首 千 行 疾,
萬 里 捫 心 兩 鬢 斑。
去 武 圖 存 唐 社 稷,
安 劉 復 觀 漢 衣 冠。
明 宗 事 業 君 須 記,
恢 復 神 京 指 日 還。

Vị cực sàm thâm tiện khứ 2* quan,
Trắc thân độ lĩnh nhập sơn man.
Thất lăng hồi thủ thiên hàng lệ,
Vạn lý môn tâm 3* lưỡng mấn ban.
Khử Vũ đồ tồn Đường xã tắc,
An Lưu phục 4* đồ Hán y quan.
Minh Tông 5* sự nghiệp quân tu ký.
Khôi phục Thần Kinh chỉ nhật hoàn.

DỊCH NGHĨA :

ĐẾN TRẦN GIA HƯNG (1)
GỬI CHO EM LÀ CUNG TUYÊN VƯƠNG

Ngôi cao bị dèm pha nhiều, đành bỏ quan,
Lách mình vượt núi vào nơi sơn dã.
Ngóảnh nhìn bảy ngôi lăng (3), lệ ngàn hàng,
Nghĩ về muôn dặm đường xa, hai mái tóc đã đốm bạc.
Trừ họ Vũ, bảo tồn xã tắc nhà Đường (4),
Định họ Lưu, dễ thấy mũ áo nhà Hán (5).
Sự nghiệp vua Minh Tông, ông nên ghi nhớ,
Khôi phục Thần Kinh, hẹn ngày trở về.

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT : chép đầu đề bài thơ là 幸嘉興鎮寄睿宗 Hạnh Gia Hưng trấn ký Duệ Tông ;

TVTL2 : 幸嘉興鎮所遞恭宣王 Hạnh Gia Hưng trấn sở đề Cung Tuyên Vương ;

HVTT : 幸嘉興鎮寄宣王 瞰 Hạnh Gia Hưng trấn ký Tuyên Vương Kinh.

2* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 棄 Khi.

3* VATT, TVTL : 捫蘿 môn la, chúng tôi theo ĐVSKTT. VATT có chú thích : 史作心非 sử tác «tâm» phi: Sử chép «tâm» là sai. Chúng tôi cho rằng «tâm» mới đối với chữ thủ ở câu trên và thông nghĩa hơn.

4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 獲 hoạch.

5* TVTL2, TVTL3 : 尊 tôn.

CHÚ THÍCH :

- (1) Trấn Gia Hưng là vùng đất một phần thuộc tỉnh Hòa Bình (Hà Sơn Bình) và một phần thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.
- (2) *Cung Tuyền Vương* : tên thật là Kinh 敬, về sau lên ngôi tức Trần Duệ Tông. Bài thơ này làm vào cuối năm Canh tuất (1370), lúc Trần Phủ mới lên vùng sông Đà và chuẩn bị đánh Nhật Lễ giành lại ngôi nhà Trần.
- (3) *Bảy lăng lâm* (thất lăng) : chỉ lăng của bảy vua nhà Trần.
- (4) *Vũ* : ở đây chỉ Vũ Tắc Thiên 武則天, vợ Đường Cao Tông, chiếm ngôi nhà Đường, sau đó Trương Giác Chi 張柬之 đánh bại phe cánh của Vũ Tắc Thiên, giành lại ngôi vua cho Trung Tông.
- (5) *Lưu* : ở đây chỉ Lưu Bang 劉邦, tức Hán Cao Tổ 漢高祖, người sáng lập ra nhà Hán. Sau khi Hán Huệ Đế 漢惠帝 chết, Lữ Hậu 呂后 (vợ Hán Cao Tổ) đã chiếm ngôi vua, phong cho người thuộc giòng họ mình nhiều chức tước quan trọng để làm vây cánh. Sau đó Chu Bột 周勃 và Trần Bình 陳平 đã đánh bại họ Lữ, khôi phục lại cơ nghiệp cho họ Lưu.
- (6) *Minh Tông* : vua thứ 5 của nhà Trần và là cha của các vua Hiến Tông 憲宗, Dụ Tông 裕宗, Nghệ Tông 藝宗 và Duệ Tông 睿宗.

157

題司徒陳元旦祠堂

ĐỀ TƯ ĐỒ TRẦN NGUYÊN ĐÁN TỪ ĐƯỜNG

山 僮 扶 輦 曉 衝 泥,	Sơn đồng phù liên hiều xung nê,
纔 到 崑 山 日 正 西。	Tài đáo Côn Sơn ^{1*} nhật chính ^{2*} tề (tây).
雨 過 泉 聲 穿 石 遠,	Vũ quá tuyền thanh xuyên thạch viễn,
風 搖 竹 影 拂 簷 低。	Phong dao trúc ảnh phất thiềm đề.
鹽 梅 事 去 碑 猶 在,	Diêm mai sự khứ bi do tại,
星 斗 壇 荒 路 轉 迷。	Tinh đầu đàn hoang lộ chuyển mê.
寂 寞 洞 天 人 羽 化,	Tịch tịch động thiên nhân vũ ^{3*} hóa,
惟 存 行 跡 起 餘 悽!	Duy tồn hành tích khởi dư thê!

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ NHÀ THỜ QUAN TƯ ĐỒ TRẦN NGUYÊN ĐÁN (1)

Từ sớm, mây chủ sơn đồng khiêng kiệu, vượt bùn lầy,
 Tới Côn Sơn, mặt trời đã ngả về tây.
 Hết mưa, tiếng suối xa xa xối vào đá,
 Gió đưa cảnh trúc phơ phất trên mái hiên thấp.

Việc muối mớ (2) qua rồi, bia vẫn còn đây,
 Đàn Tinh Đầu (3) bỏ hoang, lối đi đã mờ.
 Động phủ quanh vắng, người bay lên tiên rồi,
 Chỉ còn dấu vết gọi nên nỗi buồn man mác.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 祠堂 từ đường.
 2* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 又 hựu.
 3* TVTL2 : 幻 huyền TVTL3 : 歸 qui.

CHÚ THÍCH :

- (1) Bài thơ này ra đời trong khoảng 1390-1395, tức là sau khi Trần Nguyên Đán mất (tháng 12-1390) và trước khi Trần Nghệ Tông mất (tháng 1-1395).
 (2) Muối mớ : (diêm mai) : Trong Duyệt mệnh, Thư kinh 說命, 書經 có câu : 若作調羹, 爾惟鹽梅. Nhược tác điều canh, nhĩ duy diêm mai : Điều hòa mùi vị của nồi canh thì dùng nhà người làm muối và mớ. Đây là lời vua Ân Cao Tông 殷高宗 nói với Phó Duyệt 傅說. Ý cho Phó Duyệt là con người trọng yếu của quốc gia. Đời sau hay dùng từ «diêm mai» để chỉ các viên đại thần hoặc Tể tướng, những người giúp vua điều hòa việc nước. Trong bài này là chỉ Trần Nguyên Đán.
 (3) Đàn Tinh Đầu : một cái nền cao do đạo sĩ lập ra để tế sao Bắc Đẩu. Khổng Minh 孔明 sau khi tế sao Bắc Đẩu để cầu thọ thì mất. Câu thơ dùng điển đó để nói lên cái ý Trần Nguyên Đán muốn chấn hưng nhà Trần, nhưng chưa thực hiện được.

158

題超類報恩寺

ĐỀ SIÊU LOẠI BÁO AN TỰ

虹橋跨水斷人喧,	Hồng kiều khóa thủy đoạn nhân huyền,
萬頃連波夾寺門。	Vạn khoảnh liên ba ^{1*} giáp tự môn.
風颺鳥聲林覺靜,	Phong dệ điều ^{2*} thanh, lâm ^{3*} giác tĩnh,
日篩竹影地無痕。	Nhật ^{4*} dư ^{5*} trục ảnh địa vô ngân.
藥香殿上金容燦,	Nhi Hương điện thượng kim dung xán ^{6*} ,
甘露堂中法座尊。	Cam Lộ đường trung pháp tọa tôn.
自恨兒孫貪飽煖,	Tự hận nhi tôn tham bão noãn ^{7*} ,
不隨沖密報深恩。	Bất tùy xung mật báo thâm ân.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA BẢO ÂN Ở SIÊU LOẠI (1)

Cầu vồng vượt qua nước, cách hẳn sự huyền ảo,
 Hàng muôn lớp sóng ngay sát cửa chùa.
 Gió cuốn tiếng chim đi, trong rừng yên lặng,
 Trúc che mặt trời, dưới đất không thấy vết.
 Trên diên Nhị Hương (2), kim dung (3) rực rỡ,
 Trong nhà Cam Lộ (4), pháp tọa tôn nghiêm.
 Tự giận cho con cháu chỉ tham no ấm,
 Không theo xung mặt (5) để báo đáp ơn sâu.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT : 陂 *ba*.
 2* TVTL1, TVTL3 : 馬 *mã*.
 3* VATT : 閨 *quan* ; và khảo dị : 一作林 *nhất tác lâm* : (có bản chép chữ lâm).
 4* TVTL2, TVTL3 : 月 *Nguyệt*.
 5* TVTL2 : 臨 *lâm*.
 6* VATT, TVTL2, TVTL3 : 榮 *xân*.
 7* TVTL2, TVTL3 : 煥 *áo*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Siêu Loại* : thuộc trấn Kinh Bắc, nay là huyện Thuận Thành tỉnh Hà Bắc.
 (2) *Nhị Hương* : tên thường dùng để chỉ điện Phật.
 (3) *Kim dung* : chỉ tượng Phật.
 (4) *Cam Lộ* : thuật ngữ chỉ giáo pháp nhà Phật. Dược thảo dụ phẩm, Pháp hoa kinh 藥草喻品, 法華經 có câu : 爲大眾說甘露淨法 *Vì đại chúng thuyết Cam Lộ tịnh pháp : Giảng phép tịnh Cam Lộ cho đại chúng nghe.*
 (5) *Xung mặt* : chưa rõ nghĩa.

159

崑山清虛洞碑銘

司于豈蓋日日蔭倚輔此
 徒彼有寓坐俯茂脩贊朕
 創崑願意盤清樹竹我所
 庵嶽，於乎石流則則治，以
 獨登則則思欲無嘆
 樂，臨。置欲擴致有而
 國資吾賢遐書
 勢國民士心，于山
 之論之之，
 安，之深，
 之庇，
 如林。
 之陰者也。

CÔN SƠN THANH HƯ ĐỘNG BÌ MINH 1*

Tư đồ sáng am,
 Vu bỉ ngâm khâm.
 Khởi hữu nguyên ư độc lạc,
 Cái ngụ ý hồ đẳng lâm.
 Nhật tọa bàn thạch, tắc tri quốc thể chi an,
 Nhật phủ thanh lưu, tắc dục tư quốc luận chi thâm.
 Âm mậu thụ, tắc tư khuếch ngô dân chi đại ti,
 Ý tu trúc, tắc dục tri hiền sĩ chi như lâm.
 Phụ tán ngã trị, vô hữu hà tâm,
 Thử trăm sở dĩ thân nhi thử vu sơn chi âm giả dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀI MINH KHẮC VÀO BIA ĐỘNG THANH HƯ Ở CÔN SƠN

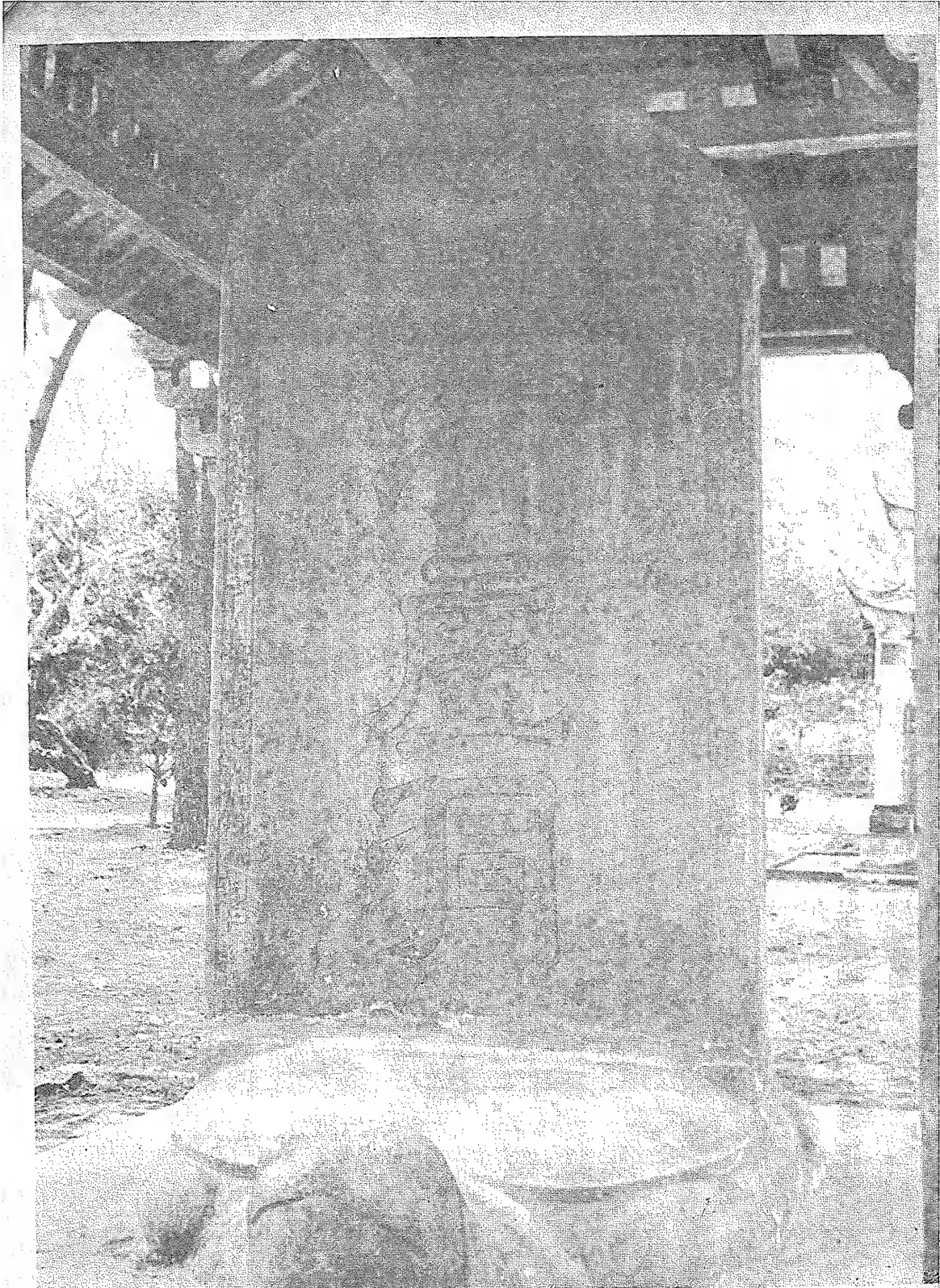
Tư Đồ (1) dựng am,
 Trên núi thâm nghiêm,
 Há phải muốn riêng mình vui thú.
 Chính là đề ngu cái ý lên cao,
 Ngồi trên bàn đá là muốn đặt thế nước yên ổn,
 Cúi nhìn dòng nước trong là muốn bàn sâu vào việc nước.
 Nương dưới bóng cây là muốn mở rộng được sự che chở cho dân,
 Tựa vào khóm trúc là muốn đến với nhiều hiền sĩ.
 Ông giúp ta trị nước, chứ không có tâm địa gì,
 Trăm thương tiếc, nên tìm hòn đá đẹp ghi vào lời này.

KHẢO ĐỊNH :

1* Bài này có trong VATT. Trước đầu đề bài minh nguyên có 4 chữ 藝泉御制 *Nghệ Tông ngự chế*, chúng tôi lược bớt.

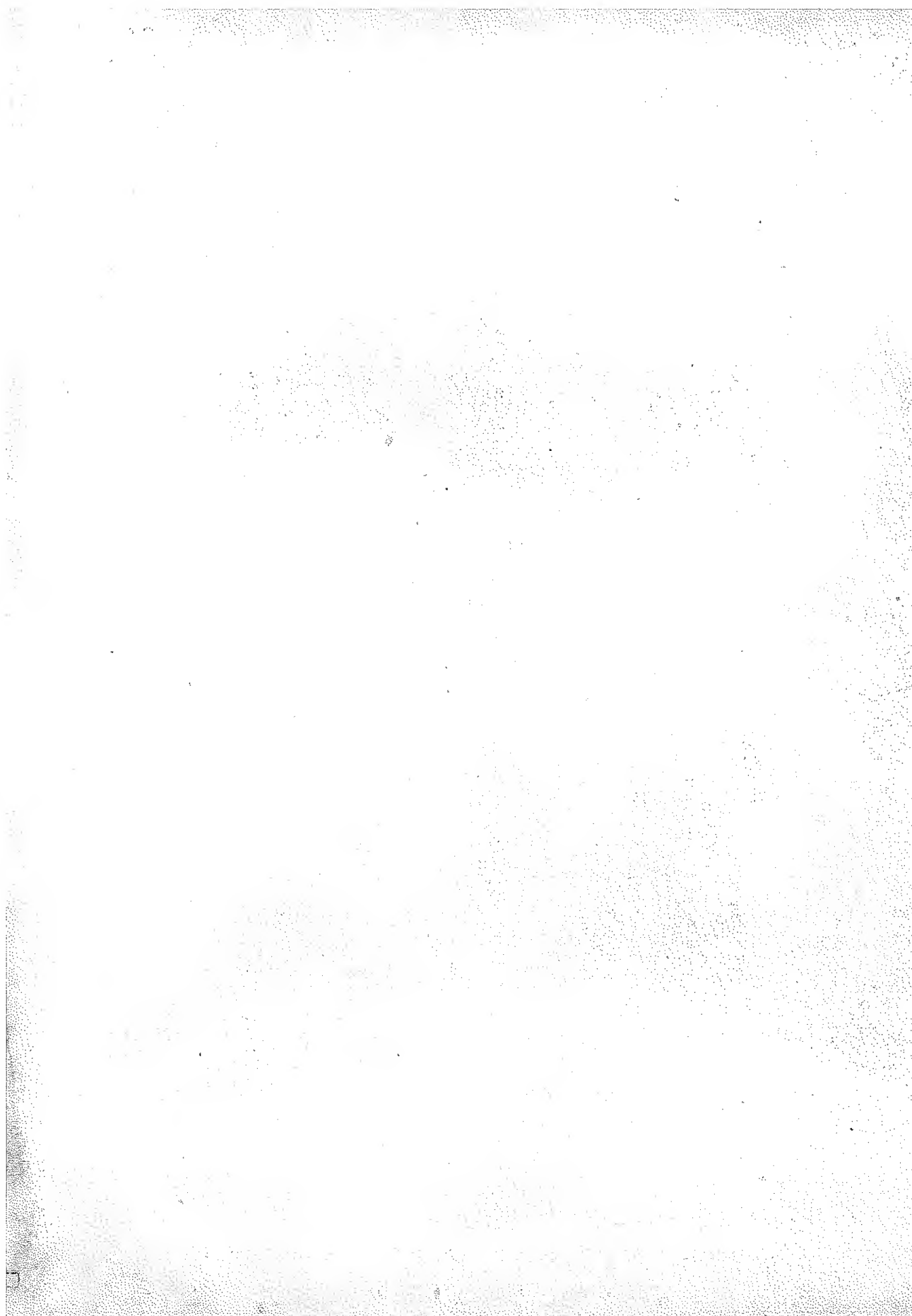
CHÚ THÍCH :

(1) Tư đồ : tức Trần Nguyên Đán.



BIA THANH HU' ĐÔNG Ở CÔN SƠN, HUYỆN CHÍ LINH, TỈNH HẢI HƯNG

(BÚT TÍCH CỦA TRẦN NGHỆ TÂN)



ĐÀO SƯ TÍCH

陶師錫

(? — ?)

Ông người xã Cổ Lễ 古禮, huyện Nam Chân 南真 thuộc lộ Thiên Trường 天長⁽¹⁾, sau di cư đến xã Lý Hải 理海 huyện Yên Lãng⁽²⁾. Năm sinh và năm mất của Đào Sư Tích đều chưa rõ; chỉ biết ông đỗ Trạng nguyên vào năm Giáp dần (1374).

Năm Tân dậu (1381), Đào Sư Tích được cử giữ chức Nhập nội hành khiển hữu ty lang trung và trở thành người thân cận của Thượng hoàng Trần Nghệ Tông 陳藝宗. Năm Quý Hợi (1383), Trần Nghệ Tông chủ trì biên soạn tập *Bảo hòa dư bút* 葆和餘筆 để dạy bảo các vua nối ngôi mình, Đào Sư Tích được giao viết bài *Tựa* ở đầu tập sách này. Năm Nhâm thân (1392), Đào Sư Tích bị giáng làm Trung thư thị lang vì có xem bức thư của Đoàn Xuân Lôi 段春雷 bác lại một vài điểm trong sách *Minh đạo* 明道 của Hồ Quí Ly 胡季犛 là kẻ đang nắm toàn bộ quyền hành trong triều đình lúc bấy giờ.

Tác phẩm: Hiện còn một bài phú chép trong QHPT⁽³⁾.

(1) *Huyện Nam Chân, lộ Thiên Trường*: Huyện Nam Chân thời thuộc Minh gọi là huyện Tây Chân, 西真, nay là huyện Nam Ninh; lộ Thiên Trường nay thuộc vùng Nam Định tỉnh Nam Hà (Hà Nam Ninh)

(2) *Huyện Yên Lãng*: nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

(3) *Lược truyện các tác gia Việt Nam; Tập I* ghi tác phẩm của Đào Sư Tích có *«Mộng ký (văn triết), chép ở Công dư tiệp ký»* có lẽ không đúng. *Mộng ký* chỉ là một mẫu giai thoại về Đào Sư Tích do Vũ Phương Đề ghi lại trong *Công dư tiệp ký* mà thôi.

160

景星賦

奮乾綱兮握樞，
 煥明星兮燭幽。
 仁恩湛兮旁決，
 品彙粲兮昭蘇。
 德既茂兮於無私，
 天乃錫乎應符。

此景星之異瑞，所以間代而僅見，有以彰隆平之休者乎！

觀其光輝絢爛，文采英華，
 耿素魄之孤明，蘸銀河之澄碧。
 接帝垣而昭晰，暎黃道而的礫，
 影動析木之津，光浮附路之側。
 周伯煌煌，揚彩而旁燭，
 含譽煜煜，分輝而交射。
 蹇色正而芒寒，曰德星之格澤。

當堯之時，天下光宅，騰耀于天，晶熒烜赫。
 何漢唐之末造，屢暝暝而昏蝕！
 際休明之盛時，復昭著乎今日。
 宜其為眾人之所快觀，而足驗天象之昭格。
 惟符瑞之特異，兆宇內之隆平。
 陰陽以絀，天地以寧，
 風雨以時，百穀用成。
 狼煙息於三陟，仁風翔乎八紘。
 禮樂昭著，法度修明。
 人怡物熙，政簡刑清。
 沸萬國之歐歌，溢四海之頌聲。
 誠足以表我國之盛治，薦一人之嘉禎。

然嘗察之：

天人一理，感通不忘。

徵不于天而于人，符不在祥而在德。

故天之瑞舜，不在七政之齊，而在勅天之時幾，

天之錫禹，不在洛書之呈，而在六府之孔修。

矧今：道闡羲軒，治軼唐虞，

峻德克明，群工承休。

騎箕尾者，媲商家之賢，

應昴宿者，陋漢世之儔。

則所以整頓乾坤，底定寰區，

致景星之效祥，寔合牒而應圖，

莫非我聖皇參贊之妙用，有以開億萬載之宏謨。

謹拜手稽首而獻句曰：

瞻 彼 瑞 彩，
燁 揚 明 兮。
太 平 之 符，
亦 孔 貞 兮。
於 維 聖 皇，
在 德 不 在 星 兮！

PHIÊN ÂM：

CẢNH TINH PHÚ

Phấn càn cương hề ác khu,

Hoán minh tinh hề chúc u.

Nhân ân trạm hề bàng thiếp,

Phẩm vựng xán hề chiêu tồ.

Đức ký mậu ư vô tư,

Thiên nãi tích hồ ứng phù.

Thử Cảnh Tinh chi dị thủy, sở dĩ gián đại nhi cần hiện, hữu dĩ chương
long bình chi hữu giả hồ !

Quan kỳ quang huy huyến lạn, văn thái anh hoa,

Cảnh tổ phách chi cô minh, trảm Ngân Hà chi trùng bích.

Tiếp Đế Viên nhi chiêu tích, ánh hoàng đạo nhi dịch lịch,
 Ảnh động Tích Mộc chi tàn, quang phủ Phụ Lộ chi trắc.
 Chu Bá hoàng hoàng, đương thái nhi bằng chúc,
 Hàm Dự dục dục, phân huy nhi giao xạ.
 Kiển sắc chính nhi mang hàn, viết Đức Tinh chi Cách Trách.
 Đương Nghiêu chi thời, thiên hạ quang trách, dăng diệu vu thiên, tinh
 huỳnh huyển hách,
 Hả Hán, Đường chi mặt tạo, lữ minh minh nhi hôn thực!
 Tế hưu minh chi thịnh thời, phục chiêu trừ hồ kim nhật,
 Nghi kỳ vì chúng nhân chi sở khoái đồ, nhi túc nghiệm thiên tượng chi
 chiêu cách.
 Duy phủ thủy chi đặc dị, triệu vũ nội chi long bình.
 Âm dương dĩ hòa, thiên địa dĩ ninh,
 Phong vũ dĩ thời, bách cốc dụng thành.
 Lang yên túc ư tam thủy, nhân phong tường hồ bát hoành.
 Lễ nhạc chiêu trừ, pháp độ tu minh.
 Nhân diêm vật hy, chính giản hình thanh.
 Phật vạn quốc chi âu ca, đặt tứ hải chi tụng thanh,
 Thành túc dĩ biểu ngã quốc chi thịnh trị, tiến nhất nhân chi gia trình.
 Nhiên thường sát chi:
 Thiên nhân nhất lý, cảm thông bất thác.
 Trưng bất vu thiên nhi vu nhân, phủ bất tại tường nhi tại đức.
 Cố thiên chi thủy Thuần, bất tại thất chính chi tề, nhi tại sắc thiên
 chi thời cơ,
 Thiên chi tích Vũ, bất tại Lạc thư chi trình, nhi tại lục phủ chi không tu.
 Thần kim : đạo xiển Hy Hiên, trị đặt Đường Ngu,
 Tuấn đức khắc minh, quần công thừa hưu.
 Kỳ Kỳ, Vĩ giả, thi Thương gia chi hiền,
 Ứng Mão tú giả, lậu Hán thế chi trù.
 Tắc sở dĩ chỉnh đốn căn khôn, dễ định hoàn khu,
 Tri Cảnh Tinh chi hiệu tường, thực hợp điệp nhi ứng đồ.
 Mạc phi ngã thánh hoàng tham tán chi diệu dụng, hữu dĩ khai ức
 vạn tải chi hoành mô,
 Cần bài thủ khê thủ nhi hiên cú viết:
 Chiêm bỉ thủy thái,
 Hoa dương minh hề.
 Thái bình chi phủ,
 Diệc không trình hề.
 Ô duy thánh hoàng,
 Tại đức bất tại tinh hề!

DỊCH NGHĨA :

PHÚ SAO CẢNH TINH (1)

Năm chốt chấn hưng việc trời,
 Sao sáng rọi soi đêm tối.
 Ân đức thấm khắp gần xa,
 Muôn vật tốt tươi chói lọi.
 Vô tư đức đã dồi dào,
 Trời bèn ứng ban điềm mới.
 Vì thế điềm tốt lạ Cảnh Tinh, sở dĩ muôn đời mới xuất hiện, là
 để làm nổi bật phúc lớn thái bình đó chẳng!

Kia xem:

Màu sắc huy hoàng, anh hoa bát ngát,
 Rọi vừng trắng bạc trắng ngần, choán dòng sông Ngân xanh ngát.
 Cảnh ngôi Đế Tọa (2) rõ ràng, phản chiếu mặt trời vàng vạc,
 Long lạnh Tích Mộc (3) bến trời, Phụ Lộ (4) bên sao nổi sắc,
 Sáng ngôi Chủ Bá (5), ánh rọi nghiêng nghiêng.
 Hàm Dự (6) chiếu soi, tia giao rùng rục,
 Này sắc nghiêm trang mà bóng lạnh lùng, chính đó là sao Cách Trạch (7)
 theo bên sao Đức (8).
 Đời vua Đường Nghiêu, thiên hạ sáng ngôi, bầu trời chói lọi, rục
 rở khắp nơi.

Sao đến cuối đời Hán Đường, luôn tối tăm mờ mịt đất trời!
 Nay nhân gặp buổi thịnh thời, bầu trời lại rạng.
 Người người xem thấy sướng vui, đủ nghiệm phép trời tỏa sáng.
 Điềm tốt lạ lòng rất mực, làm cho thiên hạ thái bình.
 Âm dương hòa hợp, trời đất yên minh,
 Mưa hòa gió thuận, lúa tốt cây xanh.
 Khói lửa ba bề yên tĩnh, gió nhân tám cõi bay quanh.
 Lễ nhạc sáng tỏ, phép tắc phân minh.
 Người yên vật thịnh, chính tốt hình thanh.
 Âu ca muôn phương rộn tiếng, ngợi khen bốn bề lòng danh.
 Thật đủ để nêu cao nước nhà thịnh trị, và dâng lên một đấng (9) điềm lành.
 Nhưng thường xét thấy rằng:
 Trời người một lẽ, cảm thông rất mực.
 Ứng nghiệm không ở trời mà ở người, tốt lành không tại điềm mà tại đức.
 Cho nên trời giúp vua Thuần, không tại sánh bầy thất chính (10), mà
 tại thiên thời vàng kính.

Trời ban cho vua Vũ, không tại trình bày Lạc thư (11), mà tại
sửa sang sáu phủ (12).

Huống gì hiện nay : đạo mở Hiên Hy (13), chính trị vượt hơn Thuần
Nghieu, (14)

Đức tốt sáng ngời, trăm quan vâng theo.

Cưỡi Ky, Vĩ, sánh khách Thương gia (15),

Ứng sao Mão, khinh người Hán triều (16).

Thế thì, chinh đồn cõi bờ, định yên đất nước,

Đề Cảnh Tinh đưa lại điềm lành, thực hợp với Đồ Thư (17) đời trước.

Không điều gì là không nhờ thánh hoàng ta khéo vận dụng tài năng
để mở rộng cho muôn đời bằng mưu lược.

Thần kinh cần chấp tay cúi đầu mà dâng lời rằng :

Kìa xem điềm bấu,

Rực rỡ trời cao.

Điềm của thái bình,

Phúc biết dường bao.

Với thánh hoàng ta,

Tại đức không tại sao.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, TIẾN SƠN

CHÚ THÍCH :

- (1) *Sao Cảnh Tinh* : Theo quan niệm của Nho gia, sao Cảnh Tinh xuất hiện là điềm báo hiệu cho một thời kỳ thái bình thịnh trị, quốc gia ổn định. *Thiên quan thư*, Sử ký 天官書, 史記 có câu : “天精而見景星, 其狀無常, 常出于有道之國”. Thiên tinh nhi kiến Cảnh Tinh, kỳ trạng vô thường, thường xuất vu hữu đạo chi quốc. Thiên tinh nhi kiến Cảnh Tinh, kỳ trạng vô thường, thường xuất vu hữu đạo chi quốc : Trời trong thì nhìn thấy sao Cảnh Tinh, hình dáng của nó không nhất định ; nó thường xuất hiện ở nước có đạo. Trong Công Dương truyện tích Hoàn Công mệnh sớ 公羊傳錫桓公命疏 lại có câu : 陰陽和, 風雨時, 則有 (...) 景星之應 Âm dương hòa, phong vũ thời, tắc hữu (...) Cảnh Tinh chi ứng : Âm dương hài hòa, gió mưa đúng thời, thì có (...) sao Cảnh Tinh ứng nghiệm.
- (2) *Đế Tọa* (Đế Viên) : Tức sao Tử Vi, tượng trưng cho nơi cung cấm của Thiên tử.
- (3) *Tích Mộc* : là bến sông Thiên Hán ở giữa khoảng sao Ky và sao Ngưu.
- (4) và (5), (6), (7), (8) là tên những ngôi sao mà người xưa cho là sao tốt (Thụy tinh).
- (9) *Một người* : Chỉ Thiên tử.
- (10) *Thất chính* : tức mặt trời, mặt trăng và năm ngôi sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Nhà Nho xưa cho rằng, mặt trời, mặt trăng và 5 ngôi sao đó vận hành có độ số như chính sự của quốc gia nên gọi là « Thất chính ».
- (11) *Lạc thư* : Hệ từ, Dịch kinh 繫辭, 易經 có đoạn : ... 洛出書聖人則之 ... Lạc xuất thư, thánh nhân tắc chi ; Sông Lạc Thủy xuất hiện một thiên sách, thánh nhân học theo những cái đó. Theo truyền thuyết, đời thượng cổ ở Trung Quốc, vua Vũ thượng trị thủy xong thì ở sông Lạc Thủy có con rùa thần hiện lên. Trên mai rùa có

những nét vạch giới hạn bởi số 9. Vua Vũ theo đó mà vạch ra Cửu trù trong thiên-Hồng phạm của Kinh Thư.

(12) *Sáu phủ* : Đồi Ân ở Trung Quốc đặt ra sáu nơi chứa của cải gọi là sáu phủ. Quan chức trông coi các phủ ở nước Thiên tử thì gọi là : Tư thổ, Tư mộc, Tư thủy, Tư thảo, Tư khí, Tư hóa.

(13) (14) *Hiên, Hy* tức là vua Hiên Viên 軒轅, và vua Phục Hy 伏羲. Theo truyền thuyết, hai vua này cùng Nghiêu, Thuấn là những vua nổi tiếng đạo đức thời cổ Trung Quốc.

(15) Theo sách *Trang Tử* 莊子, xưa ông Phó Duyệt 傅說, một bậc hiền tài đời nhà Thương, là người cưỡi sao Kỵ sao Vĩ sánh hàng với các vị tinh tú ở vùng trời đông.

(16) Theo *Sử ký* 史記, Tiêu Hà 蕭何, người giúp Hán Cao Tổ 漢高祖 lập ra nhà Hán, là người ứng-vì sao Mão mà giáng sinh.

Hai câu này trong bài phú Cảnh Tinh tán tụng quan lại đời ấy có thể ngang tài với Phó Duyệt đời Thương và còn hơn Tiêu Hà đời Hán. Sự thực lúc này triều Trần đã suy đổ.

(17) *Đồ Thư* : tức Hà đồ và Lạc thư. Hà đồ : Theo truyền thuyết, đời thượng cổ ở Trung Quốc khi Phục Hy làm vua thì có con long mã nổi lên ở sông Hà, trên lưng có một bức đồ hình gồm những nét vạch. Phục Hy theo đó vạch thành bát quái trong *Dịch Kinh*. *Lạc thư* : xem chú thích số (11) bài này.

TRẦN ĐÌNH THÂM

陳廷琛

(?)

Trần Đình Thâm hiệu là Hủ Phổ 樗圃 (1), sinh và mất năm nào chưa rõ ; người làng Phúc Đa 福多, xã Chí Tri 致知, huyện Đông Triều 東潮 (2), phủ lộ Tân Hưng 新興, trấn Hải Thanh 海清 (3). Ông đậu Thám hoa năm Long Khánh 隆慶 thứ 2 (1374), làm quan đến chức Ngự sử Trung tán, quyền Giám tu Quốc sử; được Trần Duệ Tông 陳睿宗 cử đi sứ, đối đáp cứng cỏi, ông được người Nguyên khen ngợi, các sứ gia cổ nước ta cũng hết sức đề cao. Khi Hồ Quý Ly 胡季釐 lên làm vua, ông giả cách điếc không ra làm quan.

Tác phẩm : hiện còn 2 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) VATT chép là Lâu Phổ 樓圃.

(2) TVTL chép là huyện Nam Sách 南策; HVTT, TDTT chép là Nam Xương. Chúng tôi dựa vào *Lịch đại đại khoa lục* và *Đẳng khoa lục*.

(3) Nay là huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

161

題秋江送別圖

ĐỀ THU GIANG TÓNG BIỆT ĐỒ

江 樹 晴 更 濃，
江 波 綠 未 已。
離 思 浩 難 收，
泊 泊 寄 江 水。

Giang thụ tình cánh nồng,
Giang ba lục vị 1* dĩ 2*.
Ly tứ hao nan thu,
Thao thao ký giang thủy.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ BỨC TRANH TIỀN BIỆT TRÊN SÔNG MÙA THU

Trời tạnh cây bên sông càng xanh đậm,
 Sông trên sông màu xanh vô không ngừng.
 Nỗi nhớ lúc xa nhau mênh mông khó nói hết,
 Đành gửi theo dòng sông cuộn cuộn trôi.

DỊCH THƠ :

*Trời tạnh trên sông cây đậm nồng,
 Dưới sông nước biếc vẫn xuôi dòng.
 Từ sầu ly biệt thêm man mác,
 Cho cuốn xuôi cùng với nước sông.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH, TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* TDTT : 水 thủy.

2* TDTT : 記 dĩ.

162

挽王少保汝舟

VĂN VƯƠNG THIẾU BẢO NHƯ CHU

三孤位重德彌彰，
 天不止賢公在廟堂。
 豈留勞在扶聖主，
 曾將忠盡事先皇。
 域山江盡閣惟寒月，
 莽洞雲深止夕陽。
 悵望不勝情緒切，
 東風洒淚寫哀章。

Tam cô vị trọng đức di chương,
 Thiên bất lưu công tại miếu đường !
 Khởi chỉ hiền lao phù thánh chúa,
 Tăng trưng trung tẫn sự tiên hoàng.
 Vực Sơn giang khoát duy hàn nguyệt,
 Căn Động vân thâm chỉ tịch dương.
 Trương vọng bất thăng tình tự thiết,
 Đông phong sái lệ tả ai chương !

DỊCH NGHĨA :

VIẾNG QUAN THIẾU BẢO VƯƠNG NHỮ CHU (1)

Địa vị Tam cô (2) trọng yếu, đức càng sáng tỏ,
 Trời chẳng để ông ở lại nơi miếu đường nữa.
 Há chỉ là tôi hiền tài, phò tá thánh chúa ngày nay,
 Mà đã từng đem lòng trung ái, thờ đức tiên hoàng khi trước.
 Sông Vực Sơn (3) mệnh mông, chỉ còn lại vầng trăng lạnh,
 Mây Càn Động (4) ùn ùn, chỉ thấy bóng trời tà.
 Ngậm ngùi trông, mối tình xiết bao tha thiết,
 Trước gió đông nhỏ lệ, viết bài thơ đau thương !

CHÚ THÍCH :

- (1) *Vương Nhữ Chu* 王汝舟 : người cùng thời với tác giả. Vương Nhữ Chu làm chức Nhập nội hành khiển tả ty dưới triều Phế Đế 廢帝. Đến đời Thuận Tông 順宗 làm chức Thiếu bảo, sau làm Tri phủ phủ Thiên Trường, từng tham gia vào việc đặt các qui chế tiền giấy và các nghi lễ triều đình hồi bấy giờ.
- (2) *Tam cô* : theo qui chế quan chức nhà Trần thì Tam cô gồm Thiếu sự, Thiếu bảo và Thiếu phó. Ở đây, Vương Nhữ Chu làm Thiếu bảo, tức thuộc vào một trong hàng chức Tam cô ấy.
- (3) (4) *Vực Sơn, Càn Động* : đều chưa rõ thuộc vùng nào.

TRẦN CÔNG CẦN

陳公瑾

(?)

Trần Công Cần sinh và mất năm nào chưa rõ, chỉ biết ông là em ruột Trần Đình Thâm 陳廷琛 (1). Người làng Phúc Đa 福多 xã Chi Tri 致知, huyện Đông Triều 東潮 phủ lộ Tân Hưng 新興 trấn Hải Thanh 海淸 (2).

Tác phẩm : còn một bài thơ chép trong *Toàn-Việt thi lục* và một bài phú chép trong *Quần hiền phú tập*.

(1) Xem thêm phần tiểu sử của Trần Đình Thâm, trang trước.

(2) Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

163

春日遊山寺

XUÂN NHẬT DU SƠN TỰ

杖藜扶我入禪関,
花草迎人取次攀。
院靜山明窗似畫,
一庭芳草佛家閑。

Trượng lê phù ngã nhập thiền quan,
Hoa thảo^{1*} nghênh nhân thủ thú^{2*} phan.
Viện tĩnh sơn minh song tự họa,
Nhất đình phương thảo Phật gia nhàn.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY XUÂN CHƠI CHÙA TRÊN NÚI

Chiếc gậy lê đỡ ta vào cửa thiền,
Hoa cỏ đón người lần lượt vin.
Cảnh viện yên lặng, núi sáng, ngoài cửa sổ đẹp như vẽ,
Một sân cỏ thơm, cảnh nhà Phật thanh nhàn.

DỊCH THƠ :

Gây lê đỡ lão nhập thiên quan,
 Hoa cỏ đón người vịn bước lên.
 Viên vắng ngoài sông non tựa vẽ,
 Một sân hương cỏ Phật gia nhân.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1: 符 符.

2* TDTT: 次 遂 休 歇.

164

蟠溪釣璜賦

客有方千溪，舟萬壑；瞬岐豐，武瀍洛；蹀嚴瀨而左旋，指蟠溪而徑泊，賊煙樹之微茫，澹風雲之莽漠。蹇中心兮搖搖，念佳興兮眈眈。忽霜髯之老叟，撐葦航而遠渡。

客趨而問之，叟曰：子不聞太公之釣璜者乎？當其虐焰方熾，商室如燬百川沸騰，周道如砥，公避道而去旃，爰于茲兮戾止。托以釣而隱之，養高尚其心志，長其睛空歛灩，別浦參差，寒波練若，溪水漣漪；翳竹竿之簞簞，散香餌之菲菲。或鯁或鯉，游揚乎荷藻之上；或鱣或鮪，洋圍乎沼沚之湄。任彼所適，匪我是期。

倏有璜之奚自，紛我釣而遇之。想皇天之錫瑞，豈川姬之效奇。狀類半壁，無瑕無疵。匪璵匪瑤，匪珠匪璣，如珪如璋，如琮如瑀。其剛毅也可以比公之勇烈，其堅硬也可以較公之壽耆；其鎮栗也可以媲公

之節操；其溫潤也可以視公之容儀；其瑞光也可以較公佐王之象，其蒼色也可以表周家受命之基。豈非天降厥祥以章君臣之德於當時乎？

至若西伯出獵於彼之疆，識其賢哲，同載以裝推上父以命名。求示我於周行。唯涼彼之武臣，曰我周之是當。乃同心而協德，恭天伐而肅將，至前徒之倒戈，諒一伐而克商。爰崇德而報功，俾周祚之益昌。

噫！天命之如此，豈非天錫玉璜而示厥祥者乎？

客難之曰：叟之言蕪矣，何六經無一字之記，先哲絕半語之詞？

叟語之曰：子徒嘗聞，未常海視。不有奇祥，孰明至理？河出龍馬以效羲氏有德之徵，天錫玄圭以表大禹平成之治，豈不示以明徵而表其嘉瑞者乎？

叟言已，鼓枻而逝。

客若有失：愀然長喟。乃歌曰：

蟠溪之水，清且漣漪！
釣璜之事，今其已非，
太公芳型兮，千古如斯。

PHIÊN ÂM :

BÀN KHÊ ĐIỀU HUỖNH PHÚ

Khách hữu phương thiên khê, chu vạn hức ; thuấn Kỳ Phong, võ Triều, Lạc ; lịch Nghiêm lại nhi tả toàn ; chỉ Bàn Khê nhi kinh bạc. Nga yên thụ chi vi mang, đàm phong vân chi mãng mạc. Kiền trung tâm hề dao dao, niệm giai hưng hề di ngạc. Hốt sương nhiêm chi lão tẩu, xanh vĩ hàng nhi dao đạc.

Khách xu nhi vấn chi. Tẩu viết : Tử bất văn Thái Công chi điều huỳnh giả hồ ? Đương kỳ ngược diêm phương xỉ, Thương thất như hủy. Bách xuyên

phật đăng, Chu đạo như chỉ. Công ty đạo nhi khứ chiên, viên vu tư hề lệ chỉ. Thác dĩ điều nhi ân chi, khương cao thượng kỳ tâm chi. Thời kỳ tình không liệm diệm, biệt phổ sâm si, hàn ba luyện nhược, khê thủy liên y ; niếu trúc can chi địch địch, tản hương nhĩ chi phi phi. Hoặc yển hoặc lý, du dương hồ hành tảo chi thượng, hoặc chiên hoặc vị, dương ngữ hồ chiếu chỉ chi my ; nhậm bỉ sở thích, phi ngã thị kỳ.

Thúc hữu huỳnh chi hề tự, phản ngã điều nhi ngộ chi. Tưởng hoàng thiên chi tích thủy, khỉ xuyên cơ chi hiệu kỳ. Trạng loại bán bích, vô hà vô tỷ, phi thông phi tuy, phi châu phi ky. Như khuê như chương, như tông như ly. Kỳ cương nghị dã khả dĩ tỷ công chi dũng liệt ; kỳ kiên ngành dã khả dĩ hiệu công chi thọ kỳ ; kỳ chần lật dã khả dĩ tỷ công chi tiết thảo ; kỳ ôn nhuận dã khả dĩ thị công chi dụng nghi ; kỳ thủy quang dã khả dĩ hiệu công tá vương chi tượng ; kỳ thương sắc dã khả dĩ biểu Chu gia thụ mệnh chi ky (cơ). Khỉ phi thiên giáng quyết tường dĩ chương quân thần chi đức ư đương thời hồ ?

Chi nhược Tây Bà xuất liệp ư bỉ chi cương, thức kỳ hiền triết, đồng tải dĩ trang, suy Thượng phủ dĩ mệnh danh, cầu thị ngã ư chu hàng. Duy lương bỉ chi vũ thần, viết ngã Chu chi thị đương. Nãi đồng tâm nhi hiệp đức, cung thiên phạt nhi tức tương, chi tiền đồ chi đảo qua, lượng nhất phạt nhi khắc Thương. Viên sùng đức nhi báo công, tỷ Chu tộc chi ích xương. Y ! Thiên mệnh chi như thử, khỉ phi thiên tích ngọc huỳnh nhi thị quyết tường giả hồ.

Khách nan chi viết : tàu chi ngôn vu hỹ, hà lục kinh vô nhất tự chi ký, tiên triết tuyệt bán ngữ chi từ ?

Tàu ngữ chi viết : tử đồ hãm văn, vị thương hải thị. Bất hữu kỳ tường, thực minh tri lý ? Hà xuất long mã, dĩ hiệu Hy thị hữu đức chi trưng, thiên tích Huyền Khuê dĩ biểu Đại Vũ bình thành chi trị, khỉ bất thị dĩ minh trưng nhi biểu kỳ gia thủy giả hồ ?

Tàu ngôn dĩ, cổ duệ nhi thệ.

Khách nhược hữu thất, tiếu nhiên trường vị. Nãi ca viết :

Bàn Khê chi thủy, thanh thả liên y !

Điều huỳnh chi sự, kim kỳ dĩ phi,

Thái Công phương hình hề, thiên cổ như ty (tư).

DỊCH NGHĨA :

BÀI PHÚ CÂU NGỌC HUỲNH Ở BÀN KHÊ (1)

Khách có kể lụy ngàn khe, vượt muôn thác ; ngấm Kỳ, Phong (2), dao Triền, Lạc (3) ; dỗi Nghiêm Lại (4) mà vòng quanh, chỉ Bàn Khê mà tiến bước. Khói cây ngấm thấy lò mờ, mây gió nhạt chiều man mác. Trong lòng cảm thấy nao nao, giai hứng chạnh niềm ngơ ngác. Chợt thấy ông già râu bạc, chống thuyền nan mà vượt qua.

Khách tới gần hỏi. Ông già nói rằng : Người không nghe chuyện Thái Công (5) câu ngọc huỳnh hay sao ? Trong khi lửa ngược rực hồng, nhà Thương (6) như cháy. Trăm sông sục sôi, đường cái như đá (7). Ông lánh nạn đi, đến ở nơi đó. Mượn tiếng câu để dấu mình, giữ vẹn tấm lòng cao cả. Trong lúc trời cao lồng lộng, bến rộng nhấp nhô, sóng phò lục trắng, suối lượn lập lò ; cần câu buồng lớn vờn, mồi cá rắc thơm tho. Cá yến (8) cá lý, vùng vẫy trong vùng hành tảo (9), cá chiến cá vị lượn lơ trên mặt ao hồ ; mặc chúng thỏa thích, ta bắt chi mà.

Bỗng có ngọc huỳnh đâu đến, ta sẽ câu được mây đây. Hân trời muốn ban điềm tốt, hay thần sông có ý giúp vì. Hình như bán bích (10), không dấu vết gì. Không phải thông (11), tuy, chẳng phải châu, ky. Như khuê như chương, như tông như ly. Nó cương nghị có thể sánh với dũng liệt của ông ; nó rắn bền có thể sánh với tuổi thọ của ông ; nó vững chắc có thể sánh với tiết tháo của ông ; nó ôn nhuận có thể sánh với phong thái của ông ; nó sáng rạng có thể sánh công giúp nước của ông ; nó xanh thắm có thể nói lên nhà Chu chịu mệnh trị vì. Đó chẳng phải là trời giáng điềm lành để làm rạng rỡ đức độ vua tôi lúc bấy giờ đấy sao ?

Đến khi Tây Bá (12) đi săn ở nơi biên cương, biết người hiền triết, cùng xe sánh hàng, tôn mệnh danh là Thượng phủ (13), cầu mong dạy đạo cao sang. Trở thành võ thần tài giỏi, việc nhà Chu thấy đảm đương. Bền đồng tâm và hiệp đức, kinh vâng « thiên-phật » (14) mệnh thưởng. Làm cho quân thù quay giáo (15), một lần đánh diệt nhà Thương. Rồi thưởng công và chuộng đức, để nhà Chu thêm vững vàng. Ôi ! Mệnh trời đến như thế, há chẳng phải trời cho ngọc huỳnh mà báo điềm tốt đó sao ?

Khách bẻ lại rằng : lời ông nói mơ hồ, sao việc ấy Lục kinh (16) không chép một chữ, và tiên triết không nói nửa lời ?

Ông già đáp rằng : Người chỉ biết hang mà chưa thấy biển. Không có điềm trời, nhẽ kia ai rõ ? Sông ra long mã (17) là để nêu lên công đức họ Hy, trời cho Huyền Khuê (18) là làm rạng nghiệp bình thành vua Vũ, đó chẳng phải là trời lấy tin lành mà nêu lên điềm tốt đấy sao ?

Ông già nói xong, vẫy chèo mà đi.

Khách dường ngần ngại, ngậm ngùi than thở. Bèn ca rằng :

Suối Bàn Khê trong veo nước chảy !

Câu ngọc huỳnh chuyện ấy đã qua,

Thái Công gương cũ chưa nhòa,

Ngàn năm sự nghiệp vẫn là ở đây.

NGUYỄN ĐỨC VĂN

CHÚ THÍCH :

- (1) Tương truyền rằng Lã Vọng 呂望 người Đông Hải, hơn 80 tuổi, câu ở Bàn Khê được con cá lớn, trong bụng cá có viên ngọc khắc mấy chữ : «Họ Cơ chịu mệnh trời, họ Lã giúp». Sau Chu Văn Vương 周文王 đi săn gặp ông, mời ông về giúp và diệt được nhà Thương 商, lập nên nhà Chu 周. Bài phú lấy đề tài từ câu chuyện đó.
- (2) Kỳ, Phong : đều là những tên đất thuộc tỉnh Thiểm Tây, nơi nhà Chu sáng nghiệp.
- (3) Triều, Lạc : tên hai con sông ở tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, chỗ nhà Đông Chu đóng đô.
- (4) Nghiêm Lai : tức Nghiêm Lăng Lai 嚴陵瀨 chỗ nhà ẩn sĩ đời Đông Hán là Nghiêm Quang 嚴光 ngồi câu cá. Nơi này thuộc huyện Đồng Lư, tỉnh Chiết Giang.
- (5) Lã Vọng gặp Văn Vương, Văn Vương mừng lắm, nói rằng : 吾太公, 望子久矣 Ngô Thái Công, vọng tử cửu hĩ : Thái Công, ta trông nhà ngươi lâu lắm rồi, và gọi ông ta là Thái Công Vọng 太公望.
- (6) Nhà Thương còn gọi là nhà Ân 殷, một triều đại ở Trung Quốc, vào khoảng năm 1776 - 1122 trước công nguyên.
- (7) Thư kinh 書經 có câu : 周道如砥 Chu đạo như chỉ : đường lớn bằng phẳng vững vàng như đá.
- (8) Yến, ly, chiến, vị : đều là tên cá.
- (9) Hạnh, táo : tên hai loại rau ở dưới nước.
- (10) Bán bích : nửa vòng tròn. Viên «ngọc huỳnh» hình như nửa vòng tròn nên gọi là bán bích.
- (11) Thông, tuy, khuê, chương, tông, ly : đều là tên ngọc.
- (12) Vua Trụ 紂 phong cho Văn Vương làm Tây bá hầu, vì vậy Văn Vương còn gọi là Tây Bá.
- (13) Vua nhà Chu đãi Lã Vọng như cha, Lã Vọng lại có tên là Thượng 尚, vì vậy gọi là Thượng phủ.
- (14) Thiên phạt : vâng mệnh trời để đánh phạt.
- (15) Quân của vua Trụ khi đánh nhau với quân của Võ Vương đều quay mũi giáo chạy về với Võ Vương.
- (16) Lục kinh : sáu kinh. Đó là Thư kinh 書經, Thi kinh 詩經 Dịch kinh 易經, Lễ kinh 禮經 Nhạc kinh 樂經 và Xuân thu kinh 春秋經.
- (17) Tương truyền đời vua Phục Hy 伏羲 có con lông mã cống bức vẽ từ dưới nước lên, Phục Hy bèn theo đó mà vạch ra tám quẻ.
- (18) Tương truyền vua Vũ trị thủy thành công, trời ban cho viên ngọc Huyền khuê.

TRẦN HẠO

陳皓

(TRẦN DỤ TÔNG)

陳裕宗

(1336 — 1369)

Trần Hạo tức Trần Dụ Tông, con thứ 10 của Trần Minh Tông 陳明宗, nguyên quán ở hương Tức Mặc 即墨, làm vua 28 năm lấy niên hiệu là Thiệu Phong (1341 - 1357) và Đại Trị (1358 - 1369). Trong những năm Dụ Tông làm vua mất mùa xảy ra liên tiếp, chính trị đổ nát, nhân dân nhiều nơi nổi lên chống lại triều đình. Nhà Trần suy từ đó.

Tác phẩm : Theo LTCTGVN, Trần Dụ Tông có soạn bộ *Trần triều đại điển* 陳朝大典, gồm 2 quyển, nay đã mất. Hiện chỉ còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Hà.

165

唐太宗與本朝太宗

ĐƯỜNG THÁI TÔNG DỮ BẢN TRIỀU
THÁI TÔNG 1*

唐越開基兩太宗，
彼稱貞觀我元豐。
建成誅死，安生
在，廟號雖同，德不同。

Đường, Việt khai cơ lưỡng Thái Tông,
Bỉ xưng Trinh Quán, ngã Nguyên
Phong.
Kiến Thành tru 2* tử, An Sinh tại,
Miếu hiệu tuy đồng, đức bất đồng.

DỊCH NGHĨA :

VUA THÁI TÔNG NHÀ ĐƯỜNG VỚI VUA THÁI TÔNG TRIỀU TA

Đường và Việt đều có vua mở mang cơ nghiệp thụy là Thái Tông,
 Bên họ xưng là Trinh Quán, bên ta xưng là Nguyên Phong. (1)
 Kiến Thành bị giết chết, An Sinh thì được sống (2),
 Miếu hiệu tuy giống nhau nhưng đức độ lại khác nhau.

DỊCH THƠ :

*Đường Việt, hai vua hiệu Thái Tông,
 Đường xưng : Trinh Quán, Việt : Nguyên Phong.
 Kiến Thành bị giết, An Sinh sống,
 Miếu hiệu tuy đồng, đức chẳng đồng.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH.

KHẢO ĐỊNH :

1* VATI, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 書懷 *Thư hoài*.

2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 謀 *mưu*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đường Thái Tông, vua thứ hai nhà Đường, đặt niên hiệu là Trinh Quán. Trần Thái Tông, vua đầu nhà Trần, đặt niên hiệu là Nguyên Phong.
- (2) Đường Thái Tông tức Lý Thế Dân con thứ của Lý Uyên (Đường Thái Tổ) có công đánh dẹp lớn. Lý Uyên muốn truyền ngôi cho con trưởng là Kiến Thành, Thế Dân không chịu. Kiến Thành và Nguyên Cát (em Thế Dân) mưu giết Thế Dân, nhưng lại bị Thế Dân giết cả hai. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* : Năm 1237 Trần Thái Tông lấy công chúa Thuận Thiên Lý Thị, vợ của anh mình là Trần Liễu. Lúc này Thuận Thiên đã có mang Quốc Khang được 3 tháng. Trần Thủ Độ xui vua mạo nhận để làm việc lớn về sau. Trần Liễu họp quân ở Sông Cái để chống lại. Vua áy náy ra ở núi Yên Tử, Trần Thủ Độ mấy lần ra mời về kinh, vua không nghe. Về sau Trần Liễu thấy thế cô giả làm người đánh cá đến xin hàng. Thủ Độ nghe tin đến, rút gươm thét to đòi giết Liễu. Vua dấu Liễu dưới thuyền và nói với Độ là Liễu hàng, khuyên Độ rút.

HỒ QUÝ LY 胡季犛

(1336 ?)

Hồ Quý Ly tự là Lý Nguyên 理元, sinh năm 1336⁽¹⁾. Người ở hương Đại Lại 大吏⁽²⁾. Tổ tiên vốn họ Hồ, nguyên ở vùng Bảo Đột 泡突 đất Diễn Châu 演州⁽³⁾, đến đời Hồ Liêm 胡廉 mới dời ra Đại Lại. Vì Hồ Liêm làm con nuôi của Tuyên úy Lê Huấn 黎訓, nên đổi họ là Lê. Do đó mà Hồ Quý Ly, cháu bốn đời của Hồ Liêm, còn được sử sách gọi là Lê Quý Ly 黎季犛.

Hồ Quý Ly có hai người cô ruột đều là cung nhân của Trần Minh Tông 陳明宗: một người là Minh Từ 明慈, sinh ra Trần Duệ Tông 陳睿宗. Từ quan hệ ngoại thích, Hồ Quý Ly dần dần được nhà Trần tin dùng, đặc biệt là Trần Nghệ Tông 陳藝宗. Năm 1371, từ chức Chi hậu tứ cục chánh chưởng, Hồ Quý Ly được thăng lên chức Khu mật viện đại sứ. Ít lâu sau, được phong thêm chức Trung tuyên quốc thượng hầu... Năm 1379, thêm chức Tiều tư không và Nguyên nhung hành Hải tây đô thống chế... Năm 1387, được phong Đồng bình chương sự, vua Trần ban cho một thanh gươm và một lá cờ đề chữ 文武全才, 君臣同德 *Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức*... Năm 1395, làm chức Nhập nội phụ chính Thái sư, Bình chương quân quốc trọng sự, Tuyên trung vệ quốc đại vương, đeo lân phù bằng vàng... Năm 1400, Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, tự xưng làm vua, đổi tên nước là Đại Ngu 大虞. Năm 1406, quân Minh sang xâm lược nước ta. Hồ Quý Ly tuy có tổ chức cuộc kháng chiến chống lại, nhưng căn bản vì nhà Hồ lên ngôi một cách bất chính, lại thi hành nhiều chính sách vụ lợi cho giòng họ mình trước hết, làm mất lòng dân, không đoàn kết được toàn dân, nên cuối cùng bị thất bại. Hồ Quý Ly bị quân xâm lược nhà Minh bắt đưa về nước năm 1407, cùng với con là Hồ Nguyên Trừng 胡元澄, Hồ Hán Thương 胡漢蒼. Không rõ mất năm nào.

Về mặt học thuật, Hồ Quý Ly có nhiều cái nhìn độc đáo so với người đương thời, nhất là chủ trương dùng chữ Nôm để dịch và giới thiệu những sách kinh điển bằng chữ Hán. Theo sử chép, thì năm 1392, Hồ Quý Ly có soạn sách *Minh đạo* 明道 gồm 14 thiên, trong đó gọi Chu Công 周公 là Tiên thánh, Không Tử 孔子 là Tiên sư...; cho sách *Luận ngữ* 論語 có một số chỗ đáng

ngờ, như việc Không Tử ra mắt nàng Nam Tử 南子, việc Không Tử ở nước Trần hết lương, việc Phất Bật 弗辟 gọi mà Không Tử muốn đến...; cho Hàn Dũ 韓愈 là nhà nho ăn trộm (đạo Nho); cho Chu Đôn Di 周敦頤, Trình Hiệu 程頤, Trình Di 程頤, Dương Thi 楊時, Lý Diên Niên 李延平, Chu Hy 朱熹 đều là những kẻ tuy học rộng nhưng tài kém, không chú ý đến thực tế, chuyên đánh cắp văn chương của người xưa. Ngoài ra, Hồ Quý Ly còn dịch thiên *Vô dật* 無逸 trong *Thư kinh* 書經 (năm 1395), làm sách *Thi nghĩa* 詩義 để giảng giải *Thi kinh* 詩經, cũng bằng Quốc âm. Bài tựa sách *Thi nghĩa* 詩義 cũng phần nhiều viết theo ý riêng của mình, không theo tập truyện của Chu Hy.

Tác phẩm: hiện còn 5 bài thơ (1 bài trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và 4 bài chép trong *Toán Việt thi lục*).

- (1) Về năm sinh của Hồ Quý Ly, nhiều sách không ghi chép. Riêng ĐVSKTT có ghi sự kiện sau đây: «Quý Ly tự nghĩ mình năm ấy (tức năm Ất dậu, 1405) 70 tuổi, ban cho phụ lão ở các lộ từ 70 tuổi trở lên, mỗi người trước 1 tư; đàn bà già thì cho tiền giấy. Ở Kinh thành thì cho trước và cho ăn uống» (Xem Bd. ĐVSKTT, *Bản kỷ*, quyển VIII, *Kỷ nhà Trần*, phần *Phụ Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương*). Qua đó có thể biết Hồ Quý Ly sinh năm 1336.
- (2) Nay ở phía bắc sông Lèn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, còn có núi Kim Âu, tức là núi Đại Lại cũ. Hương Đại Lại có lẽ nằm ở vùng này.
- (3) Nay thuộc Nghệ An.

166

寄元君

KÝ NGUYỄN QUÂN^{1*}

前	有	庸	暗	君,	Tiền hữu dụng ám quân,
昏	德	及	墨	德。	Hôn Đức cập Linh Đức.
何	不	早	安	排,	Hà bất tảo an bài.
徒	使	勞	人	力。	Đồ sử lao nhân lực.

DỊCH NGHĨA :

GỬI NGUYỄN QUÂN⁽¹⁾

Trước đây có những vua tầm thường, ngu tối,
 Như Hôn Đức⁽²⁾ và Linh Đức⁽³⁾,
 Sao không sớm định số phận của mình đi,
 Chỉ để làm thêm mệt sức kẻ khác.

DỊCH THƠ :

Cũng một duộc vua hèn,
Hôn Đức và Linh Đức.
Sao chẳng sớm liệu đi,
Chỉ để người nhọc sức.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

1* Bài này chỉ thấy chép trong ĐVSKTT. Đầu đề bài thơ do chúng tôi đặt.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo ĐVSKTT, năm Kỷ mao (1399), Hồ Quý Ly buộc vua nhà Trần là Thuận Tông 順宗 phải xuất gia theo Đạo giáo, đến ở quán Ngọc Thanh thuộc thôn Đạm Thủy (Đông Triều, Hải Dương, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh). Quý Ly mật sai Nội tâm học sinh là Nguyễn Cẩn đi theo Thuận Tông, và đưa cho Cẩn một bài thơ, trong có những câu 元君不死, 汝當死之. Nguyên quân bất tử, như đương tử chi: Vua mà không chết, thì người phải tìm cách làm cho vua chết. Đồng thời, Hồ Quý Ly gửi cho Thuận Tông bài thơ này, có ý giục Thuận Tông nên sớm kết liễu đời mình đi thì hơn.
- (2) *Hôn Đức*: tức Hôn Đức Công, tên một vua nhà Trần. Sau khi Trần Dụ Tông 陳裕宗 chết (1369), vì không có con nối nghiệp, nên Thái hậu mới lập Dương Nhật Lễ 楊日禮 là con riêng của vợ Cung Túc Vương 恭肅王 (Cung Túc Vương là con trưởng của Trần Minh Tông 陳明宗) lên làm vua. Ít lâu sau, Dương Nhật Lễ bị phế làm Hôn Đức Công, rồi tiếp đến bị giết.
- (3) *Linh Đức*: tức Linh Đức Đại Vương, tên một vua nhà Trần. Sau khi Trần Duệ Tông 陳睿宗 tử trận (1377), Trần Nghệ Tông đã lập con trưởng của Duệ Tông là Nghiễn 昪 lên nối ngôi (sau là Phế Đế 廢帝 niên hiệu Xương Phù). Đến năm 1388, Nghiễn bị phế làm Linh Đức Đại Vương, và phải thắt cổ chết.

167

答北人問
安南風俗ĐÁP BẮC NHÂN VẤN
AN NAM PHONG TỤC

欲問安南事，
安南風俗淳。
衣冠唐制度，
禮樂漢君臣。
玉璽開新酒，
金刀斫細鱗。
年年二三月，
桃李一般春。

Dục vấn An Nam sự,
An Nam phong tục thuần.
Y quan Đường chế độ,
Lễ nhạc Hán quân thần.
Ngọc ủng khai tân tửu,
Kim đao chúc tế lân.
Niên niên nhị tam nguyệt,
Đào, lý nhất ban xuân 1*.

DỊCH NGHĨA :

**TRẢ LỜI NGƯỜI PHƯƠNG BẮC
HỎI VỀ PHONG TỤC NƯỚC AN NAM**

Muốn hỏi về chuyện nước An Nam ư ?
 Nước An Nam phong tục vốn thuần hậu,
 Áo mũ không khác chế độ nhà Đường.
 Lễ nhạc tương tự vua quan nhà Hán,
 Bình ngọc rót rượu mời cất ngát thơm,
 Dao vàng mổ cá ngon nhỏ vảy (1),
 Hàng năm cử độ tháng hai tháng ba,
 Đào, mạn đều cùng xuân như nhau cả.

DỊCH THƠ :

*An Nam, muốn hỏi rõ ?
 — Phong tục vốn thuần lương.
 Lễ nhạc như Tiền Hán,
 Y quan giống Thịnh Đường.
 Dao vàng, cá nhỏ vảy,
 Bình ngọc, rượu lừng hương.
 Mỗi độ mùa xuân tới,
 Mạn, đào nở chật vườn.*

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

- 1* Trong VATT (bản ký hiệu A.1925, Thư viện KHXH), ở cuối bài thơ, có ghi chú thêm : 此詩明列朝集題為日本使臣作。破，朕二句稍異 Thử thi Minh Liệt triều tập đề vi Nhật Bản sứ thần tác. Phá, liên nhị cú sảo dị : sách «Liệt triều tập» đời Minh có đề bài thơ này là của sứ thần Nhật Bản làm ra. Câu phá và vế đối có hơi khác.

Theo chúng tôi, thì bài thơ này khó có thể là của sứ thần Nhật Bản vì nói phong tục nước ta khá chính xác.

CHÚ THÍCH :

- (1) Cá ngon nhỏ vảy : nguyên văn là tể lân. Xích bích phú của Tô Đông Pha đời Tống có câu : 巨口細鱗狀似松江之鱸 cự khẩu tế lân trạng tự Tùng Giang chi lô : Miệng lớn, vảy nhỏ, giống cá mè sông Tùng Giang.

168

賜中尉杜子澄

TỬ TRUNG ÚY
ĐỖ TỬ TRỪNG^{1*}

鳥 臺 久 矣 噤 無 聲,
頓 使 朝 庭 風 憲 輕,
借 問 子 澄 懦 中 尉,
書 生 何 事 負 平 生。

Ô Đài cửu hĩ cấm vô thanh,
Đốn sử triều đình phong hiến khinh.
Tà vấn Tử Trùng nhu Trung úy,
Thư sinh hà sự phụ bình sinh?

DỊCH NGHĨA :

BAN CHO TRUNG ÚY ĐỖ TỬ TRỪNG (1)

Đã lâu rồi, chốn Ô Đài (2) vẫn im hơi lặng tiếng,
Đề cho phong thái, hiệu lệnh triều đình bị coi thường.
Thử hỏi Tử Trùng, viên Trung úy nhu nhược kia,
Là kẻ sĩ, sao lại phụ chí bình sinh vậy?

DỊCH THƠ :

Đài gián từ lâu tiếng vắng tanh,
Triều đình phép tắc bỗng xem khinh.
Tử Trùng, Trung úy sao mềm yếu?
Kẻ sĩ không nên bỏ chí mình.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT : chép đầu đề bài thơ là 賜楊子澄 Từ Đỗ Tử Trùng; TVTL1, TVTL2 : không có đầu đề.

CHÚ THÍCH :

(1) Theo ĐVSKTT, mùa thu năm 1391, các tướng lĩnh nhà Trần họp ở Hóa Châu. Phan Mạnh nói : «Trời không thể có hai mặt trời, dân không thể có hai vua». Chu Bình Khuê nói : «Dương liễu nói nhiều, mọi người ngậm miệng» (Ý bảo Hồ Quý Ly lắm lời để bịt miệng mọi người). Bấy giờ có Đặng Tất và Hoàng Hối Khanh đều cùng nghe những lời nói bóng gió đó, mới ngầm viết thư mách cho Hồ Quý Ly biết. Quý Ly bèn giết Phan Mạnh lẫn Chu Bình Khuê, cho rằng hai người này âm mưu làm loạn. Đồng thời, Hồ Quý Ly cho Đặng Tất làm Hữu châu phán, Hoàng Hối Khanh làm Chính hình viện đại phu. Riêng quan Ngự sử đại phu Đỗ Tử Trùng trước sau vẫn giữ thái độ im lặng trước

các sự kiện đó. Vì vậy, Hồ Quý Ly gửi bài thơ này để trách mắng (Xem Bd. ĐVSKTT, *Bản kỷ quyền VIII, Kỷ nhà Trần, phần Phụ Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương*).

- (2) *Ô Đài*: dinh quan Ngự sử. Theo sách *Hán thư* 漢書, thì bên tòa Ngự sử có khóm cây bách, hàng nghìn con quạ đến đậu ở đó. Vì thế, «dinh quan Ngự sử» còn được gọi là «ô đài», tức nơi có quạ đậu. Ngự sử là viên quan chuyên can ngăn những sự việc sai trái của vua.

169

賜升華路宣撫使阮彥光

邊郡承宣壯志酬，
雄蕃節制有徽猷。
青松保爾歲寒節，
白髮寬予西顧憂。
訓飭兵農皆就緒，
解停鎮戍是何秋。
勤勞莫謂無知者，
四目原非蔽冕旒。

TỬ THĂNG HOA LỘ ^{1*} TUYÊN PHỦ
SỨ ^{2*} NGUYỄN NGẠN QUANG

Biên quận Thừa tuyên tráng chí thù ^{3*},
Hùng phiên tiết ^{4*} chế hữu huy dū.
Thanh tùng bảo nhĩ tuế hàn tiết,
Bạch phát khoan dư tây cố ưu.
Huấn sức binh nông giai tựu tợ,
Giải đình trấn thú thị hà thu?
Cần lao mạc vị vô tri giả,
Tứ mục nguyên phi tế miện lưu!

DỊCH NGHĨA:

BAN CHO NGUYỄN NGẠN QUANG, TUYÊN PHỦ SỨ LỘ THĂNG HOA (1)

Làm Thừa tuyên một quận sát biên giới, chí lớn được thực hiện,
Cai quản một phiên trấn mạnh, phải có cơ mưu mới làm nổi.
Hãy giữ tiết tháo của người như cây tùng xanh mùa rét,
Đề mái tóc bạc của ta đỡ lo lắng về miền tây.
Luyện tập quân lính, chấn chỉnh nghề nông là công việc hàng đầu,
Tới năm nào sẽ bỏ được chuyện trấn thú?
Chớ cho rằng mình cần cù vất vả mà không ai biết đến,
Giải mũ của nhà vua vốn không che được tầm mắt nhìn ra bốn phương.

DỊCH THƠ :

Biên quân trao quyền nhờ chỉ lớn,
 Trấn hùng tiết chế có mưu lo.
 Thông xanh, năm rét, người bền tiết,
 Tóc trắng, miền tây, trăm bớt lo.
 Dạy dỗ binh nông đều hợp lẽ,
 Giải trừ đồn thù đợi bao thu ?
 Cần lao chờ nghĩ không người biết.
 Bốn mắt trông xa vốn chẳng mờ !

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT : không có chữ 路 lộ.
 2* VATT : không có chữ 使 sứ.
 3* VATT : 資壯志 tư tráng chí ; TVTL3 資壯志酬 tư tráng chí thù.
 4* VATT : 專 chuyên.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thăng Hoa* : tên cũ là Chiêm Động, nay thuộc nam phần tỉnh Quảng Nam.

Về xuất xứ bài thơ này, ĐVSKTT chép : Năm Ất Dậu (1405), Hồ Quý Ly biếm Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa, lấy Phong quốc giám quả cán là Nguyễn Ngạn Quang làm Tuyên phủ sứ, kiêm Tân Ninh trấn Chế tri sứ. Quý Ly làm bài thơ này ban cho Nguyễn Ngạn Quang. Năm ấy, Quý Ly đúng 70 tuổi. (Xem Bd. ĐVSKTT, *Bản kỷ, quyền VIII, Kỷ nhà Trần, phần Phụ Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương*).

170

感懷

CẢM HOÀI 1*

更悠多端死復生,
 悠悠鄉里不勝情。
 南關迢遞不應頭白,
 北館淹留覺夢驚。
 相國才難慙李泌,
 遷都計拙哭盤庚。
 金甌見缺無由合,
 待價須知玉匪輕。

Canh cải đa đoan tử phục sinh,
 Du du hương lý bất thắng tình.
 Nam quan thiều đệ ững đầu bạch,
 Bắc quán yêm lưu giác mộng kinh.
 Trương quốc tài nan tàm Lý Bật,
 Thiên đô kê chuyết khốc Bàn Canh.
 Kim âu kiến khuyết vô do hợp,
 Đãi giá tu tri ngọc phi khinh.

DỊCH NGHĨA :

CẢM HOÀI (1)

Lắm sự đổi thay, tưởng chết mà lại sống,
 Quê hương mờ mịt gọi dậy biết bao tình.
 Ái Nam Quan xa xôi mái đầu bạc là phải,
 Nơi quán Bắc lâu ngày, tỉnh mộng thấy kinh sợ.
 Cứu nước, tài hèn, thẹn với Lý Bật (2),
 Dời đô, kế vụng; khóc chuyện Bàn Canh (3).
 Bình vàng bị mẻ, biết hàn gắn làm sao,
 Nên biết ngọc còn đợi giá, chứ không phải bị xem rẻ đâu (4).

KHẢO ĐỊNH :

1* Bài thơ này chỉ thấy chép ở sách *Thiên Nam ngữ lục*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo *Thiên Nam ngữ lục*, bài này do Hồ Quý Ly làm ra sau khi bị quân Minh bắt.
- (2) *Lý Bật* : một nhân vật đời Đường, từng làm Tể tướng, có tài trị nước, yên dân.
- (3) *Bàn Canh* : tên ông vua thứ mười hai của nhà Thương. Bàn Canh thấy kinh đô cũ không còn thích hợp với yêu cầu phát triển của đất nước, nên đã quyết định dời đến đất Bặc tức là đất Ân. Từ đó, Vương triều nhà Thương trở nên thịnh vượng. Ở đây, Hồ Quý Ly tự liên hệ với Bàn Canh, thẹn thấy việc bỏ Thăng Long vào xây dựng Tây Đô ở Thanh Hóa của mình là một sai lầm nghiêm trọng.
- (4) Bài thơ này, trong *Thiên Nam ngữ lục* có chép bản dịch, nói là của tác giả tự dịch, chúng tôi xin chép lại bản dịch đó để bạn đọc tham khảo :

Canh cải nhiều đường tử phục sinh,
 Lòng lo hương lý ở bao đành.
 Quê người dễ thấy đầu dần bạc,
 Quán khách khôn cầm tóc trắng xanh.
 Tướng quốc ắt chẳng tài Lý Bật,
 Thiên đô còn phải hận Bàn Canh.
 Kim âu đường khuyết khôn hàn được,
 Đợi giá cho nên biết ngọc lành.